

# THƯ QUÁN BẢN THẢO

SỐ 69 THÁNG 4- 2016

Chủ đề giới thiệu Bán Nguyệt san **MAI** (1960-1966)

Hoàng Minh Tuynh • Bùi Giáng • Phạm Công Thiện •  
Đình Cường • Bửu Ý • Song Linh • Nhương Sao • Ngô  
Kha • Hoài Lữ • Vũ Đình Lưu • Nguyễn Đức Sơn • Nguyễn  
Xuân Hoàng • Lữ Quỳnh ....



Và với sự góp mặt của

Thái Kim Lan • Trần Hoài Thư • Phạn văn Nhân • Nguyễn Vy Khanh  
• Đào Anh Dũng • Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh • Nguyễn Thanh  
Châu • Ngọc Bút \* Trần thị Nguyệt Mai • Trần Đình Sơn Cước •  
Hoàng Ngọc Hiến • Viêm Tịnh...

**Mời đọc tác phẩm mới của cộng tác viên TQBT :**

TIẾP NỐI DÒNG CẢM-THỨC VĂN  
HỌC SAU NĂM 1975 của TRẦN VĂN  
NAM

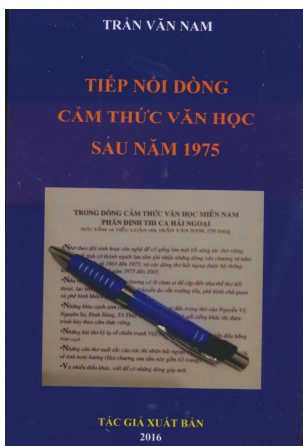
Tác giả xuất bản

...Những cảm-thức văn học về một số tác giả và tác phẩm, tất cả đều là những nhận định sau năm 1975; trong đó có một số chi-tiết nghiêng về tài-liệu văn-học-sử cho Văn Học Hải Ngoại (và cả cho Văn học Miền Nam trước 1975).'

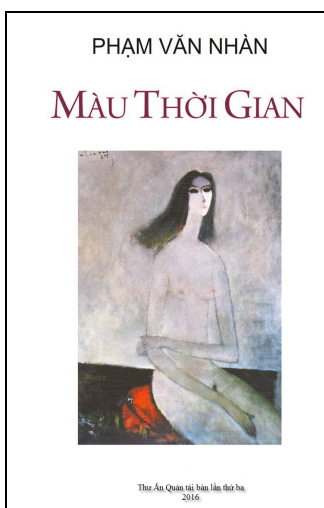
Sách đã có bán trên AMAZON.COM ; tại  
Nhà Sách Vùng Little Sài Gòn;

Sách dày 556 trang giá 22 Mỹ Kim.  
Có thể đọc sách này ở Website sau  
đây: [www.tranvannam.com](http://www.tranvannam.com).

Email: [tranvannam1939@gmail.com](mailto:tranvannam1939@gmail.com):



MÀU THỜI GIAN của PHẠM VĂN NHẢN  
(Thư Ấn Quán tái bản lần thứ 3 tháng 2, 2016)  
Sách dành tặng biếu - Không bán.



Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật

TẬP 69, THÁNG 4 NĂM 2016

Chủ đề: Giới thiệu bán nguyệt san MÀI

## MỤC LỤC

*Thư Tòa Soạn / 3*

### **Sống và viết**

- Thư Quán Bản Thảo : Nhà thơ Hoài Khanh đã ra đi (4)
- Trần Hoài Thư : viết về Hoài Khanh (6), Cuối cùng vẫn chương bắt đầu từ đây (12)
- Phạm văn Nhân : viết về Hoài Khanh (8), Những phản hồi từ độc giả (23)
- Trần Đình Sơn Cước : Bức ảnh tìm thấy (25)
- Trần thị Nguyệt Mai - thơ (30)

### **Chủ đề : tạp chí Mai**

- Trần Hoài Thư : Giới thiệu (32)
- Bửu Ý : Tôi làm báo Mai (40)
- Lữ Quỳnh : TQBT số chủ đề Mai, làm nhớ lại (43)
- Sổ tay Mai (45)
- Nguyễn Hiến Lê: Đọc cuốn Saigon Năm Xưa (55)
- Song Linh : Bên này thiên đường (truyện) (63)
- Nhưong Sao : High Life (truyện) (76)
- André Dhôtel : Thung lũng người đi (Bửu Ý dịch) (85)
- Vũ Đình Lưu : Con người một nghịch lý (89)
- Đinh Cường : Viết về họa sĩ Modigliani (98)
- Đinh Cường (thơ) (106)
- Hoài Lữ : thơ (111)
- Phạm Công Thiện : Ý thức bi tráng trong tư tưởng Nikos Kazantzakis (115)
- Thơ Bùi Giáng (139)
- Ngô Kha : Thơ (142)
- Nguyễn Xuân Hoàng : Những con dã tràng trên biển Nha Trang (kịch) (155)
- Nguyễn Đức Sơn : Cái chuông khi (truyện) (167)

## **Phân Thường Lệ**

- Nguyễn Thanh Châu (thơ) (192)
- Viêm Tĩnh (thơ) (193)
- Đào Anh Dũng : Triết lý « ông già Ba Tri » (194)
- Nguyễn Vy Khanh : Cái chết trong văn học miền Nam (tiểu luận) (197)
- Ngọc Bút (thơ) (210)
- Hoàng Ngọc Hiến : Sông Đuống (truyện) (213)
- Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh: Làng Yên (truyện) (221)
- Trần Hoài Thu : Nội chiến (truyện) (229)
- Thái Kim Lan : Chuyện ngắn chưa xong (truyện) (235)
- Lan Chi: Thôi thua (truyện dài) (247)
- Giữa thân hữu và tòa soạn (253)

\* Tranh bìa : bìa hình tạp chí Mai số 3 tháng 2-1965 (đình cường vẽ)

\* Trình bày bìa, layout nội dung : THT

\* Kỹ thuật in ấn : THT

## ***Liên lạc***

*Trần Hoài Thu*

*719 Coolidge st*

*Plainfield, NJ 07062 USA*

*Email: [tranhoaithu16@gmail.com](mailto:tranhoaithu16@gmail.com)*

# THƯ TÒA SOẠN

*Với chủ trương vực dậy di sản văn chương miền Nam chúng tôi lần lượt giới thiệu những tạp chí như Văn, Bách Khoa, Nghệ Thuật, Hiện Đại, Khởi Hành, Thời Tập, Sáng tạo, Vấn Đề, Trình Bày.... Không phải giới thiệu sơ lược, nhớ sao viết vậy kiểu hồi ức, mà ngược lại, chúng tôi đã bỏ rất nhiều công sức, từ việc thu thập sách báo, phim ảnh tài liệu, đọc, và đánh máy...*

*Đặc biệt kỳ này chúng tôi giới thiệu một tạp chí ít ai nhắc đến: đó là bán nguyệt san Mai. Mai có mặt đến 6 năm, và đã sản sinh ra những cây viết quen thuộc sau này. Được trông coi bởi một chủ nhiệm tên tuổi là Hoàng Minh Tuynh - một sáng lập viên của tạp chí Bách Khoa, Mai đã trở thành một tờ báo rất có uy tín lúc bấy giờ. Đây là một tạp chí mà thư viện tổng hợp tp HCM hiện nay xem là “quốc cấm”. Muốn đọc nó phải có người hộ tống. Không được phép sao chụp. Riêng phần chủ nhiệm, ông chết âm thầm tại Bảo Lộc vào năm 1977, mà dư luận bấy giờ cho là bị đầu độc.*

*Một lần nữa, chúng tôi xin gửi đến quý bạn lời chúc chân thành của chúng tôi. Chúc quý bạn và gia đình những tháng ngày trước mặt đầy tốt đẹp và như ý..*

*Trần Hoài Thư  
Chủ trương TQBT*

# SỐNG VÀ VIẾT

Thư Quán Bản Thảo

*Nhà thơ Hoài Khanh đã vĩnh viễn ra đi*

**Nhà thơ Hoài Khanh đã rời bỏ anh em vĩnh viễn ra đi vào ngày 23-3-2016 tại Biên Hòa, thọ 83 tuổi.**



Nhà thơ Hoài Khanh tên thật là Võ Văn Quế

Sinh ngày 20 tháng 03 năm 1934 tại Phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

( quê Cha: Quảng Nam, quê Mẹ Quảng Ngãi )

Trú quán tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trước 1975 làm báo và trông coi NXB Ca Dao tại Sài Gòn.

Sau 1975 lui về khu vườn cô liêu cuộc đất trồng khoai ở Biên Hòa như cái bút hiệu vốn tiền định. Các bạn hay gọi vui Hoài Khanh là Hành Khoai.

Cùng một tác giả. Đã in:

Dâng Rừng, thơ 1957

Thân Phận, thơ 1962

Lục Bát, thơ 1968

Gió Bắc, Trẻ Nhỏ Đóa Hồng Và Dế, thơ 1970

Trí Nhớ Hoang Vu Và Khói, tập truyện 1970

Hương Sắc Mong Manh, thơ. Thư Ấn Quán, Hoa kỳ 2006

Sẽ in:

Phương Trời Lưu Viễn, thơ

Lang Thang vào Thế Giới Nghệ Thuật ( tập 1 )

Lang Thang Vào Thế Giới Âm Nhạc Cổ Điển ( tập 1 )

Nhiều tác phẩm dịch...

Salvatore Quasimodo toàn tập, thi họa Ý, giải Nobel Văn  
Chương Fuan Ramon Fimenez toàn tập. Thi họa Tây Ban Nha,  
Giải Nobel Văn Chương.

Quê Hương Giữa Đỉnh Cao Và Hố Thẳm ( thơ )

## **Thời Của Mỗi Tình Si**

*thơ Hoài Khanh*

Có một thời đi lên rồi đi xuống  
Phố muôn năm sao mới lạ khôn lường  
Có một thời nhà ai nơi góc phố  
Tưởng rợp trời hoa nở chín mười phương!

Ôi áo ai lay bay chiều lộng gió  
Ôi bước ai dắt thỏ lạc xa rừng  
Và thỏ lụy bởi vì niềm ngây dại  
Đờ dẫn dóm gót ngọc bước bàn chân!

Có một thời đi qua còn đi lại  
Cổng ai kia vẫn kín tựa kho tàng  
Ôi cánh cổng hoa vàng sao chẳng mở  
Để hạ thần phủ phục trước dung nhan !

Ôi hương ai thoảng bay vào ngọn gió  
Gió bay đi không để lại hương thừa  
Vì gió hồi có bao giờ ngược gió  
Nên thần thờ có kẻ bước lơ ngơ!

Có một thời đi xuôi bèn lộn ngược  
Mong gặp ai trống điểm lúc tan trường  
Nhưng chỉ gặp cả một phường con gái  
Thôi lạc rồi dấu vết *một* mùi hương!

Có một thời thư xanh từng nắn nét  
Quyết trao ai để tỏ nỗi âm thầm  
Nhưng khi gặp ánh mắt nhìn hừng hốt  
Bỗng rụng rời quên tuốt chuyện ngàn năm!

Ôi có lẽ thỏ chỉ là kiếp thỏ  
Trót ngu ngơ từ độ lạc xa rừng  
Nên nhan sắc cũng chỉ là nhan sắc  
Có bao giờ hiểu được mối tình dung...?

7-5-96

(trong *Hương Sắc Mong Manh*, Thư Ấn Quán xb 2006)

**Để tưởng nhớ đến Anh, xin được đăng lại bài viết của  
Trần Hoài Thư và Phạm văn Nhân cách đây 10 năm khi  
chúng tôi cùng nhau thực hiện TQBT số 24 tháng 7-2006  
chủ đề về nhà thơ Hoài Khanh.**

---

## *Viết về Hoài Khanh*

Trần Hoài Thư

*“rời em lại ra đi như đã đến  
dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù  
ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng  
nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu”*  
(trích từ tập thơ Thân Phận)

hay:

*“Bến sông này, bến sông này  
Trắng xưa lạnh xuống hàng cây gục đầu  
Người xưa chừ biết về đâu  
Này trắng gió cũ này câu già từ...”*  
(trích từ tập thơ Thân Phận)

Những câu thơ mà có lẽ những người yêu thơ thời trước 1975 không ai lại không yêu mến.. Chúng mang cái âm hưởng rất đặc biệt : đọc là biết ngay của Hoài Khanh.  
Sự đóng góp về văn học, văn hóa của Hoài Khanh vào

giòng văn học miền Nam không phải là không nhỏ. Từ thi ca đến dịch thuật, đến nhà xuất bản Ca Dao do ông chủ trương với những tác phẩm dịch rất giá trị từng được coi là gối đầu giường của giới trẻ thời bấy giờ của Hermann Hesse hay Krisnamurti v.v...

**Nhưng có điều thật lạ, là không được một tạp chí văn học thời bấy giờ dành cho ông một vòng hoa trang trọng**

Chính vì không hiểu nổi nên tôi mới gửi 6 câu phỏng vấn về HK ở trong nước. Đầu tiên ông hứa là trả lời. Nhưng rồi sau đó, ông lại gửi thư xin lỗi. (PVN có cho đi lại lá thư này) .

Hiện tại ông vẫn sống ẩn dật cùng công đất vườn rau như ông đã sống từ sau năm 1975. Riêng tình trạng sức khỏe thì đã sa sút, không còn minh mẫn như trước nữa.

Ông vẫn làm thơ. Và tập thơ mới nhất là **Hương Sắc mong manh** mà Thư Quán Bản Thảo đã đăng rải rác và xuất bản.

● Thư Quán Bản Thảo tập 24, chủ đề viết về Hoài Khanh như là tấm lòng của chúng tôi, những người viết trẻ của thời trước 1975. Ngày trước, vì hoàn cảnh đất nước, vì chiến tranh lính tráng, dù gần ông, nhưng không làm được. Bấy giờ làm được, thì lại xa ông vạn dặm.

Chỉ mong tập này được đến tay ông để chứng tỏ tấm lòng của chúng tôi về một người đã cống hiến cả cuộc đời cho văn chương chữ nghĩa, cho thi ca Việt Nam.

● Để chủ đề về Hoài Khanh được phong phú, đặc biệt để quý bạn có cái nhìn rõ hơn về tập thơ **Thân Phận**, chúng tôi đã cố gắng lái xe lên đại học Cornell để sưu tập và sao lại tập thơ này cùng với tập thơ nhan đề **Lục Bát** của ông. Đồng thời chúng tôi cũng đã ẩn hành tập thơ mới nhất của Hoài Khanh là tập **Hương Sắc Mong Manh**. Thi tập này vốn được thầy Thanh Tuệ của An Tiêm dự trữ in, nhưng thầy đã qua đời. Và tập thơ **Gió Bắc Trẻ Nhỏ Đóa Hồng Và Đế**. Tập thơ này được nhà thơ Khê Kinh Kha giữ gìn hơn ba mươi năm và tặng lại chúng tôi.

(trích TQBT số 24 tháng 7-2006)



Hình trên là 4 thi phẩm và tạp chí TQBT số 24 tháng 7-2006 được phát hành cùng một lúc trong nỗ lực vực dậy di sản văn chương miền Nam và giới thiệu nhà thơ Hoài Khanh đến với bạn đọc TQBT..

## Viết về Hoài Khanh Phạm Văn Nhàn

Chúng tôi dự định làm số chủ đề về nhà thơ Hoài Khanh đã lâu, trước khi làm số chủ đề nhà thơ Vũ Hữu Định ( TQBT 23). Nhưng còn phải chờ nhận thêm tư liệu từ anh Hoài

Khanh gửi ra. Và, cả tôi cũng như anh HK cũng có ý chờ anh HP về thăm nhà mang ra cho tiện. Nhưng vì bận việc làm, anh HP không về được... Cho đến ngày 31-03-2006 tôi nhận được bao thư đóng dấu bưu điện TP/HCM và thấy tên anh HK ngoài phong bì. Mừng quá, tối hôm đó tôi gọi điện cho anh THT và email về cho anh HK hay là đã nhận được những tư liệu do anh gửi. Gồm: hai tờ báo cũ trước năm 1975 viết về anh; mà đã lâu anh vẫn còn cất giữ.

Cũng như lần làm số chủ đề về nhà thơ Vũ Hữu Định, tôi với anh THT chia nhau đánh máy những bài thơ của anh ấy. Thì hôm nay, những tư liệu viết về nhà thơ Hoài Khanh chúng tôi cũng chia nhau để đánh máy. Mất mũi có kém, nhưng cũng phải ráng ngồi mà gõ trên bàn phím. Tôi gửi qua cho THT đánh máy bài viết của anh Đặng Tiến đi trên tờ báo MAI (10-12-1962) còn tôi lo đánh máy bài viết của Phong Nhã (bút hiệu của anh Trần Phong Giao). Bài viết này đi trên nguyệt san TIN SÁCH, chủ nhật 24-6-1962. Cùng với một vài bài viết ngắn khác. Đồng thời, anh NG~ trong nước cũng hỗ trợ thêm cho chúng tôi những truyện ngắn, thơ của Hoài Khanh mà anh đã cất giữ từ những trang báo cũ.

Báo chưa ra, nhưng có cái vui là anh em bạn bè email tới chúng tôi để hỏi: khi nào thì phát hành chủ đề Hoài Khanh. Đây là một niềm vui “ngất trời” đối với chúng tôi là khi làm số chủ đề về HK đã được sự hỏi thăm của anh em, bạn bè cầm bút, và cho việc làm của chúng tôi là chính đáng; dù TQBT chỉ là một tạp chí văn học “nghiệp dư” trong làng báo chí ở hải ngoại này, mà được nhiều anh chị em đón nhận. Còn niềm vui và khích lệ nào hơn.

Kèm theo phong thư anh HK gửi, còn có một lá thư dài 4 trang trên giấy pelure vàng đầy chữ nghĩa. Quê tôi cũng là quê của anh, cùng trên một dòng Cà Ty chia đôi thành phố PT. Một dòng sông êm đềm, lắng dịu, chẳng bao giờ nổi sóng to gió lớn, một dòng sông ít ai biết đến.... Có lẽ cuộc đời “thơ văn” của anh trầm lặng và không “ồn ào” giống như dòng sông tuổi thơ của anh?

Với Hoài Khanh, ai cũng biết, năm 1957 tập thơ “ Dâng Rừng” được xuất bản ở miền Nam, khi anh mới 23 tuổi. Cho dù tập thơ đầu tay chắc không gây tiếng vang bằng tập thơ “ Thân Phận” xuất bản năm 1962. Tập “ Lục Bát” xuất bản năm 1968. Và sau đó còn nhiều tập khác nữa được đã ra đời.

Vào năm 1957, chỉ ba năm, sau khi hiệp định 1954 chia đôi đất nước, phải nói văn học miền Nam trong thập niên 50 cũng chưa có gì là “nở rộ” cho lắm; mặc dù miền Nam có thêm những nhà văn, nhà thơ từ miền Bắc di cư vào. Theo tôi có lẽ vì “biến cuộc” và “cuộc sống” trong buổi giao thời của một Việt Nam chẳng? Nhưng dù gì năm 1957, tập “Dâng Rừng” của một thanh niên miền Nam 23 tuổi được ra đời cũng là một “đấu ấn” trong nền văn học thời bấy giờ.

Với một tác phẩm thơ đầu tay ( 1957) xuất hiện, anh vẫn có một cuộc sống lặng lẽ như dòng sông Cà Ty của tuổi thơ anh. Nhưng với bản tính ít nói, dè dặt, không ồn ào, cho nên anh không đứng vào một phe nhóm nào trên văn đàn miền Nam lúc ấy (?)( không lăng xê- tán tụng nhau, từ đó không một giải thưởng văn học nào được trao cho Hoài Khanh). Tuy nhiên, không vì thế mà Hoài Khanh không đi vào lòng độc giả. Ngược lại là khác. Chẳng những thơ, truyện, và cả những bài dịch của anh nữa. Nhất là thơ. Độc giả biết về Hoài Khanh qua những bài thơ lục bát rất Hoài Khanh đi trên các báo xuất bản ở Sài gòn, mà thuở năm 1962 đa phần chúng tôi còn ngồi ghế nhà trường, nhìn nhà thơ Hoài Khanh như “ thần tượng” về lục bát thời bấy giờ và mãi bây giờ.

Nhưng với nhà thơ Hoài Khanh, nhiều người nghĩ anh chịu ảnh hưởng về thuyết “hiện sinh” của Sartre, trong bài viết của anh Trần Phong Giao. ( đi trong số này) cũng nghĩ như thế. Nhưng trong lá thư anh gửi cho chúng tôi, đề ngày 20-3-2006, anh cho đó là không đúng, và sau đó anh có gặp anh TPG để trình bày, khi ấy anh TPG mới thấy là “ ngộ nhận”. Thật tình theo anh HK nói là anh chỉ thích nhà danh họa

Van Gogh. Thích Van Gogh từ lúc anh tản cư sau năm 1954 khi chân ướt chân ráo bước chân vào Sài Gòn. Chúng tôi đi lại những dòng trên lá thư anh gởi cho tôi, như một lần đính chánh

(scan trang thư của HK)

Còn việc anh Trần Phong Giao (bí hiệu Phương Nga) nói là chia  
củ lương thực hiện như một lần lễ lạc lại khi nó sắp cần cho tôi và  
những vật tư và kích nạo đồ của Sante là điều hoàn toàn không  
có. Thế đó tôi có biết gì đâu về Sante và những chuyện khác của  
anh đâu. Còn Văn Gogh thì tôi đã thất vọng ngay cái ngày đầu tiên gặp anh  
1954 trước chuyến ra Saigon, gặp thành phố và thời thế mới thay đổi.

→ 3

Hà Nội mùa hè rất nóng, khô, đêm treo quạt trung tâm  
gọi là quạt ma. Phấn Cốt Thạch có nhấc tới tỷ lệ. Tỉa đến lớp 1/100  
Phấn. Với việc này, sau đó học có gặp anh, T.P.G. và trung tâm và  
anh và anh cả học về việc này, anh và anh trung tâm, y học, và

Đồng thời trong số chủ đề về anh hôm nay, chúng tôi đi lại nguyên bản câu hỏi của cô sinh viên Văn Khoa Phạm Kim Thịnh và lá thư của cô sinh viên ấy gửi cho anh vào năm 1970. Theo như anh HK nói với tôi là: anh rất ân hận vì anh đã từ chối cuộc phỏng vấn của cô sinh viên ấy. Và sau biến cố 1975, gia đình cô dùng ghe vượt biển và đã bị bọn hải tặc cướp của giết chết hết. Chúng tôi ghi lại những lời trong lá thư anh gửi “*khiến tôi ân hận*” qua!

Ở hải ngoại, tôi biết anh HP rất thân với anh HK. Năm 2000, anh HP có về thăm nhà, khi qua lại San Jose, anh gọi điện cho tôi nói là có gọi điện thoại cho anh HK từ BH ra Phan Thiết chơi. Những tấm hình mà TQBT đi trong số chủ đề về anh là do album của HP gởi khi chụp anh HK tại nhà của anh TTM, trong khuôn viên đất nhà tôi. Nhìn hình, thấy anh già quá rồi. Tôi có hỏi anh HP, và nghe anh HP nói là

anh HK ốm, già và cực khổ, đang đánh lỗ trồng thêm cây bưởi trong vườn... . Những tấm hình đã gọi lại trong tôi của một thời đã từng ngưỡng mộ các anh ( HP, HK, TTM...). Bây giờ, tóc người nào cũng bạc. Nhưng lòng thì chẳng bạc bao giờ, phải không các anh HK, HP và TTM...?  
*trích TQBT số 24 tháng 7-2006)*

■■■■■

## Trần Hoài Thư

### ***Văn chương cuối cùng bắt đầu từ đây***

*Từ đây là cái cỗi mớ với những quan tài chưa đầy nắp này. Từ đây là những chiếc xe lăn, những ông cụ bà cụ khó nhọc dùng tay hay dùng chân để tự giúp hai bánh lăn vòng. Từ đây là phận đời cuối cùng, dường như để chứng minh tại sao sự ra đời lại oa oa tiếng khóc. Từ đây, ôi cuộc đời quá sức yêu dấu, và hạnh phúc thay cho những người vẫn còn khỏe mạnh, chân còn bước, tay còn nắm, trí óc vẫn còn minh mẫn...*

***Bây giờ thời gian không còn nhìn trước mặt mà nhìn lại đằng sau. Bởi trước mặt tôi đã thấy trước rồi. Một người như Y. cẩn thận hơn ai, cử kiềng hơn ai, tập tành hơn ai, ngày nào cũng đi bộ, ngay cả bây giờ tóc vẫn còn đen nhánh, vậy mà tự nhiên ngã lăn ra một lần, hai lần, ba lần, để cuối cùng phải 24/24 liệt giường liệt chiếu. Ngay cả hai bà lão cùng phòng với Y., ngủ li bì, ngủ quên ăn, rồi một hôm tự nhiên ngủ luôn không bao giờ dậy nữa. Và những***

ông lão bà lão mà tôi gặp, từ từ biến mất. Cứ mỗi lần có người ra đi là y tá, trợ tá đến tắt cả phòng và khép cửa lại. Họ không muốn cho những người trong phòng thấy vì họ sợ ảnh hưởng tâm lý. Nhưng họ không thể che mắt tôi. Bởi tôi là kẻ ngoài cánh cửa.

Tôi đã bắt đầu trở thành một tay nội trợ chánh hiệu.. Nội trợ cho một người xem như mất đi phần nào vị giác, không còn ham thích ăn uống nữa. Bây giờ 4 chữ Cao lương mỹ vị xem như vô nghĩa. Tôi phải nấu món nào cho hợp với khẩu vị của người bệnh. Có khi hôm nay người bệnh thích nhưng ngày mai người bệnh không màng đụng tới. Có khi tôi cảm thấy ngon nhưng người bệnh chê. Nhiều khi quá nóng, tôi không cầm cơn giận, bỏ mặc Y. đi ra ngoài phòng khách. Nhưng sau đó, nghĩ đến cảnh một người bị thua thiệt quá nhiều, tôi lại trở vào phòng. Nghĩ nên thương người bệnh hơn. Tại bệnh chứ đâu phải tại Y. muốn.

Có lẽ việc nấu nướng này là một vấn nạn lớn nhất của tôi lúc này. Tiền bạc đổ ra hơi nhiều để mua gia vị hay thực phẩm. Nhưng phải nấu món gì, nấu cách làm sao, nêm thế nào trong khi nấu có đồ gia vị hay thức ăn, thì phải lái xe khoảng 3 tiếng đồng hồ qua tiểu bang cạnh...

Trời ơi, sao mà vấn nạn cứ lôi tôi ra mà buộc mà tròng nhiều quá hử Trời. Nếu do nghiệp thì nghiệp ai đây. Của tôi hay của Y?... Tôi muốn khùng khi thấy nồi thịt kho tôi làm theo lời chỉ dẫn từ Xuân Hồng, để nguyên từ ngày này qua ngày khác. Tôi đau xót khi phải đổ những thức ăn lâu ngày... Tôi không thể nào vét hết, nuốt hết, dù tôi đã từng hiểu cái đói là thế nào trong trại tù... Tôi đã từng nhào đến một thau cơm chó nhào nhẹt để mà ngấu nghiến trong trại khổ sai rồi mà. Tôi không thể trách Y. Y. đâu có gì lỗi. Tại cái bệnh chó má này. Nó cứ âm ỉ sinh ra những biến chứng khiến bệnh nhân dần dần bị tước đoạt hết: từ sự di động của tay chân đến vị giác rồi tri giác...

Nhưng mà tôi không đành để Y. đói được. Tôi năn nỉ con tôi khi nó về thăm mẹ nó. Con rán giúp ba, bắt mẹ ăn... Ba chịu thua rồi.

*Địa phương tôi ngụ không có tiệm VN. Hôm qua chạy tìm bánh hỏi khô các các tiệm Tàu nhưng chịu thua. Y. cứ nhắc đến bánh hỏi thịt nướng mà chị bạn có nhà ý làm cho Y.. Chưa bao giờ tôi thấy sự cần thiết của cộng đồng như lúc này. Nếu mà tôi ở bên CA hay Houston thì đỡ cho tôi biết bao nhiêu !*

*Nhưng cũng nhờ vậy mà tôi bắt đầu chú tâm vào nghệ thuật nấu nướng. Có điều bà giám khảo của tôi là một bà thầy khó tánh nhất trần gian. Bà dùng cái lưỡi đắng miệng khô để chấm điểm, và tôi chỉ còn cách là nói láo: Món thịt nướng này do một người đầu bếp có tiếng nhất ở Cali làm. Tôi nhờ người đọc giả TQBT gởi mua đây...*

*Bây giờ tôi mới hiểu tâm trạng của những bà mẹ, người vợ khi nấu ăn cho toàn gia đình. Họ vui khi thấy món ăn mà họ tự tay làm, mang lại ngon miệng cho người thân của họ. Tôi cũng vậy. Nhất là phải nấu ăn cho người bệnh nan y. Tưởng tượng đến trong miệng kia là bao nhiêu viên thuốc đã ngấm đã tan vào mỗi ngày. Tưởng tượng đến cái lưỡi đã mất đi phần nào cái vị giác. Tưởng tượng lưỡi đắng miệng khô, nước miếng ít. Mỗi lần nhai, thì rất chậm, rất mệt, không còn hăm hở như xưa. Mỗi lần cái khay đồ ăn để trước mặt là Y. chỉ nhìn vào không còn bị món ăn kia quyến rũ nữa, để tôi phải dục hay chỉ còn cách là dùng áp lực, bắt há miệng và đút cả muỗng cơm hay đồ ăn vào. Bởi vậy, khi thấy Y. chịu ăn, hay nói thích một thức ăn nào đó thì tôi rất vui. Có điều cái món ăn kia thì mãi ở tận CA, Texas hay Phila !*

*Nhìn Y. ăn tôi thấy chẳng an tâm chút nào. Mỗi lần gấp đồ ăn là mỗi lần đồ ăn vương vãi đầy trên chiếc yếm, uống nước cũng vậy. Thằng con tôi nói nên để mẹ tự gấp đồ ăn để tay mẹ quen. Cái miếng thịt trên đĩa, mà đôi đũa cứ trật lên trật xuống, như đũa bé mới tập cầm, lâu lắm mới gấp được, thấy đến tội. Gắp đã khó mà bỏ thức ăn vào miệng càng khó hơn. Tôi phải thay yếm hay nhặt đồ ăn vương vãi nhiều lần. Thấy Y. gắp tôi nóng ruột, muốn dành phần đút nhưng Y. không chịu. Hàm răng nghiến, đầu lắc lia lịa. Có lẽ đây là*

*một phản ứng tự nhiên như thể chứng tỏ Y. vẫn còn đủ khả năng để tự lo lấy mình. Cuối cùng tôi phải chịu thua. Tôi đã chịu thua rồi. Tôi ngồi yên, thỉnh thoảng liếc nhìn Y. ăn. Chậm, rất chậm. Tuồng như không ham thích gì ở mấy hạt cơm, lát thịt, miếng cá, cọng rau ấy nữa....*

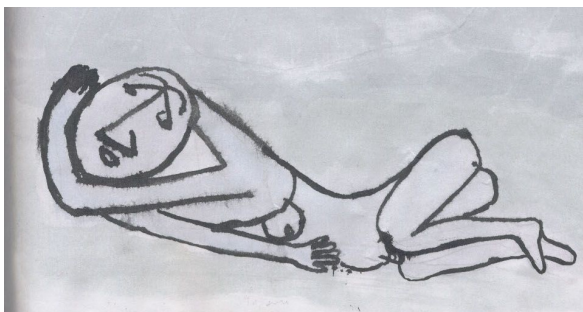
*Đôi khi thằng con tôi ở xa về thăm mẹ. Có nó, Y. rất vui. Nó có khả năng bắt mẹ nó ăn đồ Mỹ. Sự thật nó ra lệnh chứ không phải dỗ dành như tôi.*

*Thằng con hỏi mẹ đủ thứ, bắt mẹ phải trả lời. Hy vọng đây là thuốc chữa cho người có triệu chứng lẫn bắt đầu xâm chiếm.*

oOo

*Lần nào khi từ già Y. ra về, chân bước không muốn nổi. Nổi ê chề như hai hòn đá cột vào hai bàn chân. Rất ít khi trở về với niềm vui với đôi chân hăm hở. Cái ghen chận lại ở cổ, một khối nặng chình chịch như đè trên vai khi phải nghe những lời nói hay những lời dằn dò thật tội tình: ngày mai ông nhớ tới sớm chở tôi đi chợ Tết hay nhớ mang áo dài để tôi đi đám cưới... hay ông Mỹ mập trước nhà mình có biết chơi bài tứ sắc không ...Có khi chịu không nổi nổi đau xót, tôi đã cúi đầu xuống để dấu dòng nước mắt chực tuôn trào.*

*Mỗi lần ra về tôi đều bước qua những căn phòng rất quen thuộc ở hai bên hành lang: Trong căn phòng này một bà già đang hét. Trong căn phòng dành cho những người cần sự giúp đỡ của nurse aid trong lúc ăn uống, thì một ông lão nhắm mắt, nằm trên xe lăn, hai ông lão đang gục đầu xuống bàn... Qua phòng nọ, một bà Mỹ trắng đang nhìn lên trần nói huyền thuyên bất tận... Trước mặt là một lão Mỹ trắng bị cụt một chân, được phủ bởi tấm drap trắng, bên cạnh là vợ của ông ta - ở ngoài vào chăm sóc. Ở phòng đầu dãy là một đôi vợ chồng già cùng ở trong nursing home. Cảnh bà vợ phải nhìn chồng bà năm ngoẻo cổ thều thào mà bất lực. Bà ta cứ đứng nhìn như vậy mấy tháng rồi*



Người nằm -tranh Trần Quý Thoại

Mặc dù, ở đây ánh sáng bên ngoài vẫn lọt vào, nắng mùa xuân vẫn vàng tươi, những bông hoa dại vẫn thấy ngoài kia khung cửa kính, và ở trong này, ngày ngày quang cảnh vẫn tấp nập như một phiên chợ, nhưng nó là cái chợ chỉ dành cho những linh hồn đang ở bên bờ vực tử sinh. Những người y tá bận rộn phát thuốc cho từng bệnh nhân. Những nurse aid lo đẩy xe mang khay thức ăn hay ngồi bên cạnh những cụ ông cụ bà để giúp họ ăn uống. Những chiếc xe lăn trên hành lang. Chỗ này một bà lão tự nhiên đứng dậy rời khỏi xe lăn khiến những y tá hoảng hồn chạy đến bắt ngồi lại... Hay một bà lão ngày nào cũng đi từ hành lang này đến hành lang khác, miệng lầm bầm, nách kèm những chiếc khăn, những tấm drap... Thêm một bà Mỹ trắng bị bệnh lẫn, được người con dẫn đi như một con cừu rất mực ngoan ngoãn hay ngồi yên bên cạnh chiếc đàn dương cầm, nghe con đàn từ bản này sang bản khác trong nhà ăn. Một bà lão khác mà tôi gặp khoảng bốn năm về trước, lúc ấy đi đứng còn vững chãi, nay thì đã nằm bất lực như Y. trên chiếc xe lăn đặc biệt, há hốc miệng nhìn tôi.

Chỉ có một lão Mỹ đen, suốt ngày thấy lão ngồi trên xe lăn đầu gục xuống, mắt nhắm. Chỉ vào giờ ăn là lão tự lăn xe ra phòng ăn. Và cứ mỗi lần thấy tôi là mắt lão sáng, cười tươi như hân hoan thấy lại một người thân dấu. Bởi vì lão biết tôi là cựu quân nhân, có thời hành quân chung với Sư đoàn 1 Kỵ binh Không vận hoa kỳ ở An Khê - sư đoàn của lão.

*Lão chào tay tôi. Tôi đứng nghiêm chào tay lão, Chúng tôi cùng chào nhau.*

*Chưa bao giờ tôi thấy nụ cười của lão đẹp như lần ấy. Hàm răng trắng, đôi mắt sáng rực, và vẻ hớn hờ lẫn tự hào tự nhiên bùng nổ như thể một phép lạ, ít khi thấy từ một ông lão cô độc nhất, trầm ngâm nhất luôn luôn chọn một chỗ khuất ẩn nhất trong phòng ăn để ngồi.*

*Vâng chính tôi, chứ không phải bác sĩ, hay bất cứ một ai, đã đánh thức lão Mỹ đen này dậy. Khi tôi nghiêm chỉnh đứng ở vị trí nghiêm, chào tay lão, lão cũng chào lại, chào rất mạnh, như một đồng tướng.*

*Không ai có thể biết được sức mạnh theo máu nóng luân lưu trong người tôi, người lão. Họ chỉ thấy cái võ lột của tôi là một lão già mà thiên hạ khi thấy hình trên Facebook nói là THT sao mà quá thâm. Không ai nhận ra trong trái tim héo úa của lão Mỹ đen có một bếp lửa từ lâu nguội lạnh nay được châm mới. Không ai biết chúng tôi đã có một thời hành quân chung, có nghĩa là cùng gian khổ chung. Tôi hãnh diện kể là tôi đã nhận được huy chương bạc "Silver Star" do sư đoàn lão tướng thưởng khi chúng tôi cứu được những người lính Mỹ trong một trận phục kích đoàn convoi ở trên đèo An Khê...*

*(Tôi đã viết vài truyện lấy chất liệu về cuộc phục kích này. Tiêu biểu là "Người hạ sĩ nhất" (đăng trên Khởi hành), "một loài chim thiên di" và " Những cánh chim tuyết vời" (đăng trên Văn). Riêng về cái huy chương Mỹ Silver Star tôi chỉ biết mình được thưởng sau khi tôi ở Mỹ do lời tiết lộ của một thẩm quyền ).*

*Phải. Chính cái chào tay, cái đầu ngẩng lên, đôi chân đứng nghiêm, ngực ưỡn, tất cả trở thành một sức mạnh vô hình làm hồi sinh lại hai trái tim ngổ chùng úa héo của chúng tôi.*

\*\*\*

*Căn phòng Y. chỉ trong vòng 6 tháng có hai bà lão chung*

phòng qua đời. Bệnh họ thật lạ. Họ ngủ li bì, không ăn không uống. Thân nhân kêu cũng không dậy. Trợ tá kêu dậy ăn, một bà thì nói: Tao ăn rồi. Trợ tá (nurse aid) hỏi: Bà ăn khi nào? Tao ăn hôm qua... Còn bà kia thì cứ nhắm mắt, thỉnh thoảng nói chuyện với người chết. Cuối cùng cả hai lần lượt ra đi. Không đau đớn, không cần trời trăn, cũng chẳng có thân nhân bên cạnh khóc lóc.. Họ nhắm mắt ra đi thật bình an thanh thản.

\*\*\*

Người ta trách tại sao lại để người thân vào nursing home.. Tôi nghĩ là lời trách đúng. Vào đây là một cách gián tiếp giam người thân trong bốn bức tường của nhà mồ, khiến họ chết sớm vì buồn, vì bị hắt hủi, bị bỏ rơi.

Vậy mà tại sao tôi lại để Y. vào đây.



tranh TQT

Bởi vì hai tay tôi không thể ôm vững để mà giữ Y khỏi té, hai chân tôi cũng không thể đứng vững khi Y. cần tôi đỡ xuống hoặc lên giường. Tôi rất cần Y. mà nghiệp nợ không cho tôi được dịp chu toàn trách nhiệm. Phải chi tôi có con có cháu kề cận. Phải chi tôi ở CA hay Houston, hay những nơi có cộng đồng Việt nhiều. Phải chi Y. đừng bị thêm lần stroke thứ ba. Phải chi đừng cho tôi suy nghĩ đến một ngày tôi bị mệnh hệ gì - nào ai biết, để không còn ai lo giấy tờ thủ tục, mở cửa khi gọi emergency, chăm sóc Y. đêm hôm, lau mình lau mặt cho Y. cho Y. uống thuốc mỗi ngày, mở

*TV Y. xem, mở nhạc Y. nghe. giúp Y. đánh răng súc miệng... Chính cái ám ảnh về nỗi bất an ấy mà tôi quyết định... Tuổi tôi đâu còn trẻ nữa để mà nhìn tương lai mà hoạch định cuộc sống cho mình... Hết Phùng Nguyễn, đến Đinh Cường... còn ai nữa.. Bao giờ đến phiên tôi ?..*

*Trời ơi, tôi muốn giữ gìn Y. mà nghiệp nợ không cho. Không ! Không phải nghiệp nợ đâu. Chính là tuổi cuối đời: cái tuổi mà xã hội gạt ra bên lề !*

*Cái tuổi chứng minh tại sao có tiếng tiếng khóc khi chào đời !.*

*Cái tuổi mà đầu luôn luôn cúi gục xuống như hầu hết những người có mặt trong nhà dưỡng lão này !*

*Khi nắm lấy bàn tay phé liệt của người bạn đời tôi nói thầm: Đời buồn lắm. Ngủ cho ngon hờ những ngón tay búp măng. Mấy năm rồi 5 ngón tay không hề động đậy, không có việc làm nên nhàn nhả mập mập tròn lẳng, trông đẹp làm sao !*

*Bây giờ tôi như thằng sống mà lê cái thân bằng đôi bàn chân bị chứng Gout kinh niên hành hạ và mang cái đầu như trái bom muốn nổ. Có lúc Gout làm sưng cả bàn chân. Có lúc mấy ngón chân sưng vù. Hết bàn trái rồi đến phải. Tôi không thể mang giày. Chỉ mang tất và dép. Tôi vừa lết vừa chửi thề: Đ. M sao đời ta lại thảm quá chừng như thế này. Có khi tức quá, về nhà tôi ném quăng cả cái bị đựng đồ ăn. Thịt cá vương vãi trên nền. Rau cải văng ra tứ tung.*

\*\*\*

*May mà tôi còn có một chỗ để nương tựa và bầu vùi. Đó là một chỗ ngồi dưới căn hầm basement này. Nó dành riêng cho tôi làm văn chương, làm TQBT. Thế nào tôi cũng phải bước xuống, dù phải vịn phải bước lần hồi:*

Hầm quen, từ buổi chào đời  
Quen như hơi thở làm người Việt Nam  
Quen như ngày tháng chiến chinh  
Lấy bao cát để giữ gìn thanh xuân

Bây giờ trong cõi lưu vong  
Hầm bao cát nay thành hầm basement  
Để mỗi ngày xuống bậc thang  
Mở lại đèn, thắp lại hầm sáng trưng  
Và trong im lặng vô cùng  
Xin cảm ơn những căn hầm của ta

*Nơi này tôi trở thành một con người khác. Không còn lê đôi chân. Không còn bị những vết cứa mỗi ngày phải nhận từ một cõi mồ đường lã. Không còn suy nghĩ về nghĩa của kiếp người trong nỗi bị quan yếm thế. Không còn lo không còn sợ không còn buồn không còn giận. Tôi chỉ biết tựa nương vào chữ nghĩa, và việc làm. Tôi bị đắm chìm và cuốn hút trong một cõi khác không phải là hiện hữu. Tôi không còn là kẻ để bạn bè tôi tội nghiệp dùm vì cái hình "quá thảm" khi Trần Trung Đạo chụp và bỏ lên Facebook.*

***Chưa thăm đâu, các bạn ạ. Còn nhiều cái thăm sàu gấp trăm lần. Như cảnh một cựu sĩ quan thám kích QLVNCH, một nhà văn phải gánh đôi thùng phân người để tưới luống khoai luống sắn mỗi ngày trong trại khổ sai..***

*Vâng, chính nhờ một chỗ dưới căn hầm basement này, tôi mới ngộ là tôi có con đường trước mặt để đi, để bước và để tới.*

*Bạn thấy đó, số báo này là bằng chứng.*



tranh TQT

\*\*\*

Tôi đã kể ra những ngày tháng mà tôi đã, đang và sẽ trải qua tại một nhà mà người ta gọi là Dưỡng lão. Tôi đã xữ dụng bút pháp để kể những điều gì đáng kể, đáng nói, đáng mang ra chia sẻ với những độc giả của tôi.

Đó có phải là văn chương không?

Vâng, đúng vậy. Bởi vì, rốt cùng, văn chương phải bắt đầu từ đây. Nó nảy mầm từ cuộc sống. Nó không phải là những thước phim câm. Nhưng nó bắt nguồn từ sự suy nghĩ. Như thời lứa đan chấp chùng, nó nảy mầm từ niềm vui quá chùng to lớn khi thấy từ miệng hằm cánh một người đàn bà bỗng đưa bé còn bú sữa, lộ đầu lên. Với tư cách một trung đội trưởng, tôi đã tránh được một tội ác bằng cách ra lệnh quăng trái khố thay vì lựu đạn nổ. Nhưng với tư cách một nhà văn, nó không phải giới hạn ở hành động vì lương tâm, mà đi xa hơn: Nó nói lên lòng nhân bản của người lính miền Nam chúng tôi.

Bây giờ cũng vậy. Nó cũng được dùng để nói lên cái tình cái nghĩa qua cánh một người chồng già chăm nom người vợ khổ nạn. Nó thơm từ cánh đưa con mang niềm vui đến mẹ nó. Nó toát ra cái khí hậu thay vì u ám buồn bã của căn phòng trong viện dưỡng lão là sự ấm áp của một gia đình vợ chồng con cái sum họp để vui vầy trong lúc đen tối nhất... Để rồi nó sẽ biến thành chữ nghĩa, tràn chảy trên giấy hay trên màn ảnh computer. Để người đọc chia sẻ với tác giả những gì mà tác giả cố diễn đạt. Để tác giả được dịp

trút nổi lòng. Để nhip câu vô hình bắt qua những tâm hồn đồng điệu, đồng cảm, và có thể đồng cảnh...

Biết đâu, nó giúp được phần nào cho những ai có thể nhận rõ hơn về nỗi may mắn của họ trong tuổi già. Là họ được hạnh phúc lắm. Hạnh phúc được con cháu mừng thượng thọ, mừng lục tuần, mừng thất thập, mừng chiếc xe của họ không bị nghẹt xăng, bám bụi. Nó rút từ nỗi đau khổ, niềm hân hạnh, những xót xa để dâng tặng cho đời. Cho dù có người ngậm ngùi: Sách vở ích gì cho buổi ấy !!!

Vâng, tôi biết chẳng ích lợi gì. Bản thân tôi khi in một tác phẩm, dù là tác phẩm của Nguyễn Bắc Sơn hay Vũ Hữu Định, dù của Nguyễn thị Thanh Sâm hay Phùng Thăng, tôi rao là dành để tặng khi có yêu cầu... Nhưng mấy ai yêu cầu? Mấy ai hiểu là tôi cần cái danh dự không phải in để năn nỉ đọc dùm...

Vậy mà tại sao tôi lại viết. Vậy mà tại sao tôi lại đánh máy. Vậy mà tại sao tôi lại nghiền ngẫm từng trang này qua trang khác để thực hiện chủ đề về một tạp chí văn học miền Nam ?... Tôi không biết. Chỉ biết là ngoài văn chương ra không ai có thể cứu tôi lúc này, Không ai có thể giúp tôi lấy lại sự bình an để tôi khỏi còn bị những cơn mơ dữ. Không ai có thể vớt đi nỗi nghẹn ngào khi tôi nhìn bức tranh mà Y. thích và mua cho kỳ được với giá rất cao. Không ai có thể đuổi đi đôi mắt vô hồn nhìn tôi như nhìn một kẻ lạ... Ở nhà cũng vậy. Ra đường cũng vậy. Vào nursing home cũng vậy...

Tôi biết, không ai có thể giúp tôi khỏi bị chết sớm vì mãi buồn rầu, mãi lo nghĩ chỉ trừ văn chương, và một chỗ ngồi dưới basement này.

# Những phản hồi từ Độc Giả

Phạm văn Nhàn

Hai tháng trước, TQBT số 68 phát hành với chủ đề đặc biệt: *Văn Chương Chửi Thề*. Một chủ đề lạ mà không lạ do ông bạn Trần Hoài Thư, người chủ trương tạp chí Thư Quán Bản Thảo đưa ra. Tôi nói lạ mà không lạ ở chỗ: *chửi thề* đã có nhiều bài viết trên mạng ( internet ) . Tùy theo nhận định cá nhân, mỗi người viết mỗi kiểu. Không lạ là ở chỗ đó. Nhưng lạ là chưa có một tạp chí ( báo giấy) nào lại dám đưa ra hai tiếng chửi thề để làm chủ đề từ trước tới nay.

Vì lẽ đó mà sau khi TQBT phát hành vào tháng 2 năm 2016, những độc giả thường xuyên của TQBT lại có những dòng email gửi đến chúng tôi. Cũng có những lần gọi điện thoại đến. Tôi đón nhận những dòng điện thư hay những lần gọi điện thoại, thường là họ nói lên lời cảm ơn khi nhận được tạp chí. Và tiếp tục động viên người chủ trương để cho tờ báo được sống lâu đến với bạn đọc. Sống lâu, để độc giả có được những bài viết, những tư liệu văn học trước 1975 ở Miền Nam, mà tạp chí đã bỏ công, bỏ sức ra sưu tầm để sớm kịp đến tay độc giả. Vâng, sống lâu, ngó lại đã qua năm thứ 16. 16 năm, TQBT vẫn còn. Từ giai đoạn đầu do tôi chăm sóc đến thời gian sau, anh Trần Hoài Thư trông coi : vẫn là một chủ trương bất biến: Vực dậy di sản văn chương miền Nam.

Những phản hồi mới nhất sau khi số 68 chủ đề về văn chương *chửi thề* phát hành là một vài phản hồi của phái nữ. Anh THT chuyển cho tôi Email của một nữ độc giả để chúng tôi chia sẻ niềm vui chung. Thư viết như sau:

*Em đọc xong bài Văn Chương Chửi Thề do anh múa rất êm đềm và xúc động ...làm em quên hẳn đi cái chữ mà thời gian làm người chưa bao giờ em dám nghĩ đến hay muốn nghe đến !!!*

*Anh vui lòng cho em “thỉnh” thêm một cuốn để em tặng một người bạn thân hay chửi thề vì quen miệng và bị em*

*mắng hoài...*

Một độc giả khác từ Dallas sau khi đọc TQBT 68 điện thoại hỏi tôi về một truyện ngắn của Nguyễn Nghiệp Nhượng đi trên tạp chí Nghệ Thuật và những bài viết của những tác giả được TQBT 68 đi lại trong số báo này. Người bạn hỏi tôi sao TQBT lại có thể có truyện ngắn: *Mưa Trong Vườn Nhà cô Françoise* của nhà văn Nguyễn Nghiệp Nhượng đi trên Nghệ Thuật vào tháng 2 năm 1966 - tức 50 năm về trước - . để đi trên TQBT? Trong khi Nhượng còn ở trong nước.? Tôi chỉ biết cười và nói: bí mật nghề nghiệp. Người bạn còn nói thêm tao gọi điện về nói với NNN là TQBT đã tìm và đi lại cái truyện ngắn viết từ năm 1966 của Nhượng. Nhượng vui lắm.

Vâng NNNhượng vui, bạn tôi vui, và tôi vui. Chính TQBT đã tạo nên niềm vui cho chúng tôi : ba thằng bạn cũ thân nhau ngày nào.

Một độc giả khác từ Cali hỏi tôi về cô Tần Vi nay ở đâu? cho biết. Tôi chỉ biết là nhà thơ nữ Tần Vi hình như ở Úc ( vì thiếu thông tin ) . Vả lại trước 1975 tôi chỉ biết Tần Vi là em của chị Mỹ Hảo. Vợ của người bạn, anh Cao Đắc Bửu. Lâu quá, chúng tôi không có gặp nhau. Nghe đâu cô ở Úc. Tôi trả lời trên phone như thế. Có tin gì báo cho biết sau.

Trong mục Sống và Viết số này, có những tin vui. Xin ghi ra đề cùng chia sẻ.

Xin hẹn số tới.

PVN

22/3/2016

■■■■■■■■■■

## Trần Đình Sơn Cước

### **Bức Ảnh Tìm Thấy**

(Viết cho Hùng) Tôi mang theo bức ảnh từ ngày rời khỏi nước, qua Pháp rồi qua Mỹ được hơn một phần tư thế kỷ. Cứ mỗi năm gần đến Tết tôi lại mang nó ra xem và muốn viết một điều gì đó, nhưng lại không viết xong. Lần dọn nhà mới nhất, năm 2013, mặc dù rất cẩn thận trong lúc thu dọn đồ đạc, tranh ảnh và thư từ, nhưng khi sắp xếp để cất vào tủ, tôi đã không tìm thấy bức ảnh. Tôi lục lọi nhiều lần. Bức ảnh đã thất lạc. Tôi tiếc vô cùng. Năm tới đây là năm Thân. Ký ức lại quay về cái Tết Mậu Thân đau thương năm 1968. Tôi muốn viết về những ngày tháng đó, nhưng không còn tìm thấy được bức ảnh vì nó là chứng tích của những tang thương mất mát.

Một đêm cuối tuần mưa nơi thành phố tôi đang ở, mưa lâm thâm như những cơn mưa của Huế vào những ngày đầu xuân. Lòng buồn nhớ những ngày Tết cúng kỵ ở quê xưa. Lại nhớ đến bức ảnh. Chợt nhớ tới một người bạn có mặt trong bức ảnh. Lần cuối cùng nói chuyện với nhau cách nay đã tám năm. Lúc đó bạn vừa mới trải qua



một cơn tai biến nhẹ. Giọng bạn nói khó khăn, không rõ. Đã tám năm không liên lạc, hỏi hạp không biết sức khỏe bạn thế nào. Tôi gọi bạn qua số điện thoại cũ. Đầu dây kia là giọng nói của người phụ nữ, vợ của bạn. Cho tôi xin nói chuyện với anh Hùng! (Người bạn đó là Nguyễn Hữu Hùng, lúc xưa còn tên Nguyễn Gia Hữu). Tôi nín thở khi nghe chị

gọi: "Anh Hùng ơi có người muốn nói chuyện." Mừng quá. Bạn nay nhờ tập luyện sức khỏe tốt lên rất nhiều. Giọng bạn mạnh, rõ hơn tám năm về trước. Dĩ nhiên là cả tiếng cười mừng rỡ nhau, những đứa bạn nay đã hoặc sắp bước vào tuổi "cổ lai hy"...

...Hùng đã nhờ người con trai scanned và gửi liền bức ảnh mà tôi trông đợi. Nhận được bức ảnh qua mail, tôi mừng quá. Nét chữ của Hùng ghi chú trên bức ảnh: "Bạch Mã, 1967."

Đúng là bức hình được chụp vào mùa hè năm 1967. Ảnh chụp không phải ở núi Bạch Mã. Bạch Mã mà Hùng ghi trên bức ảnh là tên Kha đoàn Hướng đạo của chúng tôi được thành lập từ Thiếu đoàn Bạch Mã. Vào năm 1966, lúc đang học lớp đệ tam với nhau tại trường trung học Nguyễn Tri Phương (Huế), Hùng đã rủ tôi và giới thiệu tôi vào sinh hoạt hướng đạo thuộc Thiếu đoàn Bạch Mã. Chúng tôi đã có những cuối tuần sinh hoạt đầy vui tươi của tuổi mười bảy, mười tám. Chỉ với chiếc xe đạp, đầu đội mũ beret gắn huy hiệu hướng đạo, ba lô trên vai, cây gậy đi rừng, chúng tôi đã cắm trại vui chơi khắp các đồi Thiên An, các chùa Từ Hiếu, Tường Vân, Trà Am,... hầu hết các lăng Gia Long, Tự Đức, Minh Mạng,... về tận Tiên Nộn, lên An Lăng, qua núi Ngự Bình. Những đêm đốt lửa trại bập bùng, những buổi say sưa ca hát, những trò chơi lớn, những cuộc thi đánh Morse, thi nấu cơm trong mưa, thi vượt sông, thi văn nghệ...

Khi ngành Kha của toàn quốc được thành lập vào năm 1965 (theo tài liệu 50 năm kỷ niệm thành lập ngành kha công bố trên website "Giúp Ích", ngành Kha được thành lập và được công nhận là một ngành của Hướng đạo Việt Nam chính do phần lớn công lao và sự tranh đấu bền bỉ của cố trưởng Trần Điền, tên rừng là "Gà Hùng Biện"), vì ở trong độ tuổi 15 đến 18 nên những thiếu sinh chúng tôi được chuyển lên sinh hoạt ngành Kha. Chúng tôi là những Kha sinh đầu tiên của Kha đoàn Bạch Mã do anh Thạnh và anh Dậu làm Kha trưởng và Kha phó. Sáu chúng tôi trong bức ảnh gồm hàng trước, từ trái sang: **Chánh, Hùng, Minh**. Hàng đứng phía

sau, từ trái sang: **Lợi, Cước, Bích**. Chúng tôi được cử làm 6 đội trưởng đầu tiên của Kha đoàn. Trên cầu vai áo màu xanh đậm gắn 2 vach màu trắng, cấp bậc của người đội trưởng. Nhìn lại những khuôn mặt mười bảy mười tám đầy sức sống và ước mơ ngày ấy, bụi ngùi xót xa biết bao khi nghĩ về những tang thương mất mát trong chiến tranh mà tuổi trẻ chúng tôi đã phải gánh chịu...

Những niềm vui biểu lộ trên mỗi khuôn mặt chúng tôi được nhìn thấy trong bức ảnh chóng tàn. Chỉ mấy tháng sau đó là tết Mậu Thân. Buổi trại tất niên năm ấy chúng tôi như thường lệ đứng thành vòng tròn lớn, tay siết chặt tay cùng hát bài tạm biệt với hẹn hò gặp lại nhau trong những sinh hoạt tới. Nhưng rồi, sau mấy tuần chiến tranh đẫm máu của tết Mậu Thân chúng tôi không còn bao giờ được gặp lại nhau đông đủ, tươi vui như trước đó nữa.

Những ngày tết Mậu Thân tôi về quê ăn tết với mẹ và các anh chị tại làng Phụng Chánh, giáp chợ Mỹ Lợi. Nơi đây bình yên trong mấy ngày đầu xuân. Qua đài phát thanh chúng tôi biết Huế đang bị tấn công. Năm ấy, anh trai tôi về quê ăn tết một mình vì chị dâu đang mang thai nên ở lại Huế. Biết tin Huế ngập tràn khói lửa, anh lo lắng ăn ngủ không yên, anh đòi lên Huế liền. Nhưng mọi giao thông về Huế đều bị gián đoạn. Vì những người buôn chuyến không chở trái cây, cau, trầu, cam quýt... lên Huế được nên hàng hóa tồn đọng và phải bán rẻ tại các chợ làng quê, nhất là chợ Mỹ Lợi. Mẹ tôi sáng nào cũng ra chợ Mỹ Lợi mua tôm cá và đặc biệt mua cho tôi mấy cây mía cao, dài, ngọt lịm. Tôi suốt ngày nhai mía ngây thơ không lo nghĩ nên nhiều lúc làm cho anh tôi phát bực, vì lòng anh đang như lửa đốt, con và vợ không biết ra sao trên Huế. Ít ngày sau thông đường tôi theo anh qua Đá Bạc, đón được chuyến xe đò lên Huế. Qua khỏi Phú Bài, Hương Thủy, quang cảnh tan nát bắt đầu hiện ra. Qua löt cầu An Cựu, anh và tôi xin xuống trước chợ An Cựu để về nhà ngay đầu đường Phát Lát, con đường dẫn về tận cầu ngói Thanh Toàn...

Khi quân đội Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh bắt đầu phản công tái chiếm Huế, anh tôi đã nhờ người đào chiếc hầm nắp bom đạn ngay trong khuôn viên vườn nhà cha mẹ

vợ của anh. Mỗi đêm nghe tiếng súng nổ, tiếng đại bác, cả nhà gồm vợ con, cha mẹ vợ anh và tôi ôm ấm kêu nhau xuống hầm tránh đạn. Anh tôi lúc đó là quân nhân biệt phái. Một đêm anh và tôi vừa xuống hầm thì nghe từ trên miệng hầm tiếng gọi của Khoa. Anh sợ hết hồn. Khoa cùng tuổi tôi, đang học lớp đệ tam trường trung học tư thực Bồ Đề Hữu Ngạn. Nhà Khoa ở gần cầu ngói Thanh Toàn. Khoa được mẹ vợ anh tôi nhận cho ăn ở trong nhà để giúp thêm việc tưới hoa và những việc lặt vặt. Khoa cùng tôi ngủ ở nhà thờ phía trước. Khoa vui tươi, nhanh nhẹn, tháo vát, trong nhà và cả xóm đầu đường Phát Lát ai cũng thương Khoa. Mấy ngày Tết Khoa về nhà ăn Tết và bị "sung" vào đội "quân giải phóng". Chẳng biết Khoa được học cầm súng lúc nào trong những ngày vội vàng binh lửa đó. Khoa mang khẩu AK, thò đầu xuống miệng hầm gọi chào anh tôi và tôi. Khoa cười toe rồi nói phải theo đoàn đi ngay. Khoa còn ghé lại ngôi nhà phía trước để tìm thăm cô bạn láng giềng xinh đẹp mà Khoa đem lòng thương yêu. Ôi chiến tranh! Ít tuần sau tin từ nhà Khoa cho biết Khoa đã chết trên đường rút lui cùng "quân giải phóng"!...

Tương tự như trường hợp của Khoa, ba bạn hướng đạo của tôi trong bức ảnh cũng chết đau thương như vậy. Nhà của các bạn Bích, Lợi và Minh đều ở các làng Ngọc Anh, Dưỡng Mong, những làng xã quanh Huế về phía cửa Thuận An. Những cuộc tiến quân của "quân giải phóng" đều xuất phát từ các làng bao bọc Huế, nên nhiều thanh thiếu niên các vùng đó đều bị "đôn" vào các cánh "quân giải phóng". Là đoàn sinh hướng đạo, chúng tôi thường nhớ năm lòng một trong những lời hứa lúc tuyên thệ là trung thành với Tổ Quốc. Nhưng tổ chức hướng đạo như mục đích từ lúc thành lập là "phong trào cho tuổi trẻ". Quốc tế. Mở rộng cho mọi người. "Là" tự nguyện. **Không chính trị. Không thuộc về của chính quyền.** "Hướng đạo là... một phương thức sống." (Theo: Hướng đạo là gì? do Văn phòng của Tổ chức Hướng Đạo Thế Giới tại Geneva công bố trên trang nhà [www.scout.org](http://www.scout.org)). Vì tôn chỉ của phong trào là "không chính trị", nên đoàn sinh chúng tôi lúc sinh hoạt thường được các Trường căn dặn đứng ngoài các hoạt động chính trị, nhất là giai đoạn Huế đầy biến động của những năm sau năm 1963.

Cùng tuổi chúng tôi lúc đó, có bạn đã có ý thức chính trị (đã nằm trong các tổ chức "Việt Cộng") thường chỉ trích hướng đạo sinh chúng tôi là ngây thơ, con nhà giàu; hướng đạo là tổ chức tư bản! (vì vị sáng lập Hướng Đạo thế giới là một vị tướng trong quân đội Anh). Nhắc lại những điều này để xác quyết rằng những người bạn hướng đạo của tôi chết trong Tết Mậu Thân là những thanh niên trong sáng, năng động, chưa hề chọn lựa quốc gia, cộng sản khi phải cầm súng của "cách mạng" và chết oan uổng khi tuổi xuân đang tràn đầy...  
... Sau khi thành phố bình yên trở lại, chúng tôi đến trường còn vương nỗi thất thần trên mỗi khuôn mặt thầy cô và bạn bè. Tâm trạng đó tôi đã viết nên bài thơ "**Ngày Tục Giã Ở Huế**" được đăng trên tạp chí **Văn** số đặc biệt về Huế có hình bìa là chiếc cầu Tràng Tiền gãy gục giữa sông Hương. Sau hơn 45 năm đọc lại bài thơ (nhờ công của nhà văn Trần Hoài Thư sưu tầm và đăng vào tuyển tập **Thơ Miền Nam Thời Chiến** do Thư Ân Quán xuất bản năm 2007) tôi nhận ra bài thơ đúng là một bức ảnh chụp Huế những ngày tan nát đó. Bài thơ có vài đoạn:

*"...Nơi chỗ đứng này  
Hai mươi ngày đầu năm  
Công chức mất máu  
Công chức mất đầu  
Hai hăm chôn sống gần năm chục  
Người bỏ vợ bỏ con  
Người xa cha xa mẹ  
Người bị giết vì làm..."*

*"...Lớp học còn lại năm bảy đứa  
Phờ phạc như chim bị bão  
Như kẻ mất hồn  
Thầy hỏi những trò kia đâu hết  
Học trò ngồi chết cứng nhìn nhau  
Có những trò đã chết  
Xác còn chôn trên các vỉa hè  
Bên mũi cầu trong công viên trong rãnh nước  
Có những trò đi biệt  
Chưa biết được ngày về..."*

Tìm thấy lại bức ảnh của 49 năm về trước, sáu bạn trẻ hướng đạo tuổi vừa tròn mười bảy mười tám, tươi trẻ, tràn đầy sức sống và hy vọng, thế mà qua một tháng tang thương, ba trong sáu bạn đã ngã xuống vì bom vì đạn ở một nơi nào đó trên đất Huế mà lúc còn là một hướng đạo sinh, bạn đã bao lần lăn lóc chơi đùa trên đất mẹ yêu thương!

Đã 48 năm qua rồi, **Khoa, Bích, Lợi, Minh** ơi, xin thấp nén hương tiếc thương tuổi xuân các bạn. Xin thiết trai đàn chẩn tế giải oan cho các bạn và Huế đau thương!

**Trần Đình Sơn Cước**

*(Sunnyvale, trước tết năm Bính Thân 2016)*

(Nguồn: <http://www.diendan.org/sang-tac/buc-anh-tim-thay/view>)

## **Trần Thị Nguyệt Mai** **Người đi**

*Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!*  
*(Thâm Tâm – Tống Biệt Hành)*



tranh đingtuongchinh

Cũng phải nói, dẫu muộn màng  
Lời chia tay, chẳng dễ dàng chi đâu  
Người đi cây cỏ u sầu  
Rừng Natick cũng nhuộm màu tang thương  
Thế giới đã vắng Đinh Cường [1]  
Con chim đỏ hót khúc buồn tiễn đưa  
Hình như, Người ạ, trời mưa  
Nhẹ rơi đâu đó giữa trưa xám này  
Còn đâu những cánh chim bay  
Trên nềntoile buổi nhiều mây hôm nào  
Còn đâu hồi những vì sao  
Bỗng dưng chợt tắt rơi vào hư không...

Biết rằng “sinh ký tử quy”  
Đi hay về có khác chi đâu mà [2]  
Chúc Người bình an chốn xa  
Cùng bè bạn sum vầy và vui chơi  
Tiếc thương ở lại với đời  
Cùng tranh vẽ với nụ cười thiên sư  
Người đi? Người đã đi ư?  
Bóng ai dần khuất mây mù rừng xưa...

**Trần Thị Nguyệt Mai**

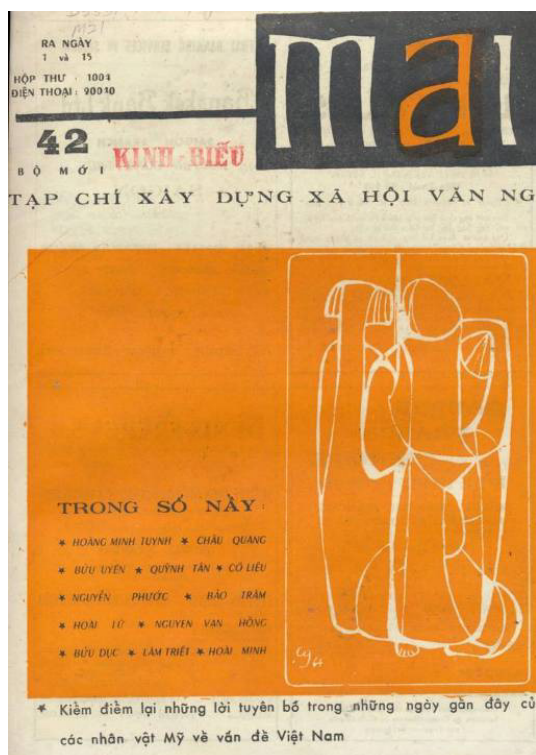
22-02- 2016

[1] *Ý thơ Lãm Thúy*

[2] *Ý thơ Du Tử Lê*

# BÁN NGUYỆT SAN MAI (1960-1966)

THT sưu tập và đúc kết



Mai là tạp chí phát hành mỗi tháng 2 kỳ, ra ngày 1 và 15. Chủ nhiệm: Hoàng Minh Tuynh. Giám đốc chính trị: Huỳnh Văn Lang. Tòa soạn 80 Hồng Thập Tự SG. Báo có mặt 6 năm từ 1960 đến 1966. Từ tháng 7-1962 đến tháng 11-1966, Mai bắt đầu đánh số trở lại, gọi là Mai bộ mới. Chủ nhiệm vẫn là Hoàng Minh Tuynh.

Báo khổ nửa giấy báo nhật trình, dày 40 trang, có 4 trang quảng cáo. Chỉ bắt đầu từ tháng 12-1964, khổ giấy được đổi lại nhỏ hơn như khổ của tạp chí Văn, và cũng được đánh số

trở lại. .. Số 16-17 phát hành ngày 1-8-1966 là số cuối cùng, với các bài của Lê văn Hảo, Vũ Đình Lưu, Hoàng Minh Tuynh, Père Jean Subra..

Có thể nói Mai là một Bách Khoa thứ hai. Chủ nhiệm Hoàng Minh Tuynh và giám đốc chính trị Huỳnh văn Lang là hai rường cột của tạp chí Bách Khoa. Tuy nhiên Bách Khoa là một tạp chí chỉ phổ biến tư tưởng, văn hóa, khoa học, chính trị, hầu giúp độc giả mở mang kiến thức, mở rộng tầm nhìn về những vấn đề quan trọng của thời đại, còn chủ trương của Mai thì dân thân tích cực, chú trọng vào việc xây dựng xã hội, nhắm vào thành phần thanh niên sinh viên.

Riêng phần văn nghệ, có thể nói, Mai là tờ báo rất trân trọng với tác giả, dù người viết mới hay cũ. quen tên hay không quen tên. Ở Mai, tác giả được xem như bình đẳng, có nhiều cây bút trẻ, đặc biệt là từ miền Trung đóng góp. Một phần là nhờ dịch giả Bửu Ý - người chăm sóc về bài vở từ năm 1963, và một phần là do tánh tình cởi mở của chủ nhiệm Hoàng Minh Tuynh, mặc dù ông đã ở vào gần tuổi ngũ tuần. Ông luôn luôn đứng vào hàng ngũ thanh niên sinh viên, thay mặt nói giùm họ:

*Đám thanh niên và sinh viên kêu gào thảm thiết đòi quyền sống, quyền làm người, họ nóng lòng muốn được đem toàn tâm toàn lực để cứu vãn một tình thế hầu như không còn cơ cứu vãn.*

*Song họ đã vấp, cái vấp đau khổ trước sự thiếu sáng kiến, thiếu can đảm của lớp đàn anh muốn che giấu sự bất lực của mình dưới hình thức chẳng che giấu được ai: khiếp nhược mà bảo là thận trọng, hèn nhát mà bảo là khôn ngoan, lười làm lười nghĩ mà bảo chẳng nên hấp tấp vội vàng.*

*(Mai số 36 &37)*

Nhà nhận định văn học Đặng Tiễn nhớ lại thời gian ông và bè bạn làm báo Mai như sau:

*....Khoảng 1962-1963 gì đó, anh Hoàng Minh Tuynh làm chủ báo Mai, Sài Gòn, bán nguyệt san. Anh Tuynh là người*

*công giáo tiến bộ, có uy thế lúc ấy, và ưa giao thiệp với các bạn trẻ mà anh tin cậy, chung quanh Nguyễn Hữu Thái là sinh viên kiến trúc. Thái kéo bè với đám bạn trẻ như Phạm Công Thiện, Quỳnh Tân, Lê Hiếu Đằng, Bửu Ý và tôi. Có lúc anh Tuynh sang Đức vài tháng, giao phó tờ báo cho chúng tôi “muốn làm gì thì làm”. Thái và Thiện viết vung vít sao đó, tòa Tổng giám Mục có lưu ý và anh Tuynh kiểm soát lại tòa soạn.*

*(Đặng Tiến: Nhớ thương Phạm Công Thiện - nguồn: Internet)*

Riêng nhà văn và dịch giả Bửu Ý xem thời gian làm cho báo Mai là những ngày tháng khó quên nhất của đời ông;

*Năm 1963 ở Sài Gòn không đủ ăn. Nhiều khi hai, ba ngày không có ăn, không có tiền đi xe buýt, phải đi bộ bốn cây số đến nhà in. Những đồng xu lẻ không đủ ăn 2 bữa/ngày. Sống cơ cực song bù lại đó là thời gian hào hùng của tôi, tôi được thỏa sự mê viết văn, mê viết báo, tôi thấy tôi sinh ra mình trên từng con chữ. Muốn viết được, phải sống thiếu đi một chút. Tôi không viết nhanh. Hồi đó sống thuê căn gác gỗ cùng với hai người con trai chủ nhà ở đầu cầu Trương Minh Giảng, kêu thêm bạn về ở chung để bạn khỏi trả tiền: đó là Sao Trên Rừng Nguyễn Đức Sơn. Sơn là một người viết rất nhanh. Bù lại, tôi viết rất khổ sở, như rặn đẻ, có khi cả tuần mới được một trang. Không nên viết đùa, đem giá trị ra mà bốn cọt. Tôi viết không dám đùa bỡn bất cứ ai”.  
(Bửu Ý – hồi ký Ngày tháng thênh thang)*

Nhìn tờ báo, dù không lờ lẹt như Nghệ Thuật nhưng chúng ta cảm thấy cả một sự trân trọng của Tòa soạn đối với người viết. Không có trang “dạy viết văn làm thơ”, không có trang cây bút mới cây bút cũ.. Lần đầu tiên chúng tôi mới đọc được kịch của Bửu Ý (lấy bút danh là Nguyễn Phước), truyện Bửu Ý (bút danh là Bửu Uyên) trong khi tôi chỉ biết Bửu Ý là dịch giả. Tôi cũng được đọc những bài của Nguyễn Đức Sơn viết nghiêm túc về tuổi trẻ, về tạp chí Sáng Tạo... và Nguyễn Xuân Hoàng trong

những vở kịch vô tuyến truyền thanh, những bài viết nhận định về âm nhạc của Phạm Thế Mỹ hay hội họa của Đinh văn Cường (tức họa sĩ Đinh Cường), Lâm Triết, Nguyễn văn Liễu (tức họa sĩ Trịnh Cung), xen kẽ với những cây viết rất quen thuộc trên Bách Khoa về triết học như Cô Liêu, Vũ Đình Lưu, Phạm Công Thiện...

Đọc Mai, tôi tìm thấy những tiếng kêu trầm thống của tuổi trẻ trí thức miền Nam trước viễn ảnh đen tối của đất nước. Nó không phải là tờ báo khuynh tả như *Trình Bày*. Nó không phải là tờ báo thuần văn chương như *Văn*. Nó cũng không phải nghiêm túc không ồn ào như *Bách Khoa*. Nó là tổng hợp của ba tờ báo vừa kể. Vai trò của Hoàng Minh Tuynh với những cây viết cùng lứa của ông cộng vào vai trò của Nguyễn Hữu Thái là thanh niên sinh viên, và Bửu Ý là thành phần trí thức đặc biệt miền Trung.

Tháng 12-1964, báo đổi khổ. Việc đổi khổ này cũng mang theo sự thay đổi về nội dung bài vở. Rất ít sáng tác văn chương, không thấy sự xuất hiện của những cây bút trẻ từng cộng tác thường xuyên với MAI như Bửu Ý, Nguyễn Hữu Thái, Phạm Công Thiện, Nguyễn Đức Sơn, không còn mục Thanh niên sinh viên, hay Sổ Tay trái lại là nhiều bài khảo luận liên quan đến chính trị, tôn giáo, văn hóa...

Điều này Mai đặt nặng phần thời sự chính trị lên hàng đầu, như tiêu đề trên bìa: *tạp chí Xây dựng Xã Hội Văn Nghệ*.

## VỀ CHỦ NHIỆM HOÀNG MINH TUYNH

Trong văn học miền Nam hiện đại, chúng ta ít thấy có cảnh những nhà văn, triết gia hay nhà thơ nổi tiếng lại chịu ơn ai. Nhà thơ Bùi Giáng chỉ ca ngợi Ni cô Trí Hải qua cái nhìn chiếc áo tu hành khoác lên một người nữ, Phạm Công Thiện thì khỏi nói, bởi thần tượng của ông là Nietzsche, còn Nguyễn Đức Sơn thì càng khủng khiếp:

*“Anh tin rằng tất cả những đứa làm thơ từ đây trở về sau đã*

*vang danh thi sỹ từ bao kiếp trước nếu không đọc thuộc lòng ít nhiều bài Du Sỹ Ca này đều chẳng phải là thi sỹ nữa... (Du Sỹ Ca – An Tiêm xuất bản).*

Vậy mà cả ba đều một mực dành cho một người một sự nể vì và trân trọng. Người đó là Hoàng Minh Tuynh.

Bùi Giáng, trong phần mở đầu một chương của cuốn *Tư tưởng hiện đại*, viết:

*"Bài này trước kia chúng tôi đăng ở tạp chí MAI, ký tên chung với ông Hoàng Minh Tuynh. Ông Tuynh đã có nhã ý muốn bày tỏ niềm thông cảm đối với tôi là một kẻ xưa nay vốn chịu nhiều những hững hờ của độc giả. Bùi Giáng, đó là một danh từ có âm hưởng lảng nhảng, không gây được tin tưởng. Ông Tuynh đã chịu khó bỏ giúp tôi những đoạn nào tôi viết quá trốn theo điệu du côn của Sartre và loại hẳn những tiếng bê bối lai rai là những tiếng tôi quen dùng".*

hay Phạm Công Thiện:

*...Tôi và ông Hoàng Minh Tuynh khác nhau như Thiên đàng và Địa ngục. Ông Hoàng Minh Tuynh không có gì khả dĩ là tương hợp với tôi cả. Nhưng một điều lạ là nếu tôi không gặp ông Hoàng Minh Tuynh thì có lẽ tôi không bao giờ viết quyển này (\*). Hình như có những người sinh ra trên đời để làm đất cho cỏ mọc lên.*

---

*(\*) "Hình ảnh thanh niên thời đại trong tác phẩm Henry Miller"*

Riêng Nguyễn Đức Sơn đã dùng nhận xét của Hoàng Minh Tuynh về truyện ngắn **Cái Chuông Khỉ** của ông đăng trên Mai số 31 & 32 để đăng lại trên trang bìa sau của tập truyện cùng tên do An Tiêm xuất bản vào năm 1969:

*"Đây là truyện của một bạn trẻ thuộc thế hệ mới. Lời văn trẻ, hơi văn mạnh, cốt truyện bố trí chặt chẽ một cách tài*

*tình, tư tưởng nhiều khi táo bạo đến nỗi làm cho người đọc bất bình [...]. Một dấu hiệu của thời đại! Thảm thay! Mà cũng ghê thay!" (Hoàng Minh Tuynh viết riêng cho truyện ngắn "Cái chuông khi" đăng trên Tạp chí Mai số 31 và 32 năm 1963)*

Và nhà thơ Du Tử Lê xem Mai là trạm đầu cho cuộc hành trình thi ca của ông, khi ông nhắc đến cái bút hiệu Du Tử Lê được chính thức khai sinh bằng bài *Bến Tâm Hồn* được đăng trên tạp chí Mai vào năm 1958. (Sự thật là tạp chí Mai chỉ bắt đầu có mặt vào năm 1960 - chú thích của THT)  
Riêng họa sĩ Đinh Cường, thời sinh tiền, luôn luôn nhắc đến tạp chí này như là nơi mà người bạn thiết của anh là Bửu Ý đã hợp tác trong một thời gian dài.

Sau 1975, Ông Hoàng Minh Tuynh về sống tại Bảo Lộc. Không hiểu sao ông lại về đây? Vì tự chọn hay vì ẩn tránh? Hai năm sau ông chết. Thọ 61 tuổi. Cái chết của ông được cuốn **Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử VN** của Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế ghi là: **Dư luận hồi đó cho rằng ông bị đầu độc**. Tuy nhiên, rất ngạc nhiên là trong những ấn bản được tái bản sau này, chúng tôi không còn thấy phần tiểu sử của Hoàng Minh Tuynh nữa.  
Hiện nay, chúng tôi có trong tay những chứng từ của thân nhân của học giả Nguyễn Bá Thế về sự mờ ám khi cuốn từ điển đồ sộ này được thực hiện. Khi có dịp chúng tôi sẽ phổ biến.

Đây là tiểu sử HMT được tìm thấy trên trang nhà <http://vansu.vn> trích từ ấn bản xuất bản đầu tiên:  
*Chuyên viên ngân hàng, nhà báo, sinh năm 1916 tại Nam Định, con ông Hoàng Văn Tuân và bà Lê Thị An (bà là người sinh ở Long An Nam Bộ), từ năm 1948-1950 định cư ở Sài Gòn.*

*Thuở nhỏ ông học tại Hà Nội, đậu Tú tài rồi vào học Trường Đại học luật khoa Hà Nội, tốt nghiệp cử nhân luật chuyên về kinh tế, tài chính. Sau năm 1945 ông làm công chức trong ngành kinh tế ngân hàng, thường đi tu nghiệp ở*

*các nước Tây phương (Pháp, Mỹ), sau năm 1950 định cư ở Sài Gòn, Bảo Lộc cho đến cuối đời. Sau hiệp định Genève, ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Viện Hối đoái Sài Gòn (Tổng giám đốc là ông Huỳnh Văn Lang).*

*Năm 1957 ông là một trong 3 người (Huỳnh Văn Lang, Lê Ngô Châu và ông) sáng lập tạp chí Bách khoa ở Sài Gòn (1957-1975) giữ chức chủ bút tạp chí (1957-1963) rồi đến năm 1960 ông sáng lập tạp chí Mai giữ chân chủ nhiệm tạp chí này.....*

*Sau năm 1963, ông từ bỏ đời sống công chức, sống với nghề tự do, đến năm 1977 ông mất tại Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) thọ 61 tuổi.*

*Dư luận hồi đó cho rằng ông bị đầu độc.*

*(Nguồn : Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam - Nguyễn Quang (\*) Thăng, Nguyễn Bá Thế)*

*(\*) sự thật là Quyết chứ không phải là Quang (TQBT)*

Riêng tạp chí Mai, sau 1975, dù toàn bộ của tạp chí này được lưu giữ tại thư viện tổng hợp TP HCM, nhưng muốn đọc nó phải có người hộ tống, không được phép copy, không được chụp hình (Xin mời đọc hồi ức của nhà văn Lữ Quỳnh trong số này)

Có thể nói, đây là tạp chí quý hiếm và giá trị nhất cho những ai muốn tìm hiểu về lịch sử miền Nam trong thời chiến (để chứng minh chúng tôi đăng lại Sổ tay – Nhật ký tháng 8-1964 ở phần sau) cũng như lý do tại sao những tác giả có tầm vóc như Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Nguyễn Đức Sơn, Du Tử Lê, Bửu Ý, Đinh Cường... đã nhắc đến nó với tất cả sự trân trọng và tự hào.

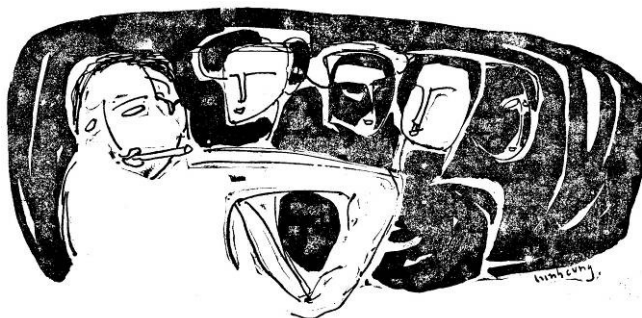
Hiện tại thư viện đại học Michigan có lưu trữ Mai năm 1962, 1963, 1964, 1965, 1966 (thiếu năm 1960, 1961). Riêng Thư viện đại học Cornell thì giữ ba năm: 1964, 1965 và 1966.

Riêng chủ nhiệm Hoàng Minh Tuynh, theo sự sưu tầm của chúng tôi, trong thời gian 1957 đến 1962, trên Bách Khoa có đến 109 bài viết của ông mà hầu hết thuộc đề tài chính trị biên khảo . Trên Mai chỉ thấy bài viết của ông xuất hiện nhiều vào hai năm 1965, 1966.

(THT sưu tập và tổng hợp)

# Tôi làm báo MAI

Bửu - Ý



*Tranh phác thảo của Đinh Cường (Mai số 43 & 44 Bộ mới)*

Giữa năm 1963 tôi “tạm biệt Huế” vào Saigon. Tạm biệt Huế để Nam tiến, tức là tạm biệt luôn nghề dạy học để rắp ranh kết hôn với một đam mê khác.

Tôi vừa mới nói là “tạm biệt nghề dạy học?” Không hẳn là vậy. Là vì trước khi lên đường vào Saigon, tôi nghĩ: chắc vẫn phải dạy học đôi chút ở một trường nào đó trước khi có việc làm tại một tòa báo. Phòng chẳng quen thân ai ở Saigon, tôi xoay xở vài lá thư giới thiệu của một số vị tên tuổi. Vào tới Saigon, nắm trong tay ba lá thư giới thiệu rất uy tín của linh mục Cao Văn Luận, giáo sư Nguyễn Văn Trung và giáo sư Nguyễn Đăng Thục, tôi xông thẳng vào mấy tư thục lớn nhất của Saigon lúc bấy giờ: trường Trần Hưng Đạo, trường Nguyễn Bá Tòng.... Kết quả: con số Không. Hóa ra tôi đã phạm một lỗi lầm lớn trong dự liệu: niên khóa học tập ở Huế không trùng khớp với ở Saigon. Và tôi đã chậm trễ cả tháng trời! Tôi đành bằng lòng với một số giờ dạy cầu ẩu ở hai trường nhỏ: trường Chân Phước Liêm ở Gò Vấp và trường Thánh Thomas cạnh nhà thờ Ba Chuông đường Trương Minh Giảng. Dạy học lương thấp,

mà đi lại khá phiền phức, tôi xin nghỉ sau một năm. Cũng vừa lúc tôi được giới thiệu làm việc tại tòa soạn tạp chí MAI, số 254B Phan Đình Phùng, của chủ nhiệm Hoàng Minh Tuynh.

Vị chủ nhiệm này, chẳng rõ vì sao, ngay lúc đầu rồi mãi về sau, tin tưởng tôi có vẻ tuyệt đối, trao đủ loại quyền hạn cho tôi và chỉ chăm chăm vào bài xã luận chính trị mà ông viết đều đặn mỗi nửa tháng.

Tôi làm việc ở đây khá thông dong, viết nhiều, đủ loại, thỉnh thoảng viết lấy trang nửa, đặc biệt viết về thời sự, tình hình và trào lưu văn học thế giới.

Tôi đã từng đăng thơ của Đinh Cường, Bùi Giáng, Trầm My, Phạm Thế Mỹ, Du Tử Lê, Ngô Kha, Nguyễn Đức Sơn..., truyện ngắn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngô Kha, Nhung Sao, Nguyễn Đức Sơn..., những bài phê bình thơ văn của Đặng Tiến, những phân tích chính trị xã hội của Hoàng Minh Tuynh, Tôn Thất Quỳnh Tâm, Nguyễn Hữu Thái, Vĩnh Long, Cô Liên.

Tờ báo nguyệt san được tô điểm từ bìa vào đến bên trong bằng nét trình bày và minh họa của Đinh Cường, Trịnh Cung, Rừng, Nguyễn Hữu Thái.

Tôi thường xuyên lui tới mấy thư viện lớn thuở ấy: Thư viện trung tâm ở đường Gia Long, Thư viện Đồng minh hội cũng ở đường Gia Long, Thư viện Trung tâm Văn hóa Pháp ở đường Đồn Đất.

Thuở ấy tôi ở trọ ở chân cầu Trương Minh Giảng, gần chợ Trương Minh Giảng. Ở đây là nơi gặp gỡ thường xuyên giữa tôi và các bạn: Đinh Cường, Trịnh Cung, Nguyễn Phúc Liêm, Nhung Sao, Trầm My, Đặng Tiến, Hồ Thành Đức, Rừng, Lâm Triết, Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn, Trần Phương Như....

Bạn nào đến thăm tôi đều ít nhiều cảm cảnh cho tôi: chỗ ở của tôi nhỏ hẹp quá, và nhất là rất thiếu vệ sinh. Tôi cũng biết vậy, nhưng không làm khác được vì mức sống vật chất của tôi rất thấp. Lương bổng hàng tháng của tôi tại tòa báo MAI cũng rất thấp, thấp đến độ không bao giờ tôi nói thật với mọi người, lòng giữ thể diện cho chính tôi, và nhất là cho tờ báo mà tôi hết lòng phục vụ.

May sao thời buổi ấy đồng tiền đang có giá. Ngồi via

hè ăn uống, một tách cà phê đen hai đồng, một tách cà phê sữa ba đồng, một ly chè nước đá ba đồng. Tiền nhà hàng tháng ba trăm đồng. Tôi đi kèm trẻ. Có một thời gian tôi dạy tiếng Pháp cho một anh chàng người Mỹ và được trả tiền kha khá.

Ngồi làm việc tại tòa soạn, tôi có thì giờ lục lọi tủ sách của ông Hoàng Minh Tuynh. Đọc thư của bạn đọc, trả lời thư, viết bài, sửa bản vở. Tôi nhớ lại có hôm tôi đọc một truyện ngắn (khá dài) trong chồng thư từ. Truyện hay quá. Tôi rất thích. Giọng văn, chữ nghĩa, kết cấu tân kỳ, độc đáo. Nhiều ý tứ táo bạo, trần trụi. Tôi vẫn vợ theo cái truyện này nhiều ngày sau đó. Đến một hôm có một khách bước xộc vào tòa soạn, gặp ngay tôi, hỏi thẳng thừng: “Anh là thư ký tòa soạn phải không? Đọc truyện “Cái chuông khi” của tôi chưa? Thì ra đây là Nguyễn Đức Sơn, tác giả của truyện ngắn ám ảnh tôi gần tuần lễ nay. Tôi đáp vắn tắt: “Tôi có đọc truyện ngắn của anh”. Anh hỏi dồn: “Anh đọc truyện thấy sao? Có đăng được không?”. Truyện hay, nhưng muốn đăng cũng cần phải cân nhắc suy tính. Nghĩ như vậy, nhưng tôi nói ngay “Tôi thích truyện của anh. Tôi sẽ đăng”. Anh hớp ngay lời tôi: “Anh đăng truyện của tôi hả? Thật không? Truyện ấy tôi đã gửi đi khắp nơi nhưng không ai chịu đăng cho tôi cả. Nay anh đăng cho tôi thì quá tốt. Nhưng nhuận bút ra sao? Anh cho tôi nhuận bút ngay hôm nay thì tiện cho tôi lắm”. Tôi chưa chuẩn bị cho tình huống này nhưng ứng khẩu ngay: “Truyện của anh khá dài, tôi đăng làm hai kỳ. Nhuận bút cho hai kỳ là năm trăm đồng. Thông thường bài in xong mới trả nhuận bút. Nhưng theo đề nghị của anh, hôm nay tôi gửi trước cho anh ba trăm đồng”. Nhìn vẻ mặt hớn hờ của anh là tôi đủ vui rồi.

Làm báo cũng lắm nỗi nhọc nhằn nhưng không thiếu đam mê, hào hùng!

**BỮU – Ý**

*Huế, 25.3.2016*

## **Lữ Quỳnh**

### **T Q B T Số Chủ Đề Bán Nguyệt San MAI, Làm Nhớ Lại...**

Năm cuối trung học, bị rơi vào một hoàn cảnh buồn bã, và tiếp theo những tháng ngày dạy học tại một trường bán công mới thành lập được vài năm ở một vùng quê cát trắng, ngoài giờ đi dạy về, là tôi chúi mũi vào đọc sách và viết lang thang những ghi nhận về cuộc sống mới. Trong nỗi cô đơn, ngày làm bạn với những trăng cát đầy hoa dại và lãng mạn; đêm ngẩn ngơ lang thang trên con đường ngập ánh trăng, dưới bóng dừa óng ánh sương. Niềm vui duy nhất trong thời gian này là chờ đọc những tạp chí định kỳ thường phát hành vào ngày đầu và giữa mỗi tháng: Bách Khoa, Phổ Thông, Mai...

MAI là tạp chí bán nguyệt san. Giai đoạn tôi gửi đăng nhiều bài trên Mai, là năm 1961 và 1962. Lúc này anh Nguyễn Hữu Thái làm Thư ký tòa soạn, với chủ nhiệm là ông Hoàng Minh Tuynh. Tờ báo rất sinh động, nhờ vào sáng kiến và đam mê của thư ký tòa soạn. Anh Thái là sinh viên Kiến trúc, hình như năm cuối, trả lời điều đặn cho người cộng tác mỗi khi nhận bài, bằng thư riêng hoặc trên Hộp thư Tòa soạn. Chưa gặp anh, nhưng tôi có cảm giác, anh rất nhiệt tình, tích cực chăm sóc tờ báo. Cuối năm 1962, nhận thư anh cho biết, ông chủ nhiệm trước khi đi dự Cộng Đồng Vatican II, có nói với anh, in cho tôi một tập văn. Tôi rất cảm động, và trả lời anh là tôi mới viết, chưa dám nhận lời đâu. Tôi cảm ơn và nhớ mãi nghĩa cử này.

Qua bao nhiêu đổi thay của con người và đất nước! Hơn 30 năm sau, tôi nghĩ đến việc đi tìm lại những bài viết cũ của mình. Năm 2005, tôi rủ bạn tôi, anh Nguyễn Minh, cùng vào Thư viện Quốc gia (nay là Thư viện Tổng hợp?). Tại đây, gần cả một ngày, chúng tôi được nhân viên đem ra từng xe đẩy các tạp chí Bách Khoa, Thời Nay, Phổ Thông..., tha

hồ mà tra cứu; nhưng tuyệt nhiên không có MAI! Chúng tôi vừa tìm bài, vừa photocopy thơ, truyện ngắn trên Bách Khoa của tôi, của Doãn Dân, của Trần Hoài Thư.

Tôi tìm hỏi nhân viên thư viện, sao không thấy có tạp chí MAI trong danh mục, thì được trả lời, MAI nằm trong số sách báo không được phổ biến. (Có nghĩa là bị xếp vào loại văn hóa phẩm phản động đòi truy.) Tôi nói tôi chỉ cần tìm xem một số đề bài trong tạp chí này thôi. Tôi được giới thiệu vào phòng riêng và người giữ tủ sách này mang ra cho tôi lần lượt từng chồng báo MAI. Có thể không đủ số, nhưng tôi cũng kịp đọc những trang báo của một thời tự do, tươi đẹp. Nhân viên bảo tôi xem rồi trả lại tại chỗ, cấm copy.

Tôi lướt thấy những tùy bút, tạp văn của mình. (Xin ghi ra, để bạn đọc nào còn giữ được các số báo có bài này, cho phép tôi được liên lạc):

-MAI số 33 (10-11-1961): Khoảng trống của đời người.

-MAI số 43 (10-04-1962): Từ một cái chết.

-MAI số 6 (Bộ mới, 25-09-1962): Tên những loài hoa không tên.

-MAI số 8 (Bộ mới, 25-10-1962): Những bàn tay làm kỷ niệm.

...

Kể từ lần vào Thư viện ngày đó đến nay, tính ra đã hơn 10 năm. Không biết với thời gian, thư viện này có thay đổi gì không? Những tác phẩm văn học, những bản nhạc bị xếp loại vàng, phản động, đòi truy một thời; nay có tác phẩm được in lại, có ca khúc được trình diễn. Riêng cái danh mục sách báo bị cấm, trong đó có Bán Nguyệt San MAI, ở thư viện Tổng hợp, không biết giờ đây đã được giải tỏa?

LỮ QUỲNH  
3-16-2016

## SỞ TAY MAI

### NHẬT KÝ THÁNG 8-1964

(Về các biến cố ở thủ đô miền Nam Việt Nam)

1-8. Trận đánh lớn ở Bến Cát (Bình dương) vẫn tiếp diễn. Đã ba hôm rồi. Và đối phương vẫn dùng mừng cũ : « Càng đồn đã viện... » Nhiều tiểu đoàn tham dự trận đánh. Hàng trăm chiến sĩ, ngã xuống, mỗi ngày... Tại thủ đô, một số SV hứa là sẽ « làm mạnh » hơn nữa để chống Pháp, sau đêm phá công trường chiến sĩ. Và chính quyền loan tin rằng vụ 1.300 Phật tử bị bắt giữ ở Quảng Nam sắp kết thúc với phái đoàn điều tra của chính phủ hôm cuối tháng 7. Trong lúc đó, Cam-bốt vẫn tiếp tục tố cáo rằng VNCH đã thả thuốc độc bột màu vàng xuống những làng Cam-bốt ở biên giới. Mỹ và VNCH phủ nhận lời tố cáo đó. Tướng Mỹ Westmoreland thăng lên tướng 4 sao.

2-8. VC, đêm rồi, đã tấn công đồn Vĩnh Lộc, cách Saigon 13 cây số về phía Tây bắc. Đồn Vĩnh Hào cách đồn Vĩnh Lộc 1 cây số cũng bị bắn quấy rối. Máy bay đã đến soi sáng suốt đêm và quân tiếp viện đưa tới... Hôm qua tướng Khánh tuyên bố, tại Long Khánh rằng : « Bắc tiến trong lúc này không phải là đem quân đánh Bắc Việt ». Bộ Nội Vụ thì ra thông cáo kêu gọi SV bình tĩnh, đừng làm khó khăn cho chính phủ trong việc bang giao với Pháp (vì có tin ngày mai 3/8 SV sẽ biểu tình tại các trường Pháp nhân dịp khai giảng của các trường này). Và tối hôm qua một vụ nổ dữ dội ở quán Shadows Phú nhận. 3 thiệt mạng và 17 bị thương, trong đó có lối 7 Mỹ kiều,

8-8 3 thủy đình phóng ngư lôi Bắc Việt tấn công khu trục hạm Maddox của Mỹ tại vịnh Bắc phần. Thủ đô chú ý vào tin này đồng thời cũng để ý đến vụ Phật giáo khiếu nại « nhà cầm quyền Duy Xuyên bắt giữ trái phép 1.300 Phật tử ». Chính phủ đã chuyển chuyển chuẩn tướng Ngô Du và sẽ chuyển chuyển tưng úy quận trưởng Phạm Kim Anh và đến 4-8 sẽ thả nốt số 112 người còn bị giữ để học tập. Phái Phật giáo vẫn tiếp tục tố cáo rằng tại miền Trung dư đảng của chế độ cũ vẫn còn lộng hành và nói rằng nếu chính phủ không chặn đứng, Phật giáo sẽ phản ứng mạnh.

**4-8.** Tự lệnh đệ thất hạm đội Mỹ tuyên bố : Tình hình Việt Nam thêm trầm trọng sau vụ ba phóng. lôi hạm miền bắc tấn công vào tàu chiến Mỹ. Tổng thống Johnson họp khẩn cấp các nhân vật quân sự cao cấp. Ở đây, Tướng Khánh thách kích Mỹ rằng 'Mỹ sẽ là con cọp giấy nếu không có những hành động thích đáng sau khi Bắc Việt tấn công Maddox. ». Mỹ phái thêm nhiều chiến hạm vào vịnh Bắc phần và gởi kháng điệp cho chính phủ miền Bắc. Tướng Khánh lại tuyên bố « Trong khoảng 2 tháng, LÂM hơn là NÓI »

**5-8.** Hoa Thịnh Đốn lại loan tin rằng ngư lôi hạm Bắc Việt lại tấn công chiến Maddox (tin buổi sáng). Và suốt cả đêm, Thủ đô theo dõi vụ « trả đũa » của Mỹ. Với 67 phi xuất, trong 4 tiếng đồng hồ, Mỹ đã bắn phá 5 căn cứ quân sự miền bắc: Hòn gay, Phú Lợi, Lộc Châu, Quảng Khê Vinh. Trong lúc các phi cơ Mỹ làm công việc trả đũa đó thì tổng thống Johnson loan báo với quốc dân Mỹ và thế giới về lý do trả đũa và Mỹ đã yêu cầu triệu tập khẩn cấp Hội đồng bảo an để tố cáo Bắc Việt đã tấn công vào tàu Mỹ ở hải phận quốc tế. Mỹ tuyên bố rằng đã phá hủy phần lớn 5 căn cứ nơi xuất phát các tàu phóng ngư lôi. Và Bắc Việt cũng loan tin rằng hạ được 8 phi cơ Mỹ. Nhưng Mỹ chỉ nhận rằng bị rơi có 2 chiếc. Cả đêm, không phận Saigon nghe-tiếng ầm ĩ của phản lực cơ Mỹ.



6-8. Thủ đô tiếp tục theo dõi vụ Vịnh Bắc Việt và lo ngại. Các quán thực phẩm đông người .. giá gạo, than vọt lên... Mọi công dân VN xúc động mạnh. Nhưng ý kiến về vụ trả đũa của Mỹ không đồng nhất. Người ta chờ đợi những hành động tiếp theo của Mỹ và Đồng minh, và chờ đợi sự phản ứng của khối các nước Cộng sản, nhất là chờ đợi sự phản ứng của Liên xô và Trung Hoa trong lúc đó Mỹ vẫn tiếp tục lên tiếng trên báo âm ỉ rằng bị tấn công nên phải trả đũa. Và chỉ trả đũa giới hạn. Hội đồng Bảo an họp khẩn cấp theo lời yêu cầu của Mỹ.

7-8 Hội đồng Bảo an thỏa thuận mời V. N. C. H. và VNDCCH tham dự cuộc thảo luận tại Hội đồng Bảo an. Trong lúc đó, lực lượng hải quân hùng hậu của Mỹ hướng về Nam Hải. Đông Nam Á đặt trong tình trạng báo động. Bắc Kinh lên tiếng cảnh cáo « Hoa Kỳ đánh Bắc Việt có nghĩa là đánh Trung Hoa ». Nhiều nước đồng minh Mỹ như Anh, Úc, Phi lên tiếng ủng hộ hành động của Mỹ. Nga vẫn còn im lặng. Trong lúc đó ở S. gon, chính quyền, hôm qua, đã giải tán một tổ chức biểu tình là đảo Pháp do 1 nhóm SV học sinh tổ chức. Và Phật giáo lên tiếng rằng Phật tử đang bị trả thù khắp nơi, nhất là ở các tỉnh miền Trung bởi nhóm dư đảng cần lao còn ở trong chính quyền — Chính phủ họp báo tuyên bố tình trạng khẩn trương.

8-8. Ban bố tình trạng khẩn trương trên toàn lãnh thổ VNCH. (Sắc luật 215 SLCT ngày 7-3-64) — Thủ đô Saigon giới nghiêm từ 23 giờ đến 4 giờ sáng. Tướng Khánh tuyên bố trong cuộc họp báo hôm qua rằng « NHỮNG TUẦN TỚI ĐÂY QUYẾT ĐỊNH VẬN MẠNG TOÀN DÂN ».

Với sự ban bố tình trạng khẩn trương, chính quyền có quyền khám nhà bất luận ngày đêm, cấm đình công bãi

thị, biểu tình tụ họp, kiểm duyệt báo, tin tức v.v...

Đồng thời trong một thông cáo đề ngày 7-8 bộ Nội vụ dứt khoát trả lời sự khiếu nại của Phật giáo về vụ Duy Xuyên như sau : « Quận Duy Xuyên chỉ cưỡng bách các phần tử liên hệ với cộng sản học tập và nhờ sự học tập này đã phát giác được 6 hầm bí mật VC ». Và nguồn tin quân sự cho biết rằng 1 trong 4 phần lực cơ khổng lồ B-57 rút ở Biên Hòa vẫn chưa lấy lại được.

Lần đầu tiên chính phủ công bố lực lượng của địch như sau (tại miền nam) quân số 150.000 người trong đó có 34.000 quân chính quy và VC kiểm soát được 1.935 934 người dân — (chính phủ kiểm soát được 8.592.322 người và còn 2.964.998 người thì đang còn sống rải rác khắp nơi trong những vùng mà chính phủ đang tranh thủ để gom về).

9-8 Tướng Nguyễn Khánh ra Trung quan sát tình hình đến thăm cuộc dàn binh của VNCH bên này sông Bến Hải ghé Huế được dân chúng Huế tiếp đón bởi những biểu ngữ đòi hỏi, đòi hỏi... Và ghé Duy Xuyên thị sát rồi tuyên bố: rằng ở Duy Xuyên quả có sự đàn áp đồng bào Phật tử ! Cũng chiều hôm nay đồng bào thủ đô tập phòng thủ thụ động chống oanh tạc cơ của địch. Trong lúc đó « vụ Maddox » vẫn còn sôi nổi. Còn Bắc Việt thì tố cáo rằng Mỹ đã bày đặt « vụ tấn công Maddox lần thứ 2 » để « xâm lăng » miền Bắc. Còn dư luận thế giới thì phân tán rõ rệt trước những lời tố cáo lẫn nhau giữa Mỹ và Bắc Việt.

**10-8.** VNCH đoạn giao với Iudonesia vì giữa Hà nội và Djakarta sắp trao đổi đại sứ. HQĐBCM họp tại Vũng tàu và thăng cấp Đại tướng cho Trung tướng Trần thiện Khiêm. Đồng thời 8 đại tá khác cũng được vinh thăng Chuẩn tướng — Trung tâm Vườn Lài, nơi tập trung gái mãi dâm để « hướng nghiệp » làm náo động và đã được « giải tỏa », chị em được « giải phóng » theo chính sách của Ô. Bộ trưởng xã hội.

**11-8.** Phái đoàn Ủy hội Quốc tế rời Saigon đi Hà nội ngày hôm qua để quan sát các nơi mà Bắc Việt tố cáo là Mỹ đã « xâm lăng » bằng những vụ oanh tạc ngày 5-8. Tòa án Quân sự mặt trận vùng III chiếc thuật tuyên xử vụ « đặt mìn dưới cầu Công lý để mưu sát ông bộ trưởng Quốc phòng Mỹ ». Thủ phạm, 1 bị tử hình, một thì 20 năm khổ sai. Và ở Đô thành, Ông Đô trưởng cho đào một số hăm (trong 500 cái) để núp bom !! Nga đã chính thức lên án Mỹ về vụ ném bom ở BV.

**12-8** Đại sứ Taylor họp báo cho rằng VC đang nhằm đi tới thỏa ước chính trị có lợi cho họ. Bản tuyên bố của ông có đoạn « chúng ta đang chứng kiến một nỗ lực cố ý, đã được chuẩn bị từ lâu và thực hiện chu đáo nhằm thôn tính xứ này bằng cái mà Cộng sản gọi là chiến tranh giải phóng. Loại chiến tranh này, mà Trung cộng đã tuyên truyền một cách nguy hiểm hết sức và Bắc Việt đã thi hành tới mức tuyệt hảo, mưu toan che đậy một cuộc xâm lăng dưới hình thức một cuộc quật khởi của dân chúng »

**13-8** Lại đánh lớn ở Bình Dương. Hàng trăm phi cơ trực thăng được huy động vào trận đánh này.

Báo chí hiện trong tình trạng bị đất bới lươi kéo khắc nghiệt của bộ Thông tin. Nhiều lời đồn đãi về một sự cải tổ chỉ nh phủ, về một sự đảo chính... Và chính phủ miền Bắc chính thức phủ nhận thẩm quyền của Hội đồng Bảo An trong vụ giải quyết việc xung đột giữa BV và Mỹ vừa rồi.

**14-8** Chính phủ Mỹ cải chính về một lời tuyên bố của Goldwater là: « tổng thống Mỹ đã cho các tư lệnh Mỹ được phép dùng khi giới nguyên tử ở Bắc Việt trong vụ khủng hoảng vừa qua ». Nhiều giới ở Saigon, nhất là giới chủ trương tấn công ra Bắc, thất vọng trước thái độ của Mỹ là chỉ trả đũa giới hạn, không chịu mở rộng chiến tranh — Trong lúc đó Phật giáo chuẩn bị tổ chức lễ lớn kỷ niệm ngày Phật đản bị đàn áp (20-8-63). Và nhiều người đã lên tiếng đề nghị xét lại lệnh giới nghiêm. . . Nhưng tin truyền tai vẫn một lúc một tăng vận tốc : sẽ có cải tổ lớn !

**15.8** Trước ngày ông Cabot Lodge, cựu đại sứ Mỹ ở VN ghé Balê với tư cách là đại sứ đặc biệt của tổng thống Mỹ — một phát ngôn viên của Pháp tuyên bố rằng Pháp không can thiệp vào vấn đề Việt Nam, Congo, Chypre nhưng lại vẫn kêu gào triệu tập hội nghị Genève. Trong khi đó có tin rằng Trung cộng đã bất bình về thái độ không cứng rắn và quyết liệt của Nga đối với Mỹ trong vụ Bắc Việt. Và khắp nơi trên đất Trung hoa, trong tuần qua, mít tinh biểu tình chống Mỹ tiếp diễn từ tỉnh này qua tỉnh nọ. Và người ta cho rằng đó là phản ứng tốt cùng của Trung Cộng đối với Mỹ trong vụ Maddox.

Mỹ lại chính thức xác nhận rằng không thể dùng LHQ để giải quyết vấn đề V.N. Như thế hội đồng Bảo an, với sự từ chối của Bắc Việt, và với sự xác nhận ấy của Mỹ không bàn về vụ Mỹ tố cáo Bắc Việt tấn công vô cớ vào tàu Mỹ nữa. Tuy nhiên Nga đòi công bố như là văn kiện chính thức của Hội Đồng Bảo an các giác thư tố cáo Mỹ « xâm lăng » Bắc Việt của nhà cầm quyền Hà nội chuyển đến H.Đ.B.A. qua sự trung gian của Nga.

**16-8** HĐQTCM họp ở Vũng Tàu, sau ba giờ họp kín, khai tử hiến ước tạm thời số 1, số 2 và khai sinh tân chế độ với « hiến chương Vũng Tàu 16-8 ». Và với cuộc công khai bầu chủ tịch VNCH (theo hiến chương mới), ông Nguyễn Khánh được đắc cử. Rồi 21 phát đại bác bắn chào mừng « đệ tam Cộng Hòa ». Trung tướng Dương văn Minh âm thầm lui vào bóng tối. .

**17-8** Các báo đăng tải bản hiến chương 16-8 và dân chúng bắt đầu bàn tán xôn xao. Sự nghi ngờ trong cả tuần nay về một biến cố mới đã không sai. Tuy không có đổ máu, nhưng đã có một chế độ mới, và theo lời bàn tán, chế độ mới này không hợp lòng dân cho bằng chế độ vừa bị thay đổi.

SV Huế nhân cuộc họp kỷ niệm ngày bị đàn áp năm ngoái đã ra bản ngôn chống độc tài... Trong lúc đó SV Saigon nao nức chuẩn bị « tuần lễ vùng dậy » và giới Phật giáo vẫn tiếp tục chuẩn bị cho ngày lễ Kỷ niệm 20-8, ngày mà chế độ Ngô đình Diệm ra lệnh tấn công chùa chiền

**18-8.** Trong dân chúng đã bắt đầu có những phản ứng rõ rệt về việc thay đổi chế độ. Nhất là trong giới SVHS, phần lớn đã tỏ vẻ bất bình ra mặt. Chính quyền cũng lo rằng báo chí phản ánh sự « phản ứng » đó nên cho cây kéo kiểm duyệt làm việc quyết liệt hơn : trên mặt báo, những vết đen, những khoảng trắng, những ô vuông cáo trường ra ở trang nhất... báo nào cũng có, không nhiều thì ít.

Chính phủ Nguyễn Khánh cũng đã đệ đơn từ chức toàn thể. VNCH sẽ có 150 ông nghị chỉ định trong đó có 50 quân nhân !! Các vị chánh khách lui tới « chủ tịch phủ » để « bàn » về chính phủ mới — với danh nghĩa « nội các chiến tranh ». Ban đêm vẫn giới nghiêm từ 11 giờ đến 4 giờ sáng và vẫn có nhiều người đi trong giới nghiêm bị bắt, (trung bình mỗi đêm 200 người) và nhiều vùng bị lục soát với duyên cớ chính đáng « đề phòng VC với lễ cách mạng tháng 8 của chúng ».

**19-8** Sinh Viên Saigon chính thức lên tiếng trong buổi hội thảo chiều 19-8 tại trụ sở Sinh Viên 4 Duy Tân về đề tài « Bản hiến chương 19-8 » dưới sự chủ tọa của các nhân viên trong ban chấp hành Tổng hội SV Saigon. Buổi hội thảo đã lên án bản hiến chương là phản dân chủ và một tuyên ngôn được chấp thuận là *sẵn sàng chống độc tài*. Có mặt nhiều phóng viên báo chí trong và ngoài nước trong buổi hội thảo này. Buổi hội thảo nhiều lần xôn xao vì những bóng cảnh sát, công an đến.

Cũng trong buổi hội thảo, nhận được nhiều tin ở Huế : SVHS cũng như nhiều GS đã sẵn sàng.. Có tin biểu tình và xô xát... Mỹ thì loan báo là rất hoan hỉ với sự thay đổi chính thể vì tránh được cuộc đảo chính thứ 3 và chủ tịch Nguyễn Khánh thì kêu gọi SVHS bình tĩnh sáng suốt và kỷ luật.

Cũng trong buổi hội thảo, nhận được nhiều tin ở Huế : SVHS cũng như nhiều GS đã sẵn sàng... Có tin biểu tình và xô xát... Mỹ thì loan báo là rất hoan hỉ với sự thay đổi chính thể vì tránh được cuộc đảo chính thứ 3 và chủ tịch Nguyễn Khánh thì kêu gọi SVHS bình tĩnh sáng suốt và kỷ luật.

**20-8** Các báo bị đục về những khoảng nói về cuộc hội thảo của SV. ngày hôm qua

Phật giáo làm lễ kỷ niệm : buổi sáng tại Viện hóa đạo hàng vạn Phật tử làm lễ và nghe thuyết pháp. Buổi chiều hàng ngàn thanh niên S.V. S.V Phật tử làm lễ kỷ niệm. Và Phật giáo đưa ra nhiều yêu sách trong đó có khoảng đòi phải trừng trị dư đảng cần lao. Không khí « đòi hỏi » giống như những ngày năm ngoái. Và những kiến nghị được đưa ra cho chính quyền giải quyết, những bản kiến nghị mà... giá trị của nó như một tối hậu thư. Về phía đồng bào công giáo thì nhiều nơi đã gửi kiến nghị về ủng hộ chủ tịch Nguyễn Khánh. Và người ta cũng bàn tán nhiều về bức thư chúc mừng của Đức Tổng giám Mục Nguyễn văn Bình gửi cho chủ tịch Nguyễn Khánh... Nhiều truyền đơn được phát ra, phát xuất từ nhiều nguồn gốc khác nhau, họ hào thanh niên SV HV đứng lên chống độc tài... Các nơi, trong nước, Phật tử đều có làm lễ kỷ niệm rất trọng thể...

**21-8.** Ngân Hàng Quốc Gia loan báo thu hồi loại bạc 500đ. và sẽ phát hành 500đ loại mới. Thời hạn đổi trong 10 hôm. SVHS lại hội họp ở 4 Duy Tân để tiếp tục hội thảo về bản Hiến chương, vào buổi sáng. Chế độ quân phiệt đã bị lên án. Chế độ kiểm duyệt báo chí cũng bị chỉ trích kịch

liệt. SV đòi hỏi bãi bỏ tình trạng giới nghiêm mà họ cho là « giả tạo » để củng cố chế độ độc tài. Mỹ cũng bị lên án là đã giúp cho 1 chính phủ độc tài, là đã không thành thật v.v.. Cuối cùng lúc 11 giờ tất cả SVHS kéo đến dinh chủ tịch đưa quyết nghị 5 điểm (trong đó có : bãi bỏ chế độ quân phiệt, bãi bỏ kiểm duyệt báo chí v.v..) và đòi phải giải quyết ngay. Ô. Nghiêm xuân Hồng thay mặt Ô. Khánh tiếp xúc đại diện SV đoàn biểu tình và hứa sẽ trả lời trễ nhất vào ngày 25-8. Buổi chiều SV lại họp nhau tại Trung tâm kỹ thuật Phú thọ và lại cũng là lên án chế độ độc tài, chỉ trích bản hiến chương 16-8, Số người tham dự hội thảo mỗi ngày một tăng.

• **22-8** Đồng bào thủ đô và toàn quốc đều đã hay biết và ủng hộ thâm lặng sự « vùng lên một lần nữa » của giới trẻ tuổi can đảm. Trong lúc đó, ông Khánh tiếp tục thăm dò ý kiến các « chính khách » để thành lập nội các mới. Và báo chí, hôm nay mới đăng tải bản kiến nghị ngày 12-8 của nghiệp đoàn ký giả yêu cầu chính phủ xét lại các vấn đề kiểm duyệt, giấy báo, đóng cửa báo. Và cũng báo hôm nay mới bắt đầu đăng tin về hoạt động SV, nhưng bị nhà cầm quyền giới hạn « chỉ được đăng trong 1 cột mà thôi ».

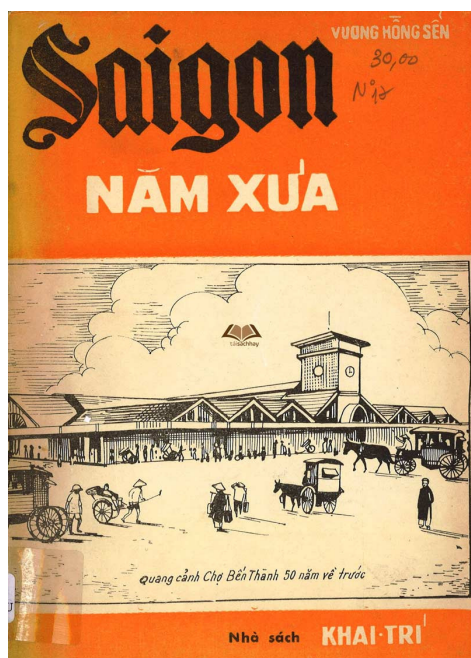
Buổi chiều SV tụ họp Đại học khoa học làm lễ kỷ niệm ngày bãi thi APM và thảo luận về các phương thức tranh đấu trong hiện tại của S.V. Một lần nữa S.V đòi hủy bỏ hiến chương 16-8, đòi triệt hạ dư đảng Cần lao v.v. Số SVHS tham dự đã lên con số hàng ngàn. Cũng ngay chiều hôm nay ông Khánh đã tiếp xúc với các đại diện S.V tại phủ chủ tịch với sự hiện diện của báo chí (do sự yêu cầu của đại diện SV) để giải thích về các điểm mà SV đã yêu sách...

Ngay tối hôm đó, đài phát thanh Saigon tường thuật lại cuộc hội kiến đó và cho rằng các đại diện SV đã thỏa mãn.

# Độc cuốn “Sài Gòn Năm Xưa” của Vương Hồng Sển

NGUYỄN HIẾN LÊ

(Tạp chí Mai số 20, ngày 25/04/1961)



Độc cuốn “Sài Gòn Năm Xưa” của học giả Vương Hồng Sển, ta có cảm giác thoải mái, dễ chịu quá.

Tôi nhớ những buổi ngả lưng vào ghế tràng kỷ trong ngôi nhà cổ chung bày toàn đồ cổ của tác giả mà nghe tác giả kể chuyện “đời xưa”, từ chuyện các chánh tham biện, chuyện

các cụ đường cừu tới chuyện tản cư, chuyện con voi sờ thú... Lời rất bình dị, tự nhiên, có duyên: cứ mê đi mà nghe và mỉm cười cho tới khi nào thấy làm mất thì giờ của chủ nhân quá rồi thì cáo từ mà ra về.

Tác giả kể chuyện làm sao thì chép lại thành sách như vậy.

Đây xin đọc giả nghe ông vào chuyện:

Bởi thấy tôi là người trong Nam, đầu pha hai thứ tóc, làm việc trong một cơ quan chuyên môn, thêm có tánh ham chơi cổ ngoạn, tom góp giấy má cũ đây nhà, rồi tiếng đồn truyền ra: tôi sành sỏi chuyện xưa, tôi giỏi kê cứu điển cổ, báo hại phần đông văn hữu Bắc và Trung, ông nào quen một đôi lần, gặp nhau, hết năm ba câu lấy lệ, làm gì cũng hỏi vặn tôi về:

“gốc tích hai chữ “SÀI GÒN”.

Thật là thân mật, tự nhiên, xuề xòa.

Rồi ít hàng như sau:

Đối với các bạn nhỏ hiếu học, tôi xin nói lớn:

1) - Chỗ nào các bạn thấy mới, đừng sợ: ấy tôi đã cân nhắc kỹ càng, cứ tin cứ dùng: “coi vậy mà xài được!”

2) - Chỗ nào chưa “êm”, nhờ các bạn chỉ giùm, nếu tìm cách bổ khuyết càng tốt, gọi giúp lẫn nhau: già thua trẻ không xấu, mắc cỡ bậy, hay gì?

Chắc đọc giả đã được mỉm cười rồi chứ?

Suốt hai trăm trang in chữ nhỏ, toàn là một giọng như vậy.

Thỉnh thoảng điểm những tiếng cổ mà chúng ta chỉ thấy trong các sách báo in từ đầu thế kỷ, hoặc nghe ở những chốn quê mùa, do những cụ tám, chín chục tuổi thốt ra. Chẳng hạn:

- Tôi không dám chắc đúng cả, nhưng “ăn trầu gặm mà nghe” bây giờ không nói còn đợi lúc nào?

- Lâm cảnh lưỡng đầu thọ địch...

- ... hện hậu nhựt tri

- ... chết ba mươi đời vương

- ... trở sanh nghề lạ

- ... trời kệ

Lại thêm những tiếng rất tự nhiên chỉ dùng trong một vài giới:

- ... đi la mát nơi đây.

- ... chiều chiều thả “xích-phê” đường Catinat, giày “ăn phón”...

- ... dện áo “u-hoe”, tay lo le điều xì gà tàn, thì duy có mấy cô mấy ý đời ấy biết cho.

- ... xa tít mù tè.

Có chỗ tác giả như mời người ta cởi áo ngoài ra cho thành thơi hơn nữa để nghe ông kể tiếp:

“Đèn nhá nhem, người bu đông đến mức cháo không kịp, thêm tuổi vừa đôi mươi, “ăn sắt cũng tiêu”, ghế bàn không có, mỗi người tự biện lấy, đứng húp ngon lành, ngó mặt nhau vẫn quen quen: Cô Ba Trà, ông cò mi Kính và tớ đây, kẻ còn người mất, đũa bạc đầu!”.

Vế trong câu thường ngắn - năm sáu tiếng một - ít dùng liên từ lại gần đối nhau, bằng trắc nhịp nhàng, làm cho ta sức nhớ rằng tác giả là người rất mê hát bội:

“Xưa người thừa đất rộng, xây nhà đếm căn, nay đất ít nhà đông, cất nhà kể từng...”

“Trước còn bánh đặc, phần đường sá gồ ghề, mê sức chạy mau mà quên đau... sau có bánh bông, nhưng xe nổ vô thì có lấy tay mà bùm!”

Cuối câu thường hạ tiếng trắc y như nói lỗi.

Không biết cảm tưởng của độc giả ra sao chứ tôi thì thấy vui, nhớ lại những ông già búi tóc mà đội nón Tây và những bà già ngoáy trầu trên những bộ ngựa. Nhưng tôi phải thú thực rằng mặc dầu bút pháp đó gợi cho ta cái không khí của thời xưa, mà thời này dùng nhiều quá thì cũng ít người thưởng thức.

Sách chia làm tám phần.

- Phần thứ nhất tựa như đoạn mở đầu, nhắc qua lại cuộc Nam tiến của tổ tiên từ thế kỷ thứ XI đến năm 1780, Mạc Thiên Tứ mất, đất Hà Tiên sát nhập vào cơ đồ chúa Nguyễn. Tác giả nhấn mạnh vào sự bình định và khai phá cõi Nam, vào công lao của các chúa Nguyễn, của Nguyễn Hữu Kính,

Nguyễn Cư Trinh, và họ Mạc ở Hà Tiên.

Nữ sĩ Mộng Tuyết và học giả Vương Hồng Sển, mỗi người dùng một thể tài, một nhà viết truyện, một nhà viết sử, hai nhà cùng một lúc nhắc nhở công lao tổ tiên một cách cảm động, sự không hẹn mà gặp đó cho ta thấy rằng phong trào ôn cố lúc này đang lên.

Trong phần này, Vương quân đưa ra một nhận xét rất xác đáng là tổ tiên chúng ta đã không chiếm đất Nam này của người Miên vì hai lẽ:

- Đất này trước kia không phải của người Miên mà của người Phù Nam.

- Khi tổ tiên ta tới đây thế kỷ 17 thì tuy đã có người Miên, nhưng dân thưa đất rộng, Việt Miên tha hồ khai phá không hề xảy ra những sự xung đột để có thể nói rằng dân tộc này tranh của dân tộc khác.

- Qua phần thứ nhì, tác giả bắt đầu nói về Sài Gòn. Ông xét vết tích những dân tộc đã ở trên khu đất mà ngày nay là Sài Gòn, tức là người Phù Nam, người Miên, người Trung Hoa, và tổ tiên ta, để tìm xem danh từ Sài Gòn từ đâu mà ra. Ông kết luận rằng Sài Gòn thời Miên là Prei Norkor (nghĩa là xứ ở giữa rừng); Trung Hoa tới lập một khu buôn bán gọi là Đề Ngạn (Chợ Lớn ngày nay), và người Việt tới lập một khu khác, gọi là Bến Thành (Sài Gòn ngày nay).

Đề Ngạn mà phát âm theo giọng Quảng Đông thì nghe ra “Thầy Ngònn” hay “Thì ngònn” hay “Tài ngòn”. Sài Gòn có lẽ do đó mà ra, chứ không phải do Prei Norkor.

Tôi không biết các sử cũ có viết là Đề Ngạn hay không, chỉ thường thấy ngày nay nhiều người viết chữ Hán chữ Đề Ngạn với Đề: bộ thổ, nghĩa là cái đề, còn Đề Ngạn với Đề: bộ thủ, nghĩa là nắm lấy. Nhưng chắc là Vương quân biết rõ hơn tôi.

- Trong phần thứ ba, tác giả nghiên cứu vị trí ba thành xây ở Sài Gòn hồi xưa và ghi lại những lễ nghi phong tục thời Quan Lớn Thượng, tức Quan Tả Quân Lê Văn Duyệt. Dinh Tả quân nay không còn gì, chỉ còn lại cái tên Vườn Ông Thượng (Hoa viên Tao Đàn).

- Qua phần thứ tư, tác giả trở lại tìm vị trí của Prei Norkor,

Đề Ngạn, và Bến Nghé. Đoạn này giá đưa lên phần thứ nhì thì gọn hơn.

Rồi ông dắt ta đi dạo xem phố phường Sài Gòn ngày xưa, bắt đầu từ Cơ Thủy Xưởng, Cột Cờ Thủ Ngũ, tới Khánh Hội, vô Chợ Lớn, trở về Chợ Quán, phủ Tổng Thống, qua Thị Nghè...

Đoạn này khá dài trên bốn mươi trang. Tới mỗi nơi ông chỉ cho ta hồi xưa tại đó có dinh thự, chùa chiền, chợ búa nào, ông lại giảng cho ta nguồn gốc những tên như Ba Son, nhà Rông..., kể những chuyện thuộc về ngoại sử, giải nghĩa những chữ như bắc thảo, tàu kê, gùi đội..., chép những bài thơ cổ, chẳng hạn bài thơ vịnh Mai Sơn Tự, dẫn những câu ca dao...

Những ai ở Sài Gòn đã lâu đọc đoạn đó chắc rung động một niềm hoài cổ man mác nửa vui nửa buồn.

Riêng tôi, tôi nhớ lại lần đọc đoạn hai ông đồ rủ nhau đi thăm thành Thăng Long trong một tiểu thuyết của Nguyễn Triệu Luật. Kỹ thuật của họ Nguyễn và họ Vương khác nhau xa, mà cảm xúc gây trong tâm hồn tôi thì cũng vậy. Khi dắt ta tới Chợ Quán, tác giả ngừng trước một nhà cổ và kể cho ta nghe chuyện một bà cụ chơi đồ cổ. Chuyện xảy ra đầu thế chiến vừa rồi. Tác giả lúc đó mới ngoài ba chục tuổi mà bà cụ đó đã trên tám mươi, mới gặp nhau lần đầu, mà đã hiểu nhau, trẻ thì kính già mà già thì mến trẻ, chỉ do hai bên cùng là những người sành đồ cổ cả. Đoạn đó tác giả viết cảm động nhất và cho ta thấy rõ cái sở thích và sở trường của ông.

- Trong phần thứ năm, Vương quân tiếp tục tả và kể lai lịch các cổ tích chung quanh Sài Gòn Chợ Lớn, các chùa chiền, các giáo khu và cho ta hiểu sơ sơ sự bành trướng của Thiên Chúa Giáo tại địa phận Sài Gòn.

Đầu phần có tả một vụ bốc mả khá cảm động và tác giả đề nghị nhà nước nên sớm thảo điều lệ bảo vệ lăng cũ, mộ xưa nếu không thì miền Nam này sẽ chẳng còn gì về mỹ thuật và cổ tích.

- Ba phần cuối, phần thứ sáu, thứ bảy, và thứ tám, gồm 50 trang, đọc vui nhất. Đời sống nhân vật “bản xứ” và Tây,

Tàu, hoặc thanh cao, hoặc lồ lẳng, đê tiện, tàn nhẫn, quỷ quyệt từ hồi Tây đến tới hồi Tây đi, hiện lên rõ ràng trước mắt chúng ta.

Ông mĩa mai bọn “hầu cận các quan Tây”, bọn: Tiếng Tây không biết, tường vinh trong đời.

Tây đã đi, nhưng bọn này thì vẫn còn và chung quanh ta vẫn nhan nhản một lũ tự hào rằng nói tiếng Pháp như người Pháp mà không mắc cỡ rằng nói tiếng Việt không thông.

Ông oán giận “bọn mãi quốc cầu vinh” - vinh hay nhục nhỉ? - tàn sát đồng bào hồi Tây “bình định” xứ này; ông còn nhân từ không vạch mặt chỉ tên họ ra, nhưng độc giả nào mà không nhận ra được chúng.

Ông khâm phục các học giả như Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, những vị “chỉ say đạo lý và học hỏi, sống đất Tào mà lòng giữ Hán” rồi ông kết:

“Nghĩ theo tay dao tay súng làm nên sự nghiệp như những nhà kia (tức là bọn bán nước), nhưng khi nhắm mắt, sự nghiệp hoen ố lụn bại, sao bằng một ngòi bút, một nghiên mực, sự nghiệp văn chương truyền cửu của ba ông tiền bối này mới thật quý và thơm”.

Còn vô số nhân vật nữa, từ các nhà giàu (nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định), đến các nhà báo (Diệp Văn Cương, Nguyễn Chánh Sắt...) đến huê khôi Cô Ba con thầy thông Chánh mà ba chục năm trước, hồi còn ở Hà Nội tôi đã được trông thấy hình trên các con tem và các giấy thăm rao hàng xà bông, song không biết là của ai, đến bọn làm giàu nhờ buôn bán hoặc cờ bạc, bọn chỉ học được hai tiếng “ù” và “no” mà bỗng nhiên phát triệu phú. Trong phần này còn những tài liệu tuy vắn tắt mà quý về các vụ Phan Xích Long năm 1913, và vụ Khảm Lớn Sài Gòn năm 1916. Trang nào cũng đầy những tài liệu đáng tin cho những nhà sau này viết sử hoặc lịch sử ký sự.

Đoạn kết hơi ngắn (chỉ một trang) nhắc lại những điều kiện mà Sài Gòn có đủ để thành một đô thành tối tân.

o

o o

Như tôi đã thưa với độc giả sự hiểu biết của tôi về sử miền

Nam không đủ cho tôi phê bình tài liệu của Vương quân. Tôi chỉ xin góp ít ý nhỏ ở dưới đây: Tác giả cho rằng danh từ du côn có lẽ do bọn anh chị ở Sài Gòn hồi xưa mà có, vì họ hay dùng những đoàn côn bằng sắt hay bằng đồng để hộ thân. Tôi tưởng danh từ đó đã có từ trước nữa, mà bọn anh chị đó không phải là bọn đầu tiên ở nước ta và nước Trung Hoa thường dùng đoàn côn để tự vệ. Tác giả bảo cây gòn ngoài Bắc gọi là cây “bông gạo”. Hai cây đó tuy cùng một loại, người Pháp cũng gọi một tên (kapokier hoặc faux cotonier), nhưng thực ra khác nhau: cây gạo rất cao lớn, cao như cây sao, gốc lớn có khi có thể đến hai ôm, hoa tuy giống hoa gòn nhưng cánh đỏ như máu và lớn hơn nhiều: lúc mãn khai để chậ một cái chén ăn cơm. Trên hai chục năm trước, tôi có thấy ở giữa châu thành Sóc Trăng gần bờ sông Sở Thủy lợi một hai gốc gạo cổ thụ, không biết nay còn sống không.

Vương quân đưa ra một thuyết để giải nghĩa tiếng trường tiền:

“Sở Công Chánh ngày nay, tục quen gọi “Trường Tiền” có phải là vì bộ Công khi xưa chuyên việc đúc tiền nên nay tên gọi tên làm vậy?”

Thuyết đó có thể đúng. Tôi được nghe một thuyết khác cũng không hoàn toàn vô lý, xin ghi lại đây. Trường Công Chánh Hà Nội là một trong những trường cao đẳng thành lập sớm nhất, chỉ sau trường Y Khoa. Hồi mới đầu các sinh viên toàn là nội trú và ở một ngôi nhà đường Paul Bert tại Hà Nội. Đường này gọi là đường Trường Tiền vì hồi xưa có sở đúc tiền ở gần đó. Nơi nội trú đó do vậy được người Nam gọi là trường Trường Tiền, và các sinh viên Trung Nam ra học thành tài trở về xứ thành các ông Trường Tiền, mà sở các ông ấy làm thành ra Sở Trường Tiền. Ta nên để ý rằng chỉ miền Nam mới gọi Sở Công Chánh là Sở Trường Tiền, còn miền Bắc gọi là Sở Lục Lộ.

Tác giả có ý bảo những nhân, địa danh miền Nam như Võ Tánh, Châu Thới, thì phải đọc theo giọng Nam chứ không được ra giọng Bắc: Vũ Tính, Chu Thái. Điều đó rất hợp lý. Mướn xe hơi đi chơi núi Châu Thới mà nói là đi chơi núi

Chu Thái thì tài xế làm sao hiểu được. Nhưng thế nào cũng có lúc ta phải thống nhất giọng nói Nam Bắc, lúc đó sẽ rắc rối đấy.

Còn tiếng Sài Gòn thì đúng như Vương quân đã nói, cổ nhân thiếu chữ gòn, phải mượn chữ côn thế tạm; vậy côn đó phải đọc là gòn tất nhiên rồi, nếu đọc là côn thì bậy lắm.

o

o o

Quả như lời Vương quân nói trong bài tựa: “Coi vậy mà xài được”. “Xài được” bọn kia đấy. Kẻ ít học như tôi còn thấy là có lẽ xài được gần trọn kia đấy. Chúng ta nên cảm ơn ông đã ghi lại - mặc dầu là hơi hấp tấp trong sự trình bày - vô số tài liệu mà trong mấy chục năm ông đã tốn công đập một chiếc xe máy đi sưu tầm ở khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, và các vùng lân cận rồi về nhà cân nhắc lựa chọn với một tinh thần trân trọng đáng khen: chỗ nào chưa đủ chứng cứ thì tồn nghi.

Có đọc cuốn *Le Déchiffrement des Écritures* trong đó Ernsts Doblhofer kể cái công tìm tòi, suy luận, trong hàng chục năm của hàng chục nhà bác học để viết lại được một chương ngắn về cổ sử Ai Cập, Ba Tư, hay Mésopotamie... mới thấy được rằng phần ai biết được một tài liệu gì về sử cũng có bốn phận phải chép lại bằng cách nào cũng được, miễn thận trọng và thành tâm là quý rồi. Nếu không vậy thì thực khổ tâm cho những người sau muốn tìm hiểu những người trước...

Nguyễn Hiến Lê

(Tập chí Mai số 20, ngày 25/04/1961)

**LTS: Truyện ngắn Bên Này Thiên Đường trích từ MAI, số 36 & 37 Xuân Giáp Thìn năm 1964. Tác giả Song Linh tên thật Nguyễn văn Nghiêm. Nguyên sĩ quan QLVNCH. Từ trần tại Ấp Bắc, Cai Lậy năm 1969**

---

**SONG LINH**  
**Bên này thiên đường**  
“Qui me invenerit inveniet vitam”

Bà phước Anna lặng lẽ đi bên mép hành lang hun hút của bệnh viện. Mùa lạnh thoáng chợp mình thức dậy từ đêm qua. Sáng nay bà mặc áo chùng thâm, và đội mũ vải đen. Một cảm giác nao núng lay nhẹ trong tâm hồn trong suốt, thanh thần của bà. Bà dừng lại tận cuối đường, khẽ dướn người mở tung hai cánh cửa sổ. Bên ngoài sương trắng vờn vọt đang tan nhẹ dưới những vạt nắng nhọn hoắt chém xuống đầu ngày. Bà phước đứng im. Mắt nhìn xuống lên khung trời hanh sáng, rồi đậu lại trên những ngọn cây đang rụng lá. Dưới vườn, cỏ xanh ướt đầm sương đêm, long lanh trước nắng, sáng lên như tia nhìn con mắt trẻ thơ, và nụ cười thiếu nữ dưới ánh đèn rượi mạnh. Lá vàng nằm la liệt, thật buồn. Bà Anna nghe dội từ vực lòng thăm thẳm, lạnh giá những làn sóng ký gợn tròn khua động tâm tư. Nơi ấy là giấc ngủ, là mộ phần chôn vùi, cấm cố khoảng thời gian hai mươi năm dĩ vãng. Bây giờ đối với bà hầu như xa lạ, mờ mịt. Tuy nhiên giữa niềm tin chói lòa, hình ảnh người đàn ông theo dõi dấu chân và cuộc đời của Chúa, vẫn ngồi quắc như ngọn hải đăng dẫn đường để nàng lao tới. Hình ảnh ấy, giữ mãi nụ cười cởi mở, giọng nói âm áp hoạt bát và tia nhìn nhọn hoắt như những ngọn giáo, những mũi tên phóng thẳng vào người đối diện, tựa một địch thủ. Tia nhìn ấy như ngọn lửa

tỏa bóc giữa đáy mắt chàng, bùng cháy những niềm tin mãnh liệt, vây choán, phong tỏa những tâm hồn tội lỗi, cúi đầu nhìn xuống một vùng bóng tối trùng điệp không bao giờ hết. Nó như một sức mạnh ban xuống từ sự nhiệm mầu của đấng Ki-Tô cao cả, có mãnh lực lôi kéo, cứu vớt những bước chân lầm lẫn, sa ngã về dưới tay người. Thở xác tạm bợ của chàng đã trở về gió cát, như lời phán thánh thư. Như cuộc đời tận tụy, những tình thương đầy ắp, cứu rỗi đem chăm sóc mọi người, vẫn hằng sáng láng trong linh hồn nàng, và yên ngủ vĩnh cửu nơi linh hồn Chúa. Tiếng chuông sớm, chiều rung nhịp dồn dập, chỉ làm cho những linh hồn rối loạn, buồn phiền dịu lắng bình thản lại. Nó mang chứa những niềm an ủi vuốt ve từ một cõi hư không vơi vợi, huyền bí, mà ý thức cùng bước chân loài người không bao giờ đạt tới. Chàng đã yên nghỉ đời đời ở đây—Đã thật sự tách rời cõi phàm trần đầy dẫy tội lỗi, để vượt tới, để nhập vào cái thế giới hư huyền bất tuyệt. Nơi ấy mông lung, vô tận hơn những bí mật của một buổi sáng hoang sơ, của một thời tiền kiếp, mà hoa cỏ tưởng chừng phải nở đầy bằng những tinh anh thánh thiện. Từ đó không là một ngăn cách trần thế, một ân sủng riêng tư, khiến những con người tu hành man trá ước mơ phóng tới an hưởng hoặc thông hối miễn cưỡng, đọc thật nhiều kinh để chỉ mong ân xá. Cái thế giới ấy thật tinh tuyền trong sạch. Nó thần nhiên như một bè mây, một dòng suối và quần tụ cái linh hồn biết quên mình, không hề mặc cảm kính sợ Chúa, mà vẫn toàn mình trong sự thiện căn cùng tận đáy lòng. Vẫn ngụp lặn trong đau nhức, ê chề để tận tụy tìm niềm vui cho kẻ khác. Không bao giờ nghĩ sẽ được Chúa đền bù công lao với đường về bên Người thanh thản an lạc. Bà Anna bỏ lửng ý nghĩ, nhìn xuống con đường sỏi quanh co dẫn ra khu vườn xa trước mặt. Người lao công, đang đứng dang hai chân, quét những đám lá khô dưới các gốc cây. Bà có cảm tưởng những ý nghĩ của mình đang được bàn tay nào đó vun gọt lại thành một đồng, rồi đem đốt tất cả. Bà đưa tay lần chuỗi hạt đeo dài theo bên sườn. Cây thánh giá với tượng Chúa bằng đồng nhỏ bé, nằm gọn trong lòng tay trắng muốt của bà. Bà nhìn ra thật xa. Ý nghĩ hướng trọn vẹn về đấng toàn năng cao cả. Nhô khỏi tàn cây khẳng khiu, nâu sậm, ngọn tháp chuông

trắng xóa của ngôi nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế vươn cao chót vót trên nền trời hừng sáng. Hồi chuông lễ nhĩ của ngày chủ nhật đang nện ròn tan, phá đám giấc ngủ của loài chim én xây tổ từ đỉnh tháp, làm chúng hoảng hốt bay tán loạn, và buông những tiếng kêu thảng thốt yếu ớt. Ngoài đường những người đi lễ đang lác đác ra về. Cánh cổng sắt sơn xanh bên ngoài đã mở rộng từ bao giờ. Bà Anna nhìn ra con đường yên tĩnh chạy ngang ngoài cửa bệnh viện, và bắt gặp từ phía sườn đồi xoải dốc, nơi cuối hàng thông xa tít, khu nghĩa trang với những ngôi mộ trắng nằm quần tụ im lìm. Bên trên, những cây thánh giá cúi đầu tưởng niệm. Bà nghĩ đến giấc ngủ bình yên, không một tiếng cựa mình của người đàn ông gửi trọn cuộc đời nơi bàn tay của Chúa, bất chợt bà đưa tay làm dấu thập tự. Bà Anna quay về phòng quý gôi, ngược nhìn tượng Chúa, và lần hạt môi khấn hứa: Ôn huệ Chúa chẳng bao giờ rời bỏ. Dõi theo tôi trót cả cuộc đời. Và tôi sẽ ở bên người, những ngày tháng, những năm dài không thôi.

Từ ngoài đầu tỉnh lý, con tàu sáng đang cần cù đậu lại ga xếp, và một lũ, thở hắt ra những hồi còi hú dài ảo não.

Tỳ tay trên mép cửa, Loan đứng nhìn ngọn tháp chuông cao vút của ngôi nhà thờ giữa thành phố, đang tiến gần lại phía nàng. Màu trắng của cây thánh giá trên đỉnh tháp, chói nắng của ngày đầu mùa hạ. Con tàu đang giảm dần tốc độ, gắt gồng thét còi, rồi khật khừ đậu lại trước ga. Loan có cảm tưởng thị trấn nhỏ bé này, lần đầu tiên nàng đặt chân tới, đang vây bọc lấy nàng bằng những cử chỉ thân ái, mời đón. Loan đứng nán trên tàu, chờ những hành khách chen lấn xuống trước. Nàng đưa tay chải lại mớ tóc bị tung toé khi hóng gió ngoài cửa. Hành khách xuống tàu, bỏ lại sự trống vắng trên mấy toa hạng sang. Loan nghĩ đến sự lạnh nhạt lãng quên của khách qua sông, không bao giờ thềm nhớ đến sông nước và con đò. Thân phận những người con gái kém may mắn, trong tay người đàn ông xa lạ qua đêm một lần. Loan xách va ly bước xuống thềm đá gập ghềnh. Nàng bỗng nở nụ cười sung sướng khi nhìn thấy anh chị Giao đang đứng đón mình trước cửa ga. Gần họ, một người đàn ông

dong dong cao, mặc áo choàng thâm, đầu húi ngắn, để trần đang khoanh tay trước ngực. Loan đoán chắc đó là Thiệu - bạn cũ của gia đình nàng. Anh Giao chạy lại đỡ lấy va ly trên tay Loan. Trong khi chị Giao cười nói:

- Tưởng cô còn luyện tiếc thành đô không thềm ra chơi với anh chị.

Loan cười đáp :

- Bộ chị tưởng mùa hè ở thủ đô với các cụ để thành “Bác-bi-kiu” hay sao?

Loan ngược lên bắt gặp Thiệu đi đến.

- Lạ Cha ạ.

Thiệu và Giao cùng cười. Thiệu nói :

- Mười mấy năm nay Loan còn nhớ Cha sao?

- Dạ nhớ chứ ạ. Anh chị Giao có nói gặp Cha ở đây.

Bốn người song hàng đi ra chỗ chiếc ô tô đậu dưới bóng một cây thông. Thiệu nhìn Loan, tia nhìn thẳng thắn.

- Mới ngày nào Loan còn để tóc cun cún Nhật Bản. Bây giờ đã thành một thiếu nữ tân tiến, kiêu diễm mau quá.

Loan cãi :

- Thế còn Cha, mới ngày nào là cậu học trò đệ tứ, cùng với anh Giao, bắt nạt Loan hoài, thế mà bây giờ đã thành một vị linh mục đạo đức rồi thì sao?

Thiệu cười im lặng. Bốn người vào xe. Giao mở máy, gạt số và lái qua những con đường hẹp trong tỉnh. Buổi trưa, vợ chồng Giao mời Thiệu ở lại dùng cơm. Trong bữa ăn, dăm ba câu chuyện được khơi về dĩ vãng, cùng với mối tình của

vợ chồng Giao được Thiệu chứng kiến từ đầu. Giao ôn lại những kỷ niệm hồi hai người học chung một lớp. Về mùa hè. Giữa trưa. Trời nắng đỏ lửa. Thiệu thường cắt công từ vùng ngoại ô Bạch-Mai đến đón Giao tại đầu phố Huế. Hai đứa lái nhau trên chiếc xe đạp của Thiệu lên tận hồ Tây tắm và bơi thuyền. Khi về bao giờ cũng vòng một lượt trong vườn Bách-Thảo, và hái hoa sen. Hai thằng trở về đường Quan Thánh, qua vườn hoa hàng Đậu trên người cảnh sát già đứng gác bên lề đường. Thiệu nhẹ cười, nụ cười thật sáng như tâm hồn còn mới của chàng. Thiệu bỗng nhớ đến những buổi chiều cùng Giao rong chơi trên mạn Phà đen. Hai đứa thường bơi qua cái đầm, sang hái trộm ổi trên mép con đường đầy lá khô và bóng mát. Rồi thời gian lặng lẽ trôi. Những ngày vui xa dần tuổi trẻ, nhường lại cho đôi tâm hồn đã gợn nhiều suy tư khắc khoải. Những đêm khuya, hai đứa nằm dựa lưng vào một đồng cát ẩm ướt trên bờ sông, Hồng Hà, nhìn sao chấy trên vực trời như một biển lửa lân tinh, và lắng nghe tiếng súng vang vọng từ một vùng đồn bót xa xôi. Nước sông lạnh lùng như bộ mặt chiến tranh lý lợm. Thiệu bỗng thở dài, đem cái tâm trạng nao núng, thắc mắc hỏi Giao. Giao chỉ im lặng hút thuốc, lâu lâu mới nói một câu thật ngắn, vẻ chán chường thất vọng :

- Chúng mình đang bị cùm kẹp và bế tắc trên mọi mặt, kể cả tình yêu.

Thiệu gật đầu đồng ý với bạn.

- Nhưng ít ra chúng mình cũng phải tháo gỡ cái cùm kẹp ấy. Không lý cứ để mặc nó đè ấn, xiết chặt mãi, để bị chết một cách thảm hại hay sao?

Giao nện gót chân trên mặt cát ẩm. Những hạt nhỏ bắn rào rào tung toé. Từ xa, con cầu Gia-Lâm căng thẳng trong đêm như một sợi chỉ, treo lơ lửng những bóng đèn. Thình thoảng một đoàn xe nhà binh vượt ngang. Tiếng động cơ ầm ầm rung chuyển. Giao nói:

- Cái nhiệt huyết tuổi trẻ đã trở thành vô nghĩa, bất lực.

Ngụp lặn vào sa đọa mãi cũng thấy chán chường cô đơn. Mà ra ngoài ấy càng chết sớm. Tao nghĩ chỉ còn một lối thoát duy nhất là đi lính, và đi tu.

Thế rồi hơn năm sau, Giao bị động viên vào học trường Võ bị. Thiệu đi tu một cách vô tình mà không hề biết trước. Anh không ngờ cái đêm hai đứa ngồi dưới cồn cát trên bờ sông Hồng, và các câu nói của Giao khi ấy lại trở thành một câu định mệnh sau này. Mười mấy năm trôi qua. Hai người xa cách tưởng chừng vĩnh viễn. Ai ngờ lại gặp nhau ở cái thị trấn nhỏ bé bờ biển này. Giao bây giờ đã là tỉnh trưởng. Còn Thiệu đã gởi trọn linh hồn cho Chúa. Quên mình trong trại cùi, để chăm nom, an ủi những con người bệnh hoạn hiểm nghèo, bị người đời ghê tởm, xa lánh. Thiệu đã tận tụy trong niềm vui cứu rỗi để che chở, điều dắt những linh hồn khốn khổ tìm về với Chúa. Anh nghĩ chỉ có niềm tin mãnh liệt mới xoa dịu được những đau đớn, quẫn quai của linh hồn cùng thể xác. Và Thiệu vẫn ngày đêm cầu nguyện Chúa thương xót, cứu vớt những kiếp người khốn nạn ấy. Tiếng nói của Loan văng lên phá tan ý nghĩ của Thiệu. Thiệu khẽ mỉm cười một thú nhận tình cảm. Loan nói:

- Bây giờ Cha Thiệu đã thật sự xa cách mọi người, không còn như ngày xưa nữa.

Thiệu vui vẻ đáp:

- Bề ngoài tuy có xa. Nhưng thật ra Cha đang gần gũi mọi người.

Loan im lặng cúi đầu. Nàng vừa thoáng gặp đôi mắt Thiệu ánh ra những tia lửa ngời quắc soi buốt tim mình.

Loan ra khỏi nhà thờ. Bóng tối đang về trên những ngọn thông bằng những bước chân vội vã. Nàng rẽ ra con đường bờ biển. Gió mát lồng lộng thổi bay tóc nàng và cuốn tròn tà áo. Loan có cảm tưởng tâm hồn mình bỗng nhiên hoang vu, trống trải như một bờ biển chết, như bề mặt đại dương mù

tật chạy thẳng đến chân trời. Không tìm đâu ra bờ bến.

Hình ảnh đôi mắt ấy, nụ cười ấy vẫn ám ảnh, mài miệt tâm trí nàng. Loan muốn lẫn tránh nó, và chạy trốn ra khỏi vùng ý thức đang rên xiết từ vực lòng sâu thẳm. Nhưng cái bản năng tự vệ tựa hồ tê liệt, cùng với gân cốt, huyết quản như ngừng chạy nhường cho mỗi lửa tình cảm vẫn vũ, âm ỉ như phún thạch chuyển động trong lòng một hỏa diệm sơn sắp nổ tung, như một ngọn sóng ngầm, nép mình dưới cái bề mặt thần nhiên và bao la của biển cả. Nhưng nàng biết, từ đó, nó đang bí mật chuyển đi cái sức mạnh vô cùng mãnh liệt, có tác dụng quật đổ và di chuyển cả một miền hải đảo sầm uất cỏ cây. Ngọn sóng ấy, phún thạch ấy là tình yêu của nàng đang phóng tới người đàn ông mà nàng hằng ôm ấp trong mộng tưởng gần trọn một mùa hè đằng đằng. Người đàn ông đó nhất định phải là Thiệu. Tại sao không là người khác? Chính Loan đã tự hỏi nhiều lần. Nhưng nàng đã bất lực không sao giải nghĩa được. Tâm trạng này bây giờ đang lâm nguy trước một vòng lưới rộng lớn úp xuống và siết lại từ từ. Nàng cố vùng vẫy thoát ra, chỉ thấy lòng mình sa ngã và rơi xuống cái chiều sâu vực thẳm kinh khủng. Nàng hoảng sợ níu vớt lại và từ đó mỗi ngày càng dần thân vào khu rừng tình yêu âm u đầy gai góc, và dây leo xòa ra chắn lối. Loan nhắm mắt mãi mê bước tới, không bao giờ nghĩ rằng mình đang liều mình rượt bắt một hình bóng chấp chờ hiện ra, khiến nàng tin tưởng. Loan không thể phân tách được cái cảm giác tình yêu ấy như mọc từ bao giờ trong lòng mình, mà chỉ thấy nổi xót xa pha lẫn giận hờn, rườm rà, cổ thụ qua những ngày tháng chồng chất. Nhất là những khi gặp Thiệu, nó càng âm ỉ quật khởi, reo xiết tựa một giòng thạch lũ, một phiên nước không lồ xô ập chân đê, cuốn trôi những làng mạc quanh làng. Loan sung sướng nghĩ đến những điều dự tính sẽ được giải thoát khi gặp Thiệu. Nhưng lúc gần chàng, nàng lại thấy mình hồi hộp, lúng túng một cách ngờ nghệch khôi hài. Loan không đủ can đảm để phá vỡ bầu không khí cầm nín, kéo đến như một vầng mây đen che khuất khối óc mình mãi thường nhật. Những tươi vui, nhí nhảnh rất tự nhiên ngày mới gặp Thiệu cũng lần lượt chấp cánh bay khỏi nụ cười trong sáng cùng

nàng. Cứ thế Loan sống lây lất, lần hồi với cái tâm trạng giằng co, căng thẳng, không một lối giải thoát, không một nơi trú ẩn cho tâm hồn yên ổn. Loan nghĩ miên man đến nụ cười khoan dung, cởi mở của Thiệu cùng cặp mắt toát ra những tình thương bao la, rộng lớn. Nó tiềm ẩn một khả năng cảm dỗ, thôi miên thần trí nàng. Nó thấu suốt cả thoi tim cuồng nhiệt khắc khoải của nàng. Nhưng có thể vì đó, nó đã đánh lạc, bỏ quên nàng – y hệt người con gái bị người tình lợi dụng rồi buông rơi giữa núi rừng xa lạ. Loan nghĩ đến sự cô đơn, hải hùng của ả con gái nhẹ dạ ấy – mà cũng có thể là nàng, đang lẫn mò trong đêm tối không định được hướng đi, với vô vàn nguy nan và thú dữ. Những thú dữ, mang tình yêu mà người đời vẫn cho là tội lỗi. Loan hướng về Chúa với linh hồn trong sạch, với thiện chí tràn đầy, vì nghĩ rằng tình yêu của nàng gửi về riêng Thiệu, chính là một ước muốn lý tưởng của Người, cần được tạo dựng và phát triển đông đảo những con chiên thơ dại, để tiếp nối những cuộc đời Chúa đã gọi về quản tụ quanh Người, hoặc bị lưu đầy xuống một miền hỏa ngục. Loan ngồi xuống một thềm đá xây quanh bãi biển. Hai chân buông thõng thoải mái. Trước mặt nàng, lưỡi cát phẳng mịn liềm những con sóng nhỏ lùi xa. Thủy triều đang xuống. Loan nhìn ra khơi. Những ngọn đèn thuyền chài lênh đênh thoi thóp, tựa hồ những linh hồn bơ vơ, lạc lõng. Đèn thành phố hiu hắt buồn rầu, tổ cáo cái bộ mặt lạnh nhạt, như sự hững hờ của người đàn ông, lãnh nhiệm vụ sứ thần của Chúa. Chàng đã gánh vác sứ mạng đem lòng nhân từ của Chúa đi gieo rắc mọi nơi cho loài người đặt hết niềm tin mà lánh xa điều ác để lòng mình được mãi mãi an nhàn. Nhưng chàng đã quên không nghĩ rằng chàng đang để một mình nàng đau khổ.

Loan thở dài đứng dậy. Đêm đã gần khuya. Nàng vẫn không muốn quay về. Nàng sợ phải nhìn cái căn phòng trống trải, lạnh lẽo mà anh chị Giao đã dành riêng cho nàng trên lầu cao, để nàng được hoàn toàn tự do, hưởng trọn một mùa hè cửa biển. Loan lang thang qua các phố tối. Sau cùng nàng quyết định quay lại nhà thờ, với ý định đón đợi vô tình bước chân Thiệu đi qua. Loan ngồi xuống bậc cấp. Ngửa mặt nhìn lên cây thánh giá mờ mờ đứng trên đỉnh tháp cao.

Gió mát reo hò qua những vuông cửa nhỏ hé mở, và quán quít những ngọn thông nghiêng ngả. Loan bỗng nghĩ đến cái hình ảnh rừng rợn của chị người làm cho gia đình Giao. Chị ta đã chết cùng với đứa con đầu lòng trong một nhà hộ sinh có những cô mụ nửa mùa. Người chồng đi lính phương xa chưa hề biết tin ấy. Nhưng Loan thấy mình có trách nhiệm thật lớn trong tai nạn chị ta. Loan đã hối hận dẫn vật, vì không giữ đúng lời hứa, đưa chị đến nhà thương có những bác sĩ chuyên môn, ở một thành phố lớn từ bên kia eo biển. Nàng đã bỏ rơi chị ngang dọc đường, trong một nhà hộ sinh tư nhỏ bé, để quay xe đuổi theo con tàu, có Thiệu quá giang lên một làng hẻo lánh cao nguyên, có những người cùi đang mong chờ chàng đến. Khi nàng cùng Thiệu trở về, thì chị ta đã chết. Loan thâm ân hận, nhưng không dám nói cho Thiệu và anh chị Giao biết. Loan bỗng giật mình. Nàng vừa nghe có tiếng ai hỏi mình như tiếng nói của Thiệu. Loan chưa kịp trả lời, thì quả tình Thiệu đã tiến lại trước mặt nàng cất giọng hoảng hốt:

- Lạy Chúa tôi, giờ này con còn ra đây làm gì?

Loan run sợ, lẩy bẩy đứng lên. Miệng nàng ấp úng:

- Thưa Cha, ... thưa Cha, ... con...

Giọng Thiệu khuyến khích ôn tồn:

- Con có điều gì cần nói? Cha có thể giúp được con không?

Loan lắc đầu.

- Thưa Cha, không, con muốn... nhưng... Loan lại ngừng bật không dám nói tiếp. Bây giờ nàng lại thấy mình hèn nhát hơn những lần trước. Thiệu vẫn sẵn hỏi sốt sắng, tuy chàng đã mang máng hiểu rằng Loan đã cố tình ra ngời đây chờ đợi, để mong gặp chàng trong đêm khuya khoắt.

- Hay con có điều gì khiến lòng không yên ổn Cha sẽ cầu

nguyện Chúa thương con.

Loan vẫn lắc đầu. Nàng bỗng thấy đôi khoé mắt mình nong nóng như chớm có ánh lệ trào ra.

- Không, thưa Cha... con... Vâng, con... con đang đau khổ trong lòng... mong sẽ được Cha cứu rỗi.

Thiệu an ủi nàng với giọng nói hơi run run lạc điệu.

- Con hãy cố tránh xa mọi điều không hay, làm con đau đớn. Hãy để thì giờ về Chúa thường xuyên và hết tâm cầu nguyện con sẽ thấy lòng mình yên ổn, bình thường.

Loan đã khóc thật. Nàng cố cầm nó lại, song vô ích, vì nàng quá yếu đuối. Loan nói qua giọng nghẹn ngào, thật nhanh như một tia chớp lóe, đến nỗi chính nàng cũng không hiểu mình đang nói những gì.

- Không, con đã cầu nguyện nhiều... Nhưng “Loan” đã bất lực. Chỉ có Cha mới đem lại được sự yên ổn ấy - chỉ có một mình “Thiệu” mà thôi...

Nói chưa dứt lời Loan đã ôm mặt vùng chạy qua rặng thông, rồi lẫn vào đêm tối. Thiệu đứng im sững trên nền đá, nghe tiếng nước nở của Loan loãng xa và mờ dần. Tâm hồn chàng tê dại tự lúc nào. Chàng cúi đầu bước nhanh miệng cầu xin lắm lắm:

- Xin Chúa xót thương cứu vớt linh hồn lạc lõng, khôn nạn của nàng.

Cả đêm ấy, Thiệu quỳ gối trước bàn Chúa, để cầu nguyện cho Loan tránh xa khỏi sự xa ngã của loài quỷ dữ cám dỗ, và tìm thấy niềm tin sắt đá nơi Người.

Đôi cánh tay cuộn cuộn những bắp thịt rắn chắc của hắn ghì chặt lấy thân thể Loan. Nàng cố vùng vẫy, la hét nhưng hoàn toàn bất lực trước sức mạnh của hắn. Loan bị hắn dẫn

ngửa xuống mặt đất. Những búp cỏ cứng và gạch đá vụn đâm vào lưng nàng nhói buốt. Loan uốn cong người lên từng chập vì đau đớn. Sau cùng nàng nằm mệt lử chịu trận. Hơi thở dồn dập hỗn hển của hân phà lên mặt nàng. Và nàng rùng mình thấy bàn tay ghồ ghề chai đá của hân lừa vào ngực mình, xoay tròn - xuống dưới - xa hơn. Những hàng cúc bấm tung ra một cách dễ dàng. Nàng nhắm mắt, lơ mơ thấy mình lạnh toát thân thể, với làn da trắng nõn không còn gì che đậy. Mặt hân cúi xuống sát má Loan. Hân vừa hiếp nàng, vừa đòi trả đũa con của hân. Loan mím chặt môi chịu đựng. Chờ đợi hân sơ hở qua một động tác căn bản, nàng co hai chân, đạp hất hân ngã ngửa ra sau. Nàng vùng chạy, và la hét cầu cứu. Loan mơ hồ nghe thấy tiếng rú của mình. Nàng choàng mở mắt. Cái bàn tay nhỏ bé tím ngắt của đũa trẻ thò ra từ phần dưới thân thể nàng vụt biến. Loan rùng mình sợ hãi. Mồ hôi toát ra ướt đầm hai bên thái dương và lưng áo mỏng. Nàng thoáng biết mình vừa ảo mộng. Loan hoảng hốt nghĩ đến người đàn ông bị nàng đạp ngã, na ná giống khuôn mặt của Thiệu. Nàng nhắm mắt xua đuổi cái hình ảnh tội lỗi ấy, mà nàng nghĩ, chính nàng đã nuôi dưỡng, dung túng và nịnh hót nó trong tiềm thức mình từ bao lâu nay. Loan úp mặt xuống nệm gối, lòng ăn năn dày vò tràn ngập, cùng nước mắt đầm đìa hai gò má.

Loan thức dậy vào lúc trời nắng gắt. Nàng bước vào phòng rửa mặt. Bỗng nhiên đối diện tình cờ với khung gương sáng loáng như nụ cười mĩa mai, nham nhở. Loan thấy đôi quầng mắt mình sâu xuống mệt mỏi, và hơi thâm. Mái tóc rũ rượi bao phủ khuôn mặt héo úa. Loan cúi đầu lẩn tránh những tia nhìn xa lạ của đũa con gái trong ấy. Nó đang giễu cợt, nhạo báng nàng—và nàng ngượng ngập chạy trốn khỏi mình, như một tội nhân căm đầu chạy trốn mãi miết để khi dừng lại, vẫn thấy bản án tử hình sừng sững trước mặt mình.

Loan xuống nhà dưới. Qua phòng ăn. Chị Giao đang ngồi coi báo chờ nàng. Chị ngược lên mỉm cười.

- Hôm nay anh đi công tác xa. Chiều mới về.

Loan ngồi vào bàn; đối diện chị. Chị Giao gọi người đem lên bữa điểm tâm. Loan thấy mình mệt mỏi, mệt và chán nản vô cớ. Bữa ăn tẻ nhạt không một câu chuyện qua lại giữa hai chị em. Loan giật mình ngồi im. Tiếng còi xe hú dài ghê rợn chạy hẳn vào sân tòa tỉnh trưởng. Một người quần áo bụi cát, máu me chạy vào với bộ mặt tái mét, hồn hèn:

- Thưa bà, cô, Thiệu tá vừa lâm nạn.

Loan xô ghế cùng với chị Giao hơ hải chạy ra. Chiếc xe Jeep chở xác anh Giao vừa xích đồ. Loan và chị Giao cùng òa lên khóc, chạy lại ôm lấy anh. Những người lính cận vệ nhốn nháo, lảng xảng.

- Thiệu tá còn sống. Chúng nó phục kích giết mìn.

Người ta xúm quanh khiêng Giao để nằm trên chiếc băng ca giữa nhà. Hai chân Giao nát (*chữ không rõ*) và lồng ngực lộ chỗ những vết thủng. Máu loang đỏ thắm cả bộ quần áo trận màu chàm. Mặt chàng xanh nhợt lả đi. Loan ghé xuống mặt anh khóc thảm thiết. Giao khẽ mấp máy đôi môi bảo nàng đi tìm Thiệu. Nàng tắt tả cùng người tài xế đến trại cùi tìm Thiệu. Khi Thiệu đến nơi vừa kịp rửa tội cho bạn lần cuối thì Giao tắt thở.

Buổi chiều, lúc chờ đợi đưa quan tài Giao về an-táng tại thủ đô, Loan một mình đến nhà thờ quỳ trước mặt Thiệu, thú thật những tội lỗi mà nàng nghĩ chính mình đã vô tình gây nên để làm phật lòng Chúa. Loan khóc nức nở:

- Lạy Cha, con đã trót yêu Cha. Xin Cha hãy nói Cha yêu con một lần cuối, trước khi con phải vĩnh viễn xa Cha.

Thiệu im lặng làm dấu thánh giá trên đầu nàng.

- Cha sẽ cầu nguyện Chúa che chở con hằng ngày. Con hãy bình tâm hướng về người với linh hồn ăn năn toàn vẹn. Vì sự hối hận chân thành của con sẽ được người rộng lòng

tha thứ. Tất cả không do lỗi nơi con. Con hãy cố gắng dọn mình, để đạt tới một tình yêu bao la rộng lớn, trước vô vàn lỗi lầm và đau khổ đang ngập chìm nhân loại.

Sáng hôm sau Thiệu ra sân ga tiễn đưa linh cữu bạn lên tàu. Loan chít khăn tang cúi đầu từ giã Thiệu. Lòng vị linh mục bỗng nao nao, bồn chồn. Thiệu cất giọng an ủi nàng:

- Cha biết khi ra đi, con vẫn mang rất nhiều nỗi niềm ân hận, hối cải. Trong mọi trường hợp Cha vẫn mong gặp con, để thấy con làm những điều lành và cứu rỗi mọi người trong tình yêu thần thánh.

Thiệu bỗng vô tình đưa bàn tay ra trước mặt Loan. Nàng quý xuống cảm lấy mà hôn nhẹ. Loan chợt hoảng sợ há miệng khi thấy bàn tay Thiệu có ngón chỉ còn nửa móng. Thiệu chợt nhớ, vội rút lại, trong khi con tàu đang hú còi thúc giục.

- Thôi con về. Xin Chúa thương con, cùng xin thánh thiên thần Raphael dìu dắt con bằng an vô sự trong lúc đi đường.

Loan lật đặt lên tàu. Chị Giao gục mặt xuống quan tài chông khóc lịm, quên cả từ giã Thiệu. Con tàu chuyên bánh bỏ lại ga xếp quanh hiu với thị trấn bé nhỏ, nép mình ven thiết lộ. Loan quay nhìn lại sân ga. Qua màn nước mắt và tóc rối, nàng thấy Thiệu mặc áo chùng thâm, đang đứng nhìn theo con tàu xa dần và làm dấu thánh giá. Từ xa, tận phía nhà thờ, hồi chuông cứu rỗi bỗng òa òa trong không, Loan nghe mơ hồ như đang thánh thót rơi xuống hồn mình. Buổi sáng đầu thu. Thật buồn.

*LTS: Truyện ngắn High Life của Như Quỳnh được trích từ Bán nguyệt san MAI số 36&37 Xuân Giáp Thìn 1964. Tiểu sử tác giả không rõ,*

---

## NHƯỠNG SAO High Life

Đời sống hằng ngày của tôi thật nhì nhằng. Nếp sống về ban ngày cũng rất tầm thường. Chạy lăng xăng mỗi nơi một ít, làm công việc sinh nhai, ăn nhậu và chẳng suy nghĩ gì hết hoặc liên tưởng bậy bạ. Một lần vào ban ngày tôi chợt bắt gặp một hình ảnh tôi chưa bao giờ thoáng thấy về ngày. Tôi nghĩ đó có thể là bóng dáng của tôi, hay sắc diện suốt đời tôi bị cuốn hút đến, hay tiếng vọng vang của một giọng trầm trong đêm mà tôi đã thao thức nghe và chưa bao giờ phân biệt rõ. Vào những ngày lập xuân bầu trời rung rung và xao xuyến nhiều. Tôi đi dạo một mình ở bờ sông và nhìn thấy nhiều thứ trôi ở men bờ nước. Những trận mưa lụt của miền Đông đã chấm dứt được ít lâu. Con sông tràn đầy đã bắt đầu trong trẻo dần. Dọc bờ nước có một ít củi mục, một ít hoa lá và trái cây rừng trôi bập bênh, mỗi lần muốn giạt vào bờ là mỗi lần sóng đánh trở ra tấp vô, giạt ra cuộn vào luồng nước rồi tách khỏi, cứ thế trôi mãi đến một miền cửa sông xa tít mù. Nhìn sóng nước dờn dờn và những rác rến trôi vạt vương tôi chợt nhớ lại một vật gì bỏ quên đã lâu, ba bốn năm rồi. Trong nếp sống nhì nhằng của tôi những công việc tầm thường và ăn chơi lẫn lộn cuộn vào nhau và tôi đi xa đến đâu tôi khó biết; nên hai ba năm đối với tôi cũng là lâu lắm rồi. Tối hôm ấy tôi về lục lại đồ cũ và tìm ra một vật bỏ quên đã lâu. Tôi lấy giấy gói nó lại cẩn thận thành một cái bọc to bằng cái va li con. Ngày hôm sau, vào buổi chiều tôi xách nó đến nhà Kim, người con gái đẹp tôi yêu. Kim đang

sửa soạn về quê ăn Tết. Hai ba ngày gì nữa thì nàng về, và tôi định mang vật ấy làm một món quà lạ cho nàng. Thấy tôi khệ nệ ôm gói đồ bước vào, nàng cười:

- Anh đem gì thế này? Gì chứ đem về nhà không được đâu. To thế chở đi đường phiền chết. Anh gói gì lòi thoi thế này?

- Quà cho Kim đấy, tôi nói. Song chỉ cho Kim xem nó buổi chiều này rồi tôi lấy về lại. Không giữ được nó đâu.

- Trời ơi, quà gì kỳ vậy?

- Quà mùa xuân, thưởng thức nó vào buổi chiều thoi. Kim để tối hay mai rồi sắp xếp đồ đạc. Bây giờ ra ngồi đây mà hưởng quà.

Kim lên lầu một lúc rồi trở xuống, tay xách một chùm đào. Gió từ chiếc cửa sổ rộng kiểu mới thổi lùa đến Kim. Tóc nàng hơi bay bay, áo phất phơ nhẹ, một nét mặt đẹp kiểu cách. Tôi nghĩ tôi có thể yêu nàng được.

- Nào, anh mở quà đi; à mà để Kim mở cho.

Kim vui vẻ nhí nhảnh. Nàng vẫn thích bầu không khí bạn bè và quà biếu. Tôi nói:

- Món quà này cần phải đi kèm với một câu chuyện. Hiểu chuyện sẽ thích món quà lắm. Vậy khoan mở nó ra đã nhé.

oOo

Tôi quen Seagrave vào những dịp cùng đi nhậu nhẹt. Anh là Mỹ da đen, gốc Phi châu về sau trong những lần đi chơi thân mật tôi được biết thế. Về đêm khi chúng tôi ở quán giải khát ra, đường phố đã vắng tanh. Seagrave cùng vài người bạn Mỹ lái xe đưa tôi về. Có khi đi bộ. Mỗi người đều chênh choáng hơi men. Chúng tôi choàng tay nhau đi qua các đường phố vắng. Về khuya trời sẽ lạnh. Thành phố tỉnh nhỏ im lảng như một thành phố bỏ hoang từ lâu. Đèn điện chỗ có chỗ không. Đường nhộp, hơi hám, nhỏ hẹp. Trời sao ở miền biển vẫn thường mù mù. Những lần đầu Seagrave ít nói. Chỉ vài ba câu xã giao. Đến một ngõ rẽ chúng tôi chia tay, mỗi người trở về với sự cảm nín

của mình. Cậu nói Seagrave thường thốt ra nhiều nhất mỗi khi nhìn trời khuya: “Xứ tôi cũng ít khi có sao rõ!”

“Xứ anh ở đâu?” - Tôi hỏi. Anh không trả lời.

Những lần sau anh thân với tôi hơn. Một lần về khuya anh rủ tôi ra ga, những người kia trở về. Sân ga tĩnh lẻ, xác xơ, hoang vắng. Một con đường nhỏ đằng trước. Một dãy nhà gạch thấp cổ xưa. Ngăn cách, một hàng rào thép gai. Trong sân độc một đầu tàu rất xưa đang lết lui lết tới. Tiếng còi ngắn, thứ âm thanh độc nhất trong đêm.

“Những con tàu ở đây đi đến đâu?” - Tiếng Seagrave.

“Đến một tỉnh nhỏ cũng nghèo như ở đây.” - Tôi nói.

“Đến đâu, đến đâu, tôi tưởng khó mà biết chúng đến đâu.” Anh đứng nhìn lại, nhìn qua hàng rào thép gai, sân ga vắng. Tất cả vàng vọt dưới ánh đèn, tầm thường trơ trụi. Anh nói:

“Chúng có bao giờ đến đâu được. Có một nơi để đến còn hơn, dù là một tỉnh xép; đằng này...” Anh kéo tôi đi. Từ đó anh không nói thêm gì nữa. Chúng tôi trở lui, vượt qua một chiếc cầu sắt sơn đỏ. Về khuya nước thủy triều dâng cao. Dòng nước đục. Đằng xa những mái nhà sàn hỗn độn giữa những ghe thuyền. Trăng muộn nhô lên, im lặng, khô cằn, rướm máu. Seagrave nhìn một lúc. Quai hàm anh rắn lại. Chúng tôi chia tay ở ngõ ra phía bên kia cầu. Tôi nắm lấy bàn tay to của anh.

“Good night!”

“Good night!” - Anh giữ tay tôi lại. “We outcast Negro Americans...”

Tôi chờ anh nói hết câu nhưng anh ngừng, nhìn lên vầng trăng đỏ.

“Này anh, chúng tôi là người Mỹ lạc loài, không đủ tể nhị như mấy anh, nhưng anh hãy nhìn vầng trăng kia. Sao nó kỳ lạ thế kia.” “Nhà anh ở tận đâu?” - Seagrave nói tiếp. “Tôi vẫn chưa biết nhà anh đấy.”

“Đằng xa kia, bỏ vài ngõ rẽ. Cũng là nhà trọ thôi.”

“Thế trước kia anh ở đâu?”

“Miền Trung Việt Nam. Còn xứ anh ở tận đâu?”

“Good night, friend!” - Anh buông tay tôi ra và đi.

Để làm việc yên tĩnh tôi thuê một căn nhà khuất nẻo.

Hằng ngày tôi làm vài công việc sinh sống xong lại trở về với yên lặng và bụi bặm. Ban đêm tôi thức, nhìn mình ngồi chết dần. Khi đi quán với Seagrave tôi cũng nhìn thấy mình mỗi mòn. Sau mỗi đêm trở về một mình tôi lại nằm nghe mình thở, xen vào những quãng im lặng. Bụi bặm nhiều trong bóng tối. Tất cả như một hơi thở hấp hối.

Mấy ngày sau vào buổi chiều, tôi lại vào chiếc quán quen thuộc. Một vài người ngồi rải rác trong bóng mờ. Kề ra người vào lặng lẽ. Một ít khói thuốc. Người ta cho nghe vài điệu nhạc Tây phương xen vài điệu cổ xưa. Tôi ngồi đặt tay sát ly cà phê, nhìn hoàng hôn. Những bóng người ra vào, những giọng nói thấp, mập mờ, bập bênh trong trí tôi. Một lúc sau Seagrave vào ngồi đối diện với tôi, im lặng. Tôi rời mắt khỏi khung cửa sổ và nhìn anh. Đúng là Seagrave, ngồi trầm ngâm, nhìn lơ đãng ra ngoài, nửa nhìn tôi, thế mà những bóng người đi ngang sát anh và cái nhìn chăm chú của tôi vẫn không làm anh hay biết. Một người mù, tôi nghĩ, một người mù đang nhìn thế giới bằng cặp mắt của riêng mình.

“Anh đến một mình thôi à?” - Tôi hỏi.

“À, vâng.”

“Này anh Seagrave, anh đã hiểu tôi rồi chứ?”

“Why, of course.”

“Anh lúc nào trông cũng trầm ngâm. Thật không giống với những người Mỹ khác luôn vui nhộn.” Anh hơi lắc đầu. Tôi sức nhớ anh chưa có gì uống. Tôi gọi một ly cà phê cho anh. Anh ngẩn lại.

“No coffee. Coke.”

“Mọi lần anh vẫn thích cà phê mà.”

Tôi bước đến quầy hàng lấy vài tờ báo trong ngày. Chúng tôi ngồi im lặng. Tôi đọc qua mỗi lần. Seagrave nhìn bóng đêm. Chỗ chúng tôi ngồi dựa mái hành lang sau những hàng cây. Trời mù sương. Xuyên qua những tàn cây khẽ lay động sao hiện ra lơ mờ. Con đường trước mặt hẹp, vắng tanh, đầy bóng tối và bụi bặm. Tôi đọc qua một vài tin chiến sự, vài tin trộm cắp, cướp nhà, lụt lội, hiếp dâm, hối lộ... Vài bức hình những tên địch bị bắn chết nằm phoi bụng, bắn thiêu, gớm ghiếc như những con vật. Những vũng tối

vững sáng của cuộc đời. Cái chết cái sống của con người. Tương lai lịch sử. Gương mặt trầm ngâm của Seagrave. Phận mình. Ý niệm về mọi sự lướt nhanh qua. Sao không lên ngồi trên đỉnh núi Thái Hằng nhìn dòng sông dưới xa chây miệt mãi ngày đêm. Hồn vất vương chưa một lần có bến đậu.

Tôi đứng dậy yêu cầu được nghe bản nhạc Tabu. Tôi đã thuộc lòng từng nét nhạc bây giờ nghe lại vẫn không chán. Những sóng nhạc san sát trùng điệp phủ vây bóng đêm, những nhịp trống dập dồn ôm choàng lấy người nghe. Tất cả tâm hồn dần như sóng bể và trở nên hoang vu man rợ.

“Anh nghe điệu trống kia, tài tình quá.” - Tôi nói.

“Hà!” - Tiếng kêu cọc lốc chém xuống, quai hàm Seagrave hằn lại.

“Damn it, son-of-a-bitch.” Anh nhìn hằn vào tôi, “thế này mà anh cho là tài tình à?”

“Thì xưa nay tôi có nghe điệu nào khá hơn đâu.”

“Nó chỉ đáng vất đi.”

“Thế thì phải vất hết.”

“Nó chỉ đáng cho những thằng lười biếng nghe.”

“Thế anh cho điệu trống ra sao mới hay?”

Seagrave nhìn ra bóng đêm. Cả thành phố tỉnh nhỏ hoang vắng lạ kỳ. Quán gần như đã hết khách. Anh ngồi im lặng mặt nhăn nhó khổ sở. Tôi để ý có một vài câu hỏi như đưa Seagrave vào một trạng thái khác. Anh khổ sở lộ ra nét mặt, gần như dữ tợn. Chúng tôi đứng dậy ra về. Trời khuya lạnh. Một con vạc ăn đêm bay ngang qua, tiếng kêu đục, cô đơn, buốt lạnh. Tôi nhìn thấy một đốm trắng bạc trong sương, vài vì sao rất mờ, chấp chờn.

“Anh có nghe tiếng vạc không?” - Seagrave chợt hỏi.

“Đó chính là điệu trống hay. Nó là hồn sống tự phát ra. Điệu trống hay phải là nhịp tim, là cuộc đời, là hồn, là sự sống, là tiếng đau thương. Không là sự mô phỏng. Hồn dân tộc tôi, quê hương tôi đã từng phát ra tiếng nói ấy. Người ta mô phỏng làm tôi khổ sở.”

Chúng tôi đi qua cầu. Vầng trăng đỏ xuất hiện rất chậm vào giờ phút người ta đã mỏi mòn sau một ngày và gần một đêm lẫn lốc trong thành phố, và lúc thấy hồn mình khắc

khoái trong bóng đêm. Một mảnh trăng đỏ không mang dấu vết thời gian, lờ lờ, cuồn cuộn với những giọt máu cuốn hút Seagrave lạ lùng. Anh đứng sững sờ một lúc lâu, mình tựa vào thành cầu lạnh buốt. Cuối cùng anh quay lại, nói giọng trầm trầm:

“Tôi nghĩ đến quê hương anh ạ. Tôi lớn lên ở Mỹ và chưa hề biết đến quê hương thế nào. Cha mẹ tôi kể lại chúng tôi là những người sống sót độc nhất chưa bao giờ thấy lại quê hương, giữ hình ảnh quê hương như một niềm hoài vọng không nguôi. Quê hương xa vời rồi.” Anh lặp lại. “Far away now, far away now.”

Đến bên kia cầu tôi cầm lấy tay anh.

“Hồn quê hương vất vương hoài hoài sao?” - Anh nói.

“Một ngày kia nó sẽ đậu.”

“Không bao giờ, phải không. Ít bữa tôi sẽ cho anh cái này. Good night!”

“Good night.”

Thường thường hai âm “good night” chúng tôi nói với nhau nhỏ và im lặng như hai giọt nước mắt cuối cùng vĩnh biệt. Rồi tôi trở về con đường của tôi, nghe im lặng và cô đơn phủ vây. Một cái gì vĩnh viễn chập chờn. Và tiếng vạc kêu sương như tiếng đau thương buốt lạnh trong đêm.

Băng đi một tối không gặp Seagrave. Vào một buổi chiều cuối tuần trăng anh đột nhiên tìm đến nhà tôi và rủ tôi đi Sài Gòn. Chúng tôi đi bằng xe mô tô, mỗi người một cái xác đeo vai. Seagrave mang theo một gói to. Chúng tôi chờ nhau, khởi hành đã chiều – ý Seagrave muốn vậy. Ra khỏi thành phố xe lao đi vun vút. Cả hai chúng tôi đều thích tốc lực. Tôi ngồi ở sau, nhìn những khoảng rừng dập dờn lướt qua. Seagrave chăm chú lái xe. Tôi để ý anh như cuốn hút tới trước, bởi một cái gì trong khối rừng đang trước và hoàng hôn. Đêm xuống mang những cơn bão rừng từ miền xa về. Âm thanh rào rạt trùng điệp trong bóng tối, phảng phất tiếng thét thú rừng khi thấy bóng dáng quê hương. Tôi nghĩ đến những ngày lẫn lộn trong thành phố, khắc khoải năm chờ cơn dông buổi chiều, tiếng sấm dậy âm âm ở xa. Mùa này khi đêm đến hoàn toàn trời vẫn ung ung đỏ. Seagrave cho biết chốc nữa lúc trăng hạ huyền lên bão rừng

sẽ ngừng và trời sẽ hùng hực đỏ. Chúng tôi đi vào vùng đất cao. Rừng nằm hai bên bình diện, cỏ tranh chạy vút thẳng tắp và cây cùng loại đều đặn vút lên cao. Bão rút xuống những khoảng rừng vàng hoe và cỏ tranh nhát tất cả ánh lên sắc đỏ ửng. Càng lúc chân trời càng bao la. Trong nhịp đưa đẩy bồng bềnh của chiếc xe Seagrave tiếp tục để mình cuốn hút vào không gian. Anh cúi rạp mình xuống, hai tay ghì chặt lấy tay lái, quai hàm cắn chặt, toàn thân rung nhẹ, ngây ngất trong một cơn mê sáng kỳ lạ, cổ họng phát ra những tiếng rú man rợ.

“Seagrave, Seagrave, anh làm gì vậy?”

Anh không trả lời. Một lúc tôi nghe tiếng răng khê rít, “trống dậy rồi.” Tôi lắng nghe. Không có tiếng gì khác ngoài tiếng động cơ và bão rừng. Tôi ôm sát Seagrave. Gió bùng bên tai. Bây giờ chỉ còn một cảm giác say sưa ngây ngất tốt độ. Những buổi chiều mùa thu, cơn đông chiều hôm, vòng tay người yêu, đau đớn hận thù, những giọt nước mắt, những buổi tối nhìn biển đen ôm trọn nỗi cô đơn vào lòng, vai cầu lạnh buốt, tất cả trong giờ phút này hiện ra với một hiện hữu khác lạ, với ý niệm khác lạ, nhanh, sắc bén mê loạn. Thôi bây giờ không còn gì. Bây giờ chỉ còn một cái buông tay và trôi vào êm ái mãi mãi. Trong trạng thái đó, đột nhiên tôi nghe tiếng bập bùng, thứ tiếng trống sóng dậy tràn bờ. Tôi lại nghĩ đến những ngày lặn lội trong thành phố, niềm khổ đau muôn năm và người đồng loại. Một chút hồn lang thang mãi tìm kiếm một bến bờ lạ mãi mãi lùi xa. Tiếng bão rừng. Tôi nhắm mắt một lúc lâu khi mở mắt ra, rừng hùng hực đỏ, bão lặng và trắng hạ huyền nhô lên, bồng bềnh nhịp nhàng như nhịp tim của một bến nước xa xôi. Seagrave ngừng xe lại, tắt máy. Anh ra dấu cho tôi mang đồ đến một đám cỏ tranh bên đường... Chúng tôi trải tạm vài lều ra và ngồi nghỉ. Seagrave im lặng mắt đỏ ngầu ngược nhìn trắng. Cỏ hoa nồng gắt.

“Bây giờ đã trắng lên rồi.” - Tiếng Seagrave.

“Trắng lên và hoa nở.” - Tôi vừa nói vừa chỉ tay ra những khóm hoa loáng thoáng nở trắng xóa.

“Tôi cho anh xem cái này.” - Seagrave với tay mở bọc giấy. Một chiếc trống nhỏ thô sơ, mặt da đen bóng.

“Tôi sẽ tấu cho anh nghe điệu trống của quê hương tôi.

Anh bằng lòng chứ? Trong đời, tôi nguyện chỉ đánh điệu trống này một lần rồi thôi.”

Tôi gật đầu, biết không bao giờ còn có dịp thứ hai nữa. Đời chỉ hiển dâng một dịp độc nhất và mỗi người phải hoàn thành khuôn mặt mình. Seagrave ngồi thẳng, hai chân xếp chéo và chiếc trống để trong lòng, hai bàn tay từ từ giơ lên và mặt chậm rãi ngược nhìn mặt trăng một lần cuối cùng rồi nhắm lại. Khi hai bàn tay ngừng lơ lửng cả người anh như một pho tượng. Tôi sững sờ nhìn anh. Đột nhiên hai bàn tay loa vút xuống mặt trống và âm thanh dồn dập nổi lên. Lại thay tôi nghe lại tiếng trống bão rừng khi nãy. Điệu như mê như loạn như cuồng như say, quần quít lấy những đợt tranh rồi vút lên không bao trùm ánh trăng. Trăng đỏ lù trôi giạt trên những đợt mây cuộn cuộn chảy. Điệu trống cuồng si, phần nộ, hào hùng lớp lớp tuôn ra như những dòng máu trời về quê hương. Quê hương đâu rồi, quê hương đâu rồi? Đến một lúc tiếng trống đột ngột tách làm hai, lập thành hai điệu phân biệt hẳn nhau và bỏ túc nhau. Tôi lịm đi trong âm thanh cuồng loạn. Những lớp sóng man dại ngàn đời tự hoàn thành rồi tự phá vỡ mình vào bờ đá. Biển cả luôn luôn bắt đầu trở lại. Cuối cùng tiếng trống dập dờn vào hư vô và đôi mắt Seagrave trào ra những ngấn lệ. Anh ngừng tay im lặng. Dịp may độc nhất trong đời anh đã qua rồi. Một đời anh chỉ đánh một lần điệu trống của quê hương, một đời anh chỉ tấu lên một lần con người anh, và anh đã tấu đến tột đỉnh tuyệt diệu. Tôi giật mình cầm lấy tay anh.

“Biết còn gặp nhau nữa không!”

Seagrave mở mắt ra và mỉm cười.

“Người Á Đông thâm trầm và linh tính sắc bén lạ lùng. Điệu trống vừa rồi là điệu High Life đấy.” Anh gói cẩn thận chiếc trống lại rồi nằm xuống, vùi mình trong mền với chiếc trống.

“Good night.”

“Good night.”

Chúng tôi trở dậy lúc năm giờ sáng và tiếp tục lên đường. Một tuần sau tôi trở về với tỉnh lẻ, với công việc hàng ngày. Seagrave không cùng về như dự định. Anh nhờ tôi đem chiếc trống về trước. Anh ở lại Sài Gòn với chiếc

mô tô.

Tháng sau tôi đọc báo bắt gặp tin một tai nạn mô tô. Tai nạn xảy ra khoảng nửa đường Sài Gòn – Phan Thiết. Nạn nhân là một người Mỹ da đen tên là William Seagrave. Tôi buồn uất, trong thâm tâm vẫn biết anh đã lên tột đỉnh và phải chết.

Tôi kể xong cho Kim nghe câu chuyện của Seagrave thì trời đã hoàng hôn. Tôi mở bọc giấy và cho nàng xem di vật của anh. Kim nhìn chiếc trống một lúc rồi khẽ nói, “hay thì hay thật, song buồn lắm. Đáng lẽ anh không nên kể lại mới phải. Gần mùa xuân rồi.”

“Để tôi nhớ lại một khúc của điệu High Life và đánh lên nhé.” Tôi thử nhớ lại một khúc và tấu lên. Kim ngồi im nhìn lơ đãng. Đến một lúc tôi chợt thấy mình lơ trên, bèn lặng lẽ ôm trống ra về.

Vài vần thơ của Seagrave.

“Dead body, dead body in nostalgia

Wouldn't my lines bring you ashore back home?

O, paining soul driven for years toward far shores,

Perpetually my lines are sea-wave love.

...

“O memory of youth and fleeting happiness

Opening once your lips in my loneliness

Like the sunshine of days gone

Would you return again?

First chance, first chance, once offered

Standing between death and life

I've to choose to live or die

To my hands a blood-drop delivered

# THUNG LŨNG NGƯỜI ĐI

ANDRÉ DHÔTEL

**BỮ Ỗ DỊCH**

Nếu báo chí không nói đến những chuyện này thì xem như chẳng hiểu gì về những điều xảy ra giữa loài người, bạn ạ. Tuy nhiên hề tin tức càng đúng thì con người lại càng hành động cho thoát khỏi vòng kiểm soát. Thêm một lần nữa chúng mình lại có dịp tin điều này nếu chúng mình đến thung lũng người đi, một diện tích chưa bao giờ có người khai phá. Nơi đây mọc lên những cây thông, liễu, dương giữa những đồng cùi khô từ những lần đồn cùi trước. Bây giờ cây khô cây tươi gì cũng chẳng còn lấy một cây.

Ở những nơi này không có đường lớn mà cũng chẳng có đường con. Dầu sao người ta vẫn còn tìm ra được một hai con đường mòn khó đi, trên đó có in vài dấu chân. Không phải dấu chân dân làng. Vết chân đó chứng tỏ có một số di-dân đi qua đây, có người bảo họ từ phương đông đến đi về bến tàu ở bờ bể để đi đâu đó. Không phải người Bôhêmiên. Bọn người này ai cũng giàu tiệm tiệm; hoặc đi buôn hoặc làm những công việc tạm thời một nơi nào đó. Người ta bảo người Bôhêmiên cố tìm cách đi cho khắp cùng thế giới và biết đâu họ đã chẳng đi được nhiều vòng rồi. Nói rằng họ họp thành một hiệp hội thì có lẽ không đúng vì bọn họ ít hưởng quyền lợi chung và họ thuộc những hàng ngũ xã hội có tổ chức rất khác nhau. Họ chỉ còn giữ lại một số tập tục, trong các tập tục đó có tập tục này là bắt đi bắt dịch hơn cả: đi ngang qua những miền đã ấn định, như vùng thung lũng này chẳng hạn. Hình như họ chẳng bao giờ nói với nhau, còn cử chỉ thì giống nhau và thân mật. Thế nào họ cũng có những dấu hiệu bí mật. Những tài liệu duy nhất chúng tôi góp nhặt được về những con người này đều lấy ra từ một câu chuyện người ta thường kể quanh vùng, câu chuyện chàng Mân ở một làng kế cận.

Mân khoảng hai mươi tuổi, nghiên cứu thực vật học, thường đi kiếm những mẫu cây nhiều khi kỳ lạ tìm thấy trên những mạn như ta đã biết, có rừng cây cao lớn hỗn độn bao quanh.

Mân một ngày kia đang ở giữa một thửa cây rậm, thửa cây này bây giờ không còn nữa, chàng nghe tiếng người lại gần. Chàng nín thính thấy một toán mười người đàn ông đàn bà đi qua. Bọn họ đều mang một món hành lý khá nặng trên vai dáng điệu thông thả, phần đông cao lớn. Không có qua một nét mặt nào tỏ dấu một bộ lạc quen thuộc. Họ người Âu nhưng không thể xác định xuất xứ. Họ cho ta một ấn tượng đậm đà làm ta tưởng thân mình họ được làm bằng thủy ngân chứ không phải bằng thịt. Những mái tóc đàn bà được sửa soạn cân đối một cách toán học, đôi môi tô ngay ngắn. Tất cả đều có cặp mắt một màu không pha trộn. Đầu tuyền đen tuyền hung. Có vài người đàn ông mang râu có cạo tia.

Mân còn quan sát sự hòa hợp đáng chú ý trong đồ mặc của bọn họ, nhưng chàng đã bắt đầu chú ý đến người con gái đi sau cùng. Nàng bé hơn bọn kia. Đường nét phân minh trong khuôn mặt nằm trong mái tóc màu đen thực rắn rỏi làm đường nét gần như xếp thành hình chữ nhật.

Mân bước theo con đường mòn, không còn nghĩ mình là ai hay mình đi đâu. Chàng cũng chẳng cần thận trọng cho khỏi bị lộ mà chỉ giữ vừa một khoảng cách giữa đoàn người và chàng. Bọn kia đi dọc theo sông suối nhiều tiếng đồng hồ và cuối cùng đi vào một cánh rừng nhỏ có nhiều cánh đồng cỏ bao quanh, nơi đây đáng chừng họ dừng lều.

Mân dừng lại ở rìa rừng và suốt đêm chàng trông chừng bọn họ khởi hành. Sáng tinh sương chàng lên đường cách khá xa bọn người kia, lòng tràn ngập một niềm hy vọng thanh bình. Chốc chốc chàng thoáng thấy qua cành lá khuôn mặt và hình dáng người thiếu nữ.

Sau một cuộc theo dõi dài lâu mấy ngày chàng phải ăn bánh ngọt mua vội trong làng, chàng thấy nàng thiếu nữ bỗng đi đến chàng. Chàng đang ở bên một cánh đồng cỏ nhỏ. Chàng không nói được với người con gái kia lấy được một tiếng nào nhưng cũng làm được một cử chỉ mời mọc khẩn cầu. Nàng lắc đầu. Hoài của. Chẳng bao giờ chàng được nhập bọn, nhờ nàng cũng không. Điều này ít quan trọng, chàng đi đường chàng trong thế giới riêng chàng, theo lòng mình, và chẳng có ai phải quan tâm đến sự có mặt của chàng. Người con gái ngồi xuống cỏ cạnh chàng và nàng ngồi không nhúc nhích như thế cũng có đến một giờ không hờ môi. Đôi bàn tay để trên nền cỏ. Có khi nàng nhìn Mân. Trước khi từ giả chàng, nàng lấy một cái lược trong yếm ra chải tóc chàng.

Vài ngày sau chàng và nàng lại gặp nhau nữa. Cả hai cùng nhìn trái cây cỏ gai đã cuốn vào mái tóc để dài của nàng và đã rơi rớt ra. Qua những chiếc gai cả hai cùng nom thấy một cánh điều hâu đang bay thoát nhanh trên phong trời.

Tối hôm đó Mân ngủ một giấc say sưa. Chàng chẳng bao giờ tìm lại được dấu chân những người chàng theo dõi.

Thế là chàng lại trở về xứ sở, và khi hồi hương, chàng lại đi qua thung lũng. Khi ngẩng nhìn dấu chân trên bùn khô, có một dấu chân có vẻ tách rời ra trên đường mòn, có dấu đã nhắc lại cho chàng kỷ niệm về người thiếu nữ. Chàng châm thuốc hút. Rồi vứt cây diêm xuống dấu chân. Nơi đó có một ít rêu nên rêu bắt lửa ngay. Lá khô chung quanh bén lửa dần dần từng lá rồi tất cả một loạt. Mân chẳng nghĩ đến dập tắt đám cháy nhỏ bé này trông giống như những đám cháy giữa mùa xuân có ý gây ra để diệt trừ cỏ. Nhưng lúc đó, một thân cây khô nằm trong cỏ phùng phụt cháy như cái mồi lửa. Thung lũng từ gần ra xa bị tiêu tan hoàn toàn.

Trong nhiều mùa hè Mân kiên nhẫn đến sống lại

mỗi chiều một hay hai giờ trong thung lũng chết kia. Chàng ngồi trên một gốc cây cháy và trầm ngâm. Thật là một điều chúng ta không tưởng nổi giữa thế kỷ này và cả anh cả tôi ít khi làm thế. Cái khó hơn cả là khởi sự. Phải theo dõi trên cạnh ngọn cỏ cách di chuyển của một con bọ tưởng tượng, tưởng tượng thôi. Con bọ leo lên chậm chậm cho đến mức cuối cùng ngọn cây. Rồi nó bay đi, lên cao và ta thấy cả một bầu trời lớn hơn cả bầu trời thế giới với hàng nghìn chi tiết mới lạ. Chính thế mới là suy tư.

Rồi một buổi chiều tháng sáu, khi Mân mãi suy tư, thì đoàn lũ hành lại xuất hiện. Nàng thiếu nữ không có trong bọn và Mân ngấm nhìn đoàn người di cư hướng dọc theo con sông mà không thể không buồn ngủi. Chàng đứng dậy bỏ đi. Bỗng chốc chàng bắt gặp người con gái. Nàng chậm chân một chút vì còn buộc dây giày. Nàng đứng gần một bên chỗ cũ, nơi mà mấy năm trước Mân đã ngỡ tìm thấy lại vết chân nàng.

Mân ngấm nhìn lâu khuôn mặt đẹp chềnh chềnh, nhưng chàng không bắt chuyện mà lại tiếp tục bước đi. Nàng có để ý sự có mặt của chàng không nhỉ? Và có hy vọng gì để nàng nhận ra được chàng không?

Mân đi về phố như một con người máy. Có người kể lại rằng người con gái bỗng nhiên thắng người dậy và cũng như cái máy bước theo chàng và cả hai lại gặp nhau cùng sống êm đềm. Nhưng chẳng bao giờ nói với nhau. Còn tôi là một thằng thích nói nên tôi ngạc nhiên vô cùng bạn ạ.

ANDRÉ DHÔTEL  
(BY dịch)

(Mai số 40 ngày 15-4-1964)

## Vũ Đình Lưu

### *CON NGƯỜI, MỘT NGHỊCH LÝ...*

*Tặng cha Định*

#### **Ý nghĩa một thách thức**

Người là con vật biết suy tưởng. Vậy người ta không khỏi thắc mắc khi nhận thấy mình vừa là thể xác, vừa là tinh thần, hai thành phần vô cùng dị biệt, nhưng đã kết hợp với nhau theo những nguyên tắc huyền diệu để hoàn thành một hiện tượng sinh hoạt và suy tưởng.

Trên con đường tìm hiểu chính mình, giòng suy tưởng của người ta đã hướng theo hai chiều: duy tâm và duy vật



tranh Trần Quý Thoại

Tư tưởng duy tâm thoát thai từ khi người ta chú ý đến khả năng tinh thần của con người biết ý thức sự thật, khoa học, tư tưởng. Đó là những ý thức có tính chất trường cửu “vĩnh viễn”, khác hẳn những ý thức và cảm giác thường tình. Người ta nhận thấy sự liên lạc giữa tư tưởng và linh hồn bởi lẽ ý niệm tư tưởng liên hệ tới ý niệm vĩnh viễn, “cái gì thông cảm được với vĩnh viễn cũng là vĩnh viễn”. Linh hồn người ta thông cảm được với vĩnh viễn, người ta có một phần là vĩnh viễn. Vấn đề là làm sao biết được linh hồn, một thực thể tinh thần lại lồng được vào trong một thể xác, một thực thể vật chất.

Tư tưởng duy vật không thừa nhận hai thực thể cá biệt trong con người. Họ tìm một thực thể duy nhất chi phối toàn thể “hiện tượng người”. Con người đồng nhất với bản thể vật chất của con người, bởi lẽ những hoạt động tinh thần liên hệ tới cảm giác ngũ quan, tới các bộ máy hợp thành cơ thể người ta.

Hai hướng nhận định đã làm nguồn cảm hứng cho các nhà tư tưởng xây dựng những triết thuyết sâu sắc về người, nhưng, không phải là triết gia chúng ta cũng có thể nhận thấy một vài sự thực không thể giải thích bằng một thái độ suy tưởng cực đoan. Như ta không thể cho rằng những ý tưởng bác ái, công bình chỉ là một loại “épiphénomène” chỉ là phản ảnh lý tưởng và phụ thuộc của cái thân xác nó cử động và xúc động. Trái lại, trong những hành động máy móc rất thông thường của ta, ta có thể tìm ra một ý nghĩa huyền diệu nhưng ẩn náu, như làm cử chỉ ăn uống ta vâng theo một tiếng gọi sâu xa nào, bản năng bảo tồn biểu hiện tiếng gọi ấy, những cảm giác “thấy đói”, “thấy khát” chỉ là biểu hiện của bản năng bảo tồn trong thân xác ta mà thôi.

Vấn đề tìm sự thực cuối cùng về con người không phải chỉ là vấn đề riêng của triết gia và không phải chỉ dành riêng cho những lúc ta suy tưởng. Trong cuộc sống thường ngày, dù muốn hay không, ta bắt buộc phải quyết định lấy một thái độ đối phó với mọi người, với ta nữa. Ta phải uốn mình vào toàn thể thói tục xã hội ước lệ xã giao hay chỉ theo những lẽ phải chính lương tâm ta định đoạt để tránh những sự bó buộc nhiều khi vô lý và phỉnh phờ? Bản chất con người không phải đã cấu tạo thanh toàn ngay, mà con người phải cấu tạo lần hồi suốt một đời người. Như vậy sự quyết định lấy một con đường hành động, một thái độ đối phó quan trọng biết bao? Và trong sự lựa chọn ấy con người đã biểu lộ bản chất của mình lưỡng đoan: một phần siêu việt hướng lên chân lý, và một phần thể tục gò bó con người trong nhu cầu vật chất, thỏa mãn bản năng. Sự tranh chấp giữa siêu việt và thể tục là nguồn gốc mọi thảm họa.

Phần siêu việt làm cho con người biết hướng thượng liên hệ tới tôn giáo nhưng nhiều khi khuynh hướng ấy

không thể hiện thành một hệ thống triết lý hay giáo lý cụ thể, để người ta có một quan niệm rõ ràng chân xác về thể xác và linh hồn, về tính chất siêu việt, tính chất thiêng liêng trong con người phản chiếu sự toàn năng của Thượng Đế. Người Do-Thái theo Cựu ước là dân tộc tín đạo, nhưng hình như họ không có một lý thuyết về siêu việt, về linh hồn. Họ quan niệm Thượng Đế là một vị thánh, là một đấng tạo hóa chủ tể, loài người phải yêu mến và trung thành. Họ không hề giảng dạy rằng: “Thượng Đế là tinh thần thuần túy” (pur esprit).

Người ta còn nhận thấy chủ nghĩa khắc kỷ của Zénon tuy có cạnh khía phiếm thần, tuy chỉ là kết quả của những tư tưởng ngoại đạo, nhưng biểu lộ một tinh thần tôn giáo mãnh liệt.

Nhiều tư tưởng duy vật có thể đi đôi với một đức tin và một ý thức tôn giáo chính xác. Trái lại tư tưởng duy tâm thuần khiết quá có thể không xuất phát từ một nguồn gốc siêu việt chính xác. Giáo hội không tin tưởng những hệ thống duy tâm cho lắm. Brunshvicg tuyên bố rằng: “Thượng đế chỉ có trong tinh thần và trong chân lý”. Ông đã bị công kích là vô thần. Freud tỏ ra chống đối tôn giáo, ông cho tôn giáo là một ảo tưởng nguy hại, nhưng thuyết psychogénèse của ông giải thích một vài loại bệnh thần kinh chỉ có những nguyên nhân tinh thần chứ không hề có một nguyên nhân vật chất nào cả. Thái độ duy linh khá rõ không đem lại ý thức tôn giáo.

Như vậy một thái độ suy tưởng duy tâm thích hợp, một mặt phải tránh những quan niệm sai lầm hay vụng về có thể ảnh hưởng đến thái độ chung; mặt khác phải kiểm điểm lại những giá trị gọi là “duy vật khoa học” không thể dung hòa được với quan niệm siêu việt tính và sự tin tưởng có một đấng Thượng Đế. Hơn bao giờ hết người ta phải suy tưởng về con người, con người mà Pascal đã phải nói rằng: “Vậy con người quái dị thế nào? Con quái vật hay cái gì mới mẻ hỗn loạn, một đầu mối của mọi mâu thuẫn hay một phép lạ? Loài sinh vật có khả năng xét định mọi sự việc, con giun đất ngu dốt, nơi ô uế chứa chất bất trắc và sai lầm, vinh quang và cận bã của vũ trụ”. Đó, hình ảnh con người, con người vừa nhất trí vừa phức tạp, vừa hữu lý vừa nghịch

lý, hòa hợp một cách vô cùng huyền diệu hai yếu tố tinh thần và vật chất, gợi lên quan niệm linh hồn và thể xác, psyché và soma, nguồn cảm hứng cho phân tâm học (Jung) và y học (khoa psychosomatique).

## **Duy tâm và duy vật**

Tùy theo tâm trạng, cách nhìn sự vật, người ta có những quan niệm khác nhau, những quan niệm đã khơi ra những cuộc tranh luận khôn cùng giữa hai chủ trương duy tâm và duy vật.

Học thuyết Mác-Xít chủ trương duy vật, cái gì “có” là có hình tướng nhưng họ không cắt nghĩa được đích xác thể nào là hình tướng. Chính Pascal đã nói: “Nói rằng linh hồn có hình tướng thì không rõ lắm” (Il n'est pas clair que l'âme soit matérielle).

Hẳn là Các-Mác đưa ra cách nhìn duy vật chỉ để chống đối Hegel. Chống đối Hegel nhưng ông mượn phương pháp suy luận của Hegel - một phương pháp để liên kết ý tưởng thuần lý - nhưng ông phóng đại ra thành phương pháp cắt nghĩa tiên trình sự việc cụ thể. Nói theo tiên trình của ông để khuôn sử hành động cho nó ra về biện chứng, ra về khoa học, xã hội đã giờ nắm đấm, giờ súng ông ra để bênh vực “biện chứng”. Như vậy duy vật có nghĩa “duy thực tế”.

Ông căn cứ vào một kinh nghiệm thực tế: “Bao giờ ta cũng chỉ thấy linh hồn biểu lộ khi có một thân xác”, để xây dựng một lý thuyết có tính cách tổng quát, như vậy quan niệm duy vật của ông nhuốm sắc thái siêu hình mà ông không hề.

Đối với ông tư tưởng và siêu việt tính chỉ là những “hiện tượng bì phu”, nghĩa là phản ảnh phụ thuộc và không đáng kể của những hiện tượng sinh vật học.

J.P. Sartre đã vạch rõ những điểm tối tăm, những điểm mâu thuẫn trong hệ thống suy luận duy vật ấy. Căn bản suy luận bất hợp lý vì vừa dùng một phân tích vừa dùng những yếu tố mà sự phân tích ấy đã khước từ. Thí dụ nói đến “vật chất” nhưng lại hiểu nghĩa vật chất theo cách phân tích phải dùng đến trí khôn (tinh thần). Tinh thần là cái ông

đã tiên tương khước từ, chối bỏ. Trong muôn vật thì vật chất là “vật liệu” tương phản với ý nghĩa, hình thù, công dụng của nó; như đất sét là vật liệu, cái ấm là đồ dùng tượng trưng cho hình thù, công dụng ý nghĩa. Vật chất tượng trưng cho noạ tính, tương phản với hoạt động, Ta chỉ hiểu được “vật liệu” noạ tính, nhờ có cái tương phản với vật liệu, với noạ tính. Nói chung, ta hiểu sự vật vì có sự tương phản đó.

Nói tất cả chỉ là vật chất tức là coi vật chất là một tuyệt đối. Nhưng ta chỉ khám phá ra vật chất vì đem đối chiếu với tinh thần, vì phải đối chiếu với tinh thần, vì phải đối chiếu như thế mới hiểu được, nên vật chất chỉ là một tương đối.

Khái niệm tinh thần thường thường còn mờ mịt và tối tăm. Khi nghĩ đến tinh thần, chúng ta rất dễ mắc vào lỗi lầm mà cho rằng tinh thần là một “chất” gì khác với vật chất: Tinh thần làm bằng gì, hình tướng nó thế nào? Đặt câu hỏi thế là đặt chân vào bước đi sai lạc đầu tiên. Có thể có người muốn có thái độ duy tâm, tưởng tượng ra tinh thần là một thể hơi, là khí, ở cả vũ trụ ở trong cũng như ngoài vật chất hữu hình hữu thể. Saint Augustin đã có một quan niệm tương tự về Thượng Đế, ông cho rằng Thượng Đế là một biển hào quang bao bọc vũ trụ, Nhưng 15 năm sau ông biết đó là một ảo tưởng, ông biết rằng mình đã vô hình trung theo duy vật, nhờ sự tỉnh ngộ ấy ông đạt tới quan niệm duy linh chân xác. Thực ra tinh thần không phải làm bằng cái gì như chiếc ly làm bằng pha lê. Tinh thần không phải cái dễ cho ta trông thấy nhưng chính là sự trông của ta đó... Triết lý Phật giáo cũng có một đường lối suy luận tương tự để trình bày thuyết hư vô. Triết lý Phật giáo phân biệt hư không với ngoan không, cái “không” đối chiếu với cái “có” chỉ là ngoan không. Hư không đồng nghĩa với hư vô tượng trưng cho cái viên mãn tĩnh tịch, cho Niết Bàn, ta không thể lý hội được nếu ta còn có thái độ “có” và “không” của trần tục. Có lẽ cơ cấu trí óc của người Việt Nam rất quen với thái độ suy tưởng này sẽ thuận lợi để lý hội ý thức về tinh thần hơn cả. Tuy nhiên, chúng tôi xin nhấn mạnh rằng trên đây chỉ nói đến thái độ suy tư của Phật học chứ không đề cập đến nội dung vấn đề đem ra suy tưởng, cũng không đề cập đến phương pháp suy tưởng,

Thánh Thomas d'Aquin đã từng nhắc đi nhắc lại rằng chúng ta có thể không cần suy nghĩ mà nói ngay rằng chúng ta có một linh hồn, nhưng muốn biết thể chất của linh hồn cần phải để tâm suy tưởng. Tinh thần và linh hồn không thể lý hội qua những kinh nghiệm đời sống hàng ngày, nó phải là kết quả của một công trình phân tích và tổng hợp những kinh nghiệm ấy.

### • Linh hồn

Triết gia Ki-Tô giáo trước đây đã lấy quan niệm linh hồn của Aristote. Triết gia Hy Lạp không có quan niệm duy linh khi xây dựng triết thuyết. Đó chỉ là một công trình suy tưởng về cuộc sống, có thể dùng làm nhập đề cho môn sinh vật học. Điểm chủ yếu là: trong một sinh vật cần phân biệt nguyên lý của sự sống là linh hồn, với các cơ quan của thể xác; những hiện tượng của sự sống tác động qua các cơ quan của thể xác. Sự khác biệt giữa một bàn tay sinh sống và một bàn tay điêu khắc là bàn tay điêu khắc không biết cầm nắm không có linh hồn. Trái lại, nếu mắt là vật sinh sống riêng biệt thì thị giác sẽ là linh hồn của mắt. Aristote cho là linh hồn tập trung tất cả mọi cơ năng sinh động của sinh vật và làm chủ động cho những cơ năng ấy. Theo quan niệm ấy thì mọi sinh vật đều có linh hồn, loài vật có linh hồn, cây cối cũng vậy. Một quan niệm minh xác sự khác biệt giữa sinh vật có đời sống và vật vô tri vô giác. Hòn đá không biểu lộ ra nó có cái gì ở bên trong nó, không biểu lộ tính chất độc lập của nó đối với mọi vật khác xung quanh. Trái lại một cái cây đã có tính chất độc lập đối với vật khác (kể là ngoại giới) hoa, lá, cành, rễ đã có chức vụ riêng, dinh dưỡng, phát triển và sinh sản, và đều theo một nguyên tắc nhất trí để tổ chức thành cái cây. Đến loài vật thì tính chất độc lập tiến lên nấc trên, con vật biết đi lại, khả năng ấy phác họa bước đầu của tính chất tự do. Con vật lại biết cảm xúc (đau đớn, giận, mừng) như những tiềm năng bên trong nó đã bộc lộ thành ý thức.

Triết học cổ điển đã dùng những quan niệm về tính chất độc lập, nội tại, nhất trí, của thực vật và cảm thú để dựng lên khái niệm linh hồn.

Khái niệm linh hồn áp dụng với người bao gồm thêm

những biểu hiện trí thức như tự do, tiếng nói, khoa học, luân lý, trách nhiệm. Thực ra Aristote không tránh khỏi lúng túng. Thiên suy luận về tinh thần kém sáng sủa, không bằng thiên suy luận về sinh vật học. Ông có công minh định sự khác biệt giữa đời sống con vật chỉ biết có xúc động và đời sống con người biết đến tinh thần; nhưng ông chưa xác định được tinh thần đó riêng biệt cho mỗi người, hay không riêng biệt cho mỗi người - mọi người đều dự phần vào một tinh thần “vô cá tính”.

Triết học Ki-Tô giáo nhắc lại khái niệm linh hồn của Aristote và nhấn mạnh về tính chất siêu việt, một cá tính của sinh hoạt tinh thần. Thomas d'Aquin căn cứ vào siêu việt tính để cắt nghĩa linh hồn người ta tuy ở trong một thân xác, nhưng vượt khỏi thân xác.

Sinh vật càng tiến lên mức cao càng cởi bỏ được nhiều trói buộc của vật chất, càng được tự do hơn. Một chất hữu cơ hoàn toàn vật chất, cây cối bớt “vật chất” hơn, loài động vật lại cao hơn nấc nữa. Đến người thì đạt được giới hạn tối thiểu vì những điều kiện vật chất trói buộc. Quan niệm ấy không xa tư tưởng hiện đại về thuyết tiến hóa. Sinh vật tiến triển từ con a-míp đến con hàu qua biết bao hình thức, nhưng đều giữ ít nhiều tính chất chung có liên lạc với nhau. Qua các giai đoạn tiến triển, sự sống đi từ chỗ đơn sơ đến chỗ phức tạp, từ chỗ tản mát đến chỗ tập trung, từ khái niệm nội tại của cây cối đến khái niệm ý thức thô sơ của động vật, đến một tính chất tự do sơ thủy. Quan niệm ấy cũng chấp nhận loài vật có một loại trí thông minh sơ thiển - như thông minh “hình học” của loài nhện - loại trí thông minh “vô cá tính” con vật theo nó mà hành động như một cái máy nhưng không hiểu được nó.

Người đại diện cho giai đoạn cao độ của tiến hóa ấy. Người đã qua được một ngưỡng cửa bên kia ngưỡng cửa loài vật không biết suy nghĩ, từ ngưỡng cửa ấy trở đi người biết suy nghĩ. Cha Teilhard de Chardin gọi là “ngưỡng cửa suy tưởng”. Qua được ngưỡng cửa sinh vật có ý thức về bản thân, biết tách mình ra khỏi thiên nhiên, có tiếng nói, biết tự do, không phải chỉ là tự do đi lại mà thôi, còn là tự do chấp nhận hay thoái thác ý nghĩa sự sống, tự do nhận trách nhiệm tăng tiến bản thân.

Sự tiến hóa của sinh vật từ con a-míp đến con hầu diễn biến xung quanh một trọng tâm; từ khi xuất hiện loài người trọng tâm ấy muốn như thay đổi. Theo Teilhard de Chardin thì cơ thể người ta không thay đổi bao nhiêu từ lúc thành hình giống homosapiens. Sự biến chuyển xuất hiện trên một bình diện khác, bình diện trí thức phát hiện ra những tiến bộ về khoa học, kỹ thuật, xã hội. Tìm hiểu thuyết tiến hóa không có thành kiến tiên nghiệm, người ta tất phải nghiêng về một khái niệm siêu việt phân biệt loài người với những sinh vật khác. Đứng trước giả thuyết “giống hầu là nguồn gốc loài người” của thuyết duy vật người ta đã phải xúc động vì nghĩ rằng “người chỉ là con vật”. Nhưng với những tư tưởng triết lý tân tiến ngày nay, người ta mới rõ người không phải chỉ là con vật, vì đã vượt qua được “ngưỡng cửa suy tưởng”; sự tiến hóa trên bình diện người không còn là tiến hóa về cơ thể, về vật chất, mà tiến hóa về tinh thần.

Một nhược điểm của tư tưởng hiện đại, từ Descartes đến Kant, là chỉ chú trọng đến những yếu tố khoa học, toán lý hóa, mà không dành cho những yếu tố sinh sống, những yếu tố người, một tầm quan trọng xứng đáng. Họ đi đến chỗ phân biệt cứng nhắc và triệt để giữa lãnh vực thiên nhiên tuyệt đối hay vật chất và tinh thần hay tự do.

Lãnh vực thiên nhiên chi phối bởi nguyên tắc định mệnh tuyệt đối, ngăn cách hẳn với lãnh vực tự do tinh khiết quá đến thành phi phạm, thần thánh, thành ra không thể nghĩ rằng có một vấn đề tiến hóa của sinh vật từ hình thức hoàn toàn lệ thuộc vật chất đến hình thức tự do tinh thần. Bao nhiêu hình thức sinh sống trung gian giữa sự lệ thuộc hoàn toàn vào vật chất đến sự thanh thoát của tinh thần đã bị hy sinh để xây dựng một khái niệm tinh thần tinh khiết, nhưng ốm o và không bền vững thực tế.

Những triết thuyết như vậy duy tâm triệt để, nhưng lại mở đường cho thuyết duy vật bành trướng nhân những khuyết điểm của chúng. Thuyết duy vật trước tiên là một hệ thống phủ nhận những mâu thuẫn và khuyết điểm của thuyết duy tâm. Về quyền rũ của nó ở phía tiêu cực chứ không ở phía tích cực. Khuyết điểm lớn lao của nó là suy luận về người mà chỉ nhận định có con người vật chất mà không biết đến con người sinh sống, con người của giòng tiến hóa

gợi đến những điểm liên lạc, những điểm trung gian giữa vật chất và tinh thần. Có lẽ cái nhìn ấy đã khiến cho Marx giới hạn tính chất người trong quan niệm lịch sử, quan niệm “người tạo ra người” mà quên cả một giòng sông triền miên đã sửa soạn cho người xuất hiện.

Tìm hiểu con người không thể chỉ nhận định về người mà thôi, mà phải nhận định cả giòng sông. Trong con người một yếu tố khác thường đã giúp cho con người nhô lên trên bình diện tiến hóa phổ quát của muôn loài, và giòng tiến hóa đổi chiều để hướng về một trọng điểm khác trước. Thân xác con người vẫn dùng làm cái cốt nâng đỡ giòng tiến hóa, nhưng giòng tiến hóa không biến đổi cái cốt ấy như trước kia.

### **Con người toàn diện**

Người ta không thể nào tìm hiểu tinh thần theo phương pháp đã dùng để tìm hiểu thể xác. Linh hồn không xuất hiện ở đầu mũi dao mổ xẻ hay dưới ống kính hiển vi. Người ta không biết được có linh hồn nếu không có thân xác, cũng như thân xác không có linh hồn thì không phải là thân xác nữa. Trong con người chúng ta linh hồn với thân xác là một khối liên hệ và kết hợp với nhau toàn diện chứ không phải từng phần. Merleau-Ponty nói: “Tinh thần không phải là một phần của con người, mà là một trung tâm của toàn thể con người”. Chúng ta không thấy được trung tâm ấy, nhưng chúng ta chính là trung tâm ấy. Một sự kết hợp mâu nhiệm làm cho con người là một linh vật, khởi điểm của mọi hoạt động thông minh, mọi giá trị tự do.

Trong quan niệm ấy, linh hồn biểu lộ như một thực thể, vừa là một với thân xác vừa vượt lên trên thân xác. Mọi vấn đề liên quan đến sự hiện hữu của con người, đến lịch sử, lịch sử con người, lịch sử tập thể người, phải chấp nhận sự toàn diện của con người mới có thể đặt vấn đề được đúng cách.

### **VŨ ĐÌNH LƯU**

**(trích từ MAI Bộ mới số 38 ngày 15-3-1964)**

# ĐÌNH CƯỜNG

## MODIGLIANI

### *Một Định Mệnh Bì thảm Và Tráng Lệ*

*CARA, CARA, ITALIA*

Chàng đã đến Paris. Chàng đã ở đó, mùa xuân trên đồi Montmartre, những tầng cấp cao đi lên. Chàng mặc bộ veste velours, cổ choàng khăn đỏ. Dáng bộ của chàng thật hào hoa, thật thơ. Hai mắt sâu đen đa tình, tóc quần lò xo xuống trán, với khuôn mặt nho nhã - ses cheveux noirs corbeau entourent un front puissant; rasé de près sur le menton une ombre bleue sur sa figure d'albâtre - Zadkine đã tả chàng như thế. Chàng đã bỏ lại Florence, Rome Naples, Capri và Venice, những nơi đã in dấu chân thời trẻ dại của chàng. Chàng đã lớn lên và chàng đã bỏ đi. Chàng chọn Paris sống và chết ở đó - Paris của thời 1900, thời sa đọa và truy lạc - une génération perdue, thời của “trường hoàng hôn” (l'école crépusculaire), của tạp chí La Voce, của những nghệ sĩ đã chết trẻ vì phung phí sức mình. Guido Gozzano chết vì bệnh lao, Sergio chết lúc 20 tuổi, Federico Tozzi chết nghèo đói. Dino Campana lang thang rồi chết vì điên. Một nhà phê bình đã định nghĩa cho cái thế hệ đó: “như một tuổi trẻ bì thảm” mà thiên tài không được đời dung thứ (tragique jeunesse, où le génie pousse à l'intolérance envers la vie). Họ chọn cuộc sống lang bạt - la bohème. Họ thường lui tới giữa Montmartre và Montparnasse. Giữa góc đại lộ Raspail và đại lộ Montparnasse, Paris đã đón tiếp biết bao nghệ sĩ từ phương xa lại. Trong đó có Modigliani. Họ đến đó rồi bắt đầu cho một cuộc sống trong bóng tối, với rượu, với thuốc phiện, với gái với những “sourds drames nocturnes” như Modigliani đã ghi lại trong thơ chàng; Modigliani còn là một thi sĩ. Dáng người của chàng là thi-sĩ. Chàng cao lớn nhưng bệnh hoạn, suốt thời ấu thơ đã kéo dài những chuỗi ngày nằm bệnh. Lúc còn học ở Lycée Livourne năm 11 tuổi đã bị sung màng phổi, ba năm sau lại bị thương hàn phải ở

nhà khá lâu. Tuy vậy chàng vẫn cố gắng thi đỗ Bacc. và xin vào atelier của Họa sĩ Micheli trường Mỹ thuật Livourne, ở đây chàng lại bị nám phổi, phải đi nghỉ mát ở các tỉnh Florence, Naples, Capri... Cũng trong năm đó một họa sĩ danh tiếng qua đời là Toulouse Lautrec và Picasso đang bắt đầu “Thời kỳ xanh”. Tháng 5 năm 1902 chàng ghi tên vào học trường Mỹ thuật Florence, tháng 3 năm sau lại đổi qua học trường Mỹ thuật Venise.

Quên nhắc là chàng sinh tại Livourne, ngày 12 Juillet 1884. Con thứ tư của ông Flaminio Modigliani và bà Eugénie Garsin. Modigliani là tên của một tỉnh nhỏ gốc gác của gia đình chàng, một gia đình khá giả gốc Do Thái ở miền Bắc nước Ý. Cha chàng làm chủ nhà buôn than và da thú. Năm chàng sinh ra thì Nietzsche đã nổi tiếng với *Ainsi parlait Zarathoustra* và *Par-delà le bien et le mal* (1886).

Đầu năm 1906 chàng đến Paris. Lúc đó vừa 22 tuổi. Như một kẻ lạ, còn ngỡ ngàng, nhưng trong thâm tâm chàng luôn nhắc nhở chàng phải nổi tiếng tại thành phố này. Ban đầu chàng ở trọ tại đường Caulaincourt cạnh Bateau-Lavoir. Chàng bắt đầu theo dõi sinh hoạt của các họa sĩ mà chàng biết tiếng. Chàng tìm đến Picasso đầu tiên. Chàng gặp Picasso ngoài đường, rồi làm quen rồi tự giới thiệu, rồi kéo nhau vào quán rượu nhỏ ở đường Godot de Mauroy nói chuyện với nhau hàng giờ. Chàng và Picasso hoàn toàn khác biệt nhau và sau này cũng rất ít gặp; chính Picasso đã khuyên chàng đến ở Montmartre nơi họp mặt của hầu hết nghệ sĩ (xóm này hiện nay không còn như thời kỳ đó nữa). Bây giờ Picasso còn là một họa sĩ nghèo. Modigliani thì còn sống nhờ mandat ở nhà từ Ý gửi qua. Theo lời khuyên của Picasso chàng từ giã khu Madeleine rộn rịp để đến ở Montmartre. Chàng thuê một căn phòng nhỏ, cạnh phòng của Picasso và Max Jacob để làm atelier. Chàng bày biện thật noble trái với sự hỗn độn đen tối của hai phòng kia. (Một căn phòng thôi để làm việc, mà chính bây giờ ở Saigon này chúng tôi đều ước mơ. Hạnh phúc rất nhỏ ở đó. Những ngày tôi nằm ở phòng Cung nóng bức, với tấm tapis xanh dương, bình hoa hồng khô; những ngày Sơn đi tìm một

căn phòng không có, Sơn luôn bệnh vì không được yên ổn từ vật chất đến nơi trú ngụ; tôi tiếc căn phòng ở Bao Vinh mà tôi phải giã từ - căn phòng nằm giữa khu vườn hoang mà tiếng gõ cửa nhẹ của Nh. cũng làm tôi giật mình.) Tranh của chàng xếp la liệt dưới sàn gạch hay úp vào vách tường, chàng không thích cho ai xem vì biết nét vẽ của mình còn tầm thường. Nhưng mỗi lần chàng nằm xuống nghỉ trưa, nhìn lên những họa phẩm in trong sách mà chàng đã cắt ra dán vào tường, những họa phẩm của Raphael, Michel Ange, những vần thơ của Dante chàng lại thấy phấn khởi kỳ lạ. Chắc chắn chàng sẽ như họ. Chàng đã giấu trong chàng nỗi buồn thăm mợt hồ, đó là bệnh lao đã theo đuổi chàng từ thuở nhỏ không sao chữa lành. Những lúc sức tỉnh chàng đã nghi ngờ mình trước giá vẽ. Để trấn tĩnh lại, chàng tìm đến từng quán rượu để say, để quên và để thấy mình cô độc (ôi Hoàng Trúc Ly). Tại quán Lepic, buổi chiều chàng gặp Utrillo, một họa sĩ người Ý và sau này cũng nổi tiếng như chàng. Utrillo cộc cằn và có vẻ phàm phu. Chàng say mềm, đọc thơ. Chàng thuộc lòng từng đoạn trong quyển “Divine Comédie”. Utrillo thì chẳng thích thơ và thích uống rượu hơn vẽ, Modigliani đã liệng mấy đồng quan cho Utrillo uống, rồi mỗi người cặp 1 chai rượu đi nhau ngả nghiêng về phía gare Saint Pierre, rồi bị mời vào bót ngủ suốt đêm. Giai đoạn này chàng bắt đầu bê tha quá độ. Gia đình không còn gửi ngân phiếu đều cho chàng nữa. Chàng bắt đầu buông xuôi và ít vẽ. Chàng uống rượu mạnh hơn. Giai đoạn mà chàng mất cả lòng tự tin và vô vọng nhất. Chàng chán tất cả? Kể cả những thiếu nữ quanh vùng say mê chàng, những Gilberte bám riết, muốn có con với chàng, những Lola mỗi đêm đến trước cửa ngồi đợi chàng về, và cả những nàng Marcelle, Gaby, Lulu, Raymonde... Chàng cũng chán cả Utrillo, người bạn cộc cằn, vô học. Chàng tiến mạnh hơn trên đường trụy lạc: Chàng bắt đầu làm quen với thuốc phiện rồi nghiện ngập thân xác của chàng lại một lần nữa đem ra thử thách. Chàng bắt đầu vào nhóm Họa sĩ Độc lập (Les Indépendants) và tìm hướng đi cho mình. Lúc đó trường phái lập thể của Picasso và Braque đang bành trướng nhưng không thu hút được chàng.

Năm 1908 chàng bày tranh lần đầu ở Salon des Indépendants, tác phẩm “La Juive” và 4 họa phẩm khác đã làm cho bác sĩ Paul Alexandre hết sức chú ý và trở thành tri kỷ của chàng. Nét vẽ và màu sắc của Modigliani bắt đầu trở nên độc đáo. Chàng dời nhà qua cư xá Falguière và kết bạn với Brâncuși, một nhà điêu khắc người Ý cũng sống hết tốc độ và thuộc lâu “Divine Comédie” như chàng. Ở cư xá này chàng làm việc nhiều hơn, vẽ và nặn tượng. Chàng bày thêm những bức mới “La Mendiante”, “Le Joueur de Violoncelle”, “Le mendiant de Livourne”.

Chàng kết thân thêm với Léopold Zborowski – thi-sĩ trẻ người Ba Lan. Chính Zborowski đem tranh chàng đi bán và Paul Guillaume đã mua rất nhiều tranh của chàng. Nhưng Zborowski lại hay đánh bạc nên có hôm bán tranh được nhiều Zborowski lại thua hết ở sòng bạc.

Thời gian này, khoảng 1914, một mối tình đã đến với chàng hết sức thơ mộng: đó là nàng Béatrice Hastings do Zadkine giới thiệu. Nàng là một thiếu nữ người Anh, quý phái và duyên dáng. Modigliani đã bị thu hút ngay bởi vẻ đẹp thâm kín thanh cao khác hẳn với cái vẻ thô tục của các nàng tình nhân một đêm với chàng. Mắt chàng sáng lên khi được Béatrice ca tụng. Hai người bắt đầu không rời nhau. Lần đầu tiên trong đời, chàng thấy hồ thẹn khi đưa Béatrice về cái atelier chật hẹp của chàng.

Rồi từ đó bao nhiêu bức tranh mang bóng dáng nàng, những bức khỏa thân với tất cả say đắm trong tình yêu, cái thiên đàng xác thịt đã nhường lại cho cái vẻ đẹp cao quý của Béatrice. Có thể nói linh hồn tranh Modigliani lúc đó là Béatrice - Béatrice Hastings - Từ một chiếc cổ thon cao, từ một mái tóc thắt bím, từ một đôi mắt mơ màng - tất cả là của Béatrice. Béatrice là một nữ thi sĩ chưa hề cho ai đọc thơ của mình. Chàng thì mến thơ Dante còn nàng thì yêu chuộng thơ Milton. Mỗi buổi tối chàng đưa nàng đi dạ vũ. Có hôm Béatrice không chịu mặc áo sọc đen cũ; vì thương yêu vợ, mà tiền bán tranh thì đã bị Zborowski thua bạc, chàng đã lấy mực vẽ hoa lên áo nàng, những cánh hoa kỳ lạ

và lộng lẫy. Khi Béatrice đến phòng dạ hội mọi người đều chiêm ngưỡng nàng với chiếc áo đỏ - chàng đã hãnh diện - thiên tài đã ở trong chàng - từ nợ túng thiếu, từ sự bê tha, từ những cơn hành hạ của ma-túy, chàng vẫn vẽ tranh không ngừng. Béatrice đã giúp đỡ chàng, biến đổi căn phòng chật hẹp thành một thiên đường. Những bức “Le Marié et la Maricé”, “Madame Pompadour”, “La Belle épicière”, “La Servante” với vô số các bức họa khỏa thân tuyệt diệu, các chân dung kỳ lạ của Kisling, Max Jacob, Blaise Cendrars, Soutine, Paul Guillaume, Jean Cocteau. Chàng đã thành công rực rỡ với đường nét cá biệt của chàng. Chính lúc chàng thành công nhất thì tai họa lại đến. Căn phòng trở thành một địa ngục tồi tàn và sa đọa đến nỗi Béatrice không chịu đựng nổi nữa phải tìm cách thoát ly. Nàng đã bỏ ra đi không một lời từ biệt và qua sống ở xóm Montmartre, nơi mà chàng đã nếm mùi gian khổ và mùi rượu với Utrillo. Lúc đó chàng đã ho lao nặng. Suốt đêm chàng đứng tựa cửa phòng Béatrice nàng không cho chàng vào. Chàng đã thất vọng, chàng đã khắc ra máu, định mệnh bi thảm đã đến với chàng. Chàng ngụ tại nhà Zborowski và vẽ tranh cùng cả nơi những tấm cửa phòng ăn. Zborowski bán được tranh và định đưa cả Soutine, Foujita cùng Modigliani xuống miền Provence nghỉ mát, mong Modigliani sẽ thuyên giảm bệnh. Cuối cùng họ xuống trọ ở Cagnes, nơi họa sĩ lừng danh Renoir đang làm việc. Renoir đã 77 tuổi và Modigliani chưa đầy 34 tuổi đã đến hầu chuyện cùng Renoir. Renoir đã khuyên chàng phải vẽ bằng sự thích thú, yêu đời, phải ngắm nhìn, tâm-tiu mẫu thật lâu, từ cánh tay, bắp chân, bộ ngực nhưng Modigliani đã bất bình bỏ đi ra — “Moi, monsieur, je n'aime pas les fesses.” Chàng không thích thế, chàng không thích những tranh khỏa thân tươi mát của Renoir. Tranh khỏa thân của chàng phải sống, phải mang ít nhiều dục tính.

Những ngày ở Cagnes, chàng cùng Soutine, Foujita (Foujita là họa sĩ Nhật nổi tiếng hiện còn sống ở Pháp, cũng như Picasso) đi vẽ, chiều lại mang tranh về cho Zborowski đi gạ bán cho đám du khách vùng Côte d'Azur, nhưng không bán được bức nào. Thiếu tiền nhà họ phải về Paris, để lại tranh

cho người chủ nhà (sau này lão đã bán tranh của 3 họa sĩ hàng triệu quan). Trở về Montparnasse, Modigliani lại bị crise nặng vì sự cô độc mà chàng đã cố quên ở Cagnes. Nhưng không bao lâu như một ánh sáng đã chiếu vào lòng chàng một thiếu nữ hoàn toàn trong trắng đã hiện đến - một mối tình trong sạch nhưng lại quá gần gũi với người con gái lần đầu biết yêu và một chàng đã phong sương quá nhiều. Nàng tên Jeanne Hébuterne, con một gia đình khá giả như chàng, gương mặt thật dịu hiền và bầu bĩnh, người ta gọi nàng là “Haricot”. Đó là một thiếu nữ trung hậu và đôi khi rất đẹp (*C'était une brave fille, et parfois, elle était aussi très belle*) như họa sĩ Kisling bạn chàng đã tả. Nàng còn quá trẻ, say mê nghệ thuật, nàng đã đi học vẽ, nàng đã bị mê hoặc bởi nét vẽ hào hoa bạo dạn của Modigliani. Tuy bị gia đình ruồng bỏ nàng vẫn hy-sinh về sống với chàng trong một căn phòng tồi tàn ở đường Grande Chaumière ở Paris, người ta lại thấy Modigliani hí hửng cặp tay người vợ trẻ đi dạo phố thật hạnh phúc. Chàng không còn tầm ma-túy, không uống rượu chàng làm việc dưới đôi mắt dịu hiền của vợ. Jeanne đã đem đến cho chàng Niềm Tin. Chàng vẽ Jeanne với tất cả sự dịu dàng thông minh (*avec toute la douceur intelligente*) - trong những bảo tàng viện ngày nay nàng đã ở lại vĩnh viễn dưới đường nét đa tình âu yếm của chàng. Những tác phẩm cuối cùng, những tác phẩm tuyệt vời nhất, đẹp nhất của chàng đều ca ngợi vẻ đẹp thủy mị của Jeanne; đều mang tên Jeanne.

Ngày 29 tháng 11-1918 là ngày đưa con đầu lòng của Modigliani và Jeanne ra đời: Đứa bé mang tên Jeannette Modigliani. Cũng trong năm đó chàng bày tranh ở Galerie Berthe Weill được các nhà phê bình danh tiếng hết sức ca ngợi. Lúc danh vọng đã đến là lúc chàng kiệt lực. Một buổi tối đầu mùa đông năm 1919 chàng vui mừng đến quán Rotonde hãnh diện báo tin cho các bạn biết vợ chàng vừa có mang một đứa con thứ hai. Nhưng nỗi vui mừng tràn ngập đó sẽ không bao giờ đến với chàng nữa. Vào tháng giêng năm 1920 tại đường Tombe-Issoire ở Denfert-Rochereau người ta thấy Modigliani cùng mấy người bạn ngồi trên một chiếc băng dài, trong đêm lạnh buốt. Ngày hôm sau chàng

bị lâm bệnh nặng và mấy người bạn đã chở chàng vào nhà thương Từ thiện (l'Hôpital de la Charité). Người bạn chàng, Ortiz de Zárate kể lại với André Salmon: trước đó mấy ngày Modigliani đã bình tĩnh nói: “Mày biết, tao không còn trí óc gì nữa cả. Tao cảm thấy như thế là hết rồi.” (Tu sais, je n'ai plus qu'un petit morceau de cerveau. Je sens bien que c'est la fin.) Và trên đường đến bệnh viện chàng đã nói: “Tôi đã hôn vợ tôi - mang nàng theo, đó là một dịp tốt, chúng tôi cùng hưởng chung một Hạnh Phúc muôn đời.” (J'ai embrassé ma femme. – Emmène là, c'est le bon moment. Nous sommes d'accord pour une joie éternelle).

Bệnh tình của chàng đã đến hồi tuyệt vọng, các bác sĩ đều vô phương cứu chữa, chàng chỉ còn lại một thân xác mà hơn một lần bao nhiêu thứ bệnh đã xua đến hành hạ chàng, cả thân thể gầy guộc của chàng vì những ngày đói rách. Mỗi chàng chỉ còn mở được đề mấp máy mấy chữ cuối cùng “Cara, Cara, Italia”. Trước khi tử thần đến rước, chàng còn gọi về quê hương thân yêu ở phía sau dãy núi Alpes, chàng còn nghĩ đến thời thơ ấu ở Livourne, ở Florence.

Modigliani chết tại nhà thương ngày 24 Janvier 1920. Chưa đầy 36 tuổi.

Khi hay tin chồng chết Jeanne với đứa con thứ hai mang trong lòng, với gương mặt còn trẻ nhưng đã tiêu tụy, tóc còn buông xõa của ngày nào, lẫn xả vào khóc nức nở. Nàng giở tấm khăn phủ mặt ra, hôn vào môi chàng lần cuối cùng. Các bạn chàng không bao giờ quên tiếng thét tuyệt vọng đó. Nàng không đến nhà báo sanh mặc lời khuyên của Zborowski sợ nàng sẩy thai. Nàng trở về nhà cha mẹ. Gia đình im lặng mở cửa cho nàng bước vào. Không đợi cho cha mẹ có thì giờ bàn tán, nàng đến mở tung cửa phòng khách. Nhìn xuống đường, thiên hạ vẫn vô tình qua lại. Rồi một tiếng thét vang lên. Jeanne đã nhảy qua cửa sổ từ tầng lầu thứ năm với đứa con sắp ra đời. Thật thảm thiết. Nàng đã nhớ lời nói của chàng khi sắp chết: “Nous sommes d'accord pour une joie éternelle.”

Cách sau chồng một ngày, nàng đã tự tử chết theo. Tại nghĩa địa Père Lachaise chàng và nàng đã nằm chung trong một phần mộ trắng sát mặt đất, mà mỗi năm, nhằm ngày 25 Janvier người con gái bất hạnh còn lại trên đời mang theo một bó hoa đến khóc suốt muốt trước mộ hai người thân yêu nhất đời đã vĩnh viễn cùng nhau về cõi Thiên Đàng. Chàng đã đến Paris hào hoa, đã sống cuộc đời khốc liệt ở Montmartre, đã yêu đương thần thánh và đã chết một cách đau thương. Chúng ta thấy ở chàng một định mệnh thật bi thảm và trắng lệt.

## ĐÌNH CƯỜNG

---

### **Qua những sách của :**

*André Salmon: Modigliani, sa vie et son oeuvre - Ed. des Quatre Chemins, Paris 1926.*

*André Salmon: La Vie passionnée de Modigliani - Roman, Pierre Seghers, Paris 1957.*

*Françis Carco: De Montmartre au Quartier Latin.*

*Edité par Albin Michel, Paris 1927.*

*Albert Skirs: Modigliani. Paris 1958.*

### **Nhắc thêm:**

*Cuộc đời của Modigliani đã được quay thành phim do Gérard Philipe đóng.*

*Hiện ở nhà sách Xuân Thu đang bày quyển “Modigliani sans légende” của Jeanne Modigliani viết.*

**(Mai số 40 Bộ Mới 15-4-1964)**

# thơ dinh cường

---



## cho sơn

mai đi hồ dễ quên đời  
mai đi hồ dễ quên người được sao  
nửa đêm sức tỉnh mưa rào  
còn đây một nửa truyện sầu chuyển tay

## đòi vọng cảnh

thôi em ngày mộng chưa về  
chiều trên rừng núi lạnh tê mọt phần  
con sông chùng cũng lưng dòng  
thuyền trôi chậm mái chèo chùng sóng xô  
người ngồi giữa bãi cỏ khô  
bầy chim về muôn cũng vừa bóng đêm  
thôi em ngày mộng đã chìm  
chiều trên rừng núi một mình lạnh tê

## mùa đông

1.

Khi người nữ ca sĩ mang bó hoa lys trắng trở về đi ven dòng

sông có người đàn ông đứng đợi người đàn ông không làm  
thơ dù cỏ hoa tình tự chiếc cầu trắng mang linh hồn mùa  
đông cùng ngọn đèn thấp chợ có loài chim thể-anh về đi  
ngủ (loài chim thể-anh lẩn trốn ở rừng thưa và ăn toàn loài  
hoa dại)

2.

Khi người nữ ca sĩ ôm giá rét trở về đi ven dòng sông người  
đàn ông không còn đứng đợi người đàn ông hóa thân làm  
cột đèn từng đêm có người đến thấp lửa và người nữ ca sĩ  
bỏ chạy rất mau rất mau

3

Ngoài đảo hoang lời ca là tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá  
những cơn gió mặn trườn tới và cướp lấy còn lại chiếc sọ  
dừa này nước biển chiếc sọ dừa rất dễ thương

người nữ ca sĩ bùng mặt khóc người đàn ông không còn nữa  
cả loài chim thể-anh ở rừng thưa

4

Sau đó không còn tiếng hát.

### **vĩnh viễn**

anh vẫn trở về đêm khuya thấp hàng bạch lạp tách nước trà  
nguội như căn phòng có nhiều vết loang anh đồ lên thành  
khuôn mặt em hai mắt to đen là nh. với chiếc trâm cài trên  
tóc.

con đường buổi chiều là tấm thảm anh đưa em về với tiếng  
hát của trang sương mù vừa trên dãy núi xa còn lại một tí  
mặt trời sáng dịu như màu áo dài xanh non em phơi rồi để  
quên

là nh. với dáng vai gầy bắt được

làm sao anh nói ra, lời lẽ giản dị như ca-dao và tình yêu  
hồn nhiên như rừng núi hồn nhiên như hơi thở em anh lắng  
nghe bằng tiếng tim

*là nh. với đêm dài mộ huyết  
cho anh gọi em một lần rất nhỏ như phi-lao như tiếng sao  
vỡ nửa khuya em ngửa mặt cười nghe lệ rớt  
là nh. với bản serenata buổi chiều buồn hơn bao giờ  
là nh. với niềm sầu đau vĩnh viễn.*

## **lời hư vô**

*tặng hđnam*

### **I**

*tôi nói lời trời trần  
người bạn buồn trong giấc ngủ  
nửa đêm tôi quờ quạng em  
ở xa và ngủ yên làm sao tôi thăm gọi  
tình yêu hay cô đơn*

### **2.**

*ở đó mùa biển động bắt đầu  
nửa đêm cơn bệnh đến chém tôi thảm thiết  
những ghềnh đá kêu than một đời cô đơn  
mà bọt sóng cứ ăn mòn vào thân thể  
ở đó cơn mưa hãi hùng từ trên đèo cao  
tiếng núi vô vọng vô vọng  
ở đó chiếc tàu đã đắm từ năm bão lớn  
mang theo hàng xác người cho loài cá mập  
mà những người thân không bao giờ tìm ra  
ở đó tôi nhìn thấy  
căn nhà miền phi-lao.*

## **truyện tình**

*những bước chân đi trên đường phố chết  
anh còn nói với em lời gì nữa không  
đêm cao-nguyên vĩnh biệt  
gọi tên một lần trên đỉnh non cao  
ngàn xuân không tiếng vọng*

em làm một loại én ma  
như anh hóa thân  
trên trái đất này chúng ta vĩnh cửu  
câu chuyện bắt đầu từ một nghĩa-địa-hoang  
người yêu mang áo trắng  
người yêu dang tay với  
cát tung bụi mù.

### **qui nhơn**

xe ngừng lại giấc nghỉ trưa  
cho tôi xuống vội để vừa kịp thăm  
núi còn những mấy nghìn năm  
mây bay buồn xuống ngang tầm mắt tôi

### **nửa mặt**

tiếng hát dạ lan này  
nghe hồn anh mỗi một  
chiều âm thầm qua đây  
biển sa mù mãi miết  
biển đông sâu mãi miết  
hải đăng làm mắt chong  
anh ngồi trên cát lạnh  
em giờ xa ngàn trùng  
chiều ơ chiều xuống chậm  
mây bay qua chập chùng  
gió lưng đèo thổi mạnh  
mưa trên đèo đó nhưng  
anh còn đi biển-biệt  
những ngày qua ngày qua  
con ngựa hồng đã chết  
anh hát bài sahara  
sa-mạc mờ bụi đỏ  
cát bỏng bàn chân này  
nửa mặt mình lệ chảy

*nửa mặt mình máu vấy  
còn chi mà nói nữa  
em đưa anh cầm tay*

**valse**

*Khi nàng mở mắt to nhìn lên  
tóc nàng chảy xuống như điệu vũ  
từng cánh hoa hồng rơi  
ngoài bờ sông những ngọn đèn sáng lên, vai cầu trắng  
tóc nàng mắt nàng  
nuôi chàng sống từng mùa đông  
chàng gọi nàng âu-yếm  
như trên đồi cao đầy cỏ may  
chàng hôn nàng ở đó.*

*khi nàng mở mắt to nhìn lên  
mây hời hùng đồ xuống  
và gió, gió trên đồi cao  
chàng và nàng chạy đuổi  
bằng chân không.  
ngoài bờ sông những ngọn đèn sáng lên, vai cầu trắng  
thành phố sương mù  
nàng gầy như lau sậy  
tóc nàng mắt nàng  
với màu áo lụa đen chàng lẫn trốn  
chàng quên hết  
đó là siêu hình riêng của chàng  
hạnh phúc dịu dàng như đồng cỏ  
nàng hát buổi chiều như sao băng*

**(Mai số 40 Bộ mới ngày 15-4-1964)**

## Hoài Lữ

### Thân phận

*LTS: Nhà thơ Hoài Lữ tên thật Lữ Đắc Quảng sinh năm 1944 tại Quảng Trị tốt nghiệp Khóa 18 Sĩ quan Trù bị Thủ Đức đầu năm 1965. Hy sinh tại đồn Bà Tà, Bình Chánh, đêm Chúa nhật 25 tháng Bảy 1965.*

*Tác phẩm xuất bản: Mắt Cỏ (thơ, 1963) - lúc nhà thơ mới 19 tuổi.*

Linh hồn anh đưa tay vẫy, anh nhìn lên nhìn lên.

Nỗi đau dày đan trong lòng mình anh cũng chẳng biết gì hơn, chẳng nói gì hơn, hai bàn tay đâu có đi ra ngoài định mạng.

Con đường mòn loài ốc nổi rong rêu ngôi bệnh xá nằm im lìm em có nghe những linh hồn ôm nhau đau khổ.

Những bài ca đêm buồn đau nức nở. Có nức nở cũng chỉ một mình với tập giấy carô thời đi học.

Hai mươi tuổi đầu anh phá bỏ thanh xuân. Anh phá bỏ mầm non lộc mới. Rồi mùa thu mùa đông mùa lá vàng mùa rét heo may. Anh vẫn buồn. Em ơi anh vẫn buồn. Từ sông con cá trê trường mình quẫy mạnh những lá me đường Nguyễn Trung Long. Em đã bỏ những kiếp tội nhân. Em đi vào ánh sáng rồi tan ra trong ánh sáng. Cây nến là linh hồn anh quỳ gục sương đêm để xin người tha tội để làm kẻ nô tỳ suốt đời

canh giữ em. Bởi dung sao em chịu được thân phận mình đàn bà con gái em mở đầu câu chuyện mơ hồ với những bày của rồ dại những con sam con hến con sò.

Em không được nói, không dám nói ra vì loài chim em vô cùng nhỏ bé – mặc cảm nghèo nàn bệnh tật lại chất đầy nỗi ưu tư tuổi nhỏ.

Anh đã cố giành giật cho phần mình những bữa cơm chung sống với em, những đứa con hiền và đêm đêm nằm ôm em để ngủ. Tất cả anh chỉ khuân từ những viên đá nhỏ xây một lâu đài của linh hồn thi sĩ và những sợi tóc của em. Anh sẽ phả vào một hơi ẩm siêu hình ôi tình yêu tình yêu bất diệt.

Em không điều ngoa em không lang chạ nhưng tuổi của đời yêu nhau đừng nhắc đến tiết trinh. Ở cõi thiên đường em đã một lần mất ngôi em từ giã thần linh về hạ giới làm kiếp đàn bà mang theo những lần kinh nguyệt – em đón đau em vùng vẫy rên la. Anh chạy khắp thành phố tìm thuốc cứu em khỏi chết phương thuốc thần dược kia nay đã thành độc dược tàn phá linh hồn Anh và em ngàn năm rã mục.

Bởi thế từ khi trời cho em làm đàn bà con gái với cọng cỏ may duyên tay em thay đồ chơi ấu trĩ ngục tù trong bốn bức tường với gỗ mục cây lau, thì hồi đó anh chịu làm loài thi sĩ như con sò con hến con nghêu. Anh đã hát ca bằng hơi sương hơi nước.

Từ rừng sâu con gấu xù bỏ tổ bỏ hang – nó đi về cánh đồng bỏ đàn con ở lại.

Thời con gái thơ ngây em nhốt trọn trong căn nhà Nguyễn Trung Long. Bên đồng củi chất cao khỏi đầu em ngồi ở đó. Khác với Anh là ngồi nơi tảng đá giữa núi biển hoang liêu.

Em lớn lên bên những nộ cuồng. Cơn gió lốc cùng đàn thú dữ của đời người dành nhau cắn xé ghi tích lại trên thân thể em những hằn đau tuổi nhỏ. Em đón lạnh rừng mình rồi trong cơn nguy hoảng em thét vang lên – con thần kinh đi

vào từ đó khơi sâu nội tâm bằng loài hoa lạ. Em ngỡ ngác có biết gì đâu có tội gì đâu mà trời bắt anh phải kể lể.

Màu trắng bốn bức tường vôi bệnh viện cũng chẳng gì hơn cho em quên nỗi chết chóc đời người. Mang một kiếp đàn bà con gái như thể gông cùm của người tù chung thân.

Bởi có sao bắt anh làm thi sĩ.

Bởi có sao em mang tội trọng đàn bà.

Thế rồi em thoát đi thoát đi. Nha Trang vùng biển động em về kể như thôi từ đây từ giã cuộc sống em khoác áo nâu sồng.

Nhưng còn mùi trần tục còn nhớ hoa đêm cùng gọng cỏ may thời thơ ấu se duyên.

Anh thì chơi đá gà bằng gọng cỏ – tay này đá với tay kia để một mình mình biết tay nào thắng tay nào bại – em thì chơi gọng cỏ may với đàn dê mái em cất nhà lót ổ cho chúng nhón nhơ. Cỏ may cỏ đá gà cũng đều là cỏ.

Bởi thế con gấu xù, lông trắng trở lại vùng cao nguyên băng rừng vượt suối đi tìm Tuyết giá – Gấu lạnh lòng Tuyết cũng chẳng gì hơn.

Bây giờ Gấu cô đơn khi mùa Đông đi về. Trên ngọn Tuyết sơn. Cây trái chẳng còn mật ong không có. Gấu đi tìm hang nê để trú ẩn đôi chân. Và gấu trắng lên vùng núi Tuyết từ đó.

Anh vào ngủ trong lòng em với đôi bàn tay hiền siết lại. Anh tưởng rằng sẽ được yên thân nằm nghe em làm lễ tuyên dương.

Vùng núi Tuyết nên nhiều bão lốc. Mùa xuân chưa về nên gió còn lộng. Con Gấu xù lông trắng lang thang tìm đường nhưng đã lạc nẻo con mê.

Em cho anh những trái mận Trung-Lương làm quà kỷ niệm. Mận Trung-Lương thì ngọt vô cùng. Nhưng càng ngọt hơn khi em chọn lựa. Trái nào chín nhất em giấu sau vạt áo để dành.

Rồi anh bỗng ngủ mê trong vùng núi ấy trong sự lạnh lẽo không cùng. Suốt mùa đông mặt trời chẳng hé. Anh đã quên ở khu rừng kia mặt trời chờ đợi. Em đã du anh lạc nẻo hồn mê. Anh một mình hát ca và ngồi nghe tiếng mình từ xa vọng lại.

Con gấu trắng mỗi mòn trong suốt mùa xuân mùa hạ mùa thu. Nó vờn cây nhón trái nó hái hoa và nghe suối nhạc chan hòa. Để rồi thân mình nó còm cõi và linh hồn cũng còm cõi cho suốt đến mùa đông năm sau. Bao tổ không cùng khi bấy Phượng Hoàng đã ra đi khi mùa thu sang nó không còn bề bạn không còn hành trang. Con gấu lại lủi lủi trở về tìm tổ ấm. Tuyết đã rơi nhiều nên lấp tổ hoang lấp cả những vết chân của phượng hoàng.

Con gấu đó chờ vợ trong vùng núi Tuyết.

-----

Bài trích từ tạp chí Mai số 43-44 (ngày 1-7-1964) và một phần từ số 45-46 (1-8-1964)

PHẠM CÔNG THIÊN

## Ý THỨC BI TRÁNG TRONG TƯ TƯỢNG NIKOS KAZANTZAKIS

*Bổn phận mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im  
lặng, rộng lượng và không hy vọng.  
(N. Kazantzakis)*

### Hỡi hải đảo thân yêu

Mùi thơm những cây chanh trở hoa quay cuồng người dân hải đảo. Những con lừa bước chậm chạp trên lối mòn hay triền núi. Vài ba con dê cột bên sân nhà; bụi bay đầy đường. Những đồng gạch vụn, những đền đài sụp đổ. Mặt trời. Đá. Mây trắng. Biển. Những trái cây. Gió biển mặn nồng, bụi đá thơm ngát, những người ăn mỳ rách rưới, những con gà tây lủi trốn qua kệt nhà.

Nghèo nàn, nóng bức, khô cằn, nhiều trái cây, nhiều dừa con nít dơ bẩn chạy rong giữa chợ, những trái nho khô, những chùm nho tươi, đôi má đỏ hồng của cô gái nhà quê, nụ cười thần thoại của cụ già râu trắng, những đôi đá vôi chôn vùi nền văn minh thượng cổ của Địa Trung Hải, nằm giữa Âu châu, Phi châu và Á châu.

Đó là đảo Crète, thuộc đất Hy Lạp, quê hương của Nikos Kazantzakis, văn sĩ, thi sĩ, triết gia, tư tưởng gia, kịch sĩ, phê bình gia, dịch giả, chính trị gia. Nikos Kazantzakis là nhà văn hoá nổi tiếng nhất của Hy Lạp thế kỷ hai mươi.

Quê hương ông là nơi phát sinh ra nền văn minh Tây phương, là một hải đảo muôn đời đón gió từ mười phương thổi về; người con trai Hy Lạp ấy đã lớn lên giữa những cơn gió thịnh nộ thổi từ những lục địa xa xôi, giữa những tiếng sóng cuồng loạn của đại dương, dưới một bầu trời xanh lơ đầy mây giang hồ và những cánh hải âu đen mướt.

Những buổi chiều trên bãi vắng, lúc hầy còn trẻ, không biết Nikos Kazantzakis đã nghĩ những gì, khi ngắm nhìn những cánh bướm trắng xuôi gió thấp thoáng bên kia chân trời?

Để rồi đi vào đời, Nikos Kazantzakis trở thành con người nghệ sĩ điêu đứng, sống hốt hoảng với ý thức phân tán trước sự sụp đổ của con người và nền văn minh hiện đại; suốt đời, Nikos Kazantzakis chỉ là một cánh bướm say gió, trôi nổi bập bênh trên đại dương của Hư vô, khát khao hải đảo quê hương, nhưng hải đảo quê hương ấy cũng chỉ là thần thoại, bởi vì quê hương không phải là nơi mà mình đã chào đời và con người vẫn nhớ quê hương đang khi mình ở ngay nơi quê hương của mình; con người vẫn cảm thấy hoàn toàn xa lạ nơi mình chào đời; có lẽ phải chăng lúc mình thở hơi cuối cùng là lúc quê hương mới bắt đầu xuất hiện?

## Ôi hạnh phúc xa xôi

Trong quyển *Lettre au Gréco*, Nikos Kazantzakis viết một câu văn rất giản dị mà ít người đọc để ý, ý nghĩa thâm trầm phong phú vô cùng:

*“Hãy cứng rắn, kiên nhẫn, chịu khó... Hãy khinh bỉ hạnh phúc...”*

Những câu văn hay lời nói cũng như những hạt giống, phải gieo đúng nơi, đúng lúc thì mới có thể trở hoa đơm trái.

Chỉ vào giờ đó, phút đó, với tâm trạng đó, tôi mới thực sự

nhận ra tất cả ý nghĩa kỳ lạ trong những lời nói câu văn mà vào những lúc khác tôi chỉ thấy nó tầm thường nhạt nhẽo.

*“Hãy khinh bỉ hạnh phúc...”*

Chỉ có Nikos Kazantzakis là mới nói lời trên với nỗi lòng chưa xốt bị trắng.

*“Hãy khinh bỉ hạnh phúc...”*

Tất cả tư tưởng và tác phẩm của Nikos Kazantzakis chỉ nói lên một câu này thôi.

Câu văn này chẳng những có nghĩa là khinh bỉ sự hạnh phúc, mà còn có nghĩa là khinh bỉ cả sự khinh bỉ hạnh phúc, vì không có sự hạnh phúc! Hạnh phúc chỉ là một danh từ rỗng, dùng để nói đến một cái gì không có thực ở đời này.

Tại sao “hãy khinh bỉ”?

Tiếng “hãy” là tiếng kêu gọi, lời thúc giục hay ra lệnh...

Tiếng “hãy” là tiếng gọi đứng dậy, tiếng kêu bước chân, tiếng thúc giục lên đường, tiếng ra lệnh phóng chạy...

Chúng ta tự tạo ra một thế giới ảo tưởng, rồi chui vào đó mà ngủ. Con người hiện nay đang nằm ngủ; con người thế kỷ XX đang còn ngủ, chưa tỉnh thức; chúng ta đang chết, nguy hiểm nhất là chúng ta không biết rằng chúng ta đang chết; chúng ta sống bạc nhược; đi đứng mệt mỏi, hết hăng hái thiết tha; chỉ nhìn lại đằng sau, tiếc thương quá khứ; mỗi buổi sáng thức dậy, chúng ta bị lôi vào một cuộc sống mà chúng ta không biết đi về đâu; chúng ta chỉ còn những cử chỉ không hồn; tất cả chỉ là phản ứng như một cái máy tự động; chúng ta nhìn sự vật chung quanh với đôi mắt thần nhiên lạnh nhạt; không có gì có thể làm chúng ta ngạc nhiên nữa; tất cả chỉ là tổng số những thói quen.

Chúng ta sống trong hiện tại mà đầu óc cứ bị chìm ứ xuống

vững lấy của quá khứ; chúng ta vuốt ve dĩ vãng vàng son; chúng ta chạy trốn hiện tại; chúng ta vuốt ve bản ngã nhỏ bé bằng cách gia nhập những đoàn thể hay những công tác vĩ đại; chúng ta đồng hoá với một sự vật bên ngoài để tăng bốc lòng quan trọng; chúng ta không dám sống, mà chúng ta cũng không dám chết; chúng ta không dám đi, mà cũng không dám đứng; chúng ta không dám nói mà cũng không dám yên lặng...

Chúng ta thích phàn nàn, than thở, thích nói “chán quá, cô đơn quá, khổ quá,” mà thực sự chúng ta không hoàn toàn cảm thấy thế; những lời nói ấy chỉ là một mớ thói quen cần thiết để chúng ta bám vào những làn khói thuốc; sự thực thì chúng ta đang chết trong đời sống.

Chúng ta ăn mà không biết mình đang ăn, uống mà không biết mình đang uống; chúng ta thấy mình nằm mộng trong giấc mộng. Mộng của mộng!

Mỗi lời nói của chúng ta là những lời lặp lại vô ý thức, mỗi lời phê phán của chúng ta là những lời nói bằng quơ khờ khếch của một kẻ bước đi trong khi ngủ.

Tiếng “hãy” là một gáo nước lạnh đổ vào mặt chúng ta, là một cái tát tai nẩy lửa, là cái đập chân tổng vào người để chúng ta thức dậy, để chúng ta đứng dậy, rồi chạy... Đứng dậy mà chạy. Thôi đủ rồi, ngủ đã nhiều rồi, chết đã nhiều rồi. Chúng ta hãy ào chạy, xô nhau chạy... chạy rồi nhảy múa. Nhảy múa điên cuồng như bầy mọi da đỏ. Nhảy múa trên hoả diệm sơn.

Cười, hét, tru, tréo, la, kêu, rú, réo và cứ tiếp tục nhảy múa - Nhảy như điên, như loạn. Nhảy như Nijinsky.

Cứ tiếp tục nhảy múa đi.

Rồi chết.

Chớ đừng nằm dài than thở, đừng khóc lóc, đừng chán nản.

Đã hết cô độc, hết rồi cô đơn, hết rồi phi lý, hết rồi hiện sinh khắc khoải, hết rồi hư vô, hết rồi đau khổ. Bản nhạc ấy cũ quá rồi, cứ hát đi hát lại hoài. Tất cả đều lường gạt. Tất cả đều giả dối. **TẤT CẢ ĐỀU XÔNG LÊN MÙI CHẾT.**

Hãy cười rú lên như điên và tiếp tục nhảy múa.

Nhảy múa như bầy mọi Phi châu, nhảy múa như bầy trẻ con, chứ đừng nhảy múa như những xác chết ở phòng khiêu vũ tại Sài Gòn.

“Hãy khinh bỉ” là gì? Thế nào là “khinh bỉ”?

Sự khinh bỉ là một điều thiêng liêng.

Sự khinh bỉ lên ngôi thượng đế.

Chúng ta hãy tôn thờ sự khinh bỉ.

Khinh bỉ, khinh bạc, khinh dễ, khinh khi, khinh khinh, khinh mạn, khinh miệt, khinh suất, khinh thị, khinh thường, kiêu căng, kiêu ngạo, kiêu dũng, kiêu hãnh, phách lối, ngạo mạn, xác xược. Tất cả những chữ này là những **ĐỨC TÍNH** thiêng liêng của những con người dám sống và dám chết.

Chúng ta hãy khinh bỉ tất cả mọi sự.

Chúng ta hãy khinh bỉ cả sự khinh bỉ.

Nghĩa là **CHÚNG TA HÃY KHINH BỈ CẢ CHÚNG TA.**

Khinh bỉ là đức tính đầu tiên và cuối cùng của nhân loại: **khinh bỉ sẽ là sức sống làm lại cuộc HỒI SINH NHÂN LOẠI.**

Trái đất này sẽ tan nát, thế giới này sẽ sụp đổ, nhân loại sẽ bị tiêu diệt, nếu không còn những kẻ khinh bỉ trên trần gian này.

Chúng ta hãy khinh bỉ tất cả mọi giá trị: chúng ta hãy khinh bỉ tất cả những gì cao siêu nhất đời này; chúng ta hãy khinh bỉ tất cả những vĩ nhân, tất cả những thiên tài; chúng ta hãy khinh bỉ những kẻ vị tha, bác ái, nhân đạo. Chúng ta hãy khinh bỉ những kẻ xây dựng; đồng thời, chúng ta hãy khinh bỉ những kẻ phá hoại. Chúng ta hãy khinh bỉ những nhà đạo đức và khinh bỉ những kẻ chống đạo đức.

Khinh bỉ hết tất cả.

Và quan trọng nhất là chúng ta phải khinh bỉ chính bản ngã, bản thân chúng ta; hãy khinh bỉ đời sống chúng ta, hãy khinh bỉ lời nói chúng ta, hãy khinh bỉ sự im lặng của chúng ta, hãy khinh bỉ lòng nhân đạo của chúng ta, lòng yêu người của chúng ta, lòng ái quốc, lòng xây dựng xã hội, tình thương, lòng tương thân tương ái, lòng khiêm tốn nhún nhường, sự cao thượng, đức danh dự.

Hãy khinh bỉ tình yêu, hãy khinh bỉ tất cả những người con gái, hãy khinh bỉ văn chương, triết học, hãy khinh bỉ những thi sĩ, hãy khinh bỉ những quyền tiểu thuyết, những bài khảo luận (như bài này).

Hãy khinh bỉ Nikos Kazantzakis, Henry Miller.

Hãy khinh bỉ Heidegger, Camus, Nguyễn Du. Tóm lại HÃY KHINH BỈ HẠNH PHÚC. Thế nào là “hãy khinh bỉ hạnh phúc”?

Sự khinh bỉ chính là sự hạnh phúc: vì thế, chúng ta cần phải khinh bỉ cả sự khinh bỉ ấy nữa! Sự khinh bỉ phải đi đến cùng tận, để rồi biến mất luôn mà đi vào cõi hư không của vạn vật. Lúc bấy giờ, tất cả đều huyền bí (huyền chi hư huyền), không còn phân biệt đối đãi, sắc tức thị không, nói như Heidegger thì *Sein* tức là *Nichts* và sự **KHINH BỈ CHÍNH LÀ SỰ KÍNH TRỌNG**.

Hạnh phúc là gì?

Hạnh phúc là nhà điên. Hạnh phúc là chết trong khi còn có thể sống được. Hạnh phúc là đầu hàng trước xã hội. Hạnh phúc là sự chạy trốn. Hạnh phúc là đánh mất cá tính độc đáo của mình. Hạnh phúc là đứng lại, không dám nhảy tới, phóng tới. (Heidegger: *Entwurf*).

Hạnh phúc là ảo tưởng của ảo tưởng, mộng của mộng. Hạnh phúc là luân hồi, là hoả ngục nơi cuộc sống này.

Khi chúng ta còn bé nhỏ, chúng ta không đau khổ, không hạnh phúc; tâm hồn ngây thơ hồn nhiên như con chim hót trên cành, lòng trẻ thơ là mặt hồ trong suốt không gợn sóng, in hình mây trời trắng bạch; bầu trời xanh biếc rọi trọn vẹn vào hồn, nhưng thế rồi lúc chúng ta vừa lớn khôn, lúc mà ý thức bắt đầu trưởng thành thì lúc bấy giờ mặt hồ đã nổi sóng toì bời, bão tố vụt bùng dậy hãi hùng.

Ý thức là hạnh phúc, mà ý thức lại chạy đi tìm hạnh phúc, thế là ý thức trở nên không hạnh phúc. Ý thức đi tìm hạnh phúc, mà càng đi tìm lại càng tìm không được, vì hạnh phúc không ở ngoài ý thức vì hạnh phúc là ý thức, ý thức chạy đi tìm ý thức, mình chạy đi tìm mình; mình chạy đi tìm mình thì không thể nào tìm được.

Khinh bỉ hạnh phúc có nghĩa là không chạy đi tìm nữa. Khinh bỉ hạnh phúc có nghĩa là **MÌNH ĐỨNG LẠI NHÌN MÌNH**. Khi mình nhìn lại mình thì mình sẽ gặp lại mình. Tìm gặp lại mình thì tìm gặp cái mình đang tìm. Như thế mình chỉ có thể tìm được là khi mình không còn chạy đi tìm nữa. Đó là chân lý, mặc dù mâu thuẫn, khó hiểu nhưng màu nhiệm vô cùng.

“Hãy khinh bỉ hạnh phúc”. Đây là một trong những chân lý cao siêu của Nikos Kazantzakis.

Câu này có thể giúp ta nhìn ra chân lý mâu nhiệm của cuộc đời.

Bằng cách nào?

Bằng cách thực hiện câu “hãy khinh bỉ hạnh phúc” không phải bằng lời nói, mà bằng tất cả bản thân mình, bằng cả đời sống mình, bằng cả máu lệ tinh thành; đánh cả một ván đời để đổi lấy câu “hãy khinh bỉ hạnh phúc”, như trường hợp Nietzsche hay Van Gogh hay Rimbaud hay Nikos Kazantzakis, hay một cách tuyệt đối tận cùng như Phật Thích Ca, như Chúa Jésus, như François d’Assise, như Henry Miller...

## **Xin từ chối thiên-đàng**

Kazantzakis đã từng chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nietzsche. Nikos Kazantzakis và Nietzsche giống nhau như con giống cha. Kazantzakis tôn thờ Nietzsche như con người tiền sử tôn thờ mặt trời. Đời Nietzsche và đời Kazantzakis là cả một chuỗi dài chấp nhận và chối bỏ.

Kazantzakis chấp nhận Nietzsche, rồi chối bỏ Nietzsche.  
Kazantzakis chấp nhận Chúa Jésus, rồi chối bỏ Chúa Jésus.  
Kazantzakis chấp nhận Đức Phật, rồi chối bỏ Đức Phật.  
Kazantzakis chấp nhận Lénine, rồi chối bỏ Lénine.

Kazantzakis chấp nhận cuộc đời, rồi chối bỏ cuộc đời mà đi vào cõi chết... Tiến trình biện chứng vẫn ngự trị trần gian.

Chấp nhận tức là hạnh phúc; chối bỏ sự chấp nhận ấy có nghĩa là khinh bỉ hạnh phúc. Khinh bỉ sự hạnh phúc là nhìn thẳng vào sự chết, không chạy trốn cái chết mà lại phỉ nhổ vào mặt sự chết.

Đó là tất cả sự vĩ đại của Nikos Kazantzakis, tất cả nỗi bi tráng cực độ của người con trai đất Hy Lạp, quê hương của Homère, Eschyle, Sophocle, Euripide.

*“Vào những khoảnh khắc khủng khiếp và bất ngờ, một*

*luồng ánh sáng vụt lóe qua ý thức tôi: tất cả những cái ấy chỉ là một trò chơi tàn bạo và phù phiếm, vô thủy vô chung, hoàn toàn không có ý nghĩa gì cả” (Nikos Kazantzakis, Ascèse trang 47 – 48).*

Cuộc đời chỉ là một trò chơi.

Thiên đàng hay địa ngục gì cũng nằm trong trò chơi ấy.

Tất cả đều là một trò đùa, một trò chơi tàn bạo và phù phiếm. Tôi bị lôi cuốn vào trò chơi ấy, dù muốn hay không.

Nhìn đời với đôi mắt của một kẻ nằm trong cuộc chơi, đó là ý thức đầu tiên của những tâm hồn bi tráng.

Cuộc đời chỉ là một trò chơi tàn bạo và vô ích, không có sự bắt đầu, không có sự chấm dứt, hoàn toàn vô nghĩa.

Với ý thức như thế, tôi sẽ không còn tạo cho mình những ảo tưởng xa xôi, những bến bờ hạnh phúc mà tôi không bao giờ đạt đến.

Thiên đàng chỉ nằm trong đầu, thiên đàng không phải ở trên bầu trời xanh lơ kia. Thiên đàng chỉ nằm trong cuộc chơi tàn bạo của giòng đời.

Con người nhào mình vào cuộc chơi mà hẳn biết rằng phù phiếm và tàn bạo; nhưng vì hẳn là người, hẳn không thể thoát ra ngoài vòng cuộc chơi ấy.

Đó là tâm thức bi đát của con người; niềm bi đát ấy trở thành bi tráng, khi con người nhìn thẳng vào sự thực và không nuôi những ảo tưởng, khi con người yêu trò chơi ấy và dự vào cuộc chơi ấy với tất cả mê đắm say sưa của đời mình, mặc dù biết rằng cuộc chơi ấy là phù phiếm, tàn bạo và vô nghĩa.

Biết rằng cuộc đời là vô nghĩa, nhưng vẫn sống một cách say sưa. Biết rằng việc làm vô ích nhưng vẫn làm một cách

hăng say. Biết rằng trò chơi ấy nguy hiểm, nhưng vẫn lặn vào trò chơi ấy với trọn vẹn hồn nhiên của đời mình. Đó mới là sức sống bi tráng của con người.

*“Điều tôi quan tâm không là con người, không phải là mặt đất, không phải là bầu trời, mà là ngọn lửa thiêu đốt con người, mặt đất và bầu trời” (Nikos Kazantzakis, Toda – Raba, trang 113).*

Ngọn lửa ấy là gì? Phải chăng là SỨC SỐNG BI TRÁNG của vũ trụ, của trần gian, của con người?

Sức sống bi tráng là ngọn lửa thiêu đốt cả vũ trụ và con người. Sức sống bi tráng là hơi thở của Thần linh, của Hư vô, của Đại Ngã và Thần Ngã.

Nietzsche đã thổi sức sống bi tráng vào tâm hồn Nikos Kazantzakis:

*“Nietzsche đã làm phong phú tâm hồn tôi bằng cách cung cấp cho tôi những vũ khí để lặn vào những cuộc chiến đấu mới; chính Nietzsche đã dạy tôi biến đổi nỗi đau khổ, niềm cay đắng và lòng lưỡng lự thành ra sự kiêu hãnh” (Nikos Kazantzakis), và sức sống bi tráng ấy đã thiêu đốt cuộc đời Nikos Kazantzakis; ông chạy quanh quần suốt đời trong những nẻo đường hư vô mà vẫn giữ trong tim một niềm kiêu hãnh vĩ đại của con người bị diệt, nhưng vẫn không chịu thua, của một kẻ đau khổ quần quạy, nhưng vẫn từ chối thiên đàng.*

## Và quỳ hôn lòng đất

Trong quyển tiểu thuyết *Alexis Zorba*, Nikos Kazantzakis đưa ra hai nhân vật trái ngược hẳn nhau: một người là trí thức, người kia là công nhân. Anh công nhân tên là Alexis

Zorba. Người trí thức ấy chỉ biết sống với sách vở; đầu óc đầy ứ những tư tưởng trừu tượng; trái lại Alexis Zorba thì không đọc sách báo gì cả, đầu óc Alexis Zorba chứa đầy những ý nghĩ thực tiễn hay là không chứa một ý nghĩ nào cả, hoàn toàn trống rỗng thanh tịnh. Kẻ trí thức kia quên sống, hấn đi bơ phờ trong thế giới tư tưởng, suốt ngày hấn cứ bận bịu với triết lý này, triết học kia. Còn Alexis Zorba sống mãnh liệt và trọn vẹn với đời mình, Alexis Zorba chỉ sống chứ không suy nghĩ; trái lại, kẻ trí thức chỉ nghĩ chứ không sống. Alexis Zorba hưởng thụ cuộc đời một cách say đắm triền miên; còn kẻ trí thức kia chỉ là một xác không hồn bước đi hững hờ trong cuộc đời. Alexis Zorba hoàn toàn là đứa con của lòng đất; Alexis Zorba cúi quỳ hôn lòng đất: còn kẻ trí thức kia chỉ biết chạy đuổi theo một ốc đảo ở sa mạc và suốt đời không bao giờ tìm được.

Alexis Zorba là con người hoàn toàn hồn nhiên giản dị, chỉ biết ăn, uống, ngủ, đi đứng, làm ái tình, ca hát, nhảy múa, say sưa làm việc. Còn kẻ trí thức kia quên ăn, quên uống, quên ngủ, quên đi đứng, không dám làm ái tình, không biết ca hát, không nhảy múa và chỉ làm việc một cách mệt nhọc chán chường.

Kẻ trí thức kia cẩn thận, dè dặt, giữ gìn, chín chắn, tâm hồn đầy mặc cảm. Alexis Zorba dám làm tất cả mọi sự, không dè dặt, không giữ gìn; Alexis Zorba lăn vào cuộc đời như một chiến sĩ kiêu dũng lăn vào trận địa; Alexis Zorba nhảy trên những xác chết của quá khứ, say sưa hò hét trong cuộc sống điên cuồng hiện tại.

Nikos Kazantzakis đã dựng hình ảnh Alexis Zorba giữa nền văn minh trí thức thời đại, một hình ảnh hiên ngang bất khuất sống động, tượng trưng cho sự phục hồi sinh lực của truyền thống Tây phương ở vào chặng cùng đở vờ.

Truyền thống tư tưởng Tây phương đang bị lôi cuốn trong sự độc tôn của lý trí; lý trí đồng nghĩa với ảo tưởng, lý trí chặn đứng sức sống tràn lan của con người, lý trí phá hủy hồn thơ lai láng của vũ trụ, lý trí chỉ biết chia xén, phân hai,

phân biệt, phân tích, lý trí tạo ra ảo tưởng của ảo tưởng, rồi sau cùng *chính lý trí quay lại chống lý trí*; đó là mối mâu thuẫn vĩ đại không thể nào vượt qua được, nếu con người vẫn nằm ngủ trong giấc mộng của giấc mộng.

Alexis Zorba của Nikos Kazantzakis là hiện thân của sự chống đối lý trí; chống đối lý trí không có nghĩa là ca ngợi sự ngu muội; mà là ngược lại thế, bởi chính lý trí là sự ngu muội, một thứ ngu muội trá hình, và vì trá hình, sự ngu muội ấy trở nguy hiểm vô cùng.

Alexis Zorba là một kẻ tỉnh ngộ: nói theo danh từ Phật giáo Thiền tông thì Alexis Zorba đã đi đến Satori (Ngộ). Alexis Zorba là con người lý tưởng mà Kazantzakis muốn đạt tới.

Alexis Zorba từ bỏ thiên đàng để trở về quỳ hôn lòng đất mến yêu. Nikos Kazantzakis chối từ tất cả những ảo tưởng, kể cả ảo tưởng về sự chối từ! Nikos Kazantzakis đi tìm một dải đất mới nhưng dải đất ấy không nằm trong không gian, bởi vì: *“dải đất mới chỉ có trong lòng người”* (Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

Ta phải quay trở về tìm dải đất mới ấy trong lòng người, ta phải đi tìm Tịnh độ trong Tâm; vì Tâm chính là Tịnh độ.

*“Bỏ phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, một cách rộng lượng và không hy vọng”.*  
(Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

*“Bỏ phận mi là...”*

Bỏ phận, nghĩa vụ, chức phận...

Bỏ phận mi là...

Phận mình là...

Phận là điều mình không thể không làm; phận là một việc tất yếu, một sự bắt buộc, một việc quy định.

Bổn phận nằm trong thân phận làm người của mình. Bổn phận có thể nói là xác định tính chất của thân phận con người. Bổn phận là một điều bắt buộc, một điều kiện tất yếu làm con người trở thành con người. Chấp nhận bổn phận là chấp nhận sự thực không thể tránh. Từ chối bổn phận là chạy trốn. Chạy trốn cái gì?

Chạy trốn mình.

Chạy trốn chất tính của mình là con người.

Con người dính liền với thân phận con người, bổn phận là thái độ sống riêng đưa con người trở về con người. Bổn phận có tính cách độc đáo riêng biệt; phận là phận của riêng tôi, của mình tôi nên gọi là phận mình, tức là bổn phận; phận là một sự bắt buộc; phận có nghĩa là chức vị của người; nói rộng hơn, phận chính là người vì chức vị của người (phận) và người chỉ là một; người không có chức vị của người không thể gọi là người, không thành ra người. Nói đến người là mặc nhiên đã nói cái điều làm cho con người trở thành người, tức là phận, nói rõ hơn là bổn phận.

Phận là một điều tất nhiên, một sự đã quy định từ khi tôi mở mắt chào đời và quy định trọn vẹn từ khi ý thức tôi đã trưởng thành.

Mỗi người tự nhận phận mình (bổn phận).

Người khác không có quyền bắt buộc tôi làm bổn phận tôi, vì bổn phận đã là một sự bắt buộc của tôi đối với chính tôi. Sự bắt buộc của người khác xâm phạm đến chức vị của người tôi; chính sự bắt buộc ấy thay thế sự bắt buộc của riêng tôi, vì thế người khác đã đánh mất chức vị của người tôi, vì chức vị của người tôi là sự bắt buộc của riêng tôi đối với tôi.

Người khác bắt buộc tôi làm bổn phận tôi, nghĩa là người khác đã làm tôi đánh mất bổn phận tôi rồi!

Ái quốc hay không ái quốc, đó là bổn phận riêng tôi. Người khác không được quyền bắt buộc tôi ái quốc và nói rằng như thế mới là bổn phận tôi; khi có sự tham dự trực tiếp của người khác vào bổn phận tôi thì tôi đã xa lìa bổn phận rồi, vì bổn phận là phận của riêng mình tôi.

Ái quốc, hy sinh, phụng sự xã hội, vâng lời cha mẹ, hiếu thảo, trung thành, vân vân; người khác không được quyền nói những thứ này là bổn phận của tôi. Nói đến bổn phận là nói đến sự cô đơn tuyệt đối của tôi, của riêng tôi đối với tôi; vì thế, người khác đứng ngoài vòng và chẳng có liên hệ gì với tôi cả; người khác chỉ có liên hệ với tôi là sau khi tôi đã nhìn lại bổn phận (hay là không nhìn lại thì cũng thế).

Tôi nói với tôi như sau:

*“bổn phận của mi là...”*

Tôi không thể nói như vậy với người khác:

*“bổn phận của anh là...”*

Nói như thế là trực tiếp phá hủy bổn phận của người khác, là xâm phạm chức vị làm người của người khác.

Nikos Kazantzakis tự nói với mình rằng:

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm...”*

(Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

Nikos Kazantzakis không nói:

*“bổn phận của mi là ái quốc, thương người, phụng sự, làm việc, vâng lời, giúp đỡ, hay trung thành, vân vân...”*

Nikos Kazantzakis lại nói:

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”*

thế là Kazantzakis đã đập vào trung tâm điểm của ý thức con người; lên đường đi đến hố thẳm là bổn phận quan trọng nhất của tôi; tất cả những thứ khác chỉ là phụ thuộc.

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”.*

Đó là ý thức tiên khởi mà tôi phải nhìn nhận cho riêng tôi; bổn phận của tôi là thế, vì vậy, tôi phải làm bổn phận ấy cho riêng tôi; chính tôi phải làm tròn bổn phận ấy. Làm tròn cái gì?

Làm tròn bổn-phận-lên-đường-đi-đến-hố-thẳm.

Không làm tròn bổn phận này là chạy trốn; không làm tròn bổn phận này là không xứng đáng được gọi là người; không làm tròn bổn phận này là đánh mất chức vị làm người, là tự đối, tự lường gạt mình.

Người chỉ là người, khi người làm bổn phận; bổn phận chỉ là bổn phận khi bổn phận lên đường đi đến hố thẳm.

Sự kiện lên đường đi đến hố thẳm là một thực tại; từ chối thực tại là nuôi ảo tưởng, là tự đánh lừa.

Người dính liền với việc lên đường đi đến hố thẳm. Heidegger có từ ngữ “Sein zum Tode” (Tính hướng tử hay hướng tử tính; Pháp gọi là “L’être-pour-la-mort”). Ta bắt chước Heidegger mà đặt từ ngữ mới cho ý nghĩa câu văn trên của Kazantzakis là “Sein-zum-Abgrund” (tính hướng huyết hay hướng huyết tính; dịch ra Pháp ngữ là: “l’être-pour-l’abîme”).

Người vừa mới chào đời là đã lên đường đi đến hố thẳm.

Người thực sự người là lên đường đi đến hố thẳm; người không thực sự người là kẻ chạy trốn vào cuộc sống thường nhật của thiên hạ (“le On de la banalité quotidienne”) và

không chịu nhận mình để lên đường đi đến hố thẳm. Việc lên đường đi đến hố thẳm là một sự bắt buộc, một sự thực bắt buộc; nhưng sự bắt buộc ấy trở thành sự tự do khi tôi bắt buộc cho riêng tôi.

Nếu để người khác bắt buộc tôi hay nếu sự bắt buộc ấy xảy đến tôi ngoài ý muốn của tôi hay nếu tôi không tự bắt buộc cho riêng tôi, thì sự bắt buộc ấy trở thành sợi dây trói buộc tôi lại, quăng tôi xuống hố thẳm như quăng một con vật, làm tôi mất sự tự do và đánh mất chức vị làm người của tôi.

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”*

Khi tôi chịu làm bổn phận lên đường đi đến hố thẳm thì tôi trở thành con người tự do, sự tự do này mới đúng nghĩa là tự do thực sự, vì dù có ở trong tù, tôi vẫn có thể tự do; và những con người sống bên ngoài kia, họ tưởng là họ tự do, nhưng thực ra, họ bị nhốt bưng bít trong cuộc sống thường nhật nhợt nhạt của thiên hạ “le On de la banalité quotidienne”; (Heidegger gọi là “Das Man”).

Tự do của tôi là tự do thực sự; bởi vì tôi biết rằng tôi lên đường đi đến hố thẳm cho nên tôi tự do, tôi chỉ được tự do thực sự khi sự tự do của tôi là tự do trước hố thẳm, bắt buộc từ ngữ của Heidegger mà gọi là: “Freiheit zum Abgrund” (Heidegger: Freiheit zum Tode”).

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”.*

Nikos Kazantzakis tự nói như thế.

Nhưng lên đường đi đến hố thẳm bằng cách nào?

Nikos Kazantzakis tự nói thêm:

“một cách im lặng...”

Như thế nghĩa là gì?

*“bỏn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng...”*

Im lặng là không nói, không nói là không dùng lời, không diễn tả, không bào chữa, không bênh vực.

Im lặng chẳng những có nghĩa là không nói, mà còn có nghĩa là không không-nói.

Im lặng ở đây không chỉ có nghĩa là im lặng suông, vì im lặng ở đây có nghĩa là im lặng luôn cả sự im lặng!

Im lặng luôn cả sự im lặng là không còn tiếng nói, cũng không còn tư tưởng, không còn suy nghĩ, không còn trí nhớ, nói gọn lại là tiến trình ý thức ngừng lại.

Im lặng có nghĩa là sự im lặng ý thức hay là ý thức im lặng.

*“bỏn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng...”*

Nikos Kazantzakis nói thêm:

*“không hy vọng...”*

Tôi lên đường đi đến hố thẳm một cách im lặng, và không hy vọng.

Đó là điều hiển nhiên.

Im lặng mà còn có hy vọng, thì chưa hẳn là im lặng.

Hy vọng nuôi ảo tưởng, ảo tưởng trong thời gian.

Còn hy vọng là còn lường gạt, là còn ý thức; ý thức lường gạt ý thức bằng cách phóng tới đằng trước nhờ hy vọng; còn hy vọng thì chưa giải thoát; hy vọng là triển hạn; triển hạn là hạnh phúc; khinh bỉ hạnh phúc là không hy vọng, là mở đường giải thoát; hy vọng triển hạn và chặn đứng sự giải

thoát: hy vọng giải thoát là chưa được giải thoát.

Đến bao giờ mới được giải thoát?

**Chỉ đến lúc không còn hy vọng giải thoát, ta mới được giải thoát.** Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ...

Chỉ đến lúc tôi không còn mộng sự tỉnh thức, tôi mới thức tỉnh.

*“bỏ phần của mi là lên đường đi đến hổ thẳm, một cách im lặng, không hy vọng...”*

Nikos Kazantzakis còn nói thêm:

*“một cách rộng lượng”.*

Tôi đi đến hổ thẳm, một cách im lặng, không hy vọng và một cách rộng lượng.

Rộng lượng hay nhân từ cũng gần nghĩa với nhau.

Rộng lượng ở đây có nghĩa là rộng lượng mà không có đối tượng, vì tôi đang lên đường đi đến hổ thẳm. Rộng lượng là một tình bao la mệnh mông; rộng lượng là xóa bỏ sự cố chấp, rộng lượng có đối tượng hãy còn là rộng lượng có sự cố chấp; tôi rộng lượng với người khác nghĩa là tôi còn chấp vào chính sự rộng lượng ấy, nghĩa là tôi còn phân biệt người khác với tôi và sự rộng lượng của tôi đối với người khác là một sự phân biệt nguy trang. Rộng lượng còn phân biệt tôi với người khác thì vẫn chưa là rộng lượng.

Rộng lượng đồng nghĩa với sự không phân biệt; rộng lượng không phân biệt mới thực sự là rộng lượng; như thế, rộng lượng không có mục đích; rộng lượng mà có mục đích, dù mục đích ấy là sự rộng lượng thuần túy thì rộng lượng chưa thuần túy là rộng lượng.

Rộng lượng chính là sự im lặng; rộng lượng chính là không

hy vọng. Rộng lượng mà còn hy vọng thì chưa phải rộng lượng; ý thức rằng tôi rộng lượng thì chưa phải là rộng lượng; rộng lượng đồng nghĩa sự im lặng ý thức.

Con đường đi đến hổ thẳm gồm có 3 lối.

1. trí và tình: im lặng
2. trí: không hy vọng
3. tình: rộng lượng

Đó là cố gắng phân chia cho dễ hiểu; nói một cách tuyệt đối thì con đường đi đến hổ thẳm không có lối, vì còn có lối là còn hy vọng, mà còn hy vọng là không thể rộng lượng, vì rộng lượng còn hy vọng là rộng lượng chưa trọn vẹn và ý thức chưa im lặng.

*“bốn phận của mi là lên đường đi đến hổ thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng”.*

Hổ thẳm ở đây không phải là địa điểm hay mục đích. Không phải hổ thẳm ở một nơi chốn nào đó và bốn phận của tôi là đi đến hổ thẳm ấy.

Hổ thẳm ở đây không nằm trong không gian và sự-lên-đường-đi-đến không nằm trong thời gian; bởi vì chính việc-lên-đường-đi là hổ thẳm, và hổ thẳm chính là sự im lặng, là sự rộng lượng, và không hy vọng. Phương tiện (một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng) chính là cứu cánh (hổ thẳm), hành động (sự lên đường đi đến) chính là mục đích (hổ thẳm). Phương tiện là cứu cánh; hành động là mục đích.

Chúng ta hãy lặp lại trọn câu văn của Nikos Kazantzakis:  
*“dải đất mới chỉ có trong lòng người... bốn phận của mi là lên đường đi đến hổ thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng”* (Ascèse, trang 56).

Như thế, tôi thấy rõ nghĩa như vậy:

- dải đất mới là lòng người;
- lòng người là hố thẳm
- đi tìm dải đất mới là đi tìm lòng người;
- lòng người là lòng mình;
- bốn phận mình là đi tìm lòng mình;
- tìm lòng mình là lên đường đi đến hố thẳm;
- sự đi tìm ấy chính là lòng mình;
- lòng mình chỉ là lòng mình, khi lòng mình im lặng, rộng lượng, không hy vọng;
- lòng mình là dải đất mới;
- dải đất mới là sự giải thoát.

*“dải đất mới chỉ có trong lòng người... bốn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng” (Nikos Kazantzakis, Ascèse, trang 56).*

Trong quyển tiểu thuyết *Le Christ Recrucifié*, Nikos Kazantzakis đã dựng lên một nhân vật lạ thường, tên là Manolios, Manolios chính là hình ảnh con người lên đường đi đến hố thẳm; Manolios đi lại con đường của Chúa Jésus; Manolios lên đường bước đến hố thẳm một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng. Manolios đã sống một đời thánh thiện trong sạch và đã hy sinh chịu chết để chuộc tội lỗi của con người.

Trước khi hoàn toàn quyết định sống cuộc đời của một kẻ lên đường đi đến hố thẳm, Manolios kể lại câu chuyện ngụ ngôn cho các bạn thân thiết để nói qua về sứ mạng của chàng:

*“Tôi sẽ kể cho bạn nghe một câu chuyện về một thầy tu kia... Giác mộng lớn của đời thầy là được Thượng đế cho đi hành hương đến quỳ lạy trước thánh mộ của Chúa Jésus. Thầy đi khắp nơi trong những thôn làng để xin của bố thí. Sau nhiều năm dài, lúc đó thầy đã già, thầy thu góp được*

*một số tiền khá lớn vừa đủ để lên đường hành hương. Thầy ăn năn khổ hạnh, xin phép thầy bề trên rồi lên đường hành hương... Vừa bước ra khỏi tu viện, thầy gặp một người nghèo khổ ăn mặc rách rưới, xanh xao, gầy yếu, trông thể thảm đau đớn vô cùng mà đang cúi xuống đất nhỏ cỏ. Người ấy nghe tiếng gậy của thầy vang lên trên đá, liền ngược đầu lên và hỏi: “Linh mục đi đâu đó? Thầy trả lời: “Tôi đi đến thánh mộ của Chúa. Tôi sẽ đi ba vòng quanh Thánh mộ và quỳ lạy. Người ấy hỏi: “Linh mục có bao nhiêu tiền?” Thầy trả lời: “Một số tiền khá lớn”. Người ấy nói: “Linh mục hãy cho tôi số tiền ấy đi; tôi có vợ và một bảy con đang chết đói, linh mục hãy cho tôi số tiền ấy đi; đi ba vòng quanh tôi, rồi quỳ và lạy trước tôi”. Thầy lấy tiền ra và đưa hết cho người nghèo ấy, thầy đi ba vòng quanh kẻ ấy, rồi quỳ gối và cúi lạy. Sau đó thầy đi trở về tu viện”.*

Manolios im lặng, rồi nói tiếp:

*“Buổi chiều nay, sau nhiều năm trôi qua, tôi mới hiểu rằng người nghèo khổ ấy là ai”.*

Mấy người bạn hỏi:

*“Người nghèo khổ ấy là ai?”*

Manolios lưỡng lự. Sau cùng, một cách im lặng, như một trái chín ban đêm rụng trong vườn, Manolios trả lời:

*“Đó là Chúa Ki Tô.”*

Một lúc sau, Manolios giải thích:

*“Như vị thầy tu kia, tôi đã xây bao nhiêu là kế hoạch to lớn, đang khi tôi chỉ là một thằng tầm thường: chuồng cừu của tôi vẫn chưa đủ đối với tôi, tôi nóng lòng muốn đập tàu to lớn, muốn đi đến tận địa cầu để tìm giải thoát cứu rỗi. Tôi cho rằng thánh mộ của Chúa nằm rất xa xôi trùng điệp, ở tận địa cầu, và tôi đã khinh bỉ mảnh đất nhỏ bé này mà Thượng đã đặt nếm tôi vào... Nhưng bây giờ tôi đã hiểu:*

*Chúa Ki Tô ở khắp nơi trên trần gian này, ở cận nơi lòng ta. Trong thôn làng giàu sang này, Chúa Ki Tô đang nghèo đói, không nơi trú ẩn. Chúa nghèo và có một bầy con đang đói. Chúa đi ăn mày, gõ cửa từng nhà, gõ cửa từng lòng, và người ta xua đuổi Chúa, người ta đuổi Chúa từ nhà này đến nhà khác, từ lòng này đến lòng khác”* (Nikos Kazantzakis, *Le Christ Recrucifié*, trang 274-276).

Những lời nói trên của Nikos Kazantzakis đã làm sáng tỏ ý nghĩa câu:

*“Dải đất mới chỉ có trong lòng người...”*

Thánh địa không phải ở tận bên Do thái, thánh địa ở đây, nơi lòng ta *“Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh”*

Khi tôi không hiểu Tự Tánh, tôi chạy loanh quanh khắp mọi phương trời để tìm giải thoát, tôi cho rằng dải đất mới (hay thiên đàng) ở xa lắm, tận bên kia chân trời; cũng như vị thầy tu kia đi tìm cứu rỗi tận thánh mộ xa xôi, tôi chạy đi tìm khắp nơi, cầu Đông cầu Tây nhưng thực ra thì *“dải đất mới chỉ có trong lòng người”*, chứ không phải ở nơi nào cả.

Có nên nhắc lại lời của đại sư Huệ Năng, lục tổ Thiền tông: *“Phàm phu bất liễu tự tánh bất thức thân trung tịnh độ, nguyện Đông nguyện Tây; ngộ nhơn tại xứ nhứt”*, kẻ tầm thường chẳng hiểu tự tánh, chẳng biết cõi Tịnh độ là ở trong thân mình, mà cầu Đông cầu Tây, chứ người đã tỏ ngộ thì chỗ nào cũng vậy thôi (*Pháp Bảo Đàn Kinh*, Phẩm Quyết Nghi).

Ta hãy suy tưởng ba câu văn dưới đây:

1. *“thân trung Tịnh độ” và “Thiên đường chỉ tại mục tiền”* (Huệ Năng, *Pháp Bảo Đàn Kinh*)
2. *“nước Chúa Trời ở trong lòng các người”* (Thánh kinh, Tân ước, Luca, 17, 21)

3. “*dải đất mới chỉ có trong lòng người*” (Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

Khi biết rằng: “*Chúa Ki Tô ở khắp nơi trong lòng thế gian này, Chúa Ki Tô ở gần ngay nơi lòng ta*” (Nikos Kazantzakis, *Le Christ Recrucifié*, trang 276), thì Manolios đã quyết định làm gì? Sau khi đã biết như thế, Manolios có bốn phận nào?

Nikos Kazantzakis để Manolios trả lời cùng mấy người bạn đồng đường:

“*Này anh em, tôi đã quyết định thay đổi hoàn toàn lối sống của tôi, tôi quyết định cắt đứt quá khứ và đi theo đấng Ki Tô trên dặm đường*” (278).

Đi đâu?

Manolios trả lời:

“*Đi đâu ư? Anh đã quên rằng vị thầy tu kia đã tìm thấy thánh mộ ở đâu sao? Bất cứ người nào tranh đấu và đau khổ trên một mảnh đất nhỏ, tức là người ấy đã tranh đấu và đau khổ trên trái đất này. Tôi sẽ ở lại cùng các anh em mãi mãi! Ở nơi đây, nơi thôn làng này và nơi núi này, trên dải đất chúng ta. Chính nơi đây là nơi tôi phải gieo và gặt; chính nơi đây là nơi trời đã đặt để tôi, là nơi mà trời dạy tôi phải tranh đấu. Mỗi một cục đất ở bất cứ nơi nào cũng đều là thánh mộ*” (trang 278).

Ta hãy quỳ hôn lòng đất; mỗi mảnh đất đều thiêng liêng.

Trong tập *Ascèse* (tâm thuật), Nikos Kazantzakis viết nơi trang 46: “*Không nổi loạn phù phiếm, và nhận những giới hạn của trí thức con người và trong vòng giới hạn chặt chẽ ấy, hãy làm việc không ngừng*”.

Làm việc gì?

Làm việc giải thoát.

Làm việc giải thoát là gì?

“*Một cách im lặng*” là không nổi loạn phù phiếm.

“*Không hy vọng*” là nhìn nhận những giới hạn của trí thức con người.

“*Một cách rộng lượng*” là không ngừng làm việc.

Bây giờ ý nghĩa phong phú của câu văn này đã mở ra trọn vẹn.

*“Dải đất mới chỉ có trong lòng người... Bốn phận mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng” (Nikos Kazantzakis, Ascèse, trang 56).*

Ý nghĩa câu trên được cô đọng lại trong hình ảnh một người bước đi ba vòng quanh một kẻ nghèo khổ rồi cúi lạy quỳ hôn lòng đất.

# THƠ BÙI GIÁNG

## BÊN ĐÈN

*Gió cây trút lá lên đường  
Gươm hồng đeo mộng trút hường hư sinh  
Ấu thơ lỡ dịp quân bình  
Đường xuôi ngược gọi chân tình qua mau  
Nhứt thiên biên thoại ví dù  
Cũng thôi nhứt dạng khôn bù ngẩn ngơ  
Gió đăm chiêu thổi sang bờ  
Lời thừa lệnh mẫu đến giờ là đây*

ooo

*Phương dung nghi lễ phơi bày  
Đường ra ngã bốn góc cây nghiêng cành  
Cỏ ôi dần bến bãi xanh  
Đi vòng thiên hạ đã thành thiên thu  
Chợt dừng cội bắc hư phù  
Bên mình phố thị lan tù tội hoa  
Năm này Nam Việt là nhà  
Ngày sau nhớ lại chính là năm nay  
Hôm qua sự phụ trình bày  
Vội sự mẫu đẹp rằng trời rất xinh*

*(Mai số 8-9 ngày 15-2-1966)*

## GIÓ NÚI

*Tồn lưu lục ẩm dĩ sơ hồng,  
Giáp trĩ thượng thừa tồn tuyệt  
công  
Hà xứ hân phùng du dự nhật,  
Câu khư thất khiêu uống vân  
mông.*

*B.G.*

Té ra anh đã lên đường  
Từ trăm năm đổ gió hường xuống sông  
Trận nhìn chằm chập đăm bông  
Ồi mùa tích lục tham hồng phi kiên  
Tôi về nghe vọng sơn xuyên  
Cô em mọi nhỏ tự tiền kiếp qua  
Gấm ràng dù lạ hay xa  
Cũng rằng tâm sự một nhà mười phương

oOo

Gió cây trút lục lên đường  
Phi hồng đeo mộng trút hường bình minh  
Biển trời tồn hoạt lưu linh  
Con đường tao ngộ tự mình lừng lơ  
Tồn lưu phá liệt trong tờ  
Phụng hoang mang gọi cuộc cờ qua mau  
Dấu rằng lời trước tiếng sau  
Nhưng người tử diệt yêu đào giữa cơn  
Sơ phong tổ vọng hoa rờn  
Bảy giây bỏ liễu tay gờn gợn so  
Quân bình dị biệt tuổi thơ  
Nội dung kiệt tận bao giờ bình sinh  
Niềm suy trọng, nổi bất bình  
Đường xuôi hữu hận phong tình phiêu phiêu

oOo

Chợt mùa thơ vội đắm chiêu  
Bên mình phố thị lan đầu hiu đi  
Con đường trước vội từ quy  
Con đường sau vội giấy thì lim dim  
Tôi về sự muội ngồi im  
Vòng chân chữ s đương tìm chữ o  
Sương trời rót hột nhỏ to  
Vớt tròn trĩnh hột con đồ về sau  
Màu lên tiết điệu mưa rào  
Vòng chân chữ s siết vào chữ i  
Môi vàng như mộng mê ly  
Vòng tay đó chữ t thì vẫn im

*Thôi rồi cổ lục như chim  
Đầu ngang ngựa gục như tim chưa ra*

**Bùi Giáng**

## **Thêm ít lời về bài thơ "BÊN ĐÈN" của BÙI GIÁNG**

**Hoàng Minh Tuynh viết**

Khi trao cho tôi bài thơ "GIÓ NÚI"; Bùi-Giáng có hỏi tôi về ý nghĩa hai chữ "LỆNH MẪU" trong bài thơ "BÊN ĐÈN" đăng trong MAI, số 8-9, câu 7-8 : (chúng tôi đã đăng ở trang trước - ghi chú tòa soạn TQBT)

*Gió dăm chiêu thổi sang bờ  
Lời thưa **lệnh mẫu** bây giờ là đây...*

Bùi-Giáng nói :

"Anh có hiểu **lệnh mẫu** đó chỉ ai không ? Tôi không nói ra, chắc không bao giờ anh biết được. Và hôm nay, tôi muốn nói cho anh rõ : cách đây hai năm, anh có tặng tôi bức tượng của Đấng Trinh-Nữ Mã-Lợi-Á, Maria, tôi vẫn dành một chỗ riêng trong phòng để đặt bức tượng mà tôi ưa chuộng và dưới bóng bức tượng, tôi đã viết :

*" Gió cây trút lá bên đường \*  
Gươm hồng đeo mộng trút hường hư sinh  
Ấu thơ lữ dật quân bình  
Đường xuôi ngược gọi chân tình quá mau  
Cỏ ôi dần bến bãi xanh  
Đi vòng thiên hạ đã thành thiên thu  
Chợt dừng cỡi bắc hư phù  
Bên mình phố thị lan tù tội hoa "*

Tôi ghi mấy lời của Bùi Giáng trên, vì tôi tin thơ anh sẽ còn lại và có ngày nào đó, những người phê bình thơ anh sẽ cần tới.

H. M. T.

**(MAI số 12-13 ngày 15-5-1966)**

# THƠ NGÔ KHA

## Lời tòa soạn:

Thơ Ngô Kha được biết nhiều qua tạp chí Mai. Trên MAI năm 1964 chúng tôi tìm được hai bài trường thi của NGÔ KHA. Một bài mang tên là MẶT TRỜI MỘC (tạp chí *Mai*, số 36 & 37 Xuân Giáp Thìn 1964), và một bài nhan đề là GIÓ, dài đến 4 trang khổ nửa tờ giấy nhật trình.

Bài **Mặt Trời Mộc** chúng tôi đã chọn đăng trong tập “Thơ Tự Do Miền Nam” do Thư Án Quán xuất bản, và đã được một số trang mạng đăng lại nên chúng tôi miễn đăng lại ở đây. Chúng tôi chỉ đăng bài **GIÓ** (Mai số 39) vì chúng tôi nhận thấy trên một số trang mạng (ví dụ Talawas) đã đăng bài thơ này nhưng thiếu đến 3 phân đoạn 3, 4 và 5. (Bài thơ Gió gồm tất cả 5 phân đoạn.)

Nhà thơ Ngô Kha sinh ngày 2 tháng 3 năm 1935 tại làng Thê Lại Thượng, Huế, trong một gia đình khoa bảng. Tốt nghiệp Thủ khoa khóa 1 Đại học Sư phạm Huế, Cử nhân Luật khoa, Ngô Kha từng dạy Văn và Công dân ở các trường Quốc Học, Hàm Nghi, Nguyễn Du, Hưng Đạo - Huế từ năm 1960 cho đến ngày mất tích. (Ngày 30/ 1/ 1973, Ngô Kha bị chính quyền VNCH bắt âm thầm và từ đó không còn ai gặp lại nữa). Tác phẩm của Ngô Kha đã xuất bản bao gồm: *Hoa cô độc* (thơ - 1961), *Ngụ ngôn người đăng trí* (trường ca - 1969), *Trường ca Hòa bình* (1969).

Hiện nay chế độ mới phong ông là liệt sĩ, tuy nhiên, qua thơ ông, ta thấy ông dùng thơ văn nói lên một xã hội tan rã từ khi có sự có mặt của người Mỹ tại miền Nam và để tranh đấu cho quyền tự quyết của dân tộc, ông không chấp nhận Cộng Sản, tư bản ngoại lai:

**cho tôi làm người lính gác giấc  
những chiều đông quân nghe âm thanh cao vút của rừng  
thông  
lặng chờ tiếng gọi âm thầm tự trong lòng đất huyền bí  
hỡi những người lính Tàu, lính Nhật, lính Mỹ, lính  
Pháp  
những người Cộng sản  
cát bụi công bình mà thương cho số phận tất cả  
bởi ai đã chối bỏ chìa khóa mở cửa chốn địa đàng này  
nên bây giờ có những lũ người đi vào bằng bạo lực  
Ta phải chiến đấu  
nên ta phải sống bằng sự thức tỉnh và báo động thường  
trực  
chúng ở đây  
chúng ở đó  
người lính gác giấc phải thức suốt đêm canh  
rồi ngày cũng sẽ tàn  
đêm không còn nữa**

(Mặt trời mọc)

Ngô Kha

# GIÓ

1.

Tôi chẳng phải là chim  
Sao biết đường bay mỗi  
Đôi cánh này ngông cuồng và rồ dại  
Gió đã đến rồi  
Xin một bàn tay đắp lên vết thương  
Sao gió không ru nỗi buồn tôi đi ngủ  
Bây giờ gió là đứa trẻ hoang tàn  
Đem cuộc đời tôi làm kẻ hát dạo  
Lần tôi trở lại  
Sao chẳng là em  
Mà chỉ là gió trong vườn làm tôi rơi nước mắt  
Đất này xiềng xích  
Nên người tử tù một lần ghi tội danh làm sự nghiệp  
Gió có đôi bàn chân nhỏ  
Bước đi trên những miền thâm kín của tâm hồn này  
Tôi quỳ lạy  
Gió đừng đem tôi đi thăm những nơi tôi lớn lên  
Vì tôi sẽ khóc  
Như chồi hoa mùa đông hải hùng nhìn vết giày bạo tàn của  
gió để lại  
Có những ý nghĩ cần phải xóa  
Cũng như gió đã lạnh lùng  
Ra đi  
Có lẽ gió đang hóa thân ở miền nào

Tôi làm sao hay biết  
Bây giờ tháng Năm  
Mùa hạ về vườn nở hoa và kết trái  
Gió có còn màu trinh cho các chồi bông  
Xin đừng quên màu hồng nhiệt tình cho các trái cây  
Rồi gió ra đi  
Đừng ở lại làm gì  
Thảo mộc trong vườn không muốn gió nhìn khi tàn tạ  
Và một ngày vô định  
Gió sẽ về miền hư vô xa lắm  
Như thế thì chỉ có một lần  
Tôi và gió gặp nhau vào giờ này  
Buổi trưa bằng lòng cho chúng ta yên lành trò chuyện  
Tôi đã nhìn thấy một thời khắc vô cùng linh diệu  
Gió mang thi hài người yêu đi qua giấc ngủ cô đơn của loài  
hoa hồ người  
Bây giờ gió còn trẻ  
Chúng mình nói chuyện về tình yêu  
Có người bảo gió đa tình  
Vì gió đã từng ở lại ban đêm trong những khu rừng  
Kể tâm tình với những giòng sông  
Gió đã từng hôn lên những mảnh trăng và những đóa hoa  
Bây giờ tan vỡ  
Tôi biết gì về gió?  
Gió là một nhà thơ  
Gió là một nghệ sĩ khát tình  
Như loài nai rừng thèm uống nước trong những giòng suối  
đêm  
Ôi lời thì thầm của gió và trái đất  
Bây giờ là cổ sử  
Hằng đêm tôi đến tìm gió trên những con đường công viên  
sau thành phố  
Để nói chuyện người yêu  
Gió kể cho tôi nghe những mối tình vĩ đại những giấc mơ  
thần tiên  
Nhưng tôi im lặng như bóng cây  
Vì chắc gió cũng biết rồi  
Tôi sẽ không đủ can đảm trở về trên con đường cũ  
Khi tôi kể cho gió nghe câu chuyện tình độc nhất

Thì tôi chỉ còn lại nhân thể hoang tàn với trái tim cô độc  
Xin gió nghe tôi  
Dù đã một lần bội tình với gió  
Trong cuộc đời này có lúc tôi không còn nữa  
Nhưng gió vẫn muôn đời với thiên tình thần thoại  
Gió vẫn còn tự do rong chơi  
Gió vẫn hồn nhiên mãi mãi  
Như tình yêu bao giờ cũng vẫn còn trẻ lại  
Như mặt trời ngày nào cũng tập đi.



tranh Đinh Cường

## 2

Và gió đêm nay thức làm gì  
Linh hồn ta để tang chờ gió qua sông  
Gió ơi  
Gió làm gì một mình  
Đêm không gầy và không xanh xao như nỗi niềm của gió  
Giòng sông thì vẫn còn một mình ca bài ca nguyên thủy  
Và sông còn buồn lãng du  
Bây giờ ta đánh thức linh hồn  
Đợi chờ gió về cùng những vần thơ khắc khổ  
Bãi cát âm thầm như nắng mưa là chuyện tâm tình những

lần về quê hương úp mặt  
Bây giờ vào khuya hơi thở đất mềm  
Trời cũng mưa  
Gió hãy xếp cánh trở về cùng ta  
Giấc ngủ này là nơi dừng chân của gió  
Hồi gió  
Gió xanh  
Gió hồng  
Gió tím  
Gió rừng  
Và gió đại dương  
Ta đợi chờ gió đến  
Niềm đau này đã một lần mòn mỏi  
Gió có về linh thiêng  
Như lòng ta hằng réo gọi  
Như tuổi đời ta chảy giọt máu xanh  
Gió ơi  
Gió hiền lành  
Gió thương cuộc đời của người con gái nhỏ  
Gió hót  
Gió reo  
Gió đọc bài thơ  
Gió hôn lên vết thương  
Gió săn sóc  
Cho những lần đau giấc ngủ  
Gió thánh thần  
Gió đọc kinh cầu cho tuổi trẻ  
Gió viết tình yêu ta  
Như một lần vết chim  
Gió khắc lên bia đời ta  
Như một lần chối bỏ  
Hồi gió  
Gió yêu  
Cùng gió nhớ  
Bao giờ gió đến hôn ta  
Ước mong lần gió trở lại  
Ta chưa làm một hạt bụi thời gian  
Gió  
Gió hồn nhiên

Gió thiên đàng  
Đường bay của loài chim đêm đã mỏi  
Hải điều cũng sâu như bãi bọt xanh  
Hỡi gió  
Và gió  
Có nghe gì không  
Có thấy gì không  
Có con mọt nằm gõ bụi trên án thư  
Gỗ tùng hương nhớ rừng cũng còn đau vì gió  
Đây lửa hồng  
Và đây là giấy ngũ sắc  
Ta muốn cùng gió ta tá túc đêm nay  
Thời gian không có lần thứ hai hờ gió  
Bây giờ ở ngoài ấy có một bầy sói dữ  
Chúng sẽ cắn lên mình gió  
Và gió có đau không  
Gió ơi  
Khi gió đến hội cùng tôi trên bờ sông này  
Thì vũ trụ giận tôi nằm im như trái đất buổi đầu lịch sử  
Tôi là đứa trẻ đã lỡ đánh rơi quá khứ trong thành phố này  
Bây giờ đi qua đây làm cho tôi muốn khóc  
Thôi đừng bảo rằng  
Nước mắt là phù phiếm  
Hỡi gió và gió  
Đêm nay xin ngủ yên đừng thức giấc làm gì  
Cây khô giận hờn  
Tôi muốn gió chẳng bao giờ là một niềm kinh dị  
Rồi có lúc gió đau ốm  
Gió sẽ về giữa hoàng hôn khóc bóng đêm  
Khi gió trở mình buồn phiền làm ngôi mộ  
Giường chiếu chắn  
Chỉ là lời dỗ dành  
Hư vô là tiếng gọi  
Bây giờ căn bệnh gió hồng lên  
Máu chảy tràn tóc đỏ  
Làm sao cho gió khép mi  
Khi cuộc đời xanh còn mở mắt  
Ta vẫn nói  
Chắc một ngày rồi gió sẽ chết

Ở vô biên gió sẽ lịm như sao  
Trong cô đơn gió dẫn ta vào  
Niềm vô vọng như đau lên thi thể  
Thế là gió một mình  
Làm kẻ giang hồ cô độc  
Cũng như ta vẫn một mình đi hoang trên xác chữ khuya  
Mà thôi gió  
Một kiếp người phận nhỏ  
Lời thơ này đã hóa tiền thân  
Nhớ quê hương  
Đất Chúa cũng tàn ngần  
Và xứ Phật  
Tình yêu không tiếng gọi  
Chân đã mỏi  
Thân tượng đồng buốt lạnh  
Ta ngủ vùi  
Đợi gió làm chim bay.

### 3.

cái vẫy tay cho buổi chiều  
gió đã chuyển lời già biệt của em  
khi còng thoi của thành phố quay rất nhanh trên đại lộ và  
đôi chân nhỏ của em từ từ bước theo tiếng kim đồng hồ -  
ngoài nhà ga  
người con gái tôi đến thăm chiều nay đã già từ thành phố để  
đi tìm một dạ hội chim xanh  
có tiếng nói như hơi thở trong đĩa hát nắng trưa  
người thiếu phụ tự ru cho mình ngủ bằng những vằn điệu  
êm đềm của gió  
bây giờ tôi ngồi cho buổi chiều đến chót vót  
bầy chim nhỏ trên hàng hiên nhìn tôi với đôi mắt từ thiện  
cầu cho chim tìm được trái cây xanh chiều nay trước khi về  
tổ và tôi cũng muốn được mời đi uống một cốc cà phê trong  
quán nước có người con gái quen  
bây giờ nắng đã thay áo và em cũng bắt đầu bữa cơm chiều  
thế nào tôi cũng phải rời bỏ nơi này vì linh cảm về một điềm

xấu  
tôi muốn bước đi theo tiếng kèn chiều nhưng đứa trẻ con  
khóc làm tôi sợ nhất  
tôi cũng muốn ra ngoài đường phố để nhìn sự chuyển động  
của mọi người nhưng chiều nay gió đã nằm bệnh và tôi cần  
phải săn sóc  
tôi hòa những vần thơ trong nước lã làm thần dược cho gió  
uống  
tôi lật những trang nhật ký tìm những mẫu tự tình yêu hằng  
ghi để làm quà cho gió  
nếu có người về Phi châu hay qua Hắc hải  
tôi sẽ đánh điện tín thăm những họ hàng và chị em gió  
thôi hãy yên nghỉ êm đềm như mấy cành hoàng lan trước  
nhà  
chiều nay có tên xà ích đánh xe thổ mộ đi qua xin gió đừng  
hoảng hốt  
nơi trở về ngàn đời của gió không có trên bản thổ này  
đất cát miền này không có kinh nghiệm gì về cuộc đời tình  
cảm  
và lá cây xanh hằng đêm thao thức đợi  
gió về xin một ít mùi hương xa  
gió ơi cho ta hỏi thăm điều này  
gió đã làm gì để các đóa hoa mùa hè tắt thở trên các ngọn  
nắng  
có phải gió đem phổ biến lời ca của bọn người bị quan đi  
tìm cỗi chết  
nếu không phải là giải pháp thần tiên thì đó chỉ là liều độc  
được  
thôi đừng nữa nhé  
ta đã vô tình  
đem chuyện người bắc cầu với mưa nắng  
bởi vì ta đã say như một cánh bướm ăn nhiều gió  
như một con tàu uống nhiều rượu muối của biển khơi  
và đến gió cũng say  
nên chiều nay gió nằm bệnh như ta say nằm nhờ hư vô  
lần giã từ này mặt trời không về nhìn thi thể của hoa  
thi sĩ hôn lên kỷ niệm  
bây giờ gió đã mềm  
vì gió quen biết bàn tay em

như đường gân xanh là ngõ về những lời thì thầm của gió  
ta đã có lần đặt tên cho số phận  
như nỗi buồn cần gõ vào thanh âm -  
gió ơi chờ đường bay mỗi  
về xin trú ẩn tóc em  
con chim bay về tổ cũ nghe thời niên thiếu đi qua  
lời hát tình yêu còn xanh trên lá nhỏ  
ngày mai lên tàu cùng thời gian  
chúng ta làm mùa cho những mối tình người ngủ yên  
vùng mắt nâu còn ở đó ưu phiền  
những ánh trăng trung tuần hằng đêm sẽ còn trở lại  
khi ta ở cách gió một đường bay,  
một con sông  
một giấc chiêm bao  
linh hồn ta vẫn đập chùng với ngọn nến khuya  
như những lời trong thánh kinh còn chờ lần phục sinh em ạ  
thôi bây giờ người đã rời ngưỡng cửa  
tình yêu đang chuyển vận trên bánh xe  
đường tàu  
đường mây  
hay hải đảo  
người thủy thủ không còn trở về biển  
hơi thở thiên thần của em là sóng cả  
rải địa cầu và 24 giờ mỗi ngày là động cơ

#### 4.

nay gió không về làm chim rừng trên búi tóc  
cành cây treo cung chờ người trở lại.  
gió đưa trăng sĩ qua sông  
bây giờ thiếu phụ phơi áo cưới trên giường ngủ  
ta nghe lạnh lưng gió xưa bay về  
gọi em trên các ngã ba  
tìm em trong dấu tích  
máu vẫn ồm đau trên những đường gân xanh  
gió hòa nước mắt em làm hạt máu trắng  
chiều làm con ngài tìm thức ăn lá dâu  
bây giờ em đi xa rồi phải không

tiếng trống ân tình không còn giục già  
cát vàng chảy như giòng sông dạ quang  
gió về tầm đêm nay hóa thân làm tượng đồng với mối tình  
nhiệt đới  
này gió ơi  
hạt trắng đã bay xa rồi  
mắt cũng xanh xao như vào đêm cuối hạ  
làm sao nói cho rừng biết yêu thương  
cho loài ngũ cốc biết trường sinh hở em  
đêm nay ta kể tên bè bạn  
mưa đã khép cửa kính thành nên tình yêu đi ngủ sớm  
ta hỏi thăm tin tức về gió  
bây giờ nàng ca kỹ trao chìa khóa đêm cho người tình  
gió bay quanh đại hồ cầm  
nước mắt nhỏ lên khoảng không trắng  
người thi sĩ ngồi dưới gốc cây chờ hoa nở từ bao giờ  
cô gái khuya (dạ lan) mời thi sĩ đi thăm biệt thự tình yêu  
trong giấc ngủ triền miên thi sĩ thấy mình làm thượng đế khi  
thức dậy  
trên cây không còn chiếc hoa nào  
tất cả các đóa hoa đều rụng  
thi sĩ cảm thấy đau như một lần hóa kiếp  
bây giờ ta không còn là ta  
và gió cũng không còn là gió nữa

## 5.

giấc ngủ sóng thần tịch biên cuộc đời người thi sĩ  
đứa trẻ hoang phí tuổi xanh đã trở về  
và bất chợt lời ra khóc như một cây kèn thổ huyết  
khu vườn chiều nằm buồn trong cơn sốt nhiệt độ lên cao  
chông sách mỗi một và hơi thở của lũ côn trùng mà chợt  
khóc  
bây giờ căn phòng có vô số lời giải bày về số phận  
những bộ xương ướp bằng nét chữ khô gầy.  
tiêu sử mỗi người  
gáy bìa những quyển sách có đề tên tác giả

cốc nước lọc đứng yên  
người cha già lặng lẽ cúi xuống nhìn,  
cọng hoa xanh  
nước xanh trong bình thủy tinh  
và nước mắt còn đứng yên trên hàng mi trắng  
đó là buổi chiều gió không trở về  
khúc đàn hồi hương ta không gây  
cành cây có trái ổi đen và những chiếc bông trái mùa  
con muỗi  
ta bỗng ôm em mà khóc  
ta ôm em vắng mặt  
như ôm thể xác ta  
bây giờ một mình  
bây giờ một mình ngồi đây  
thạch cao trong độc bình biết gì về gió  
hay gió đã quên ta chiều nay  
hay gió đi rồi  
bên kia chân trời  
vũng nước xanh  
thung lũng của đàn chim trắng  
đóa hoa tình yêu với lúa mì trở bông  
tiêu phu loài càn của gỗ rừng và lời ca những bài sấm  
nơi ra đi của giòng sông và lần giã từ nhau nguồn nước vỗ  
vào gốc cây ca hát  
trên ngọn đồi đêm, thú rừng và chuyện hoang đường gió  
trắng và kè đá  
gỗ trầm hương lời nguyện cầu của các loài hoa, tù và, khu  
rừng cổ thụ  
với bữa cơm chiều màu hồng  
tiếng khóc núi rừng phát hỏa  
và người nữ ca sĩ về khoe áo mới trên mộ người yêu  
ta nắm tay em âm thầm như một người tình mù  
em là thiên thần hay là gió bay trên các vì sao  
vì ta có thể cùng em chết đi chiều nay  
vì ta có thể viết di chúc cho em  
vì ta có thể quên mình làm gió  
bây giờ trên địa cầu  
người xạ thủ đứng nhìn mặt trăng  
ước mơ

một lần cho hoa rụng trên cây độc huyền  
xin chào người nhạc sĩ quá cố  
thơ ta sẽ bay đi tìm gió đêm hay  
con sò huyết ôm quả tim hồng mòn mỏi  
em hãy trở về ký ức gõ hồi chuông  
đợi ngày gió trở lại  
hoa trong độc bình không còn chất dinh dưỡng  
hoa đã quên đời  
một lần thương nhớ đất  
ta cũng quên đời  
nên uông hết gió  
có lẽ ngoài trời không còn có gió nữa đâu  
đàn cò trắng vỗ cánh đi ăn đêm

**(Mai số 39 - Bộ mới 1-4-1964)**

# NHỮNG CON DÃ TRÀNG TRÊN BIỂN NHA TRANG

Kịch vô tuyến của  
**NGUYỄN XUÂN HOÀNG**

## XƯƠNG NGÔN VIÊN

*.Buổi chiều ở biển thật buồn và đẹp, Trời thì sâu và xanh -  
Biển mênh mông. Bãi cát trắng mịn và đầy người. Thành  
phố miền đông này nhỏ và hẹp như một bao diêm. Tiếng  
động khẽ ở đầu phố cũng đủ làm vang động đến cuối phố.  
Bãi biển trở nên nơi một hợp mặt công cộng. Không hẹn mà  
gặp, không rủ mà đến, không ngờ mà thấy..-*

*Như biển thì rộng không làm vướng mắt ta, như trời  
thì cao không đè nặng đầu ta, như cát thì bé bỏng  
từng hạt, như đại dương thì im lặng mà đầy hăm dọa,  
như chúng ta thì đeo đuổi nhau, lẫn trốn nhau, như  
những con dã tràng trên bãi cát trắng mịn kia tự xóa  
mình dưới những lỗ hổng đầy nước...*

*Vinh nằm dài trên cát, hai tay gối đầu, nhìn những  
cánh lá cắt xén bầu trời xanh. Thảo đến gần anh  
bằng những bước chân thiếu nữ. Chiếc áo dài trắng  
hàng nội hóa thướt tha, đôi guốc dakao màu gụ trên  
tay.*

THAO : Anh Vinh

VINH : Thảo đấy à ! Em ra từ bao giờ thế ?

THẢO : Em vừa đến xong. Anh Vinh này ! Bao giờ thì anh lên Đalat ?

VINH (*ngập ngừng*) À... à... có lẽ...: tối nay mà cũng ó thể sáng mai.

THẢO (*dồn dập*) Thế nào ? Anh Vinh ! Anh nói cái gì ?

Tối nay à ! Thôi anh đừng có dọa em.

Hôm qua anh vừa nói với em là anh không thể nào xa nổi cái thành phố đẹp và dễ thương này được mà.

VINH : Anh dọa Thảo làm gì. Tối nay hay trễ lắm là sáng sớm ngày mai anh không còn ở cái thành phố nhật và chán này nữa.

THẢO : Chưa bao giờ em thấy anh mâu thuẫn ghê tởm như vậy.

VINH : Thảo nên nhớ là anh mới về đây có một tuần. Tất cả đều có thể thay đổi.

THẢO : Em tự hỏi anh chán thành phố hay anh chán em và thành phố nhật hay em nhật ?

VINH : Anh chán tất cả. Thành phố, em, mẹ anh, Tú và chính cả anh nữa.

THẢO : Rồi anh bỏ em và chạy trốn em, vì anh sợ những thứ đó.

VINH : Không, anh chạy trốn chính anh.

THẢO . Anh Vinh, anh nói những gì em không hiểu

nhưng em cảm thấy có một cái gì không lành nó làm em hãi hùng quá.

VINH : Thảo sợ cái gì ?

THẢO : Em sợ cái nhìn xa vắng của anh và nỗi lạnh lùng khi anh cầm tay em. Em sợ đôi mắt của Tú, sợ cái nhìn đỏ lửa của nó cái nhìn như vuốt ve, như hăm dọa, như yêu thương, như căm thù làm cháy da thịt em.

VINH : Tú nó đã làm gì Thảo ?

THẢO . Nó chặn em gần nhà Bưu điện mắt nó đỏ như máu nhìn em chằm chằm. Hai tay nó chống vào mạn sườn; giọng nói như ra lệnh :

*Tiếng sóng bề nhỏ dần...*

*Nhạc dồn dập,,,*

TÚ : Thảo ! lại đây anh bảo !

THẢO : Tôi ở đây, có gì anh cứ nói!

TÚ ; Có đến đây anh bảo không ?

THẢO ; (*dừng dưng*) Tôi có việc gấp phải đi. Nếu không có gì cần lắm; xin hẹn anh khi khác.

TÚ : (*cười gằn*) Không việc gì phải hấp tấp, « anh ấy » cũng vừa ra đó.

THẢO : (*giận dữ*) Mỗi người có phần việc riêng của mình. Việc của tôi không can gì đến anh.

Tôi đi đây.

TÚ : (*hối hận*) Thảo ! Thảo ! Em không giận anh đấy chứ,...

*Tiếng sóng bề*

*Nhạc êm*

**THAO :** Em cũng sợ và giận cả thân em. Chính em, em cũng chẳng rõ được lòng mình. Nhiều lúc em tự hỏi thăm : Mình muốn gì ? Mình đã làm gì ? Và em đã không bao giờ trả lời trước những câu hỏi đó.

Anh Vinh ! em sợ quá — Dĩ vãng đen và âm thầm đều đặn như tiếng sóng bể; còn tương lai : cái vòng sau chân trời kia đầy những hoài nghi ngờ vực.

**VINH :** Em hãy sống với hiện tại. Hãy nhìn thẳng vào hiện tại, đừng quay lại đằng sau cũng đừng phóng mắt quá xa về đằng trước. Dĩ vãng đã qua rồi, tương lai thì chưa tới. Hãy làm như anh.

**THẢO :** Anh « đã » làm gì ?

**VINH :** Thảo nên hỏi anh « đang » làm gì ? Có lẽ như vậy đúng hơn.

**THẢO :** Anh và Tứ không có một chút nào giống nhau. Tứ thì nóng nảy, sôi nổi, hấp tấp và thô bạo. Còn anh thì lạnh lùng, chậm chạp, trầm tĩnh và buông lơi.

**VINH :** Chúng ta giống như những con kiến bù quanh miệng chén, dù chậm chạp dù nhanh chóng dù muốn dù không, rút cục cũng chạm mặt nhau. Tứ có gặp anh hồi chiều.

**THẢO :** Và nó đã nói gì với anh ?

VINH : Anh đang

xếp áo quần

vào vali, thì

nó đẩy cửa

thật mạnh

bước lên. Nó

đứng yên một

chỗ nhìn anh

thật lâu. Anh

có cảm giác

như cái nhìn

của nó xoáy

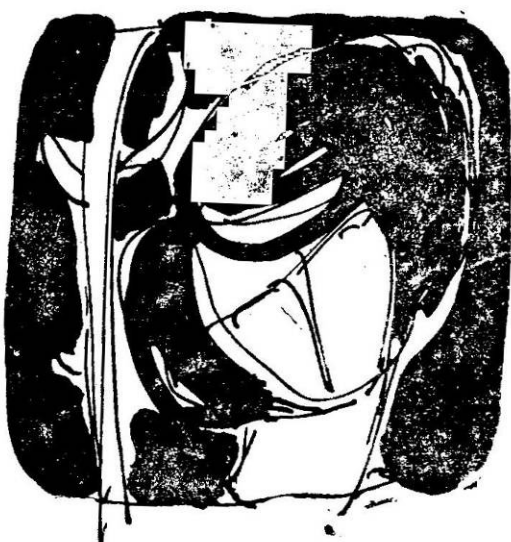
tận kẻ tóc,

mạch máu anh

làm anh tê

người. Anh

cũng cảm thấy như nó muốn nói một điều gì, Nhưng nó vẫn đứng yên— Anh xếp chiếc áo len xám mà Thảo đã đang gửi anh mùa đông rồi lên trên cùng, ấn nắp vali xuống. Vali đầy quá, mấy lần anh không còn được — Bỗng tiếng nói của Tú cất lên chậm rãi và giận dữ...



*Tiếng sóng bề xa dần*

*Tiếng đóng cửa*

*Tiếng sột soạt áo quần.*

TÚ ; Anh Vinh ! Tôi muốn nói chuyện với anh,

VINH : Tao nghe đây, chuyện gì vậy ?

TÚ : Anh về đây chắc cũng gần một tuần rồi ?

VINH : Tám năm nay mày không bỏ nổi cái giọng dài dòng đó.

TÚ : Tôi muốn nói, từ một tuần nay anh là kẻ xa lạ trong căn nhà này.

VINH ; Tao là anh mày và là con của mẹ chúng ta.

TÚ ; Anh là anh tôi ? Anh là con của « mẹ chúng ta » ?  
Hừ ! anh dùng những tiếng tôi chưa từng được nghe bao giờ. Tám năm nay từ ngày anh bỏ nhà ra đi đến giờ, gian phòng này vắng tiếng cười, và giọng nói dịu dàng của mẹ cũng bay mất. Mẹ thường nói với tôi « Ba mày tha phương cầu thực chết bụi chết bờ, thằng anh mày cũng biệt tích theo. Còn mày ? bao giờ đến lượt mày ? » Anh bỏ nhà đi mẹ cũng căm thù tôi, anh có biết không ?

VINH ; Mẹ không căm thù ai hết.

TÚ : Trong nhà này mẹ chỉ thương có mình anh, còn anh anh chỉ thương có những tờ giấy bạc của mẹ.

VINH : Tao chả hiểu mày muốn nói cái gì ?

TÚ : Anh đừng đóng kịch nữa, cái trò đó đã cũ lắm rồi. Tuy vậy tôi muốn hỏi anh một điều ; tại sao tôi và Thảo không thể yêu nhau ?

VINH (bối rối) : Có thể yêu hay không thể yêu thì có can dự gì đến tao ?

TÚ ; Thảo là người yêu của tôi ?

VINH : Tao ở ngoài cuộc.

TÚ : Tất cả chúng ta dù muốn dù không cũng đều ở trong cuộc. Và số phận của mỗi người đều do người khác định đoạt.

VINH ; Cũng có thể nói số phận của mỗi người do chính người đó tự định đoạt.

TÚ : Thảo là người yêu của tôi ?

VINH : Mà y đã nói câu đó nhiều lần rồi.

TÚ (kể lể) : Hồi nhô tôi phực anh ghê. Anh nói cái gì cũng hay, anh làm cái gì cũng đúng. Hình ảnh của anh in hẳn trong tâm tôi nặng nề và ảm áp.

VINH : Vẫn cái giọng kể lể dài lê thê.

TÚ : Tôi đã khóc hết nước mắt khi anh bỏ nhà ra đi. Nhưng từ đó mẹ cũng lơ là tôi. Mẹ vắng mặt suốt ngày, có khi suốt tuần. Anh có biết mẹ đi đâu không ? Ừ, mà làm sao anh có thể tưởng tượng được người mẹ hiền hậu đầy yêu thương và khả kính của « chúng ta » lại có thể bê tha bài bạc — Tôi ở nhà một mình ngồi chờ mẹ. Nhưng bữa cơm nguội lạnh và tanh. Và anh có biết không, mẹ chửi tôi vì thua bạc — Tôi căm thù mẹ, và tôi căm thù anh.

VINH : Mẹ thua bạc nào phải tại tao.

TÚ : Canh bạc lớn nhất mà mẹ thua là do việc anh bỏ nhà ra đi. Canh bạc sau này chỉ là hậu quả tất nhiên của canh bạc đầu.

VINH : Tao không hiểu gì cả. Mà y dài dòng và lộn xộn quá.

TÚ : Tôi dài dòng như vậy để chỉ muốn nói với anh rằng, bây giờ tôi ốm anh. Tôi ốm anh. Tuy nhiên tôi vẫn muốn hỏi anh 1 điều « rất » tầm thường trong một lần « rất » cuối cùng : tại sao Thảo và tôi không thể yêu nhau ?

VINH : Mày cứ lập đi lập lại. Tại sao ? Tại sao ? Trong khi mày vẫn lái nhái : 'Thảo là người yêu của tôi ! Thảo là người yêu của tôi !

Thật chỉ có trời mới hiểu nổi. Mà trời thì cao quá.

TÚ : Phải ! Thảo là người yêu của tôi, nhưng tôi không phải là người yêu của Thảo.

VINH : Của ai cũng mặc. Không việc gì đến tao. Ngày mai tao lên Đalat sớm.

TÚ : Anh Vinh, anh chỉ là một kẻ ưa dối trá quen thói lọc lừa và sống bằng ảo tưởng. Anh không thể lên Đalat nếu anh chưa chịu trả lời câu hỏi của tôi. Tại sao Thảo và tôi không thể yêu nhau ?

VINH : Tại vì đêm thì tối, ngày thì sáng, núi thì cao, biển thì sâu...

TÚ : Anh đừng có nói diên.

VINH : Chiều nay gặp Thảo ở biển, tao sẽ hỏi nó câu đó.

TÚ : Để làm chi vậy ?

VINH : Để cho biết vậy thôi.

TÚ : Anh Vinh; anh đừng có giả diên giả đại. Trong 3 chúng ta, Thảo anh và tôi, chính anh là kẻ biết rõ hơn ai, hết câu trả lời đó.

VINH : Tao không biết.

TÚ : Anh nói dối, rồi anh sẽ phải nói thật.

VINH : Mày dọa tao đấy hả Tú ?

**TỨ** : Sớm muộn gì rồi anh cũng phải nói thật, nếu muốn cũng có thể coi đó là một lời hăm dọa.

*Tiếng gót giày gõ trên sàn gạch*

*Tiếng đóng cửa thật mạnh*

*Tiếng bước xa dần*

*Tiếng sóng bề nổi và bờ*

*(nhạc êm dịu)*

## **XƯƠNG NGÔN VIÊN**

*Tứ nói xong đóng mạnh cửa bỏ ra đi — Vinh đi liền sau đó. Anh biết Thảo đang chờ anh dưới gốc dừa, đôi mắt nai ngơ ngác tìm anh Mái tóc đen buông lơ lửng bờ vai tròn êm ả như cánh tay phù thủy đưa anh vào cơn mộng dài và sâu.*

*Và bây giờ buổi chiều đang xuống trên biển. Những đợt nắng chạy dần lên cao, và những bước chân chiều cũng đang dồn dập đến.*

*Vinh đã ngồi dậy. Anh nhìn Thảo. Thảo thì đang nhìn ra biển. Vinh hỏi thật đột ngột.*

**VINH** : Anh hứa với Tứ sẽ hỏi Thảo một câu thật đột ngột trước khi lên đường.

**THẢO** ; Anh đã hứa gì với Tứ ?

**VINH** : Tại sao Thảo và Tứ không thể yêu nhau !

**THẢO** : Anh Vinh !

**VINH** ; Tại sao ?

**THẢO** ; Anh !.. Xin anh đừng nhìn em bằng cái nhìn ấy, xin anh đừng bắt em phải nói những điều khó nói đó.

**VINH** : Tại sao ?

THẢO : Bởi em cũng có điều muốn hỏi anh.

VINH : Cái gì ? Thảo cũng có điều muốn hỏi anh nữa kia à ?

THẢO : Tại sao, em và anh, chúng ta không thể yêu nhau ?

VINH : (bối rối) Anh không biết. Anh không thể sống ở đây, anh đi xa.

THẢO : Anh đem em theo.

VINH : Không thể được ! Tôi rất cần em

THẢO : Còn em, em rất cần anh.

VINH : Suốt 8 năm nay anh chẳng làm được một cái gì. Anh đến đâu chỉ mang đến đổ vỡ và thất bại — Anh là kẻ mang quá nhiều điều bất hạnh và hay lỡ tay đánh rớt dọc đường.

THẢO : Với em, anh đã mang đến quá nhiều hạnh phúc.

VINH : Trong một tuần lễ.

THẢO : Trọn đời em.

VINH : Anh hết lòng cảm ơn Thảo

THẢO : Anh Vinh, anh nói cái gì vậy ?

VINH : Anh nói anh hết lòng cảm ơn Thảo.

THẢO : Trời ơi anh Vinh, anh làm sao vậy ? Anh bỏ em thực sao anh Vinh ?

VINH : Anh đã quyết định rồi.

THẢO : Anh quyết định thế nào ?

VINH : Anh sẽ lên Dalat tối nay, ngay tối nay bằng chuyến xe hàng đã chở rau cải xuống chợ mẹ em ngày hôm qua.

THẢO : Còn em ?

VINH : Thảo ở lại đây. Thành phố nhỏ xinh xắn, bãi cát đầy tiếng cười và biển xanh hiền hậu kia. Tất cả vòm trời quê hương đó là của Thảo và Tư.

THẢO : Thành phố này không là của ai hết — Và em chỉ biết có anh.

Anh Vinh... em... thương anh, em yêu anh—Chúng ta có thể sống với nhau rất hạnh phúc có thể có con với nhau thật nhiều và có thể chết cùng nhau — Anh Vinh.

*(Tiếng sóng vỗ vào bờ đá)*

Anh Vinh ! Anh nhìn đi đâu vậy ? Anh có nghe thấy em nói gì không ? Anh đang nghĩ gì vậy ?

VINH : Anh đang nhìn lên trời. Trời thì cao và đêm đã xuống — Tiếng nói của em thì giống như những con quạ đen bay lao xao làm xao động cả vùng hồn yên tĩnh của anh.

THẢO : Anh Vinh, em chẳng thể hiểu được những gì anh nói.

VINH : Em chẳng bao giờ còn hiểu được những gì anh nói. Anh như con hải âu mù vút mình lên cao và lao đầu vào vách đá để bây giờ nằm đây nghe thân thể mình tan tành từng mảnh thịt xương — Anh phải bỏ vùng biển mặc đầy tuổi thơ này và di trú lên miền cao nguyên — Nhất định anh phải di trú lên miền Cao nguyên,

THẢO : Anh phải mang em theo. Anh Vinh, em không thể nào sống xa anh được, thành phố này không còn dung túng em, bãi cát này chỉ làm em nhớ thương anh. Anh Vinh, anh phải mang em theo hay em sẽ chạy theo anh.

VINH : Dù ở biển hay ở núi, ở cao nguyên hay ở đồng bằng, ở đâu và bất kỳ lúc nào anh biết chắc rằng : đời trước đoạt khí giới của anh—anh không còn gì để cho sống em và em nữa Thảo ạ ! em cũng chẳng còn gì để cho anh.

THẢO ; Anh Vinh ! quả tình em chẳng thể hiểu được những gì anh nói.

(Tiếng sóng bề vụng ăm ăm...)

### XƯƠNG NGÓN VIÊN :

Tối hôm đó trên chiếc xe hàng bỏ thành phố biển măn lên cao nguyên sương mù khói núi, một cô bé thật xinh ngời nép phía sau hai tay ôm chặt hành lý, ngó trong đêm đen mỉm cười một mình.

Trên bãi bờ, người con trai vẫn ngủ mê, nói một mình với biển giọng đục và thẳng thốt :

Saigon ! Saigon !

Còn Tú của chúng ta, người con trai say mê Thảo đang làm gì ? Hẳn ta đang ngồi ngay ngắn trước lá thư màu xanh với những dòng chữ chưa ráo mực những dòng chữ nắn nót, kénh kịt. Ánh đèn đọc hộ chúng ta.

« Thu Nguyệt rất mến.

• Lần đầu tiên trong đời tôi được biết thế nào

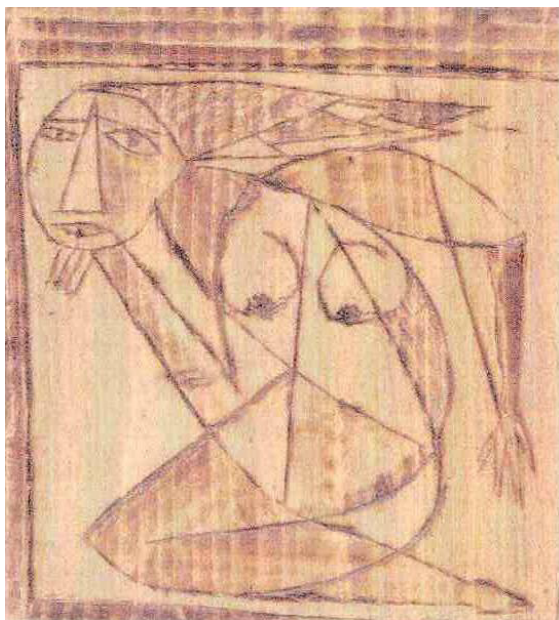
« là tình yêu khi bắt gặp đôi mắt em nhìn

« ngoài khơi xa chiều hôm qua trên bãi bờ...

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

# Cái chuông khi

truyện của Nguyễn Đức Sơn  
(trích từ Mai số 31 & 32)



tranh chạm khắc trên ván thông của Trần quý Thoại

Qua khỏi một ngân hàng ngoại quốc ở đường Bến Chương Dương, tôi chỉ tay cho tài xế trực thẳng ra đường Hàm Nghi mà không hỏi ý Mộc Linh. Tôi hơi rùng mình nghĩ có lẽ đây là một trong những lần cuối cùng tôi đi chơi với Mộc Linh. Tôi xúc động và hơi bối rối cũng như mới hôm qua, Chúa nhật, khi tôi dẫn Linh đi xem lễ ở nhà thờ Đức Bà với tôi cho vui vì không biết phải làm gì. Mộc Linh cũng xúc động

và hơi bối rối như tôi. Song trong đôi mắt nàng tôi đã đọc thấy một tình cảm kiêu hãnh tưởng như tôi đang đau đớn lắm tuy nàng thừa biết tôi không yêu nàng một cách đắm đuối. Tình cảm sâu đậm này tôi chỉ dành cho một người yêu tôi chưa hề và chắc chắn không bao giờ giáp mặt và hình ảnh nàng chỉ hiện lên trong sương khói như thực như không. Vậy thì Mộc Linh làm rồi em ạ. Tôi có nhiều người yêu nay đã có chồng và một gia đình xum xuê mỗi lần gặp tôi ngoài phố cũng có cái dáng điệu kiêu hãnh như Mộc Linh khi họ hơi nghiêng đầu chào tôi một cách thật lịch sự và quý phái. Tại sao lại kiêu hãnh, thách đố? Kiêu hãnh và thách đố cái chi? Về những sinh vật biết nói đang được bế trên tay mình, trên tay người vú, hay đang được chở trên chiếc xe nôi bằng sắt Tây cao, sang? Hay muốn cho tôi mặc nghĩ khi tôi đã tạo ra một số sinh vật biết nói như vậy tôi đã trải qua những giờ phút sung sướng đến cực điểm bên cạnh một người đàn ông khác và khi nhìn anh tôi có tức chết không? Có, có chứ. Tôi có tức đến cực điểm như khi tôi nhìn một đôi vợ chồng trẻ bắt xúng mà người vợ có phảng phất một vẻ đẹp nào đó làm tôi thích. Những lúc đó tôi thường có những cử chỉ vô tri vô giác để cố quên đi ý nghĩ chắc chắn triệu phần triệu là thiếu phụ trẻ đang đứng trước mặt tôi kia đã có những giờ phút sung sướng cực điểm với một người đàn ông không phải là tôi. Chỉ thế thôi. Tôi cũng có những hành động và cử chỉ tôi thậm chí vô lý nữa mà tôi không nhớ hết. Nhưng cứ tin rằng nếu trong dĩ vãng một, hai, ba, hay năm, sáu năm về trước nếu tôi có điều kiện sống chung với một, hai, ba hay năm, sáu người tôi đã yêu thật tình hay lạng quạng và hiện đã có gia thất rất ư đàng hoàng đó, tôi sẽ chạy trốn hoặc tự sát. Nhiều lúc nhìn một trong số con gái đã thành đàn bà đó, tôi tưởng tượng hết sức mạnh tôi là người đàn ông đã bao năm chung sống với họ để thấy chán ngán cực điểm. Tôi không hiểu vì sao hồi đó tôi có thể yêu những đứa con gái tầm thường từ dáng dấp đến tâm hồn như vậy. Tôi mừng thầm, mừng lắm vì biết trí óc và tâm hồn mình đang còn chạy, còn lăn, còn mở ra. Còn những đứa con gái kia chỉ là những vũng nước tù đọng, ung thúì. Mộc Linh cũng chỉ là một giọt nước tù đọng sắp thành hình. Tôi quen với Mộc Linh khi nàng không phải là một giọt nước tù đọng, hay đúng hơn

khi tôi chưa nghĩ đến điều ấy. Tôi thấy Mộc Linh còn chạy, còn lẩn, còn mở ra gần được như tôi. Ôi, tôi khoái biết bao nhiêu những cái còn chạy, còn lẩn, còn mở ra cho đến khi hủy diệt mà không cần biết có đến đích hay không – mà cái đích của mỗi đời người thì tôi chưa hình thành trong trí hay quan niệm được bao giờ. Như những đợt sóng biển chẳng hạn. ào ào chạy từ ngoài khơi lùa vào bãi cát hay ghềnh đá đập nát thân trên đó. Mộc Linh, em chỉ là một giọt nước tù đọng dù tôi không muốn tin như thế, chắc cũng bởi một phần vì mặc cảm Linh học hơn tôi xa quá và Linh lại hơn tôi đến gần ba tuổi.

"Chúng mình ra bến tàu đi. Có một chỗ ngồi được đó anh. Buổi sáng nơi đó vắng người tiện hơn". Mộc Linh nói với tôi khi tắc-xi chạy đến đại lộ Hàm Nghi, khoảng Chợ Trời, chỗ có bán nhiều cây kiềng và lan rừng.

Tôi nhìn đồng hồ tắc-xi thấy kim mới chỉ bốn đồng rưỡi, dưới giá tối thiểu, nên một lần nữa, không hỏi ý Mộc Linh, tôi chỉ tay cho tài xế chạy thẳng một chút nữa cho đến đúng khoảng Chợ Trời có bày bán nhiều cầm thú: yền, bạch yền, hoàng yền, cu, cu cườm, cu biển, cu đất, cu rừng, cu nhà, mèo, mèo mả, mèo đồng, mèo tam thể, mèo tam khoanh, mèo tứ đốm, mang, cheo, sóc, cuốc, cá sấu, le le, bìm bịp... và chó, ời đủ thứ chó, chó phốc nhỏ bằng nắm tay, chó bẹc-giê to gần bằng con ngựa, chó lông xù mặt mũi nhăn nhó như hà bá, chó của chú Sam, chó Mỹ, chó Hoa Kỳ, chó Hiệp Chúng Quốc, chó Anh, chó Pháp, chó Đức, và phần nhiều toàn chó Việt Nam chính cống hay lai căng.

"Đến xem Chợ Trời, ở khoảng này hay lắm".

"Có gì ở đó hở anh?"

"Để giải trí vậy thôi. Rồi một tí sẽ vào Vườn Bách Thú. Hôm nay sáng thứ Hai, thời gian độc nhất cho chúng ta có thể đến đó chơi mà ít gặp những người nhà quê hay những người có tiền và học thức thuộc loại đó đi đứng khắp nơi làm mình phải bực trí vì phải trông thấy cách ăn mặc diêm

dứa, thô kệch, phải nghe họ xì xào nhò to khắp nơi".

Thật ra tôi rất ít có dịp đến nơi này. Sở thú đối với tôi không phải nơi giải trí mà trái lại, Sở Thú, sự thất bại của tôi và của nhân loại. Tôi chỉ đến đó đôi ba lần trong những lần thất nghiệp trầm trọng. Và mỗi lần hiện diện ở đó, tôi sống trong một trạng thái dồn nén, oi bức, ngạt thở muốn chết, nhất là khi phải nhìn cái cảnh một con sư tử già nằm thoi thóp trên một diện tích xi măng ngục tù, nóng rang, với mấy đồng thị ồi, phải nhìn cái cảnh một con chim ưng to lớn từ một cánh rừng lạnh nào trên cao nguyên bị mang về còng cẳng nhốt và coi như phải bỏ xác tại đây.

Có những trưa chán ngán, đôi khi tôi cũng chui vào Sở thú để có thì giờ suy ngẫm một thoáng tư tưởng rút ra từ đất đá của cuộc đời được nung đúc lâu ngày hay chấp chờn bay trong mây gió. Đó là những lần tương đối tôi thấy Thảo cảm viên này tương đối dễ chịu hơn những lần tôi mò đến vì thất nghiệp, miệng đắng, lưỡi và họng khô hóc. Tôi thường đi vòng quanh cái chuồng khi lớn nhất chứa hàng mấy chục con dê chọc phá như một đứa trẻ thất học, du côn, không thèm biết đến những cái bản yết thị nhỏ bằng gỗ treo quanh những song sắt: "Cầm thú là của chung. Cầm cho ăn và chọc phá". Tôi thường móc một ít bánh mì khô queo trong túi ra dụ một con đến gần sát cho một cái nhen thân, xong chạy quanh chỗ khác dụ một con khác nữa... Tôi vốn ác cảm với loài thú này dù đôi khi cũng thấy thương chúng vô hạn. Cái ranh mãnh, tinh khôn của chúng chỉ là những cái vật vãnh, xỏ lá, tiểu ti. Nên có lần tôi bị một con bự bằng một đứa con nít năm sáu tuổi, cụt đuôi, đít dẹt đỏ hai miếng lảng o một cách gớm ghiếc trả thù. Nó cho tôi đi qua, núp ở trên cao bật còi thổi thẳng xuống. Tôi biết việc gì ngay nên không dại gì ngẩng đầu lên để hứng chịu thiệt hại nặng nề. Tôi lách qua một bên. Tôi mới bị ướm chút áo và mé đầu chứ chưa bị vào miệng. Thế rồi, đắc thắng, nó nhả răng, khọt khọt mấy tiếng rồi chuyển lẹ lên chỗ cao hơn. Tôi tức cảnh hông nhưng nghĩ lại – tôi so sánh có kỳ không? – tôi thấy thân phận tôi hơn nó nhiều quá nên cũng làm bộ cao thượng. Tôi cố gắng tỏ ra một tình cảm độ lượng, khoan

hồng mà thật ra chỉ để xoa dịu lòng bức tức của tôi. Mà tôi hơn con khi nhiều thật. Thứ nhất bởi tôi là người mà nó chỉ là thú. Thứ nhì, tôi đang sống một cách tương đối tự do mà nó thì bị nhốt, cái con khi cụt đuôi, dít dất hai miệng da mỏng láng đỏ tươi thật gớm ghiếc ấy. Thế nhưng tôi lại hết sức bức tức khi thấy nó không hiểu biết chút gì về cái thân phận cầm thú và cái hoàn cảnh tù ngục đó. Một lần khác, sau đó khoảng một tuần, tôi có dịp trở lại Sở thú. Nhớ đến con vật, tôi lại dụ nó ra cho ăn và tát cho một cái chí tử. Tôi tát không nhầm đâu. Đúng cái con khi đực đã đái xuống đầu tôi hôm nào. Tôi thấy tôi tiểu nhân nhưng tôi mãn nguyện. Ở trên cái cõi đời này nhiều lúc được làm tiểu nhân cũng thú vị lắm chứ. Tôi chỉ hơi hối hận khi thấy con vật hoàn toàn không có khí giới chống trả đó nhìn trừng tôi một hồi lâu rồi ôm đầu chạy như thể bị vỡ óc. Nó đi lạng chạng suốt lọt xuống hồ nước khá to giữa chuồng. Tôi nghĩ nó có thể chết vì cú đánh vũ phu, vô nhân đạo như trời giáng của một người thù khá dai là tôi. Tôi nghĩ nó có thể chết. Mặc. Cái con vật xỏ lá, ti tiểu ấy. Thế rồi có một lần nữa tôi lại mò vào Sở thú và đến thăm chuồng khỉ. Bẵng đi một thời gian khoảng hai tháng – bởi tôi đại gì chịu thất nghiệp lâu mà không chịu chạy chọt một vài áp phe bậy bậy gì đó để sống mà cứ vác mặt đến Sở thú hoài! – tôi hầu như hoàn toàn quên chuyện cũ. Tôi đang đứng dáo dác nhìn cả chục con khỉ nhỏ to đi, đứng, chuyển, cho con bú, bắt chí hay âu yếm nhau – (chúng cóc biết thuần phong mỹ tục nên an nhiên làm cả việc sinh lý giữa thanh thiên bạch nhật dưới mắt mọi người). Tôi đang mơ mộng bậy bạ thì xè xè, tôi sực nhớ lại chuyện cũ. Và nhanh như chớp giật, tôi né sang một bên theo lệnh gọi rất nhạy bén của hệ thống thần kinh truyền lệnh rất kịp thời xuống điều kiện bản năng. Xe lẹ quá một bên, tôi nhìn thẳng lên trên. Chánh hầu nó rồi. Tôi thấy đúng cái con khỉ đột cụt đuôi dít có dất hai miệng đỏ đang mở mắt thau lấu, lúc thì nhả răng sít rít, lúc thì chu miệng khọt khọt và gật gù cái đầu ra vẻ khoái chí lắm. Nhưng hựt rồi con ạ. Tôi nhìn kỹ mới biết mình đã đứng ngay chỗ cũ, chỗ mà khoảng hai tháng trước đây con vật đã có dịp chơi xỏ lá tôi và thẳng tôi keo đầu một cách đáng kể. Keo này thì hồng rồi. Vậy mà còn khọt khọt đắc thẳng cái nổi chi, hờ

con? Tôi tưởng nó ảm ức lắm vì quá khó có cơ hội bày lại keo khác. Nhưng con vật khốn khổ đó cứ nhìn tôi chăm chặp ra vẻ đã thỏa mãn thực sự. Nó ngu quá. Tôi phải tìm cách chỉ cho nó thấy đầu tôi và áo tôi lần này không hề trúng lấy một nửa giọt nước đái của nó. Nhưng nó không thể nào hiểu nổi mà cứ khọt khọt hoài. Chính điều đó đã làm cho tôi tức bực vì không còn cách chỉ thanh minh với nó, với những con khỉ khác, với cây cối và hồ nước vô tri rằng tôi không hề bị một chút thiệt hại nào trong trận phản pháo trả đũa này. Tôi còn giận tôi đã thiếu trí nhớ, thiếu cái chất tiểu nhân thật mạnh mẽ thù thật dai một cái gì trên đời sống quá ư ngắn ngủi này. Không phải nói vậy là tôi gián tiếp khen tôi quân tử Tàu phần nào đâu. Cuộc đời vốn cụt không đầy một gang. Tất cả đều tan biến. Nghĩa gì đâu. Nhưng rất nhiều khi cần phải tiểu nhân, phải trả thù, phải múa rối, để sống, thế thôi. Tôi đang tìm cách trả thù con vật thì nó lại giáng cho tôi một đòn tâm lý nặng nề. Nó nhảy lên thanh sắt cao ở từng lưới phía trên, vừa ngo xuống phía dưới tôi vừa làm tình với con khỉ cái lớn hơn nó một chút. Tôi cũng nhớ không lầm mục khỉ cái thường đi cặp với con khỉ đực cụt đuôi này và thù luôn cả vợ chồng chúng (vợ chồng một loại động vật trên bậc thang tiến hóa được xếp vào hạng nhìn nhưng còn thua quá xa loài người). Tôi bực tức. Quả thực tôi đã coi chúng như một kẻ thù ngang hàng và xứng đáng với tôi. Tôi biết tôi bần tiện nhưng tôi không muốn thoát ra cái tính dê hạ đó. Thường thường được sống bần tiện cũng thú vị lắm chứ, dù tôi là giáo dân mà tinh thần của Sách Thánh vẫn khuyên tôi không được trả thù y như bên Phật giáo và tôi là một người Công giáo thuộc hạng libéral ít ra cũng phải nhất Saigon (mà sự lui tới của tôi ở nhà thờ chỉ còn mang ý nghĩa gần như một tập quán xã hội, thế thôi). Tôi bực tức quá. Tôi liền nghĩ đến hoàn cảnh và thân phận tôi từ một tháng nay. Tôi không có dịp chung chạ với đàn bà. Tôi không đủ tiền để lo cho cái miệng trên của tôi thì lấy đâu có chút gì đem nuôi cái miệng dưới của những đứa con gái đàn bà làm cái nghề khốn khổ nhất trong trời đất.

Tôi thù con vật ghê gớm. Nhìn chu vi hình tròn của cái chuồng trên ba mươi thước, tôi trào đứng lên bờ gạch đã

muôn lỗ, hai tay nắm chặt vào hai song sắt đã hoen rỉ, ngược mắt nhìn lên. Tôi nghĩ nếu có ai quen biết chụp được một cái hình tôi với phụ cảnh đúng hệt và đầy đủ như vậy tôi sẽ mắc cỡ phần nào. Tôi nhìn lên, nhìn lên. Tôi ganh và ghen thực sự với con vật. Tôi tức trào máu nhưng tôi cứ nhìn lên. Và càng nhìn lên tôi càng tức trào máu. Nhưng ma quỷ đã xúi tôi nhìn lên không chớp mắt dù bụng đói lép xẹp. Nhiều lúc sống với ma quỷ của lòng mình cũng thú vị thật. Hai con vật rề rà thật lâu mà chưa chịu buông nhau vì có lẽ chưa đựng cái mức khoái cảm quỷ thần. Tôi nhìn lên, nhìn lên. Chỉ khi nào thật mỏi mắt mỏi cổ tôi mới chịu nhìn xuống một chút để lấy lại hơi sức. Tôi bẻ gập cái đầu xuống ngực thành một góc nhỏ tối đa để bù trừ phần nào với lúc ngẩng đầu lên. Tôi tiết kiệm từng giây phút không quan sát được chúng. Tôi rất ngại cái giây khắc cực thú của chúng chẳng may xảy ra trong khoảng cái thời gian tôi gục đầu xuống để bớt mỏi thì thật hoài công. Tôi nhìn lên, nhìn lên. Rồi lại quá mỏi nên nhìn xuống. Tôi bắt gặp ở bên kia lưới sắt một đôi vợ chồng trẻ thuộc loại đơ đờ cũng đang nhìn lên hai con khi một cách khá chăm chú. Thịnh thoảng bốn con mắt đó cũng hướng thẳng về phía tôi một cách khá tinh ranh. Tôi sợ gì mà không điều chỉnh hai con ngươi của tôi về phía họ một cách thật soi mói. Nhưng sau đó tôi biết ngay mình xuẩn ngốc khi phản công mà không chịu tri bỉ tri kỷ như vậy. Tôi biết rồi các bồ. Tôi đầu hàng và đầu hàng thực sự các bồ đó. Xin các bồ đừng nhìn tôi nữa. Vâng, tôi biết họ thương hại tôi lắm vì có lẽ họ đoán tôi đang túng thiếu sinh lý một cách trầm trọng. Tôi nhìn lên. Con vật kéo dài cái thời gian giao hợp quá lâu. Tôi có nhiều dịp ở rừng, nhất là rừng thuộc cao nguyên và Tây nguyên và đọc nhiều sách ngoại quốc viết về loại động vật này – loại động vật mà có một vài giống trong số đã được từ nhà đại sinh vật học Darwin cho đến Marx đều hề nhau công nhận một điều nếu kiểm chứng đúng một trăm phần trăm chắc chắn sẽ lật úp và phá tan được nền tảng tôn giáo của tôi – nên tôi biết khá nhiều về chúng. Nhưng tôi tuyệt nhiên chưa rõ cái thời gian ân ái của chúng kéo dài được bao lâu thì đạt đến cực độ và khi đạt đến cực độ rồi thì có còn dính nhau hoài như chó, thì có còn vót vát được chút đỉnh sung sướng không. Tại sao

không một nhà sinh vật học nào chịu quan sát, thí nghiệm và chép lại sự kiện đó? Nó quan trọng lắm chứ, vì chắc chắn không ít thì nhiều nó cũng liên quan đến tâm sinh lý học và đạo đức học của con người lắm chứ. Tôi nhìn lên, nhìn lên. Đôi lúc cảm thấy gớm ghiếc, tởm nhờm. Nhưng tôi cứ nhìn lên. Để xem sao. A, thật quá lâu. Không rõ trung bình loại khỉ đột này có thể sống lâu chừng 50 năm như loại khỉ Chimpanzé hay cũng khá nhiều năm như các loại Gorille và Orang-outang không. A, hai anh chị say đắm quá lâu mà vẫn chưa chịu buông ra. Không hiểu có phải vì chúng đã gặp một trở ngại nào khi hành sự hay thật ra chưa đạt đến phút giây quý thần. Dễ chừng có cả tiếng đồng hồ rồi. Tôi nhìn lên, nhìn lên. Tôi nghĩ nếu con vật đó sống chừng 30 năm thôi thì chắc chắn nó đã hưởng được cái nhục cảm gấp mấy lần con người dù cho chúng hoạt động có mùa có tháng chứ không loạn xạ đêm, ngày, mưa, nắng cho con người. Tôi nhớ nhiều lần đang ngồi học, tôi quan sát một loại phù du thật mỏng có cánh xanh lơ, bụng nhỏ còn hơn bụng con muỗi cái nhưng hai lông đuôi trắng tinh nhỏ bằng một phần mười sợi tóc vút ra thật dài. Hai cô cậu cũng biết đấm nhau và kéo dài cái việc đó đến gần 30 phút. Sau đó hai con vật bé tí này đã đèo nhau bay đi xa. Không biết khi đậu lại chỗ nào đó chúng có chịu rã nhau hay không. Theo chỗ tôi biết thì loại phù du hạnh phúc này chỉ sống một đời không đầy 24 giờ. Một đời sống kéo dài vồn vện có một ngày mà đã có gần nửa tiếng dành cho khoái lạc! Vậy thì một cách tương đối, tỷ số khoái lạc của chúng hơn con vật đi hai cẳng là chúng ta nhiều quá Épicure ạ! Tôi nhìn lên, nhìn lên. Trên vòm lưới sắt cao kia có mấy tầng cây me Tây lâu năm hay ô môi hay cổ thụ gì đó nữa ngã rạp bóng xuống. Có một thứ cây gì trái xanh đỏ li ti cũng nghiêng xuống một bên. Khung cảnh bên ngoài lưới sắt thật rộng vì tiếp giáp với cả bầu trời, nơi mà từng bầy quạ đen vẫn thường bay về đậu chơi và kêu nhau một cách thật thoải mái. Nhưng tôi nghĩ con khỉ đột kia không bao giờ thoát ra đó được để tự do trèo lên hàng trăm ngọn cây cao chót vót nhìn trời cho đã nư. Tôi nhìn xuống phía dưới vì một cơn gió nhẹ vừa thoảng qua làm thúì om cả lên. Tôi thấy hồ nước hết sức bẩn thỉu và tù đọng. Phân khỉ cùng một số trái cây vô danh ung rữa bài

nhoài khắp nơi. Tôi nhỏ nước bọt, nhức đầu. Tôi thấy tù túng, oi bức muốn chết. Tôi thử đếm. Khoảng bốn chục con. Bốn chục con sống trong một không gian nhỏ như thế. Vậy mà chúng vẫn an vui. Chúng đã chịu nhận hoàn cảnh và tình thế đó để sắp đặt cuộc đời đảng hoàng có đủ sinh hoạt vật chất và tinh thần nếu có thể nói như vậy. Tôi nhìn lên, nhìn lên, mặc dù mùi hôi thúi lâu ngày càng về trưa càng bốc lên nồng nặc. Từng cặp, từng cặp chúng đang tỏ tình mà không thèm biết mắc cỡ làm chi cho phiền. Tôi nhìn lên, nhìn lên, đăm đăm. Lửa dục đang đốt cháy và tàn phá cả người tôi trong những ngày thất nghiệp kinh niên ở Saigon này. Tôi nhìn lên, nhìn lên. Trời ơi, chúng làm y hệt như người ta trong phòng riêng đóng cửa đảng hoàng rồi vậy. Trời ơi, trời ơi, làm sao một thằng thanh niên vô gia cư vô nghề nghiệp nhưng xấu dầy tốt củ nhịn giải quyết đã quá lâu như tôi mà chịu được khi nhìn hoài những pha cực lạc như thế. Chúng làm như không có ai. Chúng hoàn toàn không có một mảy may ý thức thuần phong mỹ tục (hay rất ý thức một loại luân lý đạo đức nào khác hẳn cái được con người quan niệm?) Chúng làm như một đôi vợ chồng thân nhiên giao hợp trong phòng mà không thèm để ý đến đứa bé ngo ngoe trong nôi hay con mèo nằm lim dim bên cạnh. Tôi nhìn lên, nhìn lên.

"Ê!"

Một nhân viên trật tự vừa thổi tu huýt vừa la một tiếng và nhấn xe đạp về phía tôi khi thấy tôi móc chút bánh mì khô còn sót trong túi ra dụ con khỉ. Có lẽ sáng nay chưa khiển trách được ai và chưa thổi được một hồi tu huýt nào nên bây giờ quá nửa miệng y thổi một hơi thật khỏe. Tôi biết phận bước xuống đất.

"Không trông thấy yết thị sao?" Y tiếp.

"Vâng". Tôi không biết nói sao đành trả lời vậy.

Thấy nhân viên nọ tuổi cũng trạc bằng tôi và có vẻ dễ chịu, tôi liền chỉ cho y nhìn lên chỗ hai con khỉ đột đang ân ái. Y

cũng tức cười và thân mật bảo tôi:

"Nó đa tình và quấy lắm. Có lần nó thoát ra khỏi chuồng".

Nói xong y chỉ cho tôi xem một cái lỗ to bằng cái thúng ở một góc phía trên đỉnh chuồng tạo thành bởi hai mí lưới sắt không hiểu sao bị bung toét ra.

"Rồi làm sao bắt nó lại?"

"Nó tự ý mò vô đó chứ. Kia vợ nó kia". Y chỉ tôi đúng cái mù khi cái đang ngồi chung với con khi đột cụt đuôi dít dất hai miếng đỏ láng bóng ở trên cao kia.

Tôi chưa kịp có khen ngợi với nhân viên nọ thì hai vợ chồng đứng đối diện bên kia mà bốn con mắt đã từng tọc mạch nhìn tôi bấy giờ đã xê lại gần chúng tôi. Người chồng hỏi ngay nhân viên:

"Tôi cứ tưởng một khi cu cậu thoát ra khỏi chuồng là đông ngay một nước về rừng cơ chứ".

"Ồ đây như rừng rồi còn gì. Nó quen rồi ông ạ". Y đáp cũng thân mật tự nhiên như người hỏi.

Bây giờ người vợ mới xích lại gần người chồng hơn, đưa tay choàng lên vai, làm một cử chỉ yêu đương vụng về, vu vơ, hơi quê mùa. Tôi quan sát rất nhanh. Tôi thấy người chồng thuộc loại đàn ông có kiến thức trung bình như tôi đã đoán lúc đầu. Hắn trạc ba mươi. Cầm tua tủa một ít râu ria. Người vợ, tôi dám chắc điều này, là nếu được sinh trưởng trong một gia đình có khung cảnh trí thức một chút, chắc hẳn giờ đây đã thành một người đàn bà khác hẳn cái người đàn bà đang hiện diện sinh tồn đó, khác hẳn về dáng dấp, cử chỉ, bộ điệu, lời nói, trí óc và tâm hồn. Vậy mà ở trong Sở thú này nếu làm thống kê và lấy tỷ lệ bách phân thì phải đến 100 đôi vợ chồng đến viếng may ra mới có một đôi vợ chồng thuộc thành phần khá như vậy.

Buổi trưa thanh vắng nếu cái máy khâu thanh đã thỏ ở một quán nước nằm bên ranh giới Thị Nghè dùng cho xổ ra những bài cải lương, vọng cổ, tân nhạc hay đến cả những bản nhạc thời trang Tây phương quá ư nhất thời, thô lậu, hạ cấp, đại hạ cấp dù chúng được cả quần chúng có học ở Saigon hâm mộ. Chúng tôi có cả thấy bốn người và sau đó, có một em bé bán đậu phộng rang áp đến nắn nì mời mọc và nghe chuyện. Nhân viên Sở thú, một chân đạp lên bàn xe đạp, một chân tựa lên song sắt chuồng khỉ, bắt đầu nói chuyện với hai vợ chồng. Hai vợ chồng cũng nói chuyện với nhau. Tôi tính lảng đến băng đá đánh một giấc ngắn để lấy sức cho một buổi chiều lang thang sắp đến thì được nghe nhân viên kể:

"Nó (con khỉ đực cụt đuôi đít dẹt hai miếng đồ) mới về đây có hơn một năm thôi mà đã đẻ được một bà và hai đứa con rồi đó".

Rồi y chỉ con khỉ con chừng ba bốn tháng còn đang làm nũng ngồi trong lòng mẹ nó, một mẹ khỉ cái khác đang ngồi bên mé hồ nước. Hai vợ chồng chăm chú nhìn mẹ con mẹ khỉ đột cái này. Xong, lại nhìn lên. Tên nhân viên cũng nhìn lên chỗ cặp khỉ đột đang ân ái:

"Sao lâu quá vậy ông bạn?"

Rồi y bắt đầu nói chuyện với tôi, giọng hơi sỗ sàng. Chắc hẳn y cho tôi thuộc hạng cù bơ cù bất. Mặc. Tôi không cần phân minh hoặc tỏ thái độ gì ráo. Khi sống với bất cứ hạng người nào, tôi thường có thái độ và đôi khi ý nghĩ giống họ, để sống. Vì chắc chắn tôi chỉ gặp họ trong một thời gian rất ngắn so với những thời gian thực thụ tôi sống cho tôi và những kẻ tôi thích. Sau một lúc chuyện gẫu, tôi biết nhà y ở đằng kia, bên cạnh một con lạch cạn dưới một tàng cây đa cổ thụ ở ngay trong Sở thú này. Tôi cũng biết bố của y là một trong những người phu cắt cỏ hốt rác, một nhân viên của Thảo cầm viên này. Từng buổi trưa in bóng ngồi đợi vợ và thiếu nữ, tôi đã có dịp quan sát những người này với chiếc xe bò ệt hoặc xe bò nhỏ của họ và cuộc đời lẩn quẩn,

tôi tắm. Tôi tin chắc họ đã thuộc lòng vị trí từng gốc cây, từng hòn đá lớn trong vườn bách thú này. Có lần tôi đã quan sát một người phu lớn tuổi đang quần thuốc Lào phì phà hút dưới một gốc cây, cảm thấy ghê lạnh cả một cuộc đời buồn tẻ, tù đọng, úng thúy, tôi tắm của họ. Họ ít khi bò ra đến thành phố Saigon chứ đừng nói đi đâu xa hơn. Tôi nghĩ toàn thể khu vườn bách thú này thật ra cũng chỉ là một cái chuồng lớn và người phu kia cũng chỉ là một con thú mất tự do. Có cái điều cái chuồng này dĩ nhiên lớn hơn tất cả những cái chuồng khác ở đây. Nhưng có nghĩa lý gì. Cũng như cái chuồng khi ở đây lớn hơn chuồng sư tử, chuồng sư tử lớn hơn chuồng gấu, chuồng gấu lớn hơn chuồng mèo rừng, chuồng mèo rừng lớn hơn chuồng chim, thế thôi. Tôi không hiểu sao họ có thể bằng lòng sống như vậy. Họ còn thấy thú nữa là khác. Nhìn đáng điệu người phu đứng tuổi kia đang phì phào thở thuốc Lào, với tất cả tâm hồn và trực giác của tôi, tôi tin chắc lão không đang suy tính gì hết, nhất là suy tính một cuộc đời khác. Tôi nghĩ đến cái triết lý sống của họ - vâng, họ phải có cái triết lý của họ dù muốn dù không - đặt nhiều câu hỏi mà không tìm ra giải đáp. Bây giờ tôi nghĩ đến nhân viên trật tự còn trẻ đang đứng nói chuyện với tôi, và nghĩ đến ngôi nhà của y, đến con vợ y đang hiện diện sinh tồn chui rúc trong căn nhà kia. Tôi rung mình chán ngán. Tôi so sánh y với con khỉ cụt đuôi kia và thấy chúng giống nhau lắm. Những điểm giống nhau tôi không cần phải kể nữa. Tôi mỉm cười. Ý tưởng cái mỉm cười của tôi là dấu hiệu biểu lộ thiện cảm nên càng hăng nói chuyện. Rồi tôi nghĩ đến thân phận của tôi. Biết đâu, với một ý thức khách quan tôi cũng chỉ là một con thú bị nhốt, một kẻ ở tù như nhân viên nọ, như con khỉ kia. Tôi nghĩ đến những năm dài thất nghiệp quần bách ở Saigon để cuối cùng vẫn chịu sống. Nhưng tôi muốn gạt bỏ ý nghĩ đó. Bởi Saigon đối với tôi, trái đất đối với tôi không thể nào là một cái chuồng thú lớn như toàn thể vườn bách thú đối với những con vật như con khỉ kia và nhân viên trật tự nọ. Bởi tôi còn có đời sống tinh thần, tâm hồn và trí óc. Trí óc tôi bùng cháy mỗi ngày.

Tôi còn đang lẫn, đang chạy, đang mở ra. Tôi còn đang dự tính dù những dự tính của tôi sẽ tan biến cùng sự hủy diệt

của tôi trước mặt hư vô. Dù sao tôi cũng muốn chết trên đường. Tôi chắc chắn sẽ không có một địa điểm, một cái mức ăn thua để về đó chết. Tôi muốn chết cái chết của một người chạy đua trên đường về đích, dù nó cũng không có nghĩa gì hết. Tôi vẫn khát vọng cái đích dù chẳng có một cái đích nào thực thụ tuyệt đối cho tôi ở cõi đời này cả. Tôi thêm một cái đích không có... đích. Tôi chạy, thể thôi.

Còn em, những Mộc Linh yêu dấu, các em có muốn chạy như tôi không? Các em có muốn làm những đợt sóng lớn đập nát thân trên bờ đá không? Tôi nhìn lên, nhìn lên dù con khi được đã chấm dứt trò ân ái của nó. Một chốc tôi nghe tiếng người chồng nói với vợ:

"Em nghĩ thế nào nếu em là một trong những con – xin phép em trước nhé, anh ví dụ thôi – là một trong những con... khi sống ở đây, bị giam trong chuồng này?"

"Ồ, ơ... sao lại hỏi kỳ vậy... sao lại ví dụ như thế được nhỉ!"

Tôi muốn xen vào câu chuyện nói thể cho người chồng "Sao cô ngu vậy?". Bây giờ tôi lại chú ý đến người chồng. Tôi chú ý đến khuôn mặt hơi hung ác nhưng phảng phất ánh sáng của trí tuệ, của tâm hồn. Một ít râu ria của hấn rung lên. Hấn bỏ lửng câu hỏi vì biết người vợ không ý thức được thân phận cùng sự hiện diện, sinh tồn như hấn. Hấn thần thờ, nhìn quanh quẩn, vô tri. Hấn đang cô đơn. "Thưa ông, tôi muốn thể chỗ của vợ ông để trả lời câu hỏi đó, giá ông cho phép và vui lòng", tôi nhắm trong óc định nói với người chồng như vậy nhưng rồi lại thôi. Tôi ngại câu chuyện không được tự nhiên. Bởi chưa tạo được không khí. Người đàn ông đó và tôi chắc gì đã có một hoàn cảnh, một thân phận giống nhau. Tôi cũng kiêu ngạo nghĩ rằng trí óc và tâm hồn hấn phải ở dưới xa trí óc và tâm hồn tôi. Và người vợ và nhân viên trật tự kia sẽ cho tôi là điên khi đặt ra những câu hỏi kỳ cục đối với họ. Dù sao bây giờ người chồng vẫn cô đơn. Hấn không ở trên bậc thang tinh thần ngang hàng với vợ hấn. Hấn ở trên cao hơn. Sao có thể lấy

nhau và chung sống chung với nhau? Tôi nghĩ người ta có thể vứt bỏ hết tất cả mọi sai lệch giai cấp, giàu nghèo, bằng cấp, tôn giáo, sức khỏe nhưng không thể nào gạt sang một bên điều kiện tâm hồn, để đi đến hôn nhân hay tình bạn thực thụ. Người chồng đang cô đơn. Sao có thể sống chung với người vợ như thế. Hay hẳn giới chịu đựng cho qua một kiếp! Như vậy thì bi thiết quá! Một ý nghĩ hiện lên trong đầu óc tôi: hay người đàn bà kia chỉ là một tình nhân (tình nhân theo cái biến nghĩa của danh từ thời đại này) hay là một con diêm thực thụ? Và người đàn ông – kẻ lữ hành kia – đang cô đơn nên vớ đại một tha nhân – dĩ nhiên phải giống cái – để nói chuyện, nhìn nhau, thành lập một tương quan phù phiếm nào đó nhưng rất cần yếu cho thực tại? Mà đã vậy thì cóc cần suy tính.

Tạm thời cái gì mà chả được. Như khi tôi yêu một em chiêu đãi ồm ờ hay một em ca-va dơ dáy và dẫn đi dạo ở một đường phố thanh lịch nhất Saigon hay Dalat. Tôi cóc cần thanh minh. Tôi còn đi chơi với những đứa con gái hư đốn trong trí óc và thói rũa trong tâm hồn là những con sinh viên Văn khoa. Tôi cóc cần phân bua. (Đời sống vốn quá đầy ải và mệt xác từ bản thể rồi. Phân bua mãi thì thà tự sát ngay còn hơn). Nhiều người quen tưởng là vợ chồng. Mặc. Như cái việc làm thư ký của tôi ở Saigon trước kia, cái nghề cùn mẫn nhất trên đời đối với tôi. Như cái sự lui tới của tôi ở những chỗ mà đúng lý từ tim ruột của tôi đúng ra tôi phải nhổ nước bọt hay dờm dãi vào đó, vào những đứa con trai, con gái, đàn ông, đàn bà, lại cái vô tri. Vậy mà tôi vẫn làm bộ có ít nhiều hành động, cử chỉ, quan niệm y như họ, để sống. Dĩ nhiên đến một giai đoạn nào đó tôi cần phải phản bội và vong ân làm cái việc cắt đứt hoàn toàn mọi liên lạc với bọn người ngợm mà cứ tưởng mình là trí thức và tiền bộ đó. Vì tôi đang chạy, đang lẩn, đang mở ra phải không Mộc Linh? Tôi đang chạy thật nhanh kể cả và nhất là lúc tôi ngồi yên hay nằm lì một chỗ. Điều đó ngăn năm các em không đời nào hiểu thấu đầu Mộc Linh ạ. Tôi có thể làm bất cứ nghề gì, kể cả cái nghề nhân viên trật tự hay chăm nuôi cầm thú hay đến cả cái nghề ở tù – nếu có thể nói như vậy – như con khi đột kia, như người chồng nọ. Nhưng chắc chắn trí

óc và tâm hồn tôi vẫn ngấm ngấm làm việc trong cõi tiềm thể tận ngày đêm đề lẫn, đề chạy, đề cuối cùng đập nát thân vào đá thành bột bèo hư không. Em có bao giờ nghĩ vậy không hở Mộc Linh? Nếu không, à mà đã hẵn vậy rồi, em còn tìm đến tôi làm gì? Bây giờ em sắp lấy chồng rồi phải không? Một sinh viên Đại học Sư phạm ban Triết học ăn mày phải không? Tên hẵn là Phan phải không? Hẵn còn ghi tên ở Văn khoa Saigon phải không? Rồi hẵn cũng làm bộ bắt chước những thanh niên can đảm nhất của thời đại bỏ trường, khinh giáo sư, chửi hệ thống, định đi ra viết một hai cuốn sách bàn về thi ca, tư tưởng, triết lý lượm mót và ăn cắp từng ngôn từ và ý tưởng ngay của một vài tác giả trẻ tuổi sáng tác mở đường phải không? Tôi thề với Mộc Linh rằng nếu Phan có một nửa giọt máu văn, máu thơ, máu tư tưởng, máu thẩm mỹ, máu công bình chảy trong người, tôi sẽ bị lính xúc ngay. Cái sự từ chối triết gia này triết gia nọ của Phan chỉ là dấu hiệu của một bộ óc thanh niên chật hẹp, ích kỷ. Cái sự chê bai những cây viết trẻ đương thời của hẵn chỉ tỏ cáo thêm sự khiếp nhược của hẵn trước lòng gan ghét sôi sục căn cốt của hẵn. Vậy thôi. Vâng, Phan lo cho tương lai hẵn phải không? Được lắm. Tôi biết hết. Bởi trước kia Phan là bạn tôi. Trước kia tuy không nói với nhau nhưng cả hai đều mở ra, đều chạy, đều lẫn nên mới thân nhau. Nhưng bây giờ thì hết, bởi tôi biết Phan đã đến đích, cái đích của Phan! Tôi không ngờ Phan âm thầm có một cái đích như vậy. Tôi tưởng Phan còn ở trên đường còn lẫn, còn chạy, còn mở ra. Tôi lầm. Phan vẫn đóng cửa ở nhà hay vùi đầu và thư viện đọc, nghĩ. Nhưng đối với tôi, đó là những giờ phút vô tri nhất của Phan. Tôi có thật tiểu nhân khi nói về một người chồng sắp cưới của Mộc Linh như vậy không? Và Phan giấu cái vô tri đó dưới cặp mắt kiếng và cái bộ điệu suy tư, người lớn. Tôi đã lầm. Thật ra hẵn chỉ là một thằng đại ích kỷ, đại gan ghét, đại chật hẹp dù bao giờ hẵn cũng luôn luôn tỏ vẻ rộng rãi, cấp tiến. Mộc Linh, em cũng không cần biết lý do vì sao tôi quả quyết Phan không còn lẫn, còn chạy nữa. Cứ nhìn cái lửa tị hiềm sân hận vô minh dậy cặp mắt Phan thì biết. Mà thôi, em chỉ có thể tìm hiểu một mình thôi, em Mộc Linh thân yêu! Còn tôi, Dự. Trần Văn Dự, bạn thân thuở nào của Phan, Nguyễn Đăng Phan – người yêu

sắp cưới của em – không muốn có liên lạc gì với Phan nữa. Hai mùa Giáng sinh rồi tôi có lên Dalat nhưng không đến Phan. Chúng tôi có gặp nhau ở nhà thờ đêm tung bừng ánh sáng đó nhưng không nói chuyện với nhau, dù có chào nhau, theo thông lệ, để sống và sống dễ dàng hơn. Ngày sinh nhật vừa rồi của tôi – 18 tháng 11 dương lịch – Phan đã quên không nhắc gì đến nữa như mấy năm trước. Chúng tôi cũng không còn dịp tổ chức một cuộc vui chung nào nữa. Mộc Linh, anh rất tự hào thấy mình tiêu diệt được cái lịch sự vô lỗi khi nói xấu một cách rất thật về chồng em. Em cứ sống với Phan nếu thấy cái đích của Phan cũng là cái đích của em. Tôi quen rất nhiều người nhưng đến một giai đoạn nào đó tôi từ giã tất cả dù muốn dù không. "Thằng Dư nó anormal, nó refoulé, nó toqué, nó cà chớn, nó ba trợn, nó cù lần, nó lạng quạng...". Linh không nghe bạn bè nói về tôi như vậy sao? Và còn biết bao nhiêu phẩm từ xấu xa hơn để tặng tôi.

Tôi chưa muốn đến ghé đá ngòi. Tôi đoán người chồng sẽ hỏi vợ một vài câu lý thú hơn. Một vài câu tôi vẫn thường muốn đặt ra với chính Mộc Linh hay những Linh, những bạn tôi, những Phan ngày xưa, những câu hỏi tận đáy hồn tôi phát ra từ cuộc đời tầm thường như ở tại chợ trời đại lộ Hàm Nghi, chỗ có bán nhiều cảm thú, chó, chim, mèo, chuột, v.v. Nhưng tôi lại thôi vì biết vấn đề không liên quan gì đến Mộc Linh, đến Phan như tôi tưởng. Tôi không muốn cô đơn như người chồng kia đã cô đơn khi đặt câu hỏi với người vợ.

Tôi lại chỉ tay cho tài xế chạy đến vườn bách thú mà không hỏi ý Mộc Linh khi xe đã qua khoảng Chợ Trời. Tôi cũng không đồng ý với Linh ra bên tàu. Buổi sáng ở đó nắng hiu hắt chỉ gây cho tôi không khí chán ngán. Tôi cũng không muốn dừng lại Chợ Trời ở khoảng đường tôi thấy có bán nhiều cảm thú. Tôi ít có dịp đến đây. Tôi chỉ ghé lại thôi. Cũng như tôi chỉ ghé lại cõi đời này vậy. Nghĩ đến đó tôi phát rùng mình. Có điều khác là tôi đã ghé lại Chợ Trời do ý muốn, nghĩa là có ý thức. Còn tôi ghé lại cõi đời này chỉ tại bởi may rủi và vô minh hoàn toàn ngoài ý chí tôi (nếu tôi có

ý chí, ý thức tồn tại dưới một hình thức khác không phải nằm trong óc não của tôi bây giờ). Tôi chỉ ghé lại Chợ Trời vào những dịp cần thiết có mặt ở một nơi nào gần khoảng đó và cần phải chờ đợi hoặc việc đang mong chờ đã hỏng. Bởi tôi thích giết thì giờ một cách vô trí bằng cách vào một nhà hàng kêu một cốc cà-phê ngồi nhìn ra xe cộ và người ta ở đường cái. Và, thật ra, cũng bởi tôi ít dịp có tiền sẵn trong túi dù những dịp có tiền lớn không hiếm đối với tôi. Đến Chợ Trời, tôi thỉnh linh sống trong một tình cảm dồn nén, áp bức, đau đớn, tủi hổ, xót xa, căm thù, điên dại (nếu gọi tên cho đúng từng loại tình cảm kia thì chắc tổng số của chúng không kém thua tổng số những con vật bị nhốt ở đây, hay ít ra tổng số cách thức giam giữ chúng: nhốt vào chuồng, cột chân, chặt bớt lông cánh, đập què cẳng, v.v.) đến đây tôi muốn chửi cha nó lên. Tôi muốn đập nát, tàn phá tất cả. Nhưng lý trí tôi mạnh lắm. Nếu nó không kịp thời cản ngăn, chắc chắn tôi sẽ hóa thành điên cho đám đông ngu xuẩn và a dua ngàn đời bu lại chọc phá, chế nhạo và khinh bỉ. Và dĩ nhiên tôi sẽ biến thành một sinh vật ngộ nghĩnh tự trưng bày ở Chợ Trời. Tôi thường cố gắng thần nhiên đi qua đó. Tôi ngó từng lông chim, lông chó. Ôi, những con vật bị giam một cách quá tàn nhẫn, khốn nạn, vô nhân đạo. Tôi nghĩ sao chính quyền không kịp thời can thiệp, đặt ra những luật lệ bệnh viện gia súc như ở các nước văn minh để may ra tội ác còn giảm được phần nào. Dù là con vật, ít ra trước khi chết, nó cũng có quyền sống dễ chịu chứ? Tôi vuốt ve từng con chó rừng, mèo rừng, v.v. đang bị nhốt kỹ trong chuồng hay được thả lỏng nhưng chủ chúng – những tay buôn chuyên nghiệp hay tài tử – thừa biết chúng đã bị thương tích nặng và không thể nào đủ sức thoát nổi. Tất cả đều như nhẫn, mệt mỏi, rũ rượi. Một số lớn có vẻ muốn chết nhưng có lẽ chúng không ý thức gì về sự sống chết, về sinh mạng chúng. Chúng sinh ra hoàn toàn ngoài ý muốn của chúng nếu ý muốn kia tồn tại ở một cõi nào khác. Chỉ cần bắt một con chó cái nhốt chung với con chó đực là có một ít chó khác. Những con chó sinh ra một cách vô trí hoàn toàn. Tôi vuốt ve từng con. Đặc biệt có một con chim trắng to bằng con quạ, mỏ quặp đang bị xiềng cả hai chân đặt trên một chiếc lông sắt cũ. Tôi biết rõ loài chim ung đó lắm. Nó ở ngay tại

Việt Nam chứ không phải ở Pháp, ở Mỹ gì xa xôi như người bán đã quảng cáo. Tôi gặp nó nhiều lần trong những đêm giá buốt một mình lang thang ở một cánh rừng già trên cao nguyên Dalat. Nó từ một ngọn thông cao vỗ cánh trắng xóa. Có lần tôi đã bắt được một con. Nó bị thương ở khoảng rừng nào đó và ngã chết gần chỗ tôi. Tuyệt nhiên chúng không xuất hiện giữa ban ngày. Tôi rất yêu loại chim đêm, nhất là những con to lớn, toàn màu trắng toát và đẹp như thiên thần. Tất cả những con thú ở đây, trừ những con mệt nhừ và sắp chết, đều như nóng lòng chờ đợi, hăm hở một cuộc đời khác, một đời sống của chúng. Nhiều lúc có tiền tôi muốn mua một ít chim bảo người ta mở tung lồng ra cho chúng bay đi hết, như một vài mụ nhà giàu đã thực hiện trong những ngày lễ ở chùa có tính cách xá tội vong nhân như rằm tháng Bảy. Tôi, tôi khinh bỉ những mụ đàn bà này. Hành động bề ngoài có vẻ tốt đẹp đó thực ra chỉ bị thúc đẩy bởi một vụ lợi gần xa, hết sức tầm thường, ăn mày, bĩ ổi, khốn nạn đến cái chỗ rất nên cầm dao thật cùn cứa cổ bà ta giờ này qua giờ khác cho đến lúc đứt lìa ra. Tôi không thực hiện nổi hành động phóng sinh đó rồi. Tôi biết tôi bất lực khi muốn giải thoát hàng ngàn, hàng triệu con khác cũng đang và sẽ tiếp tục ở trong cảnh tù tội khốn cùng đó. Hãy nghĩ, hãy làm một cái gì một cách tuyệt đối. Nếu không thì thôi. Thà tức đến ói máu rồi tự tử. Tôi chỉ khinh bỉ giống chuột bạch và chuột Tàu. Bị giam cầm rõ ràng như thế, mất tự do rõ ràng như thế, chúng vẫn cứ đùa giỡn, trứng mỡ trên cái đu quay tít cả lên. Thật, loài mửa rồi. Chúng có vẻ tự mãn, hài lòng về điều kiện và thân phận đó. Tôi có thể nhai xương cái lũ chuột đó mà không gớm miệng. Tôi quá khinh chúng. Chúng nhận hoàn cảnh một cách thụ động dè dặt. Chúng còn tính chuyện sanh con đẻ cái nữa mà không biết nhục. Tôi làm con chuột con đó, lớn lên tôi sẽ cắn chết chuột mẹ và chuột cha tôi liền. Bởi vì chuột mẹ và chuột cha tôi vô ý thức, vứt tôi ra giữa một hoàn cảnh tù ngục mà không biết trang bị cho tôi một thứ khí giới nào để hộ thân và đề tấn công. Dù sao tôi cần lặp lại tình cảm căm thù của tôi chưa dồn nén đến tận cùng, vì nếu thế thì tôi đã tự sát lâu rồi. Mỗi lần tôi sống trong tình cảm kia, tôi phải hành động một cách vô tri nào đó để giải thoát. Như buổi sáng nay, tôi

cho tắc-xi chạy lung tung để quên đi một vấn đề sắp giải quyết và biết mình bất lực. Tôi đã gặp nhiều vấn đề mà mọi người thường bỏ qua nhưng đối với tôi, tôi hăm hở giải quyết dù để không bao giờ giải quyết được gì cả. Với tôi, nghĩ một cách thiên cận, tự tử là một vấn đề thậm phi lý. Nghĩ một cách xa xa hơn nữa, tự tử vẫn chỉ là một hành động tối thậm phi lý. Nhưng nghĩ cho cùng, tự tử chính là một hành động cao đẹp, viên mãn nhất khi người ta đã suy ngẫm và xác nhận cái bất lực trước tuyệt đối. Bởi tự tử là một hành động quay ngược trở lại bất cứ một thứ định mệnh và số phận nào. Nó cao cường lắm. Dĩ nhiên tôi không đề cập đến những trường hợp tự tử thường tình để tránh một đau khổ đến thình lình hay trong những phút cực kỳ yếu đuối. Tự tử là một hành động siêu đẳng nhất của hoạt động trí tuệ khi đã được suy ngẫm chín chắn. Vậy mà lạ, các linh mục của tôn giáo tôi không bao giờ chịu công nhận tự tử là có thật chứ không nói gì xa hơn dù các cha có đứng trước cái xác treo cổ rành rành trong một phòng khóa kín cửa từ bên trong. Tự tử là hành động của đạo đức nguyên chất nhất. Đó là Chân, Thiện, Mỹ tuyệt đối. Nó làm cho con người rung động toàn cơ thể, trí óc, tâm hồn và rung động thể lương hải hùng nhất. Một người lấy súng bắn thẳng vào màng tang và chết: hắn đã thắng. Không phải thắng với hắn. Cũng không phải thắng một định mệnh nào. Hắn đã thắng một cái thắng ở trên tất cả những chiến cuộc giữa người với người và giữa người với Thượng Đế nếu có. Nghĩa là hắn đã thắng mình, thắng trời, thắng lung tung, thắng hư không và không thắng gì cả. Hắn đã thắng một cái thắng tối hậu. Tôi sùng thượng hắn. Sùng thượng trên tất cả chúa đấng của tất cả những tôn giáo lớn nhất. Tôi ngả nón và nghiêng mình trước cái chết của một kẻ tự sát ý thức. Hắn là anh hùng, anh hùng trên tất cả những anh hùng của lịch sử nhân loại. Tôi hỏi Mộc Linh đột ngột trên xe:

"Mộc Linh nghĩ sao về một người tự tử?"

"Em ít nghĩ đến". Linh trả lời, giọng dịu ngọt bơ vơ. Tôi đau đớn biết trong một thời gian ngắn nữa thôi tôi sẽ xa cách Linh luôn dù tôi không yêu nàng đắm đuối. Nghĩ đến cái

đêm đầu tiên Linh sẽ ngủ với Phan – hay bất cứ một đàn ông nào khác – tôi đau nhói toàn thân. Tôi là một thằng điên hay sao? Sao cứ đứng trước một đôi vợ chồng nào, tôi cũng nghĩ đến cái đêm đầu tiên đưa con gái chịu hiến dâng và tôi tức muốn chết. Nhiều lúc tôi quần quai khổ sở khi nghĩ đến hàng triệu triệu tỷ tỷ con gái trên đời để sẽ hiến dâng cho những người đàn ông không phải là tôi. Tôi ích kỷ và chỉ mong những đứa con gái đẹp phải chết trinh bạch. Tôi hỏi Linh một lần nữa:

"Em nghĩ sao về một người tự tử?"

"Em ít nghĩ đến, nhưng sao hôm nay anh cứ hỏi như vậy mãi. Không có gì buồn cho anh lắm trong những ngày sắp đến của Linh. Em tin anh cũng nghĩ như vậy. Anh đừng hỏi thế nữa. Hay anh muốn em chết? Anh có biết em đang lo lắng, thắc mắc và nhiều lúc muốn chết không? Tuy không cần phải nói em cũng mong ngày cưới đến. Cho nó xong đi. Cho nó xong đi anh ơi, để may ra em tìm thấy một đời sống nào khác dù em không phản bội anh Phan đâu. Em cũng không mâu thuẫn và giả dối, chắc anh biết".

Ngừng một chốc, Mộc Linh tiếp:

"Anh biết chứ, bất cứ một đứa con gái nào có một chút tâm hồn thôi cũng đau đớn khi nghĩ đến cái giờ phút đó. Và trong giờ phút định đoạt nghiệt ngã đó, nhiều đứa đã sảng sốt và khóc nức nở. Họ biết tất cả đều chấm dứt và một niềm hoài niệm bao la sẽ tràn về xâm chiếm tâm hồn họ, dù họ đã hiến dâng cho người tình lý tưởng (mà làm gì có một người tình nào lý tưởng tuyệt đối đâu! Tất cả đều là tình cờ). Hầu hết đều mong cho nó xong đi. Đó là sự thực, những đứa bạn em đi trước đều công nhận và em cũng đã mơ hồ cảm thấy từ lâu. Rồi đây, anh sẽ là một thành phần trong nguồn hoài niệm của em. Anh biết nếu ở một hoàn cảnh nào khác với những điều kiện khác, em sẽ sống với anh, với anh Dự thân yêu, hơn là với anh Phan. Em tin anh không buồn gì. Bởi chắc chắn anh còn có những Mộc Linh hơn Mộc Linh này nhiều lắm".

Hôm nay là lần đầu tiên tôi đi với Linh đến vườn bách thú. Buổi sáng thứ hai nên tương đối vắng. Chúng tôi loanh quanh mãi nhưng không tìm thấy một chỗ ngồi thích hợp, lịch sự một chút, nghĩa là có bụi bờ che khuất một chút. Ước gì còn ở Dalat. Bây giờ tôi mới có dịp quan sát Mộc Linh. Nàng mặc chiếc jupe trắng toát, đẹp lạ lùng. Tôi vẫn thích xa xôi cái màu trắng toát của chiếc jupe. Tôi nghĩ đến những quần áo lót của nàng, chắc còn trắng hơn nữa, còn xanh xao hơn nữa, còn tức tưởi hơn nữa.

Đầu óc tôi nóng bừng lên một ham muốn tội bạc. Giá ở Dalat, trong rừng xa, rừng xa... Chắc chắn tôi sẽ phạm một tội ác lớn nhất thế gian mà Thánh Kinh đã nói. Tôi chỉ dám nghĩ đến đó. Tôi vội đuổi ý nghĩ đó đi. Chúng tôi loanh quanh một tí thì đến chuồng khỉ. Một liên tưởng kéo tôi về thực tại. Hơn hai năm nay rồi, tôi không có dịp đến đây. Song tôi vẫn còn nhớ chuyện con khỉ cụt đuôi dít dất hai miếng đở mỏng và lảng. Tôi nhớ lắm. Tôi nhớ cả hai vợ chồng du khách đã cùng nói chuyện với tôi và một nhân viên trật tự ở Sở thú. Tôi đi quanh chuồng khỉ, tò mò:

"Anh tìm gì lâu vậy?"

"À, tìm cái này... lâu lắm rồi... không biết nó còn không".

Tôi đang loanh quanh tìm thì gặp nhân viên trật tự mấy năm trước. Lâu quá nhưng tôi vẫn còn nhớ mặt y. Y cũng nhớ lại tôi khi tôi gọi lại chuyện cũ về con khỉ cụt đuôi. Y cho biết nó đã chết. Y không nói nguyên do. Tôi cũng không cần biết. Cũng như khi tôi nghe tin một người bạn gái lấy chồng, tôi không cần hỏi tính danh người chồng kia mà thân thể là nguyên do cái chết của tâm hồn ấu thơ kéo dài của họ. Bởi vô ích. Vì chắc chắn đó phải là một người đàn ông. Và người đàn ông nào cũng biến con gái thành đàn bà được. Và tất cả con gái khi lấy chồng đều bị tử thương cùng một cách như nhau. Và mỗi lần được hung tin một bạn gái hay một em quen phát phơ do liên hệ gần xa nào đi lấy chồng, tôi đau đớn vô biên. Cường độ đau đớn càng mạnh hơn đối với

đưa con gái tôi có cảm tình hơn. Ôi, các em yêu dấu, các em biết không, các em đã đi qua mặt địa cầu này một cách bình thản và không bao giờ hiểu được hồn ta. Tôi muốn hỏi chuyện với nhân viên kia một chút nhưng y đã ngậm tu huyết vào miệng thổi một hồi còi mạnh đạp xe về phía một thằng bé đang ngắt trộm mấy cái hoa ở gần nhà kiếng. Tôi nghĩ y giống con khi cụt đuôi đất lát đỏ kia lắm. Có điều y không biết khọt khọt kêu như khi thổi. Rồi y sẽ chết như con khi trong cái vườn bách thú lớn mà y đang đứng ăn và thở này. Và chắc chắn nếu có dịp hay tin y chết tôi cũng sẽ chẳng buồn hỏi han nguyên do: bệnh tật, tai nạn, v.v.

"Em nghĩ thế nào nếu em là một trong những con – đây là ví dụ, đừng có hờn nhé – bị nhốt trong chuồng này?"

Rồi tôi kể sơ qua chuyện con khi đực, vợ nó và mấy đứa con của nó.

Mộc Linh lại hỏi:

"Có phải anh muốn nói thái độ của mình trong hoàn cảnh và thân phận đó?"

"Đúng, em sẽ có thái độ gì? Chỉ có hai thái độ thôi. Một là nhận lấy hoàn cảnh, trong cái không gian bé nhỏ và những điều kiện dinh dưỡng thiếu thốn khô sở kia, để tạo thành một cuộc sống hằn hoi, coi mình như chắc chắn bị ở tù chung thân trong đó, và nếu cần cứ lập gia đình như con vật kia, nghĩa là cứ chọn, trong những nòng trong đó, một nòng khá nhất, rồi sinh con đẻ cái. Rồi nhảy giỡn... Em nhìn kìa, chuồng cũng rộng rãi chán và vui vẻ đó chứ? Hai là giữ thái độ của một con sư tử hay con chó rừng rầu rĩ đi ra đi vào, hết đứng lại ngồi, dường như suy tính phương tiện tẩu thoát".

"Làm sao tẩu thoát được?"

"Em nói như trẻ con vậy! Cần gì biết điều đó. Cứ cho điều đó có thể đi dù chỉ là những cơ hội ngàn năm một thuở. Như lưới sắt mục mà không ai hay. Và biết đâu cái lần đó không

xảy ra trong đời mình? Như nghe nói hồi Cách mạng 1945 khi máy bay thả bom bắn phá, một số lớn súc vật đã trốn được hết chỉ trừ mấy con cá không có cơ hội mà thôi!"

"Nhưng anh hỏi vậy làm chi cho mệt?"

"Bởi sự thật chúng ta cũng chỉ là một sinh vật".

"Nhưng *người* kia mà. Và chúng ta có hoàn cảnh thân phận khác hẳn. Chúng ta đang ở Saigon, tự do, đến trường, đi xem xi-nê, đi chợ, đi ăn. Rồi mai một có dịp đi xuất ngoại. Sao anh hỏi kỳ vậy?"

"Em có nghĩ là anh hơi điên?"

"Em cũng nghi..."

"Ồ, vậy thì em..."

"Thì em tầm thường phải không? Nhưng tại sao em đã yêu anh tha thiết, yêu với một tình đầu lý tưởng nhất dù em lớn tuổi hơn anh, để đáp lại tình yêu như đã phai lạt, thế mà em vẫn yêu anh. Chẳng lẽ em yêu một người... điên sao? Em tầm thường được sao?"

"Nhưng dù sao em cũng là một mũi kim chích sâu và tâm hồn anh".

"Em chỉ mong có anh dự đám cưới em với Phan".

"Anh cố gắng nhưng anh đang đau đớn và anh nghĩ không thể đóng vai một thanh niên quân tử hay cao thượng để đến đó dù chỉ để ngậm cái miệng nâng ly chứ không mở nổi chút miệng chúc tụng chút gì. Mà làm sao em hiểu anh. Anh chỉ là một thanh niên bất lực, một tù nhân giữa vòm trời bal... ô em hiểu gì không? Em chỉ nên biết khi anh lớn lên anh càng ngày càng ý thức được cuộc đời này và cả địa cầu nữa méo mó, thiếu hụt, bất toàn".

Mộc Linh nhìn tôi, lộ vẻ khó hiểu. Tôi nhìn chăm chập vào người nàng. Màu áo trắng toát. Thịt đỏ hồng và chắc chắn máu đang chảy rần rần ở trong dù Linh đã đến cái tuổi mà sinh lý học cho biết không còn náo nức nữa. Tôi thèm muốn vô biên. Tôi không hiểu sự ràng buộc gia đình mạnh đến đâu để Linh có thể chịu sống với Phan. Nghĩ đến đứa con gái 27 tuổi làm tôi rùng mình. Dù sao tôi cũng tin chắc chắn, ở một chỗ sâu kín nhất trong tâm hồn, Linh vẫn hằng yêu dấu tôi. Bằng cứ rõ rệt là trước ngày cưới như hôm nay Linh còn tìm đến tôi, dù biết không yêu nàng tha thiết lắm, dù biết tôi đang thất nghiệp và tâm trí tôi bất thường. Một ham muốn mãnh liệt bùng cháy trong óc tôi. Tôi chìm nó xuống. Buổi trưa đó tôi đã thuyết phục được Linh. Chúng tôi đón xe đò đi Dalat. Chúng tôi sẽ đến một cánh rừng cao, lạnh. Thật cao và thật lạnh. Mộc Linh ơi, hay em đã hiểu được ý định của anh và em đồng ý? Phan ơi, tao là Dự đây, tao vẫn nhớ mày là một người bạn khá thân của tao ở một chặng đường. Bây giờ tôi chỉ biết anh như một người đàn ông, như những người đàn ông nào đó trong đám đông... Có lẽ tôi sắp điên đây... Có lẽ. Có lẽ... Và mọi người sẽ không hiểu gì hết, chắc chắn.

Một tuần lễ sau khi Dự và Mộc Linh lên Dalat, Dự đã tự tử. Anh nhảy xuống một cái thác lớn.

Một câu nói đáng ghi lại của Mộc Linh với cuộc sống và cuộc điều tra mà cảnh sát nhất định không đủ trí óc và tâm hồn để hiểu: "Có một số người sinh ra trước và sau gì cũng tự tử. Sở dĩ họ còn sống là tại thuốc độc chưa ngấm vào đủ số lượng đó thôi".

(Bản đánh máy: Talawas)

# *PHẦN THƯỜNG XUYÊN*



Đinh Trường Chinh - Tĩnh vật hoa 1

# thơ nguyên thanh châu

## em ở đâu. mùa xuân...

một thoáng  
những nhành mai trên màn hình. gọi nhớ  
mùa xuân  
trái tim ta gia tốc. đập

em ở đâu. giấc lạnh  
tháng hai. những sợi tuyết còn bám đầy cửa kính  
lũ chim câu không đến mổ mỏ xin ăn  
niềm cô đơn gặm nhấm

em ở đâu. mùa xuân. xa  
trong đêm mơ. hay đi giữa phố ngày  
áo lụa hà đông. rạng rỡ  
em có còn cười nói hồn nhiên  
với thành phố đã mất tên. đổi dạng

em ở đâu. đáng bụi  
ký ức tìm về  
căn nhà những hồn ma. bị trần yểm  
gió. những chiều lay lắt khóm tre. già  
thương mắt xưa ràn rụa

một thoáng  
bài hát ly rượu mừng. đắng giọng  
quán bệnh ngồi co ro  
trời xuân xa. xé đời. cơn hôn thụ...

2/2016

# VIÊM TỊNH

## KHÚC 1

Tôi ngồi vớt cái bóng tôi  
Vớt luôn sợi nhớ bên đồi Thiên An  
Loanh quanh, độc đổ cuối đàng  
Lộn mây nhạt nắng, hôn hoàng tịch liêu  
Em mờ sương, đượm rắng chiều  
Cỏ non úa ngọn, tiêu điều phận tôi.

## KHÚC 2

Hay đâu em ngủ bên ngàn  
Cho tôi đượm chút lửa than, phận đời  
Ô hay, dạo khúc rượu mời  
Say, cho em dấu nụ cười yêu thương.

## KHÚC 3

*tặng NMT*

Em hừ, anh đã sóng chao  
Mất mai đừng hỏi con sào neo nhau  
Bệnh bỗng nhịp động lau chầu  
Hong bên bếp lửa đông rào nụ xuân  
Từ em, tách bến xa luân  
Cũng cùng năm tháng hồng quân một thời.

VT.

# Triết Lý “Ông Già Ba Tri”

truyện ngắn  
đào anh dũng

Hồi mới đến Mỹ tôi là nhân viên gói hàng ở siêu thị Red Owl, thường gặp một bác người Á Đông nên hỏi thăm làm quen. May thay, bác là người Việt Nam, thứ ba, tên là Ký, gốc miền Nam, tuổi đã trạc ngoài 70 mà vẫn còn đi làm. Một ngày chẵn trong tuần bác phụ trách công việc quét dọn ở tiệm cho mướn mấy giặt, mấy sấy quần áo nằm kế bên siêu thị. Bác nói, “Già rồi, đi làm lượm bạc cắc, lai rai ba sợi cho vui vậy mà!”

Nhà bác ba Ký ở gần đó nên tôi thường ghé thăm, hầu chuyện cùng bác mỗi khi rảnh rỗi. Vì vậy mà nhiều bạn đồng hương đồn rằng tôi ‘cua’ cô Lệ, con gái áp út của bác. Họ đâu biết trước khi tôi vượt biên ba má tôi đã đi hỏi vợ cho tôi rồi (hiện giờ nàng là bà xã của tôi) và cũng không ai biết tôi ... ‘ghiền’ bác ba. Cái kiểu, cái giọng nói ‘ông già Ba Tri’ của bác làm tôi nhớ ba tôi vô cùng. Ba tôi cũng ăn nói y chang như bác vậy.

Hai bác khá đông con, cả thầy năm người. Đại gia đình nhà bác, tất cả con cái, dâu, rể, cháu nội, cháu ngoại di tản vào cuối tháng tư năm 1975 nhờ người con cả của bác làm hạm trưởng Hải Quân. Các anh chị con của hai bác rất tử tế, thấy tôi cu ki một mình nên thương, coi như em cháu trong nhà.

Như đa số mấy ‘ông già Ba Tri’ tôi đã gặp, bác ba Ký xưng hô ‘mày, tao’ với tôi và ưa đệm tiếng ‘Đan Mạch’ trong câu nói khi bác bắt bình chuyện gì đó, nhưng bác nói trại thành ‘đu họ’ nghe không chút thô tục mà mộc mạc, thân tình. Lần nào tôi kể cho bác nghe những chuyện dở khóc dở cười ở quê nhà trong thời ‘bao cấp’, bác cũng buột miệng than, một cách tự nhiên, “Đu họ! ‘Cách miệng’ chứ cách mạng gì mậy! Mày thấy đó, chẳng qua là vì cái lỗ miệng mà thôi!”

Bàn về người Mỹ, bác nói, “Chuyện họ bỏ rơi mình, tao thấy trước tiên mình phải tự đâm ngực nói ‘lỗi tại tôi mọi đàng’ mới phải, chớ đừng có trách họ. Nhưng, nói đi rồi nói lại, tao nghĩ họ cũng bạc lắm đấy à. Mày thấy đó, họ dùng toàn là đĩa giấy, còn muổng nữa thì bằng cao-su! Ăn xong quăng thùng rác, y hệt như gà ăn rồi quẹt mỏ!” Đó là những ‘triết lý’ tôi học được của bác, còn một ‘triết lý’ nữa thì tôi ‘chạy’ bác luôn. Xin kể như sau:

Trưa thứ bảy ấy, khi tôi ghé nhà thăm hai bác, các anh chị, ngoại trừ vợ chồng người con trai út, đang ngồi trò chuyện ở bàn ăn. Sau câu thăm hỏi thường tình với tôi, câu chuyện của các anh chị trở về người em trai này. Từ ngày cưới vợ, anh này ít khi về nhà thăm cha mẹ, viện cớ bận công ăn việc làm và việc nhà. Người thông cảm nói, “Thôi, nó mới cưới vợ mà!” Kẻ đay nghiến, “Có vợ thì có chứ, cuối tuần ghé thăm ba má một chút cũng không được sao?” Đến khi một ông anh chỉ trích, “Ôi, cái thằng làm mọi vợ!” thì bác trai mới lên tiếng:

“Mày là đàn ông có vợ, mày có ngủ với vợ mày không mà mày trách thằng em mày làm mọi vợ?”

Nghe bác rầy như vậy, cả nhà im lặng. Không khí ngột ngạt làm tôi thấy thật khó xử nhưng không lẽ tôi đứng dậy, bước ra phòng ngoài. Cũng may, chị con dâu lớn của bác buột miệng nói, “Chiều nay mình làm bánh xèo ăn hén? Để tui đi lo quây bột.” Rồi mọi người đứng lên, lao xao:

“Đề em đi lấy thịt trong tủ lạnh.”

“Còn tao đi mua két bia.”

“Ai phụ tui lật rau nè!”

Thấy tôi còn đứng xớ rớ, bác ba gái nói, “Ồ lại ăn cơm nhen con.” Còn bác trai cười khì, nói với tôi, “Cưới vợ rồi mới biết nhen mày!”

Khi ấy tôi còn là trai tơ, nên gương mặt tôi chắc lộ vẻ ngớ ngẩn lắm vì chưa hiểu ‘triết lý’ này nên bác lặp lại câu nói, “Cưới vợ rồi mới biết.”

Năm năm sau, tôi vô quốc tịch Mỹ rồi bảo lãnh vợ tôi sang. Hôm tôi đưa nàng đến ra mắt hai bác ba và các anh chị, bác trai cười, nheo mắt hỏi tôi, “Biết chưa mày?” làm vợ tôi

thắc mắc.

Tối hôm ấy, hai vợ chồng vừa lên giường nàng hỏi tôi ngay, “Bác trai vui tánh quá, hả anh? Nhưng bác hỏi anh biết chưa là biết cái gì vậy?” Tôi mỉm cười, tỏ vẻ bí mật làm nàng hỏi riết. Khi ấy, tôi mới kể lại câu chuyện làm mọi vợ cho nàng nghe rồi choàng vai ôm nàng, thủ thi hỏi có muốn tôi làm mọi không. Nàng “hừ” một tiếng thiệt dài và nhéo bấp về tôi một cái đầu gối nhưng sau đó nàng lại liếc mắt, âu yếm nhìn tôi và nũng nịu nói vào tai, “Ừa, cho làm mọi đó!”

**đào anh dũng**

# Cái Chết trong văn-học miền Nam

Nguyễn Vy Khanh

Thời văn-học miền Nam 1954-75, cái Chết trong văn chương ban đầu mang nét bình thường của *sinh bệnh lão tử* hoặc nét hồn ma bóng quế cả liêu trai, huyền hoặc; nhưng rồi chiến tranh mang tai họa đến cho sinh linh con người miền Nam, cái Chết mang nhiều hình thức, từ tập thể, bạo lực, ở chiến trường, ở thôn quê, ở đô thị, ở một vùng lớn rộng về địa lý (Huế Tết Mậu Thân 1968, An Lộc, Quảng Trị 1972, v.v...), ...

Bình-Nguyên Lộc đưa người đọc đến với vùng đất mới nơi đã có những cái Chết và những hồn ma: Ba con cáo, Ba sao giữa trời, Hồn ma cũ, ... Ở Ba con cáo, là bản năng động vật, là cuộc tranh giành sự sống giữa người và vật, trong vật vã đói khát giữa một bãi tha ma - sống trên mồ mả, cả ba 'con cáo' khi cần nhau thì tỏ ra có tình có nghĩa nhưng cũng dễ 'cạn hết chất người' phản nhau khi bản năng sinh tồn buộc phải ra tay; và cuối cùng con người cũng chiến thắng về vật chất, nhưng lại trĩu nặng những di chứng tinh thần: "Hô ly rừng mình một cái, không phải vì lạnh, cũng không phải vì sợ ma, mà vì chị bỗng sợ hãi chính mình, sợ hãi con người đã vơi cạn hết chất người." Sài-Gòn còn là bãi chiến trường của nhiều cuộc tranh hùng Miên-Việt, Đảng Trong-Đảng Ngoài, và cuối cùng là Pháp-Việt. Thời Minh Mạng rồi người Pháp đến xâm lăng, Sài-Gòn mọc thêm nhiều bãi tha-ma và bình địa. Từ những hoang tàn đó, mọc lên Sài-Gòn hôm nay, lớn rộng theo đà đô thị hóa, người sống-người chết và mới-cũ sống chung và cả tiêu diệt nhau. Truyện liêu trai *Côi Âm Nơi Quán Cây Dương* căn bản là chuyện tình cảm giữa người sống và người chết, liên hệ hôm nay với hôm qua, mà còn là lời ta thán của những hồn oan của dân lành thời Pháp thuộc. Quán nhậu Cây Dương ở giữa đường Thủ-Đức-Sài-Gòn vốn là biệt thự dùng làm đồn bót cho phòng Hai của Pháp. Bãi đất chung quanh đã là nơi

chôn cất của những người dân sau khi bị tra tấn, dọa dẫm ở trong ngôi biệt thự. Người sống và người chết tôn trọng lãnh địa của nhau (tôn trọng hài cốt chẳng hạn), đời ai nấy sống, thì đã không có những chuyện quấy phá, làm... sợ! Cũng như những ngộ nhận về quyền lực của ma: "Nếu người cõi Âm mà đủ quyền lực hại người của cõi Dương thì bao nhiêu kẻ sát nhân đã bị lôi đầu xuống âm phủ hết cả rồi chớ có đầu mà cứ phây phây an hưởng nơi trần thế" (tr. 151). Truyện trong hai tập *Tân Liêu Trai* (1959) và *Cõi Âm Nơi Quán Cây Dương* có vẻ quái đản nhưng kết cục khoa học thuần lý thay vì phải là hoang đường như các truyện thuộc cùng loại. Với Bình-Nguyên Lộc, người đọc biết không có... ma, và ma nếu... có thì cũng là thân thiết, có duyên nợ (hoặc là ruột thịt) mới được gặp nhất là gặp thường xuyên như nhân vật xưng Tôi với ma-nữ Trường-Lệ!

Doãn Quốc Sỹ trong *Cái Chết Của Một Người* viết về cái Chết của Thịnh vì tai nạn cây ngã lên người, đã là một cái Chết không vô ích: "*Cái chết của Thịnh không còn là cái chết của Thịnh nữa mà là cái Chết của một Người*". Dương Nghiễm Mậu cũng viết về *Kẻ Sống Đã Chết* và một cái Chết không tên, *Cái Chết Của ...* (Văn Xá, 1971) một lão ăn mày, một cái Chết đáng suy nghĩ và sự mất tích của quan-án, đã xảy ra thời Từ Hải và Thúc Sinh của truyện Kiều!

Duy Lam là nhà văn đã dùng tâm lý học đề cập nhiều đến cái Chết: *cái Chết tâm lý, cái Chết xã-hội,...*: "*Trước kia không bao giờ, tôi tưởng tượng cái chết lại đáng sợ đến thế; không bao giờ ý tưởng mất một người thân xâm nhập tâm hồn tôi. Nhưng khi chồng tôi chết, tâm hồn tôi xúc động quá mạnh nên ám ảnh của cái chết không rời bỏ tôi ra nữa*" (*Chồng Con Tôi*). Trong *Cái Lưới* (Giao Điểm, 1965), ám ảnh tiếp tục "*Chết là thế nào, kết liễu tất cả? Không còn được nghĩ, được lo lắng, e sợ, ham muốn? Anh muốn kêu lên... Anh muốn kêu lên... Hai người lặng lẽ nhìn nhau... Cũng cái chết trói buộc một kẻ hấp hối và một kẻ còn sống, nhưng cũng cái chết ngăn cách muôn trùng. Thật mâu thuẫn và phi lý phải không em? Nhưng mọi sự phải như vậy... Mặc dầu tất cả người ta vẫn phải chết cái chết của riêng mình.*" (tr. 223-4). Cũng trong truyện dài này, Duy Lam sử-dụng kinh nghiệm tình dục đưa vào phân tích tâm lý mà ông sẽ

tiếp tục thử nghiệm trong truyện dài *Lột Xác*: “*Tại sao tôi lại nghĩ nhiều đến cái chết như vậy? Có lẽ chẳng phải một nhu cầu siêu hình mà chỉ để tìm một khoái cảm quyền rũ. Đúng vậy, có một vài điểm tương đồng giữa sự nghĩ đến cái chết và làm tình ái với người đàn bà tôi ham muốn và chưa chiếm đoạt được...*” (CL, tr. 30). Trong *Lột Xác*, ông viết: “*Tôi khép cái thân hình nóng bỏng của tôi cuối cùng đã đưa tôi đến quyết định có thể sẽ làm biến đổi hẳn cuộc đời tôi, biến đổi cả những tương quan giữa tôi và một người và nhất là giúp tôi đạt được một quan niệm mới mẻ về cái chết và cái dĩ vãng đầy ô nhục và đau đớn...*” (LX, tr. 218). Nhưng cuối cùng, nhân-vật của ông tìm thấy tự do trong vòng luẩn quẩn: “*Mình đã học được sự chấp nhận nhiều thứ để có thể tiếp tục sống và hành động, nhưng mình vẫn thấy luôn luôn bị co kéo giữa sự lôi cuốn mãnh liệt của tình-yêu, lòng ham muốn chiếm đoạt (...)* Rút ra trở lại là mình để rồi lại dần mình thành cái khác mình. Sẽ còn kẹt trong cái vòng luẩn quẩn đó mãi: với một khác biệt, mình không còn sợ hãi đến độ phải trốn chạy, tự dối mình như trước kia. Cuộc sống không còn nghẹt cổ mình. Mình cảm thấy tự do thoải mái, mặc dầu còn lệ thuộc vào cái vòng luẩn quẩn mãi” (tr. 238).

Đến những cái Chết hiện sinh, ở Thanh Tâm Tuyền hay trong *Siu Cô Nương* (1959) của Mặc Đỗ, *Những Kẻ Đứng Bên Lề* (1964) hay *Ngày Tháng* (1968) của Nguyễn Đình Toàn hay trong *Đêm Tóc Rối* (1966) của Dương Nghiễm Mậu, *Tuổi Sài-Gòn* và *Ngày Qua Bóng Tối* (1968) của Nguyễn Thị Hoàng,... Lẽ, nhân-vật của *Đêm Tóc Rối*, đã chiến đấu với những cái Chết, với cuộc đời và chính mình. Lẽ cô độc, chàng nghi ngờ tất cả: Còn "mụ" Liên kiếm tìm cân bằng tình dục hoặc thỏa mãn nhục dục, đã làm bình phong, nơi xả xú bấp cho những tâm hồn tan nát, thất bại trong cuộc đời như Lẽ. Hướng thiện: Lẽ bị ông Tiến chồng "mụ" Liên biết chuyện, đánh Lẽ chảy máu mồm, nhưng Lẽ đến nhà Phụng và thú nhận thoải mái rằng "việc làm của ông Tiến làm tôi dễ chịu hơn" (tr. 133). Lên Biên Hòa dạy học - bị hiệu trưởng và học trò phê "mất tư cách", có đồng nghiệp Trinh ao ước thế chỗ "mụ" Liên: "Anh thực là đồ đều và tôi muốn là con mụ đó". Khi tàn cuộc chơi, "mụ" Liên tìm tới Lẽ báo đã có con với chàng đã bị chàng chối

trách nhiệm và bà chết khi đẻ non. Nhưng cái chết sẽ ám ảnh Lễ: "Tôi vẫn nhủ thầm phải dứt khoát, nhưng tôi chẳng dứt khoát được gì. Trong đầu tôi vẫn còn những ngày tháng cũ nằm đo vô cùng tận những tử thi ngổn ngang chỉ chờ đợi thức dậy và sống, sống đau xót với thực tế rồi trống rỗng..." (tr. 139). Cái chết đã theo đuổi những người như Lễ. "Tôi bỏ người nằm xuống và nghĩ: tôi sắp chết đây, tôi sắp chết như mọi người" (tr. 44). Chàng đã ý thức chuyện đó, đã tâm sự "Anh như kẻ bị thất cổ, bởi một dải lụa đào mềm mại, (...) anh đã đánh chết con người bình thản để lộ nguyên hình đứa trẻ thơ ngây đại..." (tr. 50). Khang, Lễ, những người trẻ trong *Đêm Tóc Rối* không sống trong an toàn, họ luôn di động, chạy, đuổi, họ ở thế bị động thường trực. Họ chạy theo cái gì "Sự thực, một khuôn mặt hạnh phúc nơi nào?" (tr. 211). Có thể họ bị hiểu lầm ngồi trong bóng tối và nguyên rủa địa ngục và quá khứ, nhưng họ đã kiên quyết "Chính ra bây giờ phải tìm cho ra một giá trị mới cho sự phán xét... một giá trị chẳng phải cho riêng tôi hay cậu... Bây giờ là phá, cho những con bệnh uống độc được..." (tr. 207). Nhưng giá trị nào?

*Ngày Qua Bóng Tối* (1968) của Nguyễn Thị Hoàng viết về cái Chết "trừu tượng" không hại đến ai khác: trong một xã-hội chiến-tranh và đầy đổ vỡ, "sa đọa", phi lý, mà tương lai thì có thể nói là hư vô, không tương, là đương đầu với bức tường cái Chết như sự lựa chọn hoặc "hiện sinh" cuối cùng, nhân-vật nữ của bà đã nghĩ: "*Chúng ta không cứu vớt được ai đâu, ngoài sự thức tỉnh buồn bã và tuyệt vọng (...) Khi tôi sống – còn đây đã đồng nghĩa với chết đi. Hoặc đi chậm chậm tới gần, mỗi phút giây một gần hơn về cõi chết. Như cái đích của con người hướng đến, dù tô điểm để tự phỉnh phờ với bất cứ ý niệm tốt đẹp nào, vẫn là cái chết mà thôi. Sống chẳng phải là đi đến sự chết đó sao. Nhưng mọi người thì mơ hồ, còn tôi thì đã rõ rệt...*" (tr. 8-9). Tác-giả khẳng định và chứng tỏ con người là tự do tuyệt đối..."*Một phần nào trong tôi đã chết. Phần còn lại hoàn toàn tự do, tự do và cô đơn, thoát ra ngoài kiểm soát của ý thức và lý trí, phóng mình vào đời như một liều thân phó mặc*" (tr. 10).

Trong khi đó, Nguyễn Đức Sơn hư vô chủ nghĩa ca tụng lối hành xử "tự tử" trong truyện ngắn *Cái Chuông Khi:*

"Tự tử là hành động của đạo đức nguyên chất nhất. Đó là Chân, Thiện, Mỹ tuyệt đối. Nó làm cho con người rung động toàn thể trí óc, tâm hồn và rung động thể lương hải hùng nhất" (tr. 122). Nhân-vật Tôi (Dự) nhìn lên và đối mặt với hư vô và có ý nghĩ tự tử: «Tôi muốn chết cái chết của một người chạy đua trên đường về đích, dù nó cũng không có nghĩa gì hết. Tôi vẫn khát vọng cái đích dù chẳng có một cái đích nào thực thụ tuyệt đối cho tôi ở cõi đời này cả. Tôi thèm một cái đích không có... đích. Tôi chạy, thế thôi (...)

"Với tôi, nghĩ một cách thiển cận, tự tử là một vấn-đề thậm phi lý. Nghĩ một cách xa xa hơn nữa, tự tử vẫn chỉ là một hành động tối thậm phi lý. Nhưng nghĩ cho cùng, tự tử chính là một hành động cao đẹp, viên mãn nhất khi người ta đã suy ngẫm và xác nhận cái bất lực trước tuyệt đối. Bởi tự tử là một hành động quay ngược trở lại bất cứ một thứ định mệnh và số phận nào. Nó cao cường lắm. Dĩ nhiên tôi không đề cập đến những trường hợp tự tử thường tình để tránh một đau khổ đến thình lình hay trong những phút cực kỳ yếu đuối. Tự tử là một hành động siêu đẳng nhất của hoạt động trí tuệ khi đã được suy ngẫm chín chắn. Vậy mà lạ, các linh mục của tôn giáo tôi không bao giờ chịu công nhận tự tử là có thật chứ không nói gì xa hơn dù các cha có đứng trước cái xác treo cổ rành rành trong một phòng khóa kín cửa từ bên trong. Tự tử là hành động của đạo đức nguyên chất nhất. Đó là Chân, Thiện, Mỹ tuyệt đối. Nó làm cho con người rung động toàn cơ thể, trí óc, tâm hồn và rung động thể lương hải hùng nhất. Một người lấy súng bắn thẳng vào màng tang và chết: hắn đã thắng. Không phải thắng với hắn. Cũng không phải thắng một định mệnh nào. Hắn đã thắng một cái thắng ở trên tất cả những chiến cuộc giữa người với người và giữa người với Thượng Đế nếu có.

Nghĩa là hắn đã thắng mình, thắng trời, thắng lung tung, thắng hư không và không thắng gì cả. Hắn đã thắng một cái thắng tối hậu. Tôi sùng thượng hắn. Sùng thượng trên tất cả chúa đấng của tất cả những tôn giáo lớn nhất. Tôi ngả nón và nghiêng mình trước cái chết của một kẻ tự sát ý thức. Hắn là anh hùng, anh hùng trên tất cả những anh hùng của lịch sử nhân loại...".

Chiến-tranh 1957-1975 với hậu quả là những cảnh chết

và những cái Chết tàn bạo, bất ngờ; cái Chết trong cuộc đời còn... đa dạng và quá nhiều, hơn cả tác-phẩm của mọi thời đại văn-học. Trong thế giới chữ nghĩa, chúng ta có những cái Chết ký sự và kinh-quá của Thảo Trường (*Vuốt Mắt* 1969), Thế Uyên (*Những Hạt Cát* 1964, *Ngoài Đêm* 1965, *Nỗi Chết Không Rời* 1966), Nguyên Vũ (*Trở Về Từ Cõi Chết* 1967, *Chết Không Nhắm Mắt* 1968, *Thêm Địa Ngục* 1969, *Khung Cửa Chết Của Người Tình Si* 1969, *Bóng Tối, Tiếng Cười Mối Hôn Và Nghĩa Trang* 1973), Trang Châu (*Y Sĩ Tiền Tuyến* 1970), Nguyễn Minh Nữ (*Những Giọt Máu Giăng Ngang*, 1970), Trần Hoài Thư (*Những Vì Sao Vĩnh Biệt* 1971), v.v...

Nhà thơ Mai Trung Tĩnh nói đến một cái Chết và những thứ Chết:

“Em thấy không / Bây giờ anh thường im lặng  
Anh không cười nói như ngày trước  
Sớm anh đi, chiều trở lại trong túi nhục âm thầm  
Những bước nặng nề tuổi già tới viếng  
Anh muốn ngủ dài một giấc muôn năm  
Chẳng còn héo hon dần như thế kỷ  
Em thấy không / Chúng ta nổi nênh (sic) ngày tháng  
làm người sống sót  
Đi tìm đất đai dựng chỗ ngủ nhờ  
Đất đai hiếm, khó tìm hơn chân lý  
Đi tìm thực phẩm hèn mọn nuôi thân  
Chỉ gặp xác người thay lúa mọc  
Em thấy không  
Bây giờ không phận chúng ta biến thành những phi  
trường khổng lồ  
Anh nhìn lên toàn phi đạo dọc ngang  
Còn chỗ nào cho cánh điều tuổi thơ của những đứa em  
bay bổng  
Em thấy không / Bây giờ anh sống thật thản nhiên  
Như bà mẹ ngày ngày cho con bú sữa  
Như những người em gái lớn phải lấy chồng  
Ai mất còn, anh nào có biết  
Khi tử sinh gần gũi quá tình nhân  
Khi anh sống mà nghe vổ về bằng cái chết” (Cái Chết  
Vỗ Về, *Trình Bày*, 12 & 13, 15-1 & 1-2-1971 *Xuân Tân*

Hội, tr. 87-88)

Nhiều nhà thơ nói đến cái Chết, một dĩ nhiên khi chiến-tranh ngày càng lan rộng một cách thảm khốc. Đinh Trầm Ca có thể chết vì quá khứ lẫn tương lai:

*"Hôm qua tôi bỗng chết hai lần  
Té giữa trên bờ dĩ vãng xanh  
Hôm nay bỗng chết thêm lần nữa  
Té sắp trên đường tương lai đen"*

Còn nhà thơ lính trẻ Đoàn Văn Khánh trực diện với cái Chết nơi chiến trường nghĩ gì?

*"Hai tám ngắn. Bốn tám dài  
Lầm lì tôi đóng quan tài cho tôi  
Khuya nay khâm liệm con người  
Tôi làm con thú nói cười huyền thuyên  
Bò lê khắp cả ba miền  
Cần chi cơm áo bạc tiền thanh danh  
Cần chi lo chuyện tương tranh  
Hiệp thương, hưu chiến, yên bình... vu vơ  
Tôi làm con thú khù khờ  
Vẫy đuôi hạnh phúc bên bờ vực sâu  
Tôi làm cây súng hai đầu*

*Đong đưa bóng chết qua cầu thế gian"* (Hóa Kiếp Tôi)

Thời này Du Tử Lê đã có một số sáng tác nói đến cái chết như bài Lúc Người Chết, Chết Đuối trong tập *Thơ Du Tử Lê 1967-1972*, nhưng cái chết ở đây trừu tượng, chung chung, không đặc thù:

*"con vì trùng không tên / đục rỗng tôi tự đó  
con sót người bao năm / hôm nay còn vật vĩa  
tháng năm tôi dựng ngược / mắt mù cơn mưa say  
trần khô vùng bão rớt / cát ngủ trong đầu già  
vai nhô vùng rét buốt / trông chừng cánh chim qua  
hồn dài con nước lớn / chia nghìn chân đi xa..."* (Chết

Đuối, tr. 109)

Trang Châu trong *Y Sĩ Tiền Tuyến* (1970) viết về những cái chết cận kề của những người lính miền Nam; cái Chết đến với mọi người, từ dân chúng đến binh sĩ cấp thấp, sĩ quan và cả những y sĩ tự nguyện hoặc được bổ nhiệm về các đơn vị hành quân.

Cái Chết còn tiếp tục trong các tác-phẩm khác, như hai

truyện dài *Quốc Lộ Mười Ba* của Hoàng Ngọc Hiến và *Đường Một Chiều* của Nguyễn Mộng Giác: một bên là những cái Chết có ý nghĩa và một bên hiện sinh theo thời thượng. Cả hai truyện dài của Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Mộng Giác đều nói đến những người lính nhưng một bên ở trận tiền, một bên ở hậu phương, trong một cư xá ở hậu cứ. Trong khi *Quốc Lộ Mười Ba* trình bày một thế-giới đầy bất trắc nhưng con người ở đó thẳng thắn nhập cuộc, làm việc phải làm, thì *Đường Một Chiều* đã cho người đọc nhập nhanh chóng vào không khí bi quan, hiện sinh, mất định hướng, xa nếp cũ gia-đình,... qua nhân-vật Ninh không rời cuốn *Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học* của Phạm Công Thiện, rồi đưa đẩy đi lính và giết người, nhưng cuối cùng tự xử, có chút hối hận và can đảm hơn khi dùng mả chai cắt gân tự tử! Trong khi đó, ở *Quốc Lộ Mười Ba*, cái Chết đã là một định mệnh, khởi từ một thái độ sống can đảm, sống thực!

*Cúi Mặt* của Bùi Đăng do nhà Thái Phương xuất-bản năm 1969 sau khi đã đăng trên tạp-chí *Bách Khoa* sau biến cố Tết Mậu Thân qua hình-thức truyện vừa, đã là thiên truyện về cái Chết của người dân ở những vùng thôn quê bị Việt-cộng xâm nhập. Đây là những cái chết tàn bạo, chết nhanh có, chết từ từ có, nhưng vào tay tập đoàn cộng-sản là phải chết dưới nhiều hình-thức. Không phải là tự truyện nhưng kinh nghiệm sống sót của tác-giả đã góp nên nội-dung truyện. Tác-giả chỉ là giáo viên hiệu trưởng một trường tiểu học cách thị xã Tuy Hòa 10 cây số, bị Việt-cộng bắt khi trên đường đến trường, ông bị đưa vào giam ở mật khu, còng tay chân, bị bỏ đói vì tội tưởng tượng là làm “tay sai đế quốc”! Trong nhà tù mật khu phải thay đổi địa điểm nhiều lần, chính người tù phải tham gia những di chuyển dời trại, có lúc không còn đồ ăn, phải hái mương dóc, cây dác trong rừng để nấu ăn. Tác-giả chứng kiến từng cái chết của tù chung, của già, trẻ, ... Bạn tù Thảo chết, nhân-vật chính tên Quang yếu quá vì liên tục đào mộ, đã thú với An, một bạn tù khác: “*Anh biết là nó tốt bụng, tôi thương nó ... đáng lẽ ... tôi phải đào ... sâu hơn*” (tr. 111, bản Thư Ấn Quán 2010) vì Quang đã hứa sẽ đào mộ sâu tử tế cho bạn. Nhưng không dễ, “*Quang nghĩ rằng, dồn hết sức bỏ mạng từng*

nhất cuộc. Lưỡi cuốc dội lên thành một âm thanh khô sắc khi chạm phải những hòn đá phía dưới. Người Quang rung lên, mồ hôi đổ thành từng dòng trên cổ, Quang ngừng lại khi hơi thở muốn tắt và mắt hoa lên...”!

Cuối cùng cái chết cũng đến với Quang, sau bao hy vọng “ân xá, phóng thích” thật ra hão huyền, như bánh vẽ. Khi biết là vô vọng, Quang trở nên “lì lợm. Đình ninh là thế nào mình cũng chết, Quang hết biết sợ uy quyền. (...) Với cái thân thể ốm yếu, với sức khoẻ kiệt quệ này, làm sao Quang có thể gắng gượng đợi một lần may mắn khác? Tuyệt vọng rồi! Trước kia Quang chỉ mới tưởng tượng đến tử thần trong ý nghĩ nhưng sau này thì Quang thấy thật rồi. Tử thần bước đến Quang bằng những bước dần dà, chậm chạp nhưng Quang lại không đủ sức thoát nổi. (...) Trước kia mỗi lần nghĩ tới cái chết, nghĩ mình lọt tên khỏi danh sách những kẻ được hưởng lương khoan hồng, Quang tưởng tượng mình sẽ đau đớn lắm, đau đớn đến tột độ để có thể gào thét, kêu la. Điều làm Quang ngạc nhiên là khi sự việc xảy ra y hệt như ý Quang vẫn lo lắng, Quang lại có một thái độ thật bình tĩnh, thật thần nhiên. Quang chết? Điều đó chả có nghĩa gì cái chết là mức cuối cùng của cuộc đời ai chả phải bước qua (...) Chiến-tranh còn tiếp diễn, còn kéo dài trên mảnh đất Việt này thì Quang chẳng bao giờ có hy vọng sống một cuộc sống thanh thoi, chẳng bao giờ đứng yên trên mảnh vườn, thửa ruộng của mình. Và vì những lý do đó, Quang thần nhiên đón nhận cái chết sắp đến. Mỗi bận tâm duy nhất là những gì xảy ra sau cái chết. Nghĩ tới thân thể mình bị vùi dập trong khoảng rừng núi âm u, hoang vắng này, những người thân yêu không ai biết đến, không một mảnh gỗ đề tên, Quang thấy sợ hãi. Quang không muốn là một người không quê cha, đất mẹ, không bà con, nguồn gốc. Cái chết không làm Quang sợ. Quang có thể đón cái chết bất cứ lúc nào nếu có ai bảo đảm sẽ chôn xác Quang ở nơi Quang đã sinh ra, có cha mẹ, vợ con biết đến. (...) (tr. 123-5).

Nhưng Quang chưa chết thì lại hay lẫn thẩn “những người sắp chết thường hay lú lẫn, đầu óc ngớ ngẩn đi”. Quang nhớ lại những ngày cuối cùng của ông Xu, trước khi chết ít ngày, ông Xu thường hay hoảng hốt, lúc quên lúc nhớ

*cáu giận một cách bất ngờ. Quang cũng giống ông Xu, thế có nghĩa là Quang sắp chết? Lạ nhỉ, Quang nghĩ - tại sao cái chết lại có thể êm đềm đến vậy. Quang nhú mắt cố nghe ngóng xem trong người có gì khác lạ không, vui hay buồn? Sung sướng hay đau đớn? Quang không thể nào phân tích được. Quang chẳng cảm thấy gì cả. Quang chỉ tỉnh táo để nhận biết một điều: cái chết đang ở trong người Quang. (...) Quang hết biết sợ, cứ ù lì ra, bỏ đi lao động, bị Đoàn phó khiển trách thì liền phản ứng: “Thế còn ông, dễ thương ông chăm chỉ lắm, những lúc ông bệnh tật có ai bắt ông làm không? Ông nhớ coi, lần ông ho ra máu xiu đi, ông đã nghỉ bao nhiêu ngày? Có ai nói ông không? Có ai chửi bới ông không? Ông cầm cái miệng đi!” (tr. 126-7).*

Hôm sau Quang mệt lả đi lang thang, đến bên con suối soi mặt xem mắt mình có như đám người trong trại nói về chàng như người sắp chết vì “*mắt nó lác đi rồi!*”, Quang chỉ nhận thấy trên khuôn mặt “*đôi mắt không còn chấm sáng và ngạc nhiên như vừa khám phá ra cái chết ngay trên khuôn mặt. “Nó còn bộ bà ba xanh thì phải”*”. Lời nói ông Đoàn phó vang lên chua chát. Quang chưa chết. Quang còn sống đây mà đã có kẻ nghĩ tới việc lấy bộ bà ba. Thật dễ tiện! Thật hèn hạ! (...) Quang tự hỏi tại sao một người như ông Đoàn phó không chết phứt đi trong khi đó đáng ra Quang có lý để sống hơn lại phải chịu một cái chết khốn khổ. Suốt đời Quang có làm gì ai đâu, Quang không ăn trộm, không cướp của giết người. Quang chỉ muốn sống một cuộc đời tầm thường, yên ổn. Quang chỉ muốn cày thửa ruộng Quang có ở mái nhà của ông cha để lại và tối tối nằm ngủ với con (...) (tr. 130). Hai tuần sau, Quang yếu dần và cái chết chỉ thật sự cuối cùng đến khi Quang nghe đồng trại vẽ chuyện dự định sẽ về lại quê nhà cày bừa sống bình thường, lúc đó cơ thể Quang mới lạnh ngắt và Quang ra đi!

*Cái Chết hiện diện dưới nhiều hình-thức trong thế-giới văn-học chiến-tranh của Kinh Dương Vương, Lê Văn Thiệp, Trần Hoài Thư, Hồ Minh Dũng, Lữ Quỳnh,... Người Đền Nợ Nước của Hồ Minh Dũng viết về cái chết của một chiến hữu được gọi là 'Chim Di' lúc mới sanh bị cha mẹ bỏ rơi ngoài bãi biển được vợ chồng bác Trãi đem về nuôi, trạc tuổi với Dakrong, một đứa con nuôi khác đã được tiểu đoàn cứu*

đem về nuôi, lớn lên và đi hành quân theo tiểu đoàn. Đám táng được đắp làm thật lớn, "họ coi Chim Di như đại diện cho mọi người trong thôn ấp đóng góp xương máu cho đại cuộc, dù tiêu biểu nhưng phải có" và được gia-đình chôn cất trên động cát "cao nhất để nó nhìn thấy được biển". Dakrong từng tranh giành người đẹp tên Nga với Chim Di, nay bạn chết, hắn tìm hẹn Nga gọi là lần cuối dù yêu vẫn tràn đầy để trao lại lá thư bạn hắn đã viết trước đó: "... Anh nhớ em vô cùng. Chiều qua, lúc hành quân băng qua ngọn đồi, anh có hái cho em cánh hoa, không biết tên gì, màu hồng nhạt, cuối tháng về phép anh sẽ đem về tặng em. Nga ơi, chẳng lúc nào anh quên em. Ngày tháng trôi qua như thể là chuyến xe thổ mộ chở hình bóng em đi qua đời anh. Anh đặt hết tin tưởng ở nơi em. Ngày nào đây, chắc không xa, anh sẽ đem em về quê anh, hai đứa mình sẽ đứng trên một đụn cát cao nhất để nhìn biển. Biển rộng như tình anh yêu em..." (Bách Khoa, số S\* 398, 15-10-1973, tr. 57-62).

Chiến tranh bom đạn và người chết. Văn Lê Thiên/Lê Văn Thiện đã ghi lại cái Chết trận, dưới cái nhìn bắt lực của đồng đội trong một đụn độ: "Đạn đâm phụt phụt, bụi bắn từng khóm trên lòng đường, như người ta tung một nắm sỏi xuống hồ nước. Đạn thổi tốc bụi quanh chân Khắc. Chúng có vẻ còn muốn bồi thêm lên người kẻ không may. Tiếng đại liên địch nghe đằng đàng và ở một chỗ quá gần, giòn và chất. Cái mũ sắt lặn ra sau nằm bên chân Khắc, như muốn che cho bàn chân, khi cái đầu không còn đội được nữa. Đạn trúng cổ. Nhưng Khắc không chết, bàn tay vói về phía trước đã ngọ ngoáy mấy cái ngón, nhưng chẳng thấy mắt Khắc mở hay nhắm (...). Bỗng, cái tay đó co lại, rồi từ từ Khắc chống hai tay, muốn ngồi dậy, cái đầu ngừng lên. Mắt nó mở trừng, nhìn thẳng về trước nhưng như không nhìn ai cả. Địch bắn ngay, đạn tung một đường dọc, quạt vào thùng rác. Một viên ghì lưng Khắc, hai cánh tay sụm xuống, cái đầu lại đập xuống mặt đường. Thấy rõ búng khói nhỏ bay ra từ đầu đạn. Thấy rõ lỗ đạn ịn vào. Thoir thả cây súng xuống đất. Người đứng sau lưng kêu "trời". Anh ta quăng một trái khói. Khói tỏa xanh đặc một khoảng, che khuất Khắc, cái thùng rác và phần dưới cái cây bên đường. Chúng nó lại bắn vào đám khói. Khắc được (bạn) lôi vào, chỉ còn là cái

xác. Nhưng cái xác đã bị thêm hai viên đạn nữa. Trên lưng Khắc đóng rõ ba lỗ máu. Người can đảm trừng trừng nhìn xác bạn, rồi tự vuốt mặt mình...”(Sao Không Như Ngày Xưa, Trong Lốp Khói Màu, tr. 126-7; *Trình Bầy*, số 6). Sự bất lực nhìn bạn ngã gục đau đớn, tủi nhục, còn mình thì được tuyên dương. Liên hoan mừng chiến thắng nhưng làm sao người lính có thể thoát khỏi những nỗi ám ảnh kinh hoàng về cái chết của đồng đội khi đơn vị về giải tỏa thành phố trận Mậu Thân, khi đọc thơ góp phần văn-nghe: “...Trong chinh chiến thì ít thấy niềm vui, chỉ có rất nhiều điều tàn, tang thương. (...) Được bốn câu, bỗng Thới thấy lại một cảnh đường phố, những người chạy, nhà sập, khói mù (...) Thới đấm trán, xóc lại quần. Mọi người lại cười rân. Thêm được hai câu nữa. Cảnh đường phố chấp chờn, buổi chinh chiến... đạn xối sạt sạt lúc nhanh lúc như nước nhỏ giọt xuống mặt đường, bụi bay, một người ngã xuống mép đường, cây súng, cái mũ sắt... kìa nữa, khói xanh lan ra, chờn vờn. Không cố được nữa. Thới lắc đầu, nguy mất thật, hai chân thì vẫn dấy, nhưng cái đầu thì, coi kìa... sao lạ, mắt cứ thấy dâng lên, lan mãi ra một màn khói xanh” (Sđd, tr. 129).

Phan Nhật Nam trong truyện dài *Dựa Lưng Nỗi Chết* (1973) nói đến cái Chết một cách tự nhiên như phải chấp nhận, như không thể tránh trong chiến-tranh, với một ngôn-ngữ sống, như của nhân-vật Đại-úy Thuần: “... chỉ có những cơn tình ngắn ngủi thô bạo đó, lượng sống tinh khiết đã kéo ra khơi, còn lại trên bát ngát linh hồn thứ rác rưởi khô héo của một đời gian nan. Thuần không có thì giờ và cơ hội để nắm được trong tay giọt sương linh thiêng của tình yêu.” Thuần đã có những ý nghĩ, ám ảnh: “Đi lính, nhét vào trong túi khoảng một thúng người muốn điên lên vì ham muốn. Kỳ thật, càng cực khổ, nguy hiểm càng thêm đàn bà, cứ như khoảng da thịt bí ẩn đó có khả năng chôn hết khôn cùng vào chiều sâu hun hút của nó. Thì “cái ấy” chính là nơi mở đầu sự sống, nên khi nguy cơ, lúc gần chết người ta ao ước rõ ràng chui sâu vào trong đó! Lại bắt chước ý nghĩ của Henri Miller rồi? Thằng cha loạn tình Tây phương đâu so sánh với mình được. Nó già cằn cỗi, hết lực, nhão nhệch nhưng trong lòng ngùn ngụt dâm đãng bệnh hoạn, không thỏa mãn

nổi nó mới nổi loạn, vùng vẫy la hét, lập thuyết trên cái phần thịt đen u thâm sống động đó... Nó là thằng liệt dương tinh thần nên diễn con bạo dân bằng ngôn ngữ và văn chương. Thằng cha già dịch, thứ tuổi già suy sụp của Âu châu hư hỏng. Mình khác, mình là lính sống gần cái chết nên yêu đời sống, thấy đạn nổ thì nhớ cái l... kỳ cục thật, trông thằng lính chết đầu tiên là mình nhìn vào con c... Chán thật, cái vật bỉ ổi quý giá của kẻ chết co quắp lạnh lùng đến tội nghiệp. Thây ma nằm yên có vẻ bình thản của nó, riêng cái cột chống đời đó nằm như tức tối giẫy giụa... Hừ, mình cũng bệnh tật gì trong đầu đây? Không phải đâu, thằng chết thắt cổ trong giây phút cuối cùng nó chảy ra đầm dề, mấy thằng lính gỡ mìn khi hành sự có thằng sồn ra ướt đầm, sinh tâm lý, bộ não bị xúc động nên chảy ra?...". (tr. 112-3).

Trong *Cõi Đá Vàng* của Nguyễn Thị Thanh Sâm, đã có những cái chết đẹp (của người trẻ tham gia kháng chiến chống Pháp, vì lý tưởng,...) và nhân bản. *Cõi Đá Vàng* viết về thời kháng chiến chống Pháp. Cuộc chiến giành độc lập cho đất nước đã là khó khăn, mà thành viên tham gia cuộc chiến đó cũng phức tạp, chia-phân tâm-thức cùng lý tưởng. Người Cộng sản sử-dụng tình tự ái quốc để thực hiện những mưu đồ chính trị tà đạo. Nhân vật Trần đã đối chất với cán bộ CS về những chỉ thị, biện pháp giết người không đúng đắn: “Ta không có bằng chứng nào để quyết đoán rằng cô ta làm chỉ điểm cho Pháp hay không, nhưng ta vẫn phải sát hại cô ta để đề phòng căn cứ của ta khỏi bị lộ (...) Điều tôi muốn nói là chúng ta không thể dung túng hành động của người sử-dụng mũi tên tẩm độc, hành động đó chối bỏ con người kể cả nạn nhân và kẻ làm việc đó (...) Giết một con người không thể xem như giết một con thú hoang, chúng ta đã tự hào là những kẻ tiên phong, có phải thế không, vậy các đồng chí nghĩ sao về hành động phi nhân này?” (tr. 73). Một nhân vật khác trong *Cõi Đá Vàng* quan niệm “Không cái chết nào giống cái chết nào cả, bởi vì những khuôn mặt không bao giờ trùng nhau cả” (Bản TẤQ 2012, tr. 177). Nhân bản ở đây tự nhiên: “Có lần chàng ngắm khuôn mặt của một anh em đồng đội nằm chết bên một xác địch quân, chàng bỗng ngạc nhiên khám phá ra những nét phản ứng

trong cái chết giống hệt nhau trên hai khuôn mặt da trắng, da vàng, chàng đã tìm được sự đồng nhất tuyệt đối trong cõi chết giữa hai con người khác màu da mà khi sống đã là kẻ thù. Họ nằm đó, sóng sượt bên nhau, hai nét mặt cùng có vẻ ngỡ ngàng, dò hỏi; nét bí thông trên hai gương mặt như muốn nhấn nhủ một điều bí ẩn nào đó cho người sống, một niềm cảm lặng không kịp truyền lại, ngàn đời mang đi. Cái chết, do đó, chàng thấy thân thuộc, luyến lưu, không có gì ghê gớm“ (Sđd, tr. 21). Nhà văn Nguyễn Thị Thanh Sâm là phu nhân một sĩ quan Quận trưởng trên Cao nguyên, ông tử trận vì mình ở đồn Kim Thạch – điều này cắt nghĩa tựa tác phẩm *Cõi Đá Vàng*.

**Nguyễn Vy Khanh**

## Ngọc Bút

### HẠNH PHÚC

thăm những vòm cây  
người yêu dấu có đôi mắt sâu  
ông bạn, nhớ ông vô cùng  
hôm qua trời mưa em đi về miền đèo heo hút gió  
những con bò con ngựa ốm teo nhằn nha ăn cỏ bên vệ  
đường  
biết gì không ông bạn, nhớ ông vô cùng  
ta từng mơ ước một đàn bò  
một đàn bò câu, đàn ngỗng, đàn vịt, đàn gà...  
ngày yên vui nơi quê nhà

và cũng phải có thêm chú ngựa ngoan  
ta hồn nhiên như đôi bạn nhỏ  
đánh xe dạo quanh phố phường đá sỏi  
bạn huyết sáo luôn mồm  
mắt em cười long lanh  
hạnh phúc lớn lên trong lồng ngực bình thường

này bạn hôm qua em đi về miền đồng khô cỏ cháy  
rồi cỏ rét run dưới mưa hè  
cuối đường có tính lỵ buồn bã hắt hiu  
nhưng lính tráng ồn ào như cái chợ  
bạn cũng sắp đến cái-chợ tương tự nào đó phải không  
cầu xin cầu xin trời cao  
bạn đi rồi bạn lại về  
em muốn nghĩ chuyện không là giấc mơ  
ta về trồng thêm luống cải ngồng  
dựng lại bờ tường xiêu đổ  
sửa sang vườn cây trái  
ta về nằm ngửa mặt nhìn trăng  
đêm êm đêm thoảng hương lúa chín  
ta về, ta về cùng nổi nồm nao thơ dại  
hạnh phúc lớn lên trong lồng ngực bình thường

bạn yêu dấu ơi bạn đang nghĩ gì  
khi sáng mai này  
chim nhỏ bay về đậu bờ vai hót lời mơ ước...  
(GDH, 16/7/1972, mùa hè đỏ lửa)

## MƠ MỊT SÔNG MƯA

nàng đứng bên kia bờ gior tay vẫy  
nước mắt của trời đầm đìa  
hàng hàng sầu não quần châu thân  
tóc nàng màu cỏ khô quện ướt  
môi son giá  
mắt biển khơi

quê hương năm nào ta ngủ quên  
hồi người đã lạ

\*

ta đứng bên đây bờ tro tượng gỗ  
nắng chiều ửng trong mắt rượu  
đất trời say  
này trái tim năm nào biết hát  
vết thương trong lồng ngực rất  
hay muốn thành đá chưa  
chiến sĩ đi tay lấm lem màu mực  
tai vọng lòng bùng  
quê nhà ơi, khúc nhạc  
chiến sĩ trẻ tràn  
sao quen tay súng  
đập dềnh chiều đỏ hắt  
rồi sông ngan ngát phù sa  
rồi quen máu người tanh rất  
tóc nàng có còn cỏ khô hương nắng quê nhà?

\*

người thân yêu  
tên một mùa hạnh ngộ  
Tiền Giang lấp lánh Vàm Cỏ Đông xưa  
em còn đứng bên bờ vời vợi  
trắng dãi theo người  
mờ mịt sông mưa

(Saigon, 05/7/1974)

LTS: Hai bài thơ trên được sáng tác trước 1975, tuy nhiên, chúng chưa hề phổ biến trên mặt báo trước cũng như sau 1975. TQBT là tạp chí phổ biến lần đầu. Chúng tôi xem như sáng tác mới chứ không phải di sản văn chương miền Nam do chúng tôi sưu tầm như thường lệ. (TQBT).

## HOÀNG NGỌC HIỀN SÔNG ĐUÔNG



*Nguồn: Internet*

Có một ông già ở phương xa, về thăm xứ Kinh Bắc, kể lại một câu chuyện, mở đầu bằng câu: “Rừng xưa có con sông Tiểu Giang, kinh đô Phong Khê của cha ông ta...”

\*\*\*\*\*

Năm vừa qua, có một ông già khoảng bát tuần, tóc bạc trắng như cước, tuy không được khỏe mạnh cho lắm, nhưng cũng đủ sức làm một chuyến đi xa. Bởi vì ông ngưỡng vọng vùng núi Tiên Du, thành Cổ Loa, làng Lim (cái nôi của hát quan họ, nổi tiếng trong lịch sử văn hóa của dân tộc), nên cố gắng từ phương xa lặn lội tìm về thăm xứ Kinh Bắc. Có thể nói, từ khi còn là một thư sinh mặt trắng, sống nhiều năm ở Kê Chợ, chỉ có đọc vài bài thơ viết về Sông Đuông, mà ông đã mơ mộng muốn đến nhìn xem Sông Đuông. Nhưng chưa có phương tiện điều kiện thực hiện, thì kịp đến Hiệp định Genève chia đôi đất nước, lấy con sông Bến Hải (tức sông Gianh thời Trịnh-Nguyễn phân tranh) làm ranh giới, thư sinh phải theo gia đình di chuyển vào miền Nam. Đến năm 1975, khi đồng minh Hoa Kỳ bỏ rơi Saigon, trao miền Nam Việt Nam cho Cộng sản Hà Nội, ông bị đi tù “cải tạo” hơn

mười năm. Khi ra khỏi tù, một thời gian sau, ông có cơ hội xuất ngoại. Ông đặt chân đến nước Mỹ. Ở Mỹ, ông là một thứ người “vô tổ quốc”, cũng chẳng hội nhập được, chẳng làm được công việc gì ra hồn. Cuối cùng, ông đành sống bằng trợ cấp xã hội. Thời gian đã biến ông thành một lão già chân yếu, tay mềm, da nhăn, má hóp, đi đứng lọng cọng,... Hình như với “nỗi buồn bại trận”, bệnh tật do di chứng hơn mười năm tù “cải tạo”, cùng với nỗi buồn tha phương cầu thực, ông sớm già trước tuổi. Ông thường cô đơn, chẳng biết nên đi đâu, về đâu, đành phó thác số phận trên xứ người! Đột nhiên, ông nhớ lại ước mơ thời tuổi trẻ, muốn được tận mắt nhìn con sông Đuống. Ông cảm thấy khỏe, thể là vội vã thực hiện một chuyến về Kinh Bắc. Chuyến đi đầu ngắn ngủi, trong hai tuần, nhưng cũng đủ thỏa mãn. Những nơi ông có dịp đi qua, ông không có nhận xét gì, bởi ông chỉ chú trọng đến Kinh Bắc, mà thôi! Ông nói: “Nhà thơ Hoàng Cầm có tập thơ nhan đề: “*Về Kinh Bắc*” gây sóng gió cho cuộc đời của mình. Tôi chỉ mới được nhìn cái bìa qua báo chí hải ngoại. Kỳ này, về thăm sông Đuống, tôi sẽ lùng kiếm mua tập thơ này. Tôi đang làm một cuộc hành trình về Kinh Bắc!!!”.

Thế là ông già được đặt chân đến đền thờ An Dương Vương và miếu thờ Mỵ Châu nằm ở sân trước, vào một buổi trưa nắng đỏ rực rỡ.

Miếu nhỏ, nhưng cây đa cổ thụ ở cửa miếu rất lớn, tàn cây tỏa rộng, ánh nắng mặt trời chiếu xuống đất, qua cành lá, lổ lỗ lung linh trông rất bắt mắt. Ông già có cảm tưởng nắng rất đẹp và màu nắng rất lạ. Hơn nữa, không gian đang ở độ “thiền quang chín chục, đã ngoài sáu mươi”, thu đã già, trời trong xanh, gió mát lạnh, dải núi Tiên Du ở xa xa lên màu xanh mượt. Quả nhiên xứ Kinh Bắc đẹp thật! Nhân gian ca ngợi cũng phải! Ông lão tự hỏi: “Còn đâu sông Đuống? Sông Đuống ở đâu?” Ông kiễng chân nhìn bốn phía chân trời tìm con sông Đuống, xem dòng nước giờ này ra sao? Nhưng không thấy đâu! Chỉ thấy núi non, đồng ruộng cây cỏ mờ mờ trong nắng. Hình như đã có một đám mây nào vô tình che mất mặt trời!

Ông già bước vào bên trong miếu. Trên bàn thờ, có một tượng lớn không đầu, được mặc năm ba lớp áo gấm

hoa, cao khoảng một thước, trong thế ngồi xếp bằng.

Ông cắm mười hai cây nhang: “Kính người mười hai cây nhang. Chúc người an khang trường thọ trong cõi vô vi.”

Nhìn khói nhang bốc lên, lan tỏa. Đột nhiên, ông già thấy cái tượng lớn không đầu đó bỗng có đầu. Khuôn mặt thanh tú của một người đàn bà, tóc dài xõa xuống vai, môi đỏ mấp máy: “Cảm ơn ông. Ta biết ông thương cảm cho ta! Thôi đừng! Không có gì đâu! Chẳng qua, ta chỉ trả nợ tiền kiếp mà thôi! Nào có gì đâu?!”

Ông già cung kính: “Bậc tiền bối nói gì, kẻ hậu sinh này không hiểu. Xin được giải thích.”

“Ta cảm động vì lòng thành của nhà ngươi mà kể câu chuyện đời xưa, tưởng đã hầu quên. Khói nhang kia như gợi nhớ... Ngươi hãy cùng ta trở về cổ sử, năm 208 trước Tây lịch. Ta bắt đầu vào chuyện đây. Câu chuyện bắt đầu từ sông Tiểu Giang. Thuở xa xưa ấy, con sông nằm ở phía bắc đền này, gọi là Tiểu Giang, chứ không là sông Đổng như bây giờ. Nó cũng nhỏ lắm, chứ không dềnh dang, to lớn, mênh mông như giờ. Lúc ấy, trái đất cũng còn nhỏ, chưa trướng nở lớn đâu! Nhà ngươi hãy cố gắng, với một chút tưởng tượng, sẽ dễ hiểu ngay thôi. Hàng tỉ ngàn năm đã trôi qua, biết bao vật đổi sao dời, tang thương biến đổi. Dòng Tiểu Giang đã trở thành một con sông ngăn cách đôi lòng, ngăn cách hai dòng họ tranh bá đồ vương. Một quốc gia, lúc ấy, chỉ như một vùng đất, một bộ lạc, thế thôi! Phía Bắc sông Tiểu Giang thuộc Triệu Đà. Phía Nam sông Tiểu Giang thuộc An Dương Vương. Con sông nhỏ bé ấy đã trở thành con sông của lịch sử, trong thời cổ sử của dân tộc ta!!!

“Thoạt đầu, toàn bộ vùng đất này thuộc vua Hùng cai trị, chặn dất trăm họ. Truyền đến đời thứ mười tám mới xảy ra chiến sự. Vua Hùng đặt quốc hiệu là Văn Lang, mang ý nghĩa một dân tộc có nhân nghĩa, đạo đức, tài năng lỗi lạc. Vua Hùng đời thứ Mười Tám có cô công chúa My Nương nổi tiếng xinh đẹp, công dung ngôn hạnh vẹn toàn, nên bây giờ có nước Thục ở kề cận, vua Thục là Thục Phán sai người mang lễ vật xin cưới công chúa cho hoàng tử của họ. Vua Hùng từ chối, bởi vốn biết người phương Bắc hung bạo. Thục Vương bèn đem đại quân đánh chiếm Văn Lang.

Vua Hùng thua chạy, nhảy xuống giếng tự vẫn. Thục Phán sát nhập Văn Lang vào đất Thục, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, xưng là An Dương Vương. Đóng đô ở Phong Khê. Phong Khê là một địa điểm thuộc phía Bắc sông Tiểu Giang, tức là cũng thuộc địa phận tỉnh Kinh Bắc này.

“Phía Bắc nước Âu Lạc, có quận Nam Hải của Tàu. Do viên quan Thái Úy Nhâm Ngao cai trị. Nhâm Ngao muốn tiến chiếm Âu Lạc, nhưng chưa thực hiện được thì mất. Triệu Đà lên thay, thực hiện nguyện vọng của Nhâm Ngao vào năm Quý Tỵ 208 trước Tây lịch. Triệu Đà với binh lực không hùng hậu, nhưng đã chiếm được Âu Lạc, sát nhập Âu Lạc vào Nam Hải, lập ra nước Nam Việt. Tại sao Triệu Đà có thể thắng được? Chẳng qua Triệu Đà dùng gian kế!!! Triệu Đà sai người mang lễ vật hậu hĩ tới Âu Lạc, xin cưới công chúa My Nương cho công tử Trọng Thủy của họ. Đây chỉ là một cuộc hôn nhân, chứa đựng mưu kế do thám thực lực nước Âu Lạc. Người ta đồn rằng An Dương Vương có nỏ thần. Triệu Đà sai Trọng Thủy đánh tráo cái lẫy, rồi báo về cho mình biết. Biết chắc chắn như thế rồi, Triệu Đà bèn mang quân tiến đánh. Khi Thục Vương mang nỏ thần ra bắn, thì không còn hiệu nghiệm nữa. Thục Vương mới mang My Nương lên ngựa, cùng mình chạy về phương Nam. Chạy tới núi Mô Đà, nay thuộc huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An, được Thần Kim Quy từ biển nổi lên, báo cho nhà vua biết: “Giặc ngồi sau lưng nhà vua đây!” My Nương thú nhận đã trộm đem nỏ thần cho Trọng Thủy xem, mới bị chàng đánh tráo cái lẫy. Nhà vua quá phẫn uất, rút gươm chém chết My Nương, rồi nhảy xuống biển tự vẫn. Ngày nay, ở núi Mô Đà, vẫn còn đền thờ Thục Vương ở đó. Trọng Thủy đuổi theo, chỉ gặp xác vợ nằm bên đường, đem về an táng ở Phong Châu, kinh đô Nam Việt, nằm ở phía Nam sông Tiểu Giang, xong nhảy xuống giếng tự vẫn. Cái giếng ấy, nay vẫn còn dấu vết, ở sau miếu thờ ta đó. Lát nữa, nhà người có thể ra đó mà tham quan.”

Ông già cảm kích thưa: “Cảm tạ tiên bói đã kể cho nghe câu chuyện đau thương của người. Trong nhân gian còn truyền lại. Có người viết sử. Xem ra có chỗ hư, có chỗ thực. Nỏ thần, giếng ngọc, phải chăng chỉ là huyền thoại?”

“Nhà người thắc mắc là phải! Bởi người đâu biết

thời ấy, người ta có quyền phép! Khác xa với thời đại ngày nay. Ta kể tiếp đây. ... Bấy trăm năm sau, Vào năm Tân Mão 571, một biến động lịch sử đã xảy ra, cũng ở vùng đất này. Trước đó, có một người tài kiêm văn võ, tên là Lý Bôn, vốn dòng dõi nhà Tây Hán, vì loạn lạc đã chạy xuống phương Nam. Ở đây, trải qua bảy đời, đã thành người bản xứ, thành dân của nước Âu Lạc rồi. Lý Bôn chiêu tập binh mã, nổi lên đánh đuổi quan lại người Tàu, tự xưng Nam Việt đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên, tức là Thăng Long sau này. Người đời thường gọi là vua Lý Nam Đế. Tiếc thay, Lý Nam Đế không giữ được giang sơn được lâu. Tàu đem đại quân tiến đánh Vạn Xuân, Lý Nam Đế thua, chạy về núi Gia Ninh, rừng Khuất Liêu, tức núi rừng Thanh Hóa bây giờ. Ít lâu sau, buồn bã, chết ở đấy. Binh quyền trao cho Triệu Quang Phục. Phục rút quân về đầm Dạ Trạch, tỉnh Hưng Yên. Rồi tổ chức đánh đuổi quân Tàu, chiếm lại Long Biên. Phục xưng là Việt Vương, đóng đô ở đấy.

“Con của Lý Nam Đế, Lý Phật Tử, trong lúc binh biến, chạy sang Ai Lao. Năm Đinh Sửu 557, đem binh về đánh Triệu Việt Vương. Hai bên đánh nhau tất cả năm trận, bắt phân thắng bại. Sau hết giảng hòa, lấy con sông Tiểu Giang làm ranh giới. Phía bắc của Lý Phật Tử, đóng đô ở Phong Khê. Phía nam của Triệu Việt Vương, đóng đô ở Long Biên. Tuy nhiên, Lý Phật Tử chuẩn bị đánh Long Biên. Lý dùng kế, mang lễ vật hậu hĩ xin cưới công chúa Cảo Nương cho con trai của mình là Dã Lang. Triệu Việt Vương tin vào mối giao hảo thân tình, nên không đề phòng gì. Năm Tân Mão 571, bất ngờ Lý Phật Tử đem đại quân vượt sông Tiểu Giang, đánh chiếm Long Biên. Triệu Việt Vương cùng con gái Cảo Nương thua chạy về đến sông Đại Nha, tỉnh Nam Định, thì tự vẫn. Hiện nay, ở bên bờ sông Đại Nha, thuộc làng Độc Bộ, huyện Đại An, vẫn còn đền thờ Triệu Việt Vương và nàng Cảo Nương ở đấy... Than ôi! Lý Phật Tử đóng đô ở Phong Châu, như các đời Vua Hùng, nhưng rồi cũng không giữ được giang sơn, bị nhà Tùy thôn tính!!!”

My Nương ngừng kể...

Ông già nhìn lên. Hương khói vẫn lung linh.

Một lúc lâu sau, My Nương nói tiếp: “Nhà ngươi có hiểu ta muốn nói điều gì không? Kẻ hậu bối kia, nhà ngươi đến đây với mục đích gì?”

“Xin thưa tiền bối, kẻ hậu sinh này chỉ có mục đích tham quan núi Tiên Du, làng Lim, sông Đuống. Đây là nơi đã từng ngưỡng vọng. Trong văn học Việt Nam, có vài nhà văn nhà thơ viết về sông Đuống. Nổi tiếng gần đây, có lẽ là nhà thơ Hoàng Cầm với thi tập “*Bên Kia Sông Đuống*” và tập “*Về Kinh Bắc*”. Kẻ hậu sinh này cũng chỉ mới được nhìn qua cái bìa của hai tập thơ ấy, chúng được giới thiệu trên một tạp chí ở Hoa Kỳ. Chưa được đọc tập thơ, kẻ hậu sinh này có ý định sẽ tìm mua hai tập thơ ấy, nghe nói vừa in ra đã bị chính quyền ra lệnh tịch thu?!”

My Nương làm bầm: “*Bên kia sông Đuống*” à? “*Về Kinh Bắc*” à?

“Thưa tiền bối, theo thiển ý của kẻ hậu sinh này, có lẽ “*Bên kia sông Đuống*”, tác giả ám chỉ Phong Khê? Phong Khê kinh đô cũ, như một biểu tượng, ám chỉ trở về cội nguồn dân tộc? “*Về Kinh Bắc*”, theo thiển ý, có lẽ nhà thơ Hoàng Cầm ám chỉ trở về với làng Lim, cái nôi của hát quan họ? Cũng là một biểu tượng của tình tự dân tộc? Chỉ có thể mới xóa bỏ được sự ngăn cách của dòng Tiều Giang?! Và,... có lẽ, “*Về Kinh Bắc*”, cũng là về với truyền thống đánh giặc ngoại xâm của Đức Thánh Gióng? Xưa kia, người trai trẻ anh hùng nổi dậy đánh đuổi giặc nhà Ân, là người ở xứ Kinh Bắc! Vị anh hùng này, người làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, trấn Kinh Bắc. Phá xong giặc Ân, bỏ lên núi Sóc Sơn, rồi đi đâu mất, không ai biết. Không tham phú quý, ngại vàng, chức tước. Thấy giang sơn bị xâm lược, nổi dậy làm xong trách nhiệm con dân. Vua Hùng ghi nhớ công đức ấy, cho lập đền thờ ở làng Phù Đổng, xuân thu tế lễ. Dân kính phục, tôn lên hàng Thánh. Thưa tiền bối, ngày nay, ở các huyện Gia Lương, Ché Vũ, vẫn còn tồn tại loại tre đặc biệt, màu vàng lốm đốm, gọi là tre đằng ngà, hay là tre ngà. Đó là dấu tích của những cây tre ngày xưa bị ngựa hồng của vị anh hùng phun lửa cháy xém. Ngoài ra, còn một loại tre ở gần núi Việt Sóc, rễ mọc cả trên thân tre, trên cành. Tương truyền đó là dòng dõi của những cây tre được Thánh Gióng nhổ lên làm lao phóng vào quân giặc, ngọn

cắm xuống đất, gốc rễ hướng lên trời... Thừa tiền bồi, tre ở đồng bằng sông Hồng này cứng như sắt thép, có khác gì kiếm, dùng làm thứ vũ khí tự vệ và đánh giặc rất hữu hiệu? Các làng mạc của ta là những thành trì, nối tiếp nhau, hỗ trợ cho nhau, liên kết trong cuộc dựng nước và bảo vệ, đánh đuổi giặc thù. Khi một làng bị tấn công, lập tức các làng lân cận cầm vũ khí ra tiếp sức. Kẻ thù chịu sao nổi với sức chiến đấu ấy? Chính vì thế, mà một nghìn năm quân Tàu cai trị nước ta, không chiếm nổi, không đồng hóa nổi. Chúng bị đánh du kích, ăn không ngon, ngủ không yên, thường xuyên bị giết hại. Cuối cùng, đành phải rút đi!!! Thừa tiền bồi, gần đây, đất nước ta bị bọn Việt gian vong bản đem chủ nghĩa ngoại lai vào, dám hỏi tiền bồi, tương lai giang sơn cẩm tú này sẽ đi về đâu?”

Tượng Mỹ Nương như nở một nụ cười:

“Thật ra, chuyện chính trị, ta không muốn nói tới. Xin ông lão đừng quá bi quan, bởi vì những gì đi ngược với truyền thống dân tộc, ắt sẽ tiêu tan, như lịch sử đã minh chứng. Luật nhân quả là luật của muôn đời, ông lão nhớ cho!!! Chuyện Triệu Đà lừa An Dương Vương, dẫn đến cái chết của Mỹ Nương ta, năm 208 trước Tây lịch.... Thì sau đó, 777 năm sau, xảy ra chuyện Lý Phật Tử lừa Triệu Quang Phục. Câu chuyện xảy ra thế nào, ông lão đã vừa nghe ta nhắc lại. Nay ta xin giải thích: Triệu Đà là tiền kiếp mà hậu kiếp là Triệu Quang Phục. Trọng Thủy, con trai Triệu Đà là tiền kiếp mà hậu kiếp là nàng Cảo Nương, con gái Triệu Quang Phục. An Dương Vương là tiền kiếp mà hậu kiếp là Lý Phật Tử. Mỹ Nương, con gái An Dương Vương là tiền kiếp mà hậu kiếp là Dã Lang, con trai của Lý Phật Tử....Nhà người thấy chưa? Để câu chuyện lịch sử ấy được tái diễn! Để trả cái mối oan thù ngày trước! Luật nhân quả là thế đó!!! Cõi vô vi chúng tôi, gọi là “Nhân quả trùng trùng”. Vậy chi, ông lão lo gì?! Thế đấy, ta, Mỹ Nương tái sinh thành Dã Lang. Cha ta, tái sinh thành Lý Phật Tử. Cha ta tự sát ở núi Mô Dạ, tỉnh Nghệ An; thì Triệu Đà tái sinh thành Triệu Quang Phục, phải tự sát ở sông Đại Nha, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định. Rõ ràng nhân quả báo ứng, chỉ nhanh hay chậm mà thôi!!!”

Ông già cúi đầu kính cẩn: “Cảm tạ tiền bồi.”

Khi ngẩng đầu lên, ông già không còn thấy cái đầu linh động với ánh mắt, nụ cười, đôi môi đỏ của tượng nữa. My Nương đã thăng rồi! Tượng trở lại nguyên trạng một bức tượng không đầu. Ông già có cảm tưởng mình vừa sống trong một giấc mộng kỳ lạ. Nhưng thực và mộng, lịch sử và huyền thoại vẫn hiện hữu qua truyện cổ tích đó sao? Ông già ra khỏi điện thờ, quanh quần hàng giờ trong đền, không muốn cất bước ra đi. Nhưng sau hết, ông già cũng phải lên đường, tiếp tục cuộc hành trình trong dự kiến.

Ông ghé thăm chùa Cổ Pháp, thấp nhen nhang kính Lục Tổ Thiền sư Vạn Hạnh. Rồi đến chùa Tiêu Sơn. Và tới cái đích cuối cùng của ông: sông Đuống. Đứng bên bờ, nhìn dòng sông lững lờ dưới bầu trời xanh thăm thẳm của mùa thu, lâu lâu một con thuyền nan đi qua, bập bênh sóng vỗ. Xa xa, bóng nhiều con thuyền đậu, như ở đó là một làng chài? Đây là sông Tiểu Giang, ngày xưa đó?

Ông già ngồi xuống bên cạnh một đám cỏ non. Gió hiu hiu thổi. Mặt sông lặn tẩn. Rồi chợt sóng dềnh lên... một con thuyền đang từ bờ kia vượt sóng đi sang bờ bên đây. Người chèo thuyền là một cô gái. Ôi chao, hình ảnh cô lái đò trong trí nhớ tuổi thơ của ông hiện ra rõ rệt, như chưa hề bao giờ phai. Con thuyền nhẹ nhàng lướt sóng. Buổi chiều, nắng nhạt dần. Dải núi Tiên Du đã bắt đầu phủ một màn sương mỏng. Đẹp quá một buổi chiều trên sông Đuống. Hình như cái nét quen thuộc của dòng sông quê hương là cái hồn dân tộc, hồn giang sơn, hồn sông, hồn núi, đượm màu linh thiêng, và truyền thống đã thấm vào trong ông. Ôi chao, dải núi xanh, dòng sông bạc, con thuyền xuôi mái, rất giản dị, rất đơn sơ, rất mộc mạc, nhưng chứa đựng biết bao tình?! Sông Đuống, ta đã mơ ước một đời được ngắm nhìn, giờ đây đang làm ông rơi một giọt lệ!

Trên sông Đuống, con thuyền buông mái chèo, vào bến...

\*\*\*\*\*

Kể xong câu chuyện trên, ông già hỏi mấy người nghe, trong đó có tôi: “Các ông có về sông Đuống?”

**Hoàng Ngọc Hiến**

# Làng Yên

*Truyện ngắn*  
Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh



*Nguồn: Internet*

*(Thương mến gửi về Dì Hue P., “Làng Yên” Rossmoor, Walnut Creek, California)*

## 1

Dì nói với Angel, giọng vỗ về:

“Ăn giỏi đi con, rồi ngủ nhé! Đêm nay con hãy làm quen với chồn này.”

Angel nhìn Dì, rồi nhìn quanh nhà, xem ra không hài lòng mấy. Dì ứa nước mắt, nói như năn nỉ:

“Ngoan, má thương. Con không thương má sao?”

Hình như Angel cảm động. Nó bắt đầu chạm vào cái món khoái khẩu của nó. Cả ngày nay nó đã không thèm ăn uống. Dì đoán, bằng trực giác của Dì, nó nhớ ngôi nhà quen thuộc, trong đó nó cũng có những góc quen thuộc của riêng mình. Nó có chiếc nệm riêng ở góc phòng gia đình, bởi nó cũng là một thành viên của gia đình. Nó có góc ăn uống ở nhà bếp. Và hầu như góc ngách nào trong nhà, ngoài vườn, cũng đều là của nó.

Vậy mà Angel lại phải đến đây. Xa lạ. Đó là quyết định của Dì. Những ngày tháng ray rứt buồn thương sau khi Chú ra đi đã khiến Dì héo hắt. Chú đã nhắn nhủ Dì hãy vui sống. Chú đã chuẩn bị cho Dì mọi thứ cho một cuộc đời không có

Chú. Dì đã dẫn lòng hầy vui sống. Thế mà không được. Nhưng Dì không thể tự cho phép mình đầu hàng. Dì phải tự lo. Muốn thoát ra khỏi tất cả những ray rứt buồn thương đó, với Dì, là phải xếp hết lại. Xếp lại không có nghĩa là chối bỏ, mà là để sống tới. Dì quyết định bán ngôi nhà của Chú và Dì, tìm một nơi chốn mới. Để đừng phải ngày ngày rớt nước mắt trước những cây hoa hồng, lặng lẽ nhìn mặt trời khuất dần sau cây sồi to lớn, thờ thần khi nghe tiếng chim kêu nhau dậy mỗi buổi sáng. Dì xếp lại hết, tạm quên, cho lắng lòng.

Căn nhà nhỏ, nhà mới, chỉ cách xa cảnh cũ hai mươi phút lái xe. Nhưng là một môi trường hoàn toàn khác. Như là một cảnh phim mới, một chương sách mới. Và trong đó, có Dì, Trường Giang và Angel.

Như thấu hiểu câu hỏi cảm động của Dì, Angel gục gặc cái đầu, lúc lắc “mái tóc”. Dì cười:

“Chà, tóc đã dài rồi nhé con! Mấy ngày nay lo dọn nhà không cắt “tóc” cho con được. Chiều nay mình sẽ “chỉnh đốn” lại mọi thứ ha! Bây giờ thì ăn, uống, cho má vui nghen con!”

Trường Giang từ nhà thờ về. Angel mừng, vẫy đuôi. Nó sẽ được anh Trường Giang dắt đi dạo. Đi bộ, nó cũng cần đi bộ chứ! Mà Trường Giang cũng cần làm quen với mọi thứ ở đây. Hầu như cả ngày anh chỉ làm việc trong nhà thờ. Thì giờ ít ỏi còn lại là chăm sóc nhà cửa một chút. Căn nhà này không lớn, nên công việc chắc sẽ đơn giản hơn. Còn Dì, Dì muốn ngồi lại một mình, trong căn nhà mới này, ít ra là hôm nay, để được yên tĩnh một chút.

Hai anh em mới đi được năm phút đã trở về. Trường Giang xuất hiện ở khung cửa, trên tay bồng Angel. Dì chưa kịp hỏi, Trường Giang đã nói nhanh:

“Mẹ, Angel xỉu. Mình đưa nó đi bác sĩ ngay.”

## 2

Angel đã già quá rồi! Vâng, nó đã 15 tuổi. Tuổi của loài chó như vậy không phải là 15, mà là 105.

Bác sĩ nói với Dì:

“Angel lâu nay bị tiểu đường, bị lòa mắt, bị ung thư gan. Bây giờ ung thư phát tán khắp cơ thể. Nó già quá, đã hết sức

chịu đựng rồi. Bà hãy quyết định. Nếu giúp nó đi sớm, nó sẽ không phải chịu đau đớn nhiều. Nhưng chính bà cũng phải can đảm lên. Tôi hiểu điều này rất khó khăn đối với bà.”

Dì nghe mình thở không nổi. Dì hít một hơi thật sâu, cố gắng giữ bình tĩnh. Lâu nay Angel đã vật vã với nhiều thứ bệnh. Dì cho nó đi chữa bệnh nhưng chỉ là nản ná thêm cho nó ở lại với Dì. Việc gì đến sẽ đến... Dì nhìn Trường Giang. Anh chớp nhẹ mắt thay cho lời nói. Dì nhìn Angel, lúc này như đang chìm vào giấc mê. Nó không còn sức lực nữa. Trong cái cơ thể nhỏ nhắn kia, các bộ phận đã suy mòn. Mấy năm nay sức khỏe của Angel kém dần. Nhiều lần Dì tưởng nó không qua khỏi, nhưng như có một phép lạ khiến nó lại đứng lên. Ngày Chủ nhật, nó nằm phục bên giường Chú, nước mắt ứa ra. Rồi khi việc của Chú đã xong, nó quần quýt bên Dì không rời, như an ủi, như khích lệ. Và bây giờ về căn nhà mới, Angel có lẽ tự thấy mình đã hết bản phận với Dì.

Dì muốn nói như bao nhiêu lần đã nói với Angel: “Con, con hãy ở với má một thời gian nữa nhé!” Bởi nó như là một thực thể nối kết giữa Dì và Chú. Chú đã từng cưng chiều nó, và nó từng quần quýt với Chú không rời. Nhưng bác sĩ của nó đã nói nếu ráng chữa trị thì nó sẽ sống, nhưng sống lay lắt trong sự đau đớn, chỉ có nghĩa là một sự đày đoạ mà thôi. Vậy chỉ có Dì là người quyết định cho nó. Phải giúp nó một lần cuối cùng.

Khoan đã! Tôi có tàn nhẫn quá không? Sao tôi lại là người quyết định cho nó chết?...

Dì gục đầu... Bỗng đâu trong trí nhớ mù sương, hình ảnh của Chú trong những ngày cuối cùng hiện ra. Chú héo hắt. Chú vật vã. Chú đã chịu đựng. Chỉ có Chú mới thấu được sự đau đớn đó. Và chịu đựng tốt cùng cho đến ngày Chú ra đi.

Dì nhìn Trường Giang. Anh lại chớp mắt thay lời nói. Và Dì nhìn bác sĩ, gật đầu.

Bác sĩ hỏi:

“Bà có muốn ở bên cạnh Angel không? Điều này cũng xin tùy ý bà, nếu bà thấy đau lòng quá thì xin bà cứ giao Angel cho chúng tôi.”

“Sao?”

Dì hỏi rồi trả lời như nói với chính mình:

“Cố, cố chứ! Chồng tôi đã chết trên tay tôi. Nay đến Angel, chắc nó cũng muốn có tôi trong phút này.”

“Vâng. Xin bà yên tâm. Angel sẽ được ra đi trong yên bình.”

Dì cúi xuống, thì thầm với Angel:

“Nhẹ nhàng thôi, con à! Một chút xíu thuốc mê. Con sẽ ngủ ngon. Con sẽ hết đau đớn. Ngủ nhé, con. Ngoan, má thương...”

Dì nấc lên trong khi đọc một bài kinh cho Angel. Dì nghe tim mình vỡ ra từng mảnh.

### 3

Trường Giang lại đi giúp ở nhà thờ. Dì nói mai một Dì cũng sẽ theo vào để giúp. Sau bao nhiêu điều xảy ra, Dì muốn yên tĩnh phần nào đã. Yên tĩnh một chút! Sao mà khó khăn, hiếm hoi quá! Trong một thời gian ngắn, Dì đã phải chấp nhận nhiều chuyện không vui.

Dì nghĩ mình phải ra khỏi nhà thôi. Hãy nhìn ngắm bầu trời, tìm một chút gió mát. Không gian thật yên tĩnh. Dì thấy trước tiên, ngay trước nhà mình, những cây thông cao vút. Loại thông giống như thông Đà Lạt của Dì. Chú chưa từng thưởng thức cảnh này, bởi nếu còn Chú, chẳng bao giờ Chú chịu vào đây sống. Chú luôn nói Chú là người “còn trẻ”. Mà đây là làng senior, dành cho “người già”.

Khi Chú không còn, Dì đã cân nhắc rất nhiều để đi đến quyết định bán căn nhà và vào đây sống. Dì có một người chị họ, sống ở Việt Nam, khi chồng mất bà không muốn thay đổi chút gì những vật dụng trong nhà, bà vẫn muốn mỗi ngày ra vào cảm thấy như ông còn sống. Và bà vẫn giữ như vậy suốt mười năm nay. Còn Dì, ban đầu cũng thế, nơi đâu trong nhà Dì cũng để ảnh của Chú, như thể những sinh hoạt của Chú cùng với gia đình không chút thay đổi. Nhưng rồi cả năm dài trôi qua, Dì thấy mình chìm ngập trong một bầu không khí trầm uất. Dì đã xin Chú cho Dì cất giữ những hình ảnh vào trong, và thay đổi cảnh sống. Dì muốn đứng dậy thật sự, đứng dậy mà không có Chú, bởi Dì đã chấp nhận rằng Dì không còn Chú.

Dì đã vào đây, làng Rossmoor.

Tôi đã già ư? Tạm gọi là vậy. Nhưng mỗi người tùy hoàn

cảnh của mình mà có những cách chọn lựa.

Dì tiếp tục đi. Dì chào một bà cụ. Bà chào lại. Ô, đây là người khó tính nhất làng, Dì biết vậy vì bà cụ đi vào căn nhà đối diện với nhà Dì. Ngay khi nhận chìa khóa nhà, Dì đã được nghe lời cảnh báo của ông quản lý rằng người láng giềng này rất khó tính. Chỉ cần có nhà nào để nhạc vắng vắng lọt vào tai bà là bà sẽ đến than phiền, thậm chí “mắng vồn”. Dì mỉm cười. Dù sao bà ấy cũng đã chào lại mình.

Dì đi dần xuống một con dốc. Những cây phong hai bên đường đã đổi màu lá đỏ. Đường vắng, thỉnh thoảng mới có một chiếc xe chạy qua. Dì cũng thấy được những chiếc xe bus nhỏ. Đó là xe chở cư dân trong làng đi chợ, đi bác sĩ, hoặc đến trung tâm sinh hoạt. Không gian bình yên. Hoa cỏ bên đường làm dịu đôi mắt. Những người đi bộ trên lề đường, gặp nhau chào hỏi – hello, thế là đủ. Có người dắt theo chú chó nhỏ. Dì nhìn theo, ngẩn ngơ...

Dì đi thong dong. Cứ như là đôi chân tự động chuyển theo độ dốc. Bỗng nhiên một cảm giác thật lạ đến trong lòng Dì. Cảm giác bình yên.

Dì tự hỏi Rossmoor nghĩa là gì nhỉ? Hình như nó không có nghĩa gì cả. Một nơi thật dễ thương như thế này mà cái tên không có nghĩa gì cả, thật tiếc. Dì mỉm cười một mình, nghĩ: “Hay ta gọi nó là Làng Yên?”

Làng Yên. Cái tên hợp với lòng ta trong lúc này. Khi mọi việc xảy ra... và cuối cùng ta chấp nhận được, cái ta tìm thấy là sự bình yên quý báu. Ta sẽ không còn khóc lóc nữa. Ta sẽ nhìn con đường phía trước. Ta sẽ đi thật vững vàng.

Đôi chân dẫn Dì đến khu sinh hoạt. Khác với cảnh vắng vẻ trên đường, trung tâm này lại có một không khí sống động. Người ta đến từ các khu vực khác nhau trong làng. Qua tìm hiểu trước khi quyết định dọn về đây, Dì biết rằng “Làng Yên” bao gồm nhiều loại nhà, từ loại “co-op”, condo cho đến “single-family home” các kiểu, tùy theo khả năng và ý thích của người mua.

Đây quả là một thành phố thu nhỏ. Có đầy đủ những nơi vui chơi, xem phim, xem hòa nhạc, phòng tập thể thao, phòng tập khiêu vũ, phòng đánh bóng bàn, bi-da, sân chơi tennis, hồ bơi, tiệm ăn, quán rượu, phòng hội họp, phòng computer, các lớp học nghệ thuật... Còn ngoài xa kia là cả một sân

golf rộng rãi và một công viên đầy nai.

Dì đi lang thang qua các “khu phố”. Dì có cảm tình với nơi đây nhưng hình như mọi thứ chưa thấm nhập được vào hồn mình chút nào. Vẫn như đứng trước một người bạn mới. Dì tự cười mình. Ừ thì là bạn mới, rồi sẽ quen dần. Dì đưa mắt nhìn theo các cụ ông, cụ bà, tay trong tay, đi dạo. Có người đi một mình. Có nhiều người ngồi cùng với nhau, trò chuyện, uống trà. Và đến một lúc, Dì ngồi xuống băng ghế, cạnh bên một người phụ nữ. Họ chào nhau. Và Dì cũng chào cả chú chó nhỏ bên cạnh bà. Chú chó tỏ vẻ thân thiện, nó đến chạm nhẹ vào chân Dì. Đôi mắt nó tròn xoe. Dì vuốt nhẹ đầu nó. Bỗng Dì thấy nhớ “mái tóc” chưa kịp cắt của Angel. Angel có đôi tai xòe to, lông phủ đầy hai bên như mái tóc của một cô bé gái, Dì vẫn thường xén bớt cho nó xinh. Bây giờ thì Dì không còn có dịp cắt “tóc” cho nó nữa. Người phụ nữ tỏ vẻ ái ngại khi thấy lệ ứ đầy đôi mắt Dì. Bà nắm lấy bàn tay Dì, như một cử chỉ chia sẻ. Bỗng nhiên Dì thấy lòng nhẹ bớt. Dì nói cảm ơn bà. Bà chỉ cười.

Một lát sau, bà nói:

“Tôi vào phòng mỹ thuật, cô cùng vào với tôi chứ?”

Dì gật đầu ngay, như một phản xạ.

“Có, cảm ơn bà.”

“Tôi muốn giới thiệu lớp làm đồ gốm.”

Hai người đi vào một gian phòng rộng. Bà tự giới thiệu. Hóa ra bà là người phụ trách lớp học này, bà Mary.

“Cô hãy từ từ tìm hiểu. Môn học này không khó, nhưng đòi hỏi tính kiên nhẫn và sự trầm lắng của tâm hồn.”

Dì đi quanh, nhìn ngắm các tác phẩm được trưng bày trong phòng. Mỗi một vật là một kiểu khác nhau. Cũng có giá bán gắn lên mỗi tác phẩm. Như vậy tác giả, ngoài việc thể hiện tâm tư mình, còn có thể có “lợi tức” cho mình và góp phần làm việc thiện. Dì mỉm cười thú vị.

Các học viên ngồi sau những chiếc bàn rộng và thấp, chăm chú làm công việc của mình.

Bà Mary bảo Dì ngồi vào chỗ của bà.

“Cô hãy thử đi!”

Bà chỉ cho Dì từ lúc nhào đất sét, đặt lên đế, cho đến cách tạo thành một chiếc bình. Dì nghe lòng lâng lâng một cảm giác kỳ lạ. Khi chiếc đế bắt đầu quay, hai bàn tay Dì đi theo

vòng quay đó, da chạm vào đất sét, nghe ướt, mịn. Đất sét bỗng có hồn. Đất biến thành thịt xương, da dẻ. Đất đan quện lấy mười ngón tay. Dì nhớ Chú, nhớ Angel. Như thể Dì đang ôm mớ tro của Chú, mớ tro của Angel trong hai bàn tay...

#### 4

Dì hoàn thành tác phẩm đầu tiên: một chiếc bình cắm hoa. Dì tự tay vẽ lên đó những chiếc lá thu vàng. Dì sẽ không ghi giá bán, chuyện đó để dành cho những tác phẩm sau này. Chiếc bình này Dì sẽ “khoe” với Chú và Angel. Hai cha con vẫn được ở gần nhau bởi Dì đã đặt hai chiếc bình tro bên nhau trên kệ tủ cao. Chưa hết, Dì sẽ khoe với Trường Giang, “ông mục sư” của Dì. Trường Giang lúc nào cũng trầm tĩnh, mà khi nói thì lời nào cũng chí lý.

“Mẹ, tất cả những gì Mẹ có nơi cõi này đều là tạm thôi. Là Ông Trời cho Mẹ mượn. Chú, Angel, nhà cửa, tiền bạc, ngay cả con đây cũng chỉ là Ông Trời cho Mẹ mượn. Ngày nào Ông Trời lấy lại thì đành.”

Và Trường Giang vẫn luôn là người cùng Dì đọc kinh mỗi ngày. Dì cảm thấy mang ơn cuộc sống hiện tại. Và Dì vui khi mọi người trong trung tâm gọi Dì là “cô trẻ”. Dì cười, tôi còn trẻ lắm sao? Mọi người cùng cười vui với Dì. Họ trông cũng trẻ. Và Dì tự trả lời rằng ít ra là trẻ trong tâm hồn của mình. Đối diện với chuyện sinh lão bệnh tử và đứng vững, đó là còn trẻ.

Hôm nay ra khỏi nhà Dì gặp lại “bà cụ khó tính” ở nhà đối diện. Bà cụ chào trước, Dì chào lại. Dì muốn gọi chuyện với bà, nhưng chính bà lại gọi chuyện trước. Bà chỉ tay lên cao, nơi đầu bức tường gỗ ngăn mảnh vườn nhỏ của nhà Dì với bên ngoài, nơi có một nụ hoa hồng vươn lên từ đó, hỏi Dì:

“Sao nhà cô lại có cây hoa hồng cao thế?”

Dì cảm động, “khoe” với bà cụ:

“Dạ phải, cây hoa hồng này lạ lắm bà ạ, khi tôi đem chậu hoa hồng từ nhà cũ về đây, nó cũng nhỏ nhắn như những cây khác. Rồi ngay hôm Angel của tôi ra đi, có một nhánh mọc vươn cao và trở bông hoa thế này, mọi người có thể thấy nó từ bên ngoài.”

Bà cụ lắm bầm:

“Lạ nhỉ! Vậy là cây hoa có linh hồn chẳng?”

“Bà nói đúng. Tôi tưởng tượng đó là Angel. Nó trở thành người tự do. Tự do cuối cùng. Tự do tuyệt đối. Đứng từ đây, chúng ta có thể thấy bông hoa vươn lên đến cây thông cao lớn ngoài này.”

Xem chừng bà cụ cũng cảm động. Bà chớp nhanh đôi mắt già sau cặp kính trắng. Bỗng bà nói như tâm tình:

“Tôi tên là Ann. Chồng tôi mất lâu rồi. Tôi không có ai bầu bạn. Tôi... tôi có thể trò chuyện với cô không?”

Dì nói ngay:

“Có thể lắm chứ, bà Ann. Và không riêng với tôi, bà có thể làm bạn với nhiều người nữa. Dưới chân đồi, ở trung tâm sinh hoạt, có biết bao nhiêu điều thú vị.”

“Có, tôi có biết. Nhưng từ lâu tôi không hứng thú.”

“Hy vọng bà sẽ thấy hứng thú. Trước mắt, mời bà tham gia vào nhóm chia sẻ của tôi, vâng, là một nhóm thân ái, giúp nhau học hỏi, trò chuyện, chia sẻ, đơn giản thế thôi.”

Bà cụ nhẹ gật đầu. Dì nắm bàn tay xương xẩu của bà cụ, nghe thương mến.

**Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh**

***Tháng 3, 2016***

# Nội chiến

## Trần Hoài Thư

**Nhatrang năm 1953**

Sau lần vú Bảy gặp mẹ tôi, mẹ hình như có điều gì không ổn. Một hôm mẹ mang về cả một giỏ thuốc Tây, được ngụy trang trên mặt là trứng gà. Bắt đầu từ đây, bà có những chuyến đi bất thường và bí mật. Và những người lạ mặt mà đa số là đàn bà xuất hiện một lần ở góc đường, góc chợ rồi sau đó biến đi. Thời bấy giờ, thành phố Nha Trang chỉ có một nhà thuốc tây duy nhất. Mẹ hay sai tôi đến để mua những viên kí-ninh hay Aspirin. Chẳng những thế, bà còn nhờ đám trẻ con trong xóm mua giùm, và thường chúng vài đồng bạc các... Trong buồng tối của nhà, mẹ giấu đầy thuốc Tây. Có khi mẹ giả làm một người đàn bà có bầu, để qua mặt những mật thám công an trong thành phố. Có khi mẹ rời nhà vào ban đêm. Mẹ đi đâu, tôi nào có biết.

Căn nhà ngày xưa có cột trụ chính là dựng, bây giờ là mẹ. Dựng buồn vì thất bại này sang thất bại khác nên cứ ngồi ủ rũ suốt buổi bên chai rượu trắng. Phần tôi, bây giờ càng lớn càng hiểu thân phận của mình: một đứa con không cha có mẹ làm hầu thiếp tôi mọi. Tôi hăm hiu cùng chén cơm nguội và nỗi buồn trước tuổi. Tôi hay khóc thầm. Đến nỗi mắc thêm chứng bệnh khóc đêm. Đêm nào tôi cũng khóc. Phấn gụ lạnh đầm cả nước mắt. Tiếng côn trùng, ếch nhái ngoài đêm càng làm tăng thêm nỗi buồn.

Một ngày, tôi vẫn còn nhớ, một chiếc xe Jeep sơn màu xanh, phía sau bít bùng, bỗng nhiên đậu lại trước nhà. Vài kẻ lạ nhảy xuống xe, ào vào nhà. Họ vào buồng, lục lọi sau đó lôi ra những bao, giỏ đựng đầy thuốc Tây và cả bọc lương khô mà tôi đã bí mật giấu. Và họ bắt mẹ dẫn ra xe. Tôi chạy theo bà. Họ cản lại. Bé Thương, em gái cùng mẹ

khác cha với tôi, khóc ré lên. Nó vẫn còn đang trong thời kỳ bú sữa. Mẹ quay lại nói với tôi: Con gắng săn sóc em giùm mẹ nghe con.

Rõ ràng, những lọ Aspirin, hay trụ sinh không phải để cứu người nhưng là những mầm tai ách.

Không ai có thể cứu mẹ tôi. Không ai có thể giúp bà thoát khỏi những trận đòn tra tấn. Tôi không hề thấy lũ mật thám tra khảo bà, nhưng mỗi lần đến nhà lao để thăm nuôi, tôi vẫn thấy cả gương mặt của bà bầm tím, tóc tai rũ rượi. Tôi từng nghe những vụ tra tấn người tại nhà lao Nha Trang. Những kỹ thuật tra tấn quá sức dã man như chạy điện, đổ nước vào mồm, tra khảo, treo ngược, dúi đầu thuốc cháy vào đầu vú hay cửa mình... Đó là chưa kể những cảnh thủ tiêu người như bỏ bao bố nhận chìm dưới sông... Không biết có dân tộc nào trên thế giới này lại sản sinh ra một nghệ thuật tra tấn cao độ, siêu việt như ở xứ sở này không. Người ta thường kể nơi này nhiều ma vì bọn mật thám tra tấn người đến chết rồi đập xác ở khu đất kế cận. Ban đêm, những oan hồn kéo về đòi mạng, khóc lóc thảm thiết. Tiếng hét thảm khốc vẫn thường nghe từ căn lầu nằm giữa bốn bờ thành cao cắm đầy miếng chai và chằng chịt hàng rào dây kẽm, bên con đường ra bờ biển khiến lũ trẻ chúng tôi sợ phải qua đó. Bây giờ mẹ tôi lại bước vào ải ngục ghê rợn ấy. Ai làm cho mẹ tôi phải bị đầy đọa đến thế này. Ai cứu bà, ai giúp tôi khỏi bồng ẵm đứa em mới mấy tháng, một tay kia xách chiếc cà-men com mỗi ngày đến để nhìn bà tôi tả tả tôi sau những song sắt? Tôi đưa miệng con bé áp vào trong song sắt, và bà kê vú bà ra ngoài song cho nó bú. Mắt bà thâm quầng. Trời ơi, tại sao bà lại chọn con đường này? Sau này, tôi vẫn mang câu hỏi: Không hiểu vì bà muốn cứu giúp gia đình trong cơn nghiệt ngã, hay tại tấm lòng yêu nước của bà? Tại sao bà cứ hát ru hoài những lời ca tụng chiến khu, kháng chiến khi ru các em tôi ngủ: *Còn đâu trên chiến khu trong rừng chiều. Êm đêm tiếng suối reo ngàn thông réo...* Mà mỗi lần như thế, tôi như bị mê đắm theo lời hát đầy xúc cảm của bà. Mê đắm đến độ cứ mơ một ngày vượt qua bên kia sông Cái, về phía những rặng núi chìm

trong mây, nơi mà người ta gọi là chiến khu. Ở đó, họ phải cam khổ và thiếu thốn lắm. Bởi vậy tôi đã giấu mẹ, dành dụm, góp nhặt những phần gạo, hay khô, cả bút mực, gói một bọc bằng giấy dầu, ngoài viết: "Gởi anh bộ đội", chờ dịp. Tôi nghĩ mẹ sẽ biết và sẽ giúp chuyển giùm tôi.

Nhưng tôi làm sao ngờ chính bọc ấy lại là một tai vạ. Bởi vì nó là một cớ để buộc tội mẹ tôi tiếp tay với phe kháng chiến, khi đám mật thám lục lạo trong buồng kho của nhà bếp.

Như vậy, xin đừng đánh đập mẹ tôi. Tôi đã khóc khi van những người có mặt trong nhà lao Nha Trang. Tại sao họ lại bắt mẹ, khi bà chỉ mua bán thuốc Tây. Mẹ không chứa súng ống, chất nổ, hay chứa chấp quân kháng chiến, đảng này mẹ góp phần trong việc cứu người, sao lại bắt bà. Trời ơi, làm sao tôi có thể hiểu được. Tay tôi nặng vì phải bồng ẵm em Thương, và một tay kia thì xách cà-men cơm. Đó, mẹ giúp cả nhà, mẹ cam khổ để mang tiền bạc về, để mỗi ngày có những bữa cơm hay lít rượu trắng, nhưng khi mẹ gặp nạn thì chẳng ai có thể giúp bà. Em Thương khóc vì khát sữa. Tôi dỗ. Tôi bồng nó chạy cho mau. Tôi chạy từ Rộc Rau Muống, lên tận Nhà Đèn, rẽ trái về phía biển. Tôi chạy, đôi chân gầy, khăng khiu, không nhìn thấy bầu trời xanh mà chỉ nghe tiếng khóc đòi đoạn. Tôi chạy giữa hàng muông vàng thắm ở gần Nhà Đèn và hàng me keo đầy trái chín. Tiếng khóc của em tôi như làm vỡ cả tim tôi. Tôi không thể dỗ nó cho nín mỗi khi nó đòi sữa. Không ai có thể thay mẹ để dỗ nó được. Và cứ thế, một tay xách cà-men thăm nuôi, một tay bồng nách đứa em, tôi đã thay mặt mẹ để làm vú nuôi giữ trẻ từ dạo ấy.

oOo

### **Nhatrang năm 1979**

Như vậy, gần ba mươi năm từ khi biệt làng, biệt xóm, trốn nhà bụi đời đi hoang, hôm nay thẳng bé năm xưa đang

ôm tim ôm ngực trở về. Có gì để mà lưu luyến trên từng vuông đất của tuổi nhỏ, trong từng thớ không khí của ngày xưa. Tha thứ. Bỏ qua dĩ vãng. Đến mãi tuổi trung niên tại sao lại cứ mang lấy vết thương không rời này sao? Chân tôi đã đặt trên mặt đất của thành phố. Ôi thành phố của tôi. Một thành phố mà người lớn đã dìu tôi xuống vạc dầu, lấy hắc ín phết trên đầu tôi, cột hai tay tôi vào cái cây đu dưới mặt trời nắng lửa. Một thành phố tôi lêu lổng mất dạy hoang đường biết đời rất sớm. Một thành phố đầy ắp sóng biển và chói lọi mặt trời. Một thành phố mà đôi chân trần của tôi chạy băng băng trên những động cát trắng phau nóng bỏng. Một thành phố mà mẹ tôi bị tra tấn trong nhà lao, và tôi ẵm đứa em cùng mẹ khác cha mỗi ngày đến bên song cửa sắt để bà vạch áo cho nó bú... Một thành phố tôi thề sẽ không bao giờ trở lại...

Vậy mà bây giờ tôi lại trở về. Về để kêu một tiếng má mà từ lâu tôi chưa bao giờ có dịp gọi. Cho dù sự trở về này thật buồn thảm. Tôi không còn có gì ở đây, và ngay cả bản thân tôi: một kẻ vừa ra khỏi trại khổ sai.

Vậy mà tôi lại về. Tôi đang về lại quê hương tuổi thơ. Giấu đôi mắt khỏi thấy quê mình ngày nước nhà hòa bình thống nhất. Bỏ qua những chiếc xích lô mỗi một mà chắc chắn những người phu xe đã từng là đồng đội của tôi. Bỏ qua những người cùng chung một hàng ngũ, một thứ công dân hạng chót.

Tôi đang trở về xóm cũ. Gần ba mươi năm xa cách tôi vẫn còn nhớ cái tên mà cả tuổi thơ của tôi gọi trọn, chôn trọn một thời. Nhưng đâu là những ruộng rau xanh ngắt, đâu là những con đường đất nho nhỏ len giữa bờ rau, đâu là cái hồ bên cạnh nhà, những cây dừa, cây mít, cái sân đất thịt. Tôi đã trở về, quê nhà ơi yêu dấu, để nhận ra một sự thay đổi đến nao nùng. Sông kia giờ đã nên cồn. Bắt chước người xưa tôi gọi cụ Tề Xương.

Tôi không thể nhận ra nổi con đường dốc từ con quốc lộ dẫn xuống xóm, trước hết qua nhà anh Chữ, anh Sỏ, qua cái hồ đục ngầu, và cuối cùng là chiếc nền cao, vây bọc bởi hàng rào dây kẽm. Màu xanh bạt trùng của rau giờ đây đã nhường lại cho bao nền nhà xa lạ. Ai ở trong đây. Ai đứng

nhìn tôi, ai có thấy thằng con trở lại. Ai có còn mừng mừng tủi tủi như Bác Năm, Bác Sáu, Cô Tám, Dì Hai... Gần ba mươi năm. Quá dài cho một cách ngăn, và cũng quá nhiều cho thảm kịch, quá xốn xang cho tiếng gọi trở về. Thì tôi trở về đây. Thăm lặng. Cô độc. Thua cuộc. Đầu bạc. Từ Thức. Tôi trở về. Thằng con hôm nào bỏ đi thề không bao giờ trở lại hôm nay trở về. Có gì để mà lưu luyến. Trở về để uống hết vào mắt, ôm hết vào lòng tất cả hình ảnh của một quê nhà, trước khi ra đi. Trở về để nhìn người đã sinh tôi ra đời, tạo ra một tấm hình hài, để tôi có mặt làm một con người.

oOo

Mẹ tôi già nua bệnh hoạn trong căn buồng bẽ bộn. Những bàn thờ chiếm hết cả vách. Những tấm hình người khuất mặt. Ai đấy. Tấm hình trong khung kính. Chiếc nón cán bộ cao cấp. Một khung kính lớn treo trang trọng trên vách. Bằng mẹ liệt sĩ. Tôi hỏi mẹ tôi. Bà nói anh Sanh của con đấy. Tôi trách bà: “Tại sao má không nói cho con biết?” “Con vẫn biết thời chế độ cũ ai mà có thân nhân đi tập kết đều phải giấu kín.” Tôi không dám hỏi thêm. Bởi vì dân tộc này phải vậy, chắc chắn phải vậy. Toàn là những hồn ma của lịch sử, của nhân danh, của chủ nghĩa, danh từ. Toàn là những điên rồ. Bởi đất nước này chẳng may lọt vào một bọn người suốt ngày chỉ vất tay lên trán tìm cách xúi người khác chết thế. Chúng đã từng đẩy cả thế hệ cha anh và chúng tôi vào một cuộc chiến tương tàn. Chúng bắt chúng tôi lao lên về phía trước, mắt mù lửa, tim sôi hận, để chết thay cho những kẻ hiện giờ đang uống sâm nhung chờ đợi ngày thoi thóp. Chúng bắt mẹ tôi ngồi trong lòng ghế bành, bị choáng ngợp bởi những danh từ như người mẹ anh hùng, hay người mẹ liệt sĩ. Chúng khiến tôi lúc này không phải quy hồi cố hương để khóc trong vòng tay yêu thương của mẹ, mà trái lại, cõi lòng ngổn ngang bởi bởi, mà cảm thấy càng xa cách. Trời ơi, chúng gây nên cái bãi chiến trong gia đình tôi.

Tôi lại đọc được hàng chữ dưới tấm hình: "anh dũng hy sinh tại Bình Định ngày 11 tháng 5 năm 1973".

Tôi nhắm mắt mà tìm cơ chừng quặn thắt. Phải rồi, cái

hầm đá nào trên đồi Y và xác ba người nào nằm co quắp lại, miệng trào bọt, mũi hộc máu, những ngón tay co rúm lại do chất hóa học cực mạnh mà chúng tôi bơm vào hầm. Phải rồi, tôi đã gọi máy báo cáo khi những người lính cố tìm xem một chiến lợi phẩm. Và trong số ấy, có lẽ có một người là người anh biệt tích của tôi không biết chừng... Cũng là ngày ấy, tháng ấy, năm ấy, làm sao tôi có thể quên được. Bởi vì tôi đã đứng nghiêm để chờ đợi ông tướng bay đến gắn thêm một bông mai trên cổ áo tôi...

**Trần Hoài Thư**

# Thái Kim Lan

## Chuyện ngắn chưa xong.

*"Làm sao biết từng nỗi đời riêng  
Để yêu thương yêu cho nồng nàn"  
Trịnh Công Sơn*

Họ ngồi xây lưng ra biển, mặt hướng về con đường chạy dọc theo bờ. Con đường vừa được chỉnh trang không lâu, còn mới, bốc mùi nhựa khét trong nắng. Đường rộng thênh thang như một sân khấu, phía trái là mảng dốc đâm lên khúc quanh eo biển, hun hút, lẽ đường vắng hoe, có lẽ họ là đám tụ cuối cùng nơi bãi đông của đảo. Từ đó nhìn về phía tay mặt, xa xa thấy bên cảng ló nhô thuyền bè, đến gần hơn, hàng quán rải ra trên lề đường xúm xít một đoạn dài che kín bãi biển, bỗng dừng lại ngót nghét 700 mét lan can trông trải, hé một khoảng trời, khách nhàn du ai đi qua cũng với ném tia mắt ra biển, trước khi đến chỗ họ ngồi.

Trước mặt, bên kia đường là nhà ở, công sở, chùa, nhà thờ. Phía trái có quán cà phê sang trọng dành cho khách du lịch đêm ngày xập xình tiếng nhạc, rồi đến chùa Quan Âm với tượng Quan Thế Âm Bồ Tát khổng lồ đứng trong sân, ngày rằm mùng một khách đến vãng chùa đông nghịt, bên phải chùa có nhà khách sạn quốc tế, rồi biệt thự, nhà nghỉ san sát nhau, thừa thãi lịch sự, sang cả.

Nghe nói đất ở đây cứ là bạc tỉ, mỗi mét vuông cả ngàn đô la xanh,

đắt quá, sang quá nơi thành phố bên cảng đang trên đà phát triển này, ngoại trừ các ông lớn và tỉ phú, ai dám rớ tới, chỉ biết ngồi xa mà nhìn, như họ từ bên này đường nhìn qua, mỗi ngày và mỗi ngày, trong thế ngồi trên chiếc ghế con đúc bằng nhựa, lưng day ra biển.

Rõ ràng họ là người của biển, cứ theo cách ngồi mà đoán,

khách du đến đây thường lấy dáng ngồi ngóng ra biển khơi, mong một phút nói rộng tầm mắt, còn họ ngồi như thế không biết từ bao giờ, quay mắt ngóng vào đường phố... Để mặc biển dâng sau thấp thoáng sóng nước mênh mang xuyên qua những tán lá tỏa rộng như mái nhà của hai cây bàng cô thụ đứng nghiêng trên ghềnh đá. Nếu hỏi họ có thấy gì khác biệt nơi hai cây bàng cao lớn đẹp nhất bãi này trong mùa xuân năm nay, có lẽ họ sẽ ngó người, cười lớn lên như thường lệ mỗi khi không biết trả lời sao.

Năm nay bàng thay lá trẻ, cũng như mai không chịu nở ba ngày tết, vì trời quá lạnh. Cây bàng cứ ngỡ đang đông rét nên lá vẫn đỏ au hay vàng rộm trên cành, không hay xuân đã quá thượng tuần nguyên tiêu, vẫn ôm đồm chưa buồn thay lá. Vàng đỏ xanh chen nhau trên cành, vẽ lên mây trời hay lên sóng chơi vơi một bức tranh ngoạn mục.

Nhưng những người ngồi đó tuồng như chẳng biết sau lưng họ là một tấm phong được thiên nhiên dựng lên vượt hẳn màu sắc của mọi trường phái hội họa cừ khôi trên trần gian, vì họ đang nhìn ra phía đường đi.

Suốt ngày không ngớt, xe hơi, xe honda chạy vù vù, nhất là buổi chiều, trai gái ăn mặc thời trang hở lưng hở rốn, ôm nhau eo ếch, lượn oằn người nơi khúc quẹo, những cặp vợ chồng ôm trước ôm sau hai con nhỏ, đùa nhau trên honda, rà rà chạy dọc bờ biển hóng gió, chạy mệt, tấp vào lề, ghé vào quán cà phê hay quán cơm, quán nhậu, xe nước mía, gánh bún bò. Ngày cuối tuần khách du lịch từ các tỉnh đổ về nườm nượp. Trên lề đường người ta chen lấn nhau từng bước, lũ năm lũ ba bọn thanh niên trai gái cứ đi tràn ra đường, báo hại xe hơi, xe honda bóp còi đình tại.

Thế mà lạ, đến đoạn vỉa hè, nơi chỗ họ ngồi, ít khi thấy đông, chỉ lác đác năm mười người, mười là quá số, chưa thấy hôm nào đông hơn, ngay cả vào buổi cuối tuần hôm ấy. Từ xa, thấy họ như một nhúm lá bàng khô tình cờ bị gió đùa tùm lại với nhau, mấy cái ghế đúc bằng nhựa lỏng chỏng, hai chiếc bàn con cũng đúc bằng nhựa đứng xơ rơ, một chiếc bày hàng, một chiếc cho khách ngồi với các thứ đồ nhắm tũn mủn. So với đám nhào nháo ở đoạn các tiệm ăn với những thương hiệu quảng cáo sặc sỡ, phòng ốc dềnh đoàng chứa hàng trăm ghế xanh ghế đỏ, trông những người

ngồi đờng ấy như những cái bóng, lảng lảng và tình cờ nơi mỗi cử chỉ, vụng về và cứng cỏi như những con nộm người chưa tập thuần thành.

Chỉ trừ một cái bóng bất ngờ vụt đến như một cơn gió thốc khi bọn Hùng và chị Hoàng kéo nhau đến gần:

- Vịt lộn nóng đây, mời các bác dùng trứng vịt lộn nóng nè! Không chờ phản ứng của ai, cô bán vịt lộn liêng thoảng đón đường mấy chị em:

- Vịt lộn nóng ngon lắm, bác, anh chị mua cho em, ăn ngon lắm!

- Mua hộ em anh nhé!

Như một ngọn lá bàng khô lẻo đẻo quần chân, cô chạy theo Hùng đang bước xuống đường tránh đám bàn ghế choáng gần hết lề đường dành cho người đi bộ:

- Vịt lộn em mới nấu xong, trời lạnh ăn hột vịt bở và ngon lắm anh chị ơi!

Cô quay lại gần chị Hoàng, nhưng chị lắc đầu bảo:

- Chúng tôi vừa ăn cơm xong, còn no lắm! Không còn chỗ nào trong bụng!

Cô quay sang Hùng:

- Vậy anh, anh ăn cho em một cái mở hàng đi!

Hùng ái ngại nhìn cô bán hột vịt lộn, người gầy đét, hai gò má nám đen, chỉ duy có nụ cười rộng phô hàm răng trắng đem lại chút ánh sáng nơi gương mặt loắc choắc viền mái tóc rối như rơm, quần vải thô đen, áo bà ba sờn vai phần phật trong gió, anh phân trần như xin lỗi:

- Chị tôi nói thật, chúng tôi vừa ăn xong, còn no quá!

Thấy mặt cô ỉu xiu, Hùng không đành lòng nói nhanh:

- Lát nữa, sau cuộc đi dạo, có lẽ... khi quay về, chị nhé.

Chị Hoàng cười khi mấy chị em đã vượt qua vài bước:

- Hùng lúc nào cũng hay thương người. Hứa là mắc đấy nhé!

Chị ngoái lại nhìn, thấy cô bán hột vịt đang đưa tay chơi với hạt hăng, mong manh như một ngọn lá sắp bị gió cuốn đi, giọng lạc lõng trong nắng chiều:

- Lát nữa, các bác các anh chị nhé, lát nữa, em chờ!

Bỗng nhiên chính chị buột miệng:

- Ừ thôi, lát nữa...!

Hùng cười:

- Không được hứa cuội nhé! Nào đi nhanh lên mấy em, lát nữa có châu hột vịt lộn của chị Hoàng đấy!

Cả bọn cùng cười, bá vai nhau bước đi tiếp. Chị Hoàng cũng cười nhưng nụ cười của chị chợt tắt nhanh, chị nói nhỏ như nói với chính mình:

- Còn nhớ hồi đi học, mấy chị em thức khuya học bài thi, trời Huế lạnh buốt, trên đường vắng chỉ có tiếng rao "ai ăn vịt lộn!", "vịt lộn nóng nì!" kéo dài lảnh lớt với chiếc đèn con lung linh. Cả bọn rủ nhau ăn trứng vịt lộn cho đỡ buồn ngủ và có sức gạo bài tiếp, ngon ời là ngon!

Chị quay sang Hùng:

- Hùng còn nhớ không, o bán trứng vịt lộn đi từ An Cựu qua Gia Hội, lò luộc trứng ở bên kia sông, xa ời là xa trong đêm khuya! Thấy mà thương!

Nghe như có tiếng thở dài của dĩ vãng pha lẫn trong gió biển lồng lộng thổi tung mái tóc của tập người đang rảo bước. Hình như điều chi trong quá khứ rồi cũng đáng thương, ngay cả chuyện ăn trứng vịt lộn... Đoạn đường sau hàng cô bán trứng vịt lộn vắng tanh, thỉnh thoảng một hai người chạy thể thao dọc bờ biển vụt qua rồi mất hút sau khúc quanh của ngọn đồi. Cuộc đi dạo vu vơ của mấy chị em xa nhau hơn mười năm vừa đoàn tụ bỗng vướng một chủ đích bất ngờ: ghé cái quán cón con bên đường ăn hột vịt lộn.

Khi họ trở lại và cô bán hột vịt nhanh nhẩu kéo bàn, sắp ghế mời ngồi, Hùng mới có dịp nhìn rõ hơn nhóm người đang hiện diện nơi ấy: ngoài cô bán hột vịt lộn lạnh chanh chạy lui chạy tới mời khách, bê bàn, kéo ghế, còn có một phụ nữ ngồi sau chiếc bàn thứ hai, hình như lúc nào chị cũng ngồi như thế, xoay qua xoay về mà không đứng lên lần nào. Trên bàn bày các món hoa quả: vài trái mận đỏ, ổi xá lị xanh, một lô củ sắn chưa gọt vỏ, các chai nước xa xị, cô la và mấy xị rượu trắng, chị không bán bia mà chỉ bán rượu đế. Sau dãy chai nước ngọt một xấp bao ni lông khô cá sặc, bên trái của bàn là một phích nước lạnh để rửa trái cây hay ngâm củ sắn mà chị thường gọt luôn tay, bên trái một cái lò than đang cháy và một cái vỉ nướng cá dựng bên cạnh: vị chi tạm thời gọi là quán nhậu bình dân thu nhỏ cho

khách bộ hành! Trong nhóm những người khách đến uống rượu đế - mặt mày đỏ như gấc, thoáng thấy một người đàn ông, hình như anh là người duy nhất không say, da mặt tái tái, má tóp, ngồi thẳng chứ không ngã nghiêng, trầm ngâm, như đang suy nghĩ điều chi, mặt anh luôn hướng về phía đường cái, chẳng biết anh là kẻ bộ hành vừa ghé qua hay là người thân thuộc với hai phụ nữ bán quán?

Nhìn kỹ hơn mới biết cô bán hột vịt cũng là kẻ "ở nhờ" cái quán- tạm thời gọi là quán- nhậu của chị kia. Hóa ra mọi thứ cô mang đến cho khách, ngay cả bàn, ghế, cô đều mượn đỡ của chị bán đồ nhắm và cả nghề bán vịt lộn cũng chỉ dựa hơi chị chủ mấy cái bàn.

Dưới gầm bàn của chị là nơi tá túc thùng nước nóng ủ đám trứng vịt lộn, bên cạnh là thùng hột vịt còn sống và một bếp ga nhỏ, đồ nghề nấu hột vịt. Trong một thoáng như làm trò xiếc, cô bán hột vịt lôi dưới gầm bàn đem đến 5 cái chung nhỏ sắp lên bàn, 5 cái thìa bằng nhôm nhỏ, một đĩa muối tiêu và rau răm, miệng nói lia lịa:

- Trứng vịt ngon lắm, bác và anh chị ăn cho em hai ba cái nhé!
- Rẻ lắm, mỗi cái chỉ 3 ngàn thôi!

Vừa nói cô thoát lui, ngồi xôm, thọc tay vào cái thùng gỗ dưới bàn kia, khi cô trở lại bàn: úm ba la đã có năm cái trứng nóng hổi sắp vào chung. Cô cười hỉ hả, mặt mày hớn hờ, chờ đợi khách ăn thêm vài cái nữa. Không những cô, mà cả chị bán đồ nhậu và một vài người đàn ông đang ngồi ở đó đều đổ dồn mắt vào cái hoạt cảnh "ăn hột vịt lộn" linh động của 5 người khách. Trong không khí im lìm của nhóm người đang ngồi đấy từ lâu, họ đến như một đợt thủy triều bất chợt. Tính ra trong khoảng thời gian ngồi ăn, Hùng còn thấy một cặp trai gái đến ăn trứng và một vài chị người làm bên kia đường đến mua hoa quả, chai nước ngọt. Trên đường về Hùng bảo chị Hoàng:

- Chẳng biết họ kiếm được mấy đồng trong một ngày mà họ ngồi cả buổi như thế?

...

Chiều hôm sau, ngày thứ hai ở biển, trước giờ ăn cơm Hùng bảo:

- Hôm nay ta đi ăn trứng vịt lộn, như một thứ hors

d'oeuvre, rồi về đi ăn cơm chiều, chị Hoàng nhé, hôm nay em đãi.

Chị Hoàng cười:

- Làm như trứng vịt lộn là thứ xa xỉ không bằng! Ai ngờ chưa tới ba xu!

Họ đi về phía dốc của bãi đông. Từ xa cô bán hột vịt đã nhảy nhót lên như một quả bóng khô dẹt tung trên đường sau khi vừa rơi xuống:

- A á, bác và anh chị ơi, hột vịt em vừa nấu xong, ngọt ngon lắm.

Cô chẳng cần mời lâu vì cả bọn đã kéo ghé ngồi xuống. Trong lúc đập đầu trứng vào thành bàn để bóc vỏ trứng cho dễ, Hùng nhận ra hôm nay "quán nhậu" khá đông khách: bốn năm người đàn ông đang nhậu đế và khô mực. Chị chủ quán đang lúi húi quạt than, nướng cá khô trên vỉ sắt. Lần đầu tiên Hùng để ý, bên cạnh chị, người đàn ông hôm qua vẫn ngồi nhìn, như thử từ chiều hôm qua đến chiều hôm ấy hần chưa một lần đứng lên, ngồi thẳng thớm, lưng dán vào thành ghế, nhìn ra phía trước đăm đăm, ít lời, trước mặt anh, trên chiếc ghế đầu thấy có đĩa mặn chẻ tư, mấy lát ổi, mấy mẫu củ đậu trắng tinh và một chung nhỏ rượu đế. Ngoài anh ta và nhóm đàn ông nhậu khô sặc, hôm ấy xe honda xinh xịch đồ lại khá nhiều lần, khi thì mua trứng vịt lộn đem về, khi thì mua nước, mua ổi cho con trẻ...hàng quán rộn ràng khách, và hai người đàn bà tíu tít mua bán. Không khí như một cái quán con được thấy khắp nơi trên đường quê, có điều cái quán này "tân thời", không có mái tranh và chõng tre, chỉ có trước mặt con đường nhựa bóng láng với rất nhiều xe chạy vụt qua...và sau lưng là biển... Khi bọn Hùng quay trở lại sau cuộc đi dạo, đám người đàn ông vẫn còn ngồi lì, có kẻ đã ngấm rượu tợn, đưa cái chung nhỏ lên cao khi chị Hoàng đi qua, gọi vói: "chúc mừng người đẹp, chúc người đẹp nhớ đến li rượu mừng xuân!" và hần nóc cạn. Những người kia say hơn chỉ hô hô cười, duy anh chàng ngồi thẳng không nhếch môi, ngậm trong miệng một nỗi bận tâm nào đó. Lần đầu tiên, Hùng nghe chị bán hàng mời mọc:

- Bác và anh chị dùng trái cây cho mát!

Giọng chị nhu mì và nhỏ như mũi kim khác hẳn với giọng

bể choạc của cô bán hột vịt, hầu như có chút duyên ngầm chuyển vào thính giác. Nhìn đám đàn ông ngồi bu quanh chị, thêm cái anh chàng áo xanh ngồi khan như đinh đóng cột, trong một thoáng liên tưởng, Hùng chợt nghĩ đến những môi tình nơi các quán con bên đường, chẳng biết hôm nay nơi khung cửa này, có ai vướng giầy tơ? Hùng quay sang chị Hoàng hỏi một câu chẳng có đầu đuôi:

- Chị Hoàng còn nhớ ngày xưa, ông cố đi công cán xa, hàng ngày qua sông, hay ghé lại cái quán nước chè nơi bến. Không lâu sau bà cố phải đi cưới cô chủ quán cho ôn làm hầu!!!

Câu hỏi bay trong gió biển nổi lên với sóng chiều đang rào rạt trong đám lá bàng đỏ ối, hắt tung những lá khô lên đường, chị Hoàng đang đứng với cô bán hột vịt, quay lại bảo Hùng, cũng chẳng dính líu đến câu hỏi:

- Mỗi ngày cô bé chỉ lời được không quá mười ngàn đồng Hùng ạ, tính ra chưa được một đô la!

...

Như chẳngặng đùng, ngày thứ ba, họ lại tấp vào quán nhậu... hột vịt trên vỉa hè. Cái quán y hệt một thứ vấp chân trên đường đi, bắt người ta dừng lại sửa giày, rồi tiện chân ngồi lại lân la vài giây. Hình như số phận của chúng là như thế, những cái quán bên lề, chẳng có chức năng gì hơn ngoài việc níu chân hay làm chậm bước khách qua đường vài khoảnh khắc, chỉ vài khoảnh khắc thôi, không quá hơn thời gian ăn cái trứng vịt. Ấy mà đối với Hùng, nó bỗng trở nên một cái thú trong cuộc đi dạo biển từ đầu bãi đến cuối bãi, cái thú vấp chân tình cờ mà dừng lại. Gió chiều trên biển mát lạnh làm thích thêm cảm giác ẩm tròn của chiếc trứng trong tay và vị béo ngậy mặn mà trên đầu lưỡi. Tú, Khuê thì ngán hột vịt lộn, thích nằm nhà đọc tiểu thuyết, Khanh bận vào Internet nghe bài "Bonjour Vietnam" đang tung bùng chiếm lĩnh các điện thư bạn bè gửi đến, máy cứ quay nặng chình chịch những 8, 9 nghìn KB chờ bài hát, thiếu đường đứt giây. Chỉ mỗi chị Hoàng theo Hùng. Khi họ đến, cái quán như hừng sáng lên, những cái ngược nhìn như nhận ra khách nhà, thấy thân thuộc. Cô bán hột vịt không còn nhảy lung tung nữa, chỉ nhoẻn miệng cười:

- Hôm nay em hết trứng rồi! Bác và anh đến trễ quá!

Quả nhiên, mảnh trăng khuyết đã lên quá ngọn bàng, đêm đã khuya hơn mọi khi, đèn đường đỏ sáng trưng và người qua lại cũng thưa thớt. Chị chủ quán mời:

- Thôi anh chị ăn khô cá vậy! Hay ăn trái cây!

Hùng bảo, tôi chỉ thích ăn trứng vịt lộn nóng, vậy mà hôm nay tôi định mua hết 20 cái trứng vịt cho cô, để cô lòi to một chuyến.

Mọi người đều cười. Cô bán trứng cười to nhất vì hôm nay trứng bán sạch, không vớt vả chào mời như mọi khi, mà lại có khách đòi ăn, mình được làm cao không có, cô sung sướng ra mặt.

"Quán" về đêm còn lại vãn vãn 5 người: hai cô bán hàng, chị Hoàng và Hùng, và người đàn ông thường trực. Hai người khách ngồi xuống ghế, đối diện với bộ ba "trong" quán. Ừ, họ đúng là bộ ba, như gánh hát dạo 3 người. Chị Hoàng nghĩ thầm nhưng không thích gọi chuyện, chị nhắm mắt, ngẩng cao mặt hơn, để đón tận tường từng ngọn gió từ biển thổi vào. Hùng cũng ngồi yên, trong lúc chị chủ quán thì mĩ cật mạn và ỏi, rồi mở nắp thùng ướp lạnh, lấy đôi củ sắn đã gọt vỏ ra chẻ làm tám, chị sắp lên đĩa, lặng lẽ chuyển sang cô bé bán hột vịt, cô cũng lặng lặng đặt đĩa lên bàn trước mặt người đàn ông. Lần này vị trí của họ có thay đổi: cô bán hột vịt ngồi giữa hai người, chị chủ quán ngồi bàn kia, còn người đàn ông ngồi bên bàn này, dáng vẫn thẳng tắp như lính, luôn day gương mặt khá nghiêm trang ra phía đường, trước mặt là đĩa cá khô sặc đã nướng vàng.

- Mời anh chị trái cây, củ đậu này ăn mát lắm!

Chị Hoàng cầm lấy miếng đậu, quay sang người đàn ông mặc áo sơ mi màu xanh, bất chợt thấy trên túi áo có thêu hai chữ "bảo vệ", chị nửa tò mò nửa băng quơ:

- Anh làm nghề... "bảo vệ"?

Người đàn ông gật đầu, miệng hơi nhếch lên một chút, dáng hơi mất tự nhiên, nhưng không kém tự tin. Gì thì gì, nghề "bảo vệ" ở xứ này cũng sáng giá lắm.

Chị Hoàng bật cười, trong đầu chợt loé một khám phá, chị nhìn quanh cái lề đường trống trải:

- Anh bảo vệ công sở nào ở đây?

Chị hất mặt qua phía đường bên kia:

- Quán cà phê hay khách sạn? Nhưng sao lại ngồi khời

khỏi bên này, cách một mặt đường bên kia lận???  
Chưa kịp để cho ai xen vào, chị lý luận theo nguyên tắc "bảo vệ":

- Anh ngồi đây, bảo vệ bên kia, xa thế, nhỡ có cướp ở nhà hàng bên đó anh chạy qua sao cho kịp mà "bảo vệ"???, coi bộ không xong rồi!
- Hừm!

Chị làm nghiêm như cô giáo Hoàng một thời bắt học trò vòng tay... rồi lí lắc chị quay về phía bàn bày hàng, tình nghịch, tay hươ miếng đậu ra đằng trước:

- Hay anh bảo vệ cái quán này, à quên, bảo vệ hai chị này?

Cô bán hột vịt phá lên cười, nhảy nhồm, vỗ cả hai tay đen đét:

- Trời ơi, sao bác nói đúng thế! Đúng là bảo vệ đây rồi! Cô thiệt thà như đêm:

- Nhưng không phải em đâu, mà...

Cô chỉ về phía bên phải, đôi mắt mắt liếc qua liếc về lia lia như tên hề trên sân khấu:

- Mà bảo vệ chị kia đó kia!

Hùng bật cười, - chị Hoàng cười to nhất, sung sướng như Columbus tìm thấy được nước Mỹ, rồi đến cô bé khanh khách khoái chí và cả hai anh chị cũng cười nhưng với chút bẽn lễn ngộ nghĩnh: anh thì sẵn sàng thú thiệt, còn chị thì ấp úng không ra lời.

- À ra thế, hay thật, hèn gì ngày nào cũng thấy anh ngồi đây!

Cô bán hột vịt chen vào:

- Từ bốn giờ chiều đến 11 giờ khuya đó!

Không chờ ai hỏi cô mở máy khai luôn:

- Nhưng rồi ai về nhà nấy, 11 giờ khuya, anh giúp chị dọn hàng, rồi thì mỗi người đi một ngả, không cho vào nhà, chưa chịu đâu nghen! Cứ phải ngồi đợi hoài!

Hai chân cô khoanh lại như kiểu ngồi của vũ nữ chằm đang múa, tay trái xòe ra đưa về phía anh nọ trịnh trọng hạ giọng:

- Hiền lắm đó nghen! Bảo vệ nhưng mà hiền – (làm như bảo vệ tuyên là thứ dữ như cạp!). Nhờ có anh mà tụi em mới được ngồi đây! Dạo này tụi em bị đuổi dữ lắm,

bị phạt nữa. Làm ăn khó lắm anh chị ơi! May nhờ có anh ngồi đây!

Rồi đưa tay phải lên tằm tay trái còn xòe ra lưng chừng về phía chị, cô thì thầm:

- Chỉ có 3 con, chồng chỉ chết, nhưng chưa ưng ai đâu...Chỉ cũng hiền, nhờ có chỉ mà em được bán đây. Buổi sáng em bán nước ngọt ở chùa, buổi chiều ra đây nhờ chỉ che cho.

Không để nước mắt tủi thân làm nghẹn giọng trào ra, cô chấp tay lại ra chiều bí mật:

- Nhưng mà chưa chịu anh đâu nghen! Còn khó lắm nghen!

Cái cô này ngộ thật, phanh phui chuyện thiên hạ cứ là vanh vách, trong lúc đương sự thì nín thinh, Hùng quay sang nhìn chị bán hàng nhậu. Thấy mặt chị thuần hậu, có duyên ngầm, mặc dù người phốp pháp, đầy đặn trên chiếc ghế con, trông nặng nề, cái ghế nhựa cứ oằn ra nơi mỗi cử động, nhưng hai má chị hồng. Có lẽ vì ngượng thẹn, chị cười, lấp lánh chiếc răng vàng, lại thấy đáng yêu, trông như gái mới một con, chứ không phải ba con. Chị bồi rôi liếc qua bên kia, một tay móc trong túi áo bành lấy ra cái mũ, đội lên đầu như muốn che nổi thẹn thùng, trông ngộ ngộ đến buồn cười, như cử chỉ của một cô gái biết mình đang được yêu nên làm điệu làm dáng.

- Còn anh, quê anh ở đâu?

Cô bán hột vịt lại chen vào:

- Tội lắm nghen, ngày nào cũng dậy sớm, đi đánh cá lúc 6 giờ sáng, có cá ngon là đem về cho chỉ. Bảo vệ cho đến 4 giờ chiều là ra đây ngồi miết, mọc rễ ở đây luôn! Bảo vệ đây tới cùng luôn. Thế mà chưa được gì cả đâu nghen. Về ngủ một mình thôi!

Chị Hoàng chớp mắt, nghe chính mình cũng nao trong dạ, thích thú như vừa vạch cát nơi bãi biển chơi, bất ngờ lượm được một con ốc nhỏ, đưa lên tai nghe tiếng gió vì vu kể một câu chuyện tình cảm nín, vụng về, muộn màng đang âm ì trong đáy biển.

Bây giờ chị Hoàng chợt hiểu tại sao họ ngồi như thế, lưng day ra biển, mặt hướng vào đường.

Người đàn ông nhìn ra đường, coi chừng phía bên kia

đường là bốn phần, mà cả hồn lẫn xác đều ở bên này, ngồi thẳng như thế mà lòng thì đã nghiêng hết gần mười phần về người phụ nữ đầy sức sống ngồi kia trong gang tấc. Chỉ còn một phần rất nhỏ là có thể cầm tay, choàng vai mà sao vẫn ngần ngại, ngập ngừng...chưa tới. Chị cắt trái, nướng cá khô mời khách dừng chân nơi con đường rộn ràng qua lại, mắt chị nhìn đường nhưng trái tim thì đang theo dõi từng cử động của người bên cạnh nơi mỗi ngọn lá rơi, nơi từng cơn gió thổi. Còn cái cô bán hột vịt tuy ngồi mà lại lảng xăng như con thoi, rình từng bước người qua đường, chạy qua chạy về như trên mắc cửi, nhưng có lẽ tới về cô là người duy nhất trong bọn sẽ ngủ một giấc thật say, không thao thức nhớ nhung, không rạo rực bồi hồi.

Mỗi người nhìn ra đường với một nỗi riêng, làm sao biết hết?

Người đàn ông kẻ chậm rãi cuộc đời mình, so với chị, anh không phì nhiêu mà gầy guộc trong chiếc áo sơ mi, gương mặt khá thanh nhưng rắn rỏi, anh có thể là một người tình lý tưởng trong dáng điệu đợi chờ, im lặng mà đợi chờ:

- Quê ở đây, nhưng đã đi lao động từ lúc 18, ra đến Lạng Sơn rồi Hải Phòng cơ. Rồi Thanh Hóa, Đà Nẵng, Quảng nam, ngay cả Huế, làm lính, làm ruộng, làm công đủ cả. Lên rừng xuống biển đủ hết. Giờ có chân bảo vệ ở đây, nên trụ lại đây...Không muốn đi đâu nữa...Dừng lại đây!

Không đi nữa! Dừng!

Anh nói chữ "dừng" với giọng cảm xúc, tuồng như ý muốn "dừng" làm anh thêm mạnh dạn, anh nhích một chút vai về phía người yêu, nói lững lơ::

- Qua đây ngồi, sao ở hoài bên ấy?

Người đàn bà càng thẹn thù hơn, chị nhúc nhích đôi chân đang duỗi thẳng ở dưới gầm bàn, đến oằn cái ghế sang một bên, nhưng không đứng lên.

Anh liếc qua, cười nửa miệng như có vẻ không vừa ý, chép miệng nơi từng chữ một, nghe có đôi chút dọa dẫm, thách đố:

- Nếu không được... thì... lại đi nữa!

Cô bán hột vịt dầy nãy như chính mình sắp bị bỏ rơi:

- Em đã nói rồi, khổ lắm, đừng để đợi lâu quá mà. Đi mất thì khổ!

Cô nhấn cái mặt nám khô, hai tay đưa lên gãi đầu, dáng điệu khổ sở, thấy cô già hăn như một phụ nữ lỡ thời, đang tốt bụng khuyên người trẻ hơn, mà người kia cũng chẳng trẻ gì hơn, cũng đã quá lứa.

Người đàn bà không nói, đưa tay lên sửa mũ ni, bối rối, miệng lại cười mồm như đùa với tuổi của mình. Đôi má hồng hơn bên lò lửa đang khơi...

Họ vẫn ngồi như thế khi hai chị em đứng lên. Sau lưng họ, thủy triều đang mê mãi theo trăng.

Trên đường về, hai người đi bên nhau im lặng. Tay Hùng còn cầm con cá khô sắc nẻ lời mời của người đàn ông. Anh ghé miệng cắn một tí cá, nghe tất cả sự khô khan của thịt cá keo đặc và vị mặn cay xoắn trên đầu lưỡi. Anh nghĩ đến người đàn ông mỗi ngày đã nhai mấy lần con cá khô, nhai luôn cả sự nôn nóng được yêu, dồn hết mọi náo nức gần gũi người tình trong đợi chờ. Anh xúc động như vừa khám phá một chất ngọc thô sơ trong khối bê tông dày đặc đang chồng chất khắp nơi, trên các lề đường lát đá hoa cương vô lối, dấu hiệu xa xỉ của giàu sang vội vã và tân tiến nửa vời trên bến cảng này. Tưởng như mọi mạch ngầm đã bị xi măng đóng cứng trên con đường tráng nhựa ấy, ngờ đâu lạch tình vẫn còn xao xuyên đầy âm ập, bên lề đường, trong đơn sơ, trong nhỏ nhoi, trong chơn chất, nhưng đầy độ lượng như biển đào dạt sau lưng, đầy hi vọng như bàng đang đổi lá xanh trên cây... Chuyện tình của họ ra sao, khi lá đỏ hết mùa? Vẫn còn như một mong ngóng xuân thì...? Hay mùa xuân sẽ dừng lại từ đây?

**LAN CHI**

# Thôi Thua

## NHÂN VẬT

Nguyễn Văn Tốt: Nhân vật chính, ở Bà Rịa, vượt biên, trại tị nạn Nam Dương, định cư ở Đức

Chi: Thông dịch viên

Lohn: Luật sư

Thi: Con gái của Tốt

Nam: Bạn láng giềng, gần 30 tuổi, người thấp nhỏ nhắn

Maria: Nhân viên thiện nguyện của sở xã hội Đức, độc thân

Phi: *alias* Phi Lư Thu Lanh, 20 tuổi (khai gian 15 tuổi), dân Hải Phòng, đi qua ngã Moscow.

## Chương IV

### THỦ GIẢO HOẠT (tiếp theo)

Tốt hoảng hốt vụt chạy, bỏ quên luôn cô bạn bên cạnh làm cô cũng lật đật chạy theo. Anh phóng nhanh, trượt xuống mấy tầng cấp của hầm tàu điện trạm Stachus. Vừa mở cánh cửa phòng điện thoại công cộng, anh đã chụp ngay điện thoại, quay số.

Chưa kịp nghe xong tiếng “A-lô”, Tốt đã nói dồn: “Maria, Maria... ích cờ... ích cờ... hờ hờ.” Anh muốn nói chữ “giúp” tiếng Đức là *Hilfe* mà nói không ra.

Anh chợt ngẩn người bỏ rơi luôn cái điện thoại đang vang tiếng A-lô A-lô bên kia đầu giây. Mặt anh bỗng đỏ bừng khi

nhận ra, bấy lâu nay cái tiếng Đức mà anh thường sử dụng hóa ra là bằng tay, bằng chân, bằng cử động múa may, nhăn mặt, nheo mắt, chu mồm, khi muốn bày tỏ điều gì trước mặt người Đức. Bây giờ qua điện thoại, anh đỡ lười, muốn kêu cứu cô Maria là người mà anh nghĩ sốt sắng hơn ai cả trong việc can thiệp giúp cho thằng ranh Phi Lư vừa bị cảnh sát hốt đi. Thế mà ngoài hai tiếng “ích cò” (ích=tôi) anh ú ớ chẳng thốt ra được tiếng nào để báo tin cho cô. Bao nhiêu giờ học tiếng Đức đã trôi mẹ nó đi đằng nào... “Đù má ngu thật!” Anh bật lên tiếng tự chửi mình một phát. Sực nhớ ra, anh lại cầm điện thoại, vừa làm bầm, chị Chi, số của chị Chi. May, anh chưa đến nỗi ngu như chính anh chửi mình, số của chị Chi anh đã học thuộc lòng như số của cô Maria.

Điện thoại réo hồi lâu mà không có ai trả lời, anh đoán chị Chi giờ này đang ngồi trong phòng với thằng chó đang bị cảnh sát lấy cung. Quay ra với cô bạn gái, anh bỏ luôn cuộc đi dạo phố và lên tàu về trại. Về đến, anh đi thẳng đến phòng Nam, không thấy thằng loa mồm trong đó, chỉ nghe thấy tiếng ư ư từ phía bếp, anh chạy đến thấy Nam đang chiên miếng cốt-lết trên chảo, mồm ư ừ hát... *em mơ gặp...*

- Mày nghe tin gì chưa? - Anh hỏi xộc Nam.

- Tin gì mậy? - Nam thấy miếng cốt-lết ra đĩa để bên cạnh, mang ra bàn con, ngồi xuống, không nhìn Tốt.

- Thằng Phi Lư...

- Thằng Phi Lư thì làm sao? - Nam ngắt lời nhất gừng, miêng ngoạm cục thịt béo. Tốt tròn mắt nhìn Nam:

- Mẹ mày sao thế?

- Sao là sao? - Nam vặn lại, vừa cắn cái cóc vào miếng dưa chuột, vẻ mặt lạnh lùng.

Tốt định chửi thề thằng cha cà tung, nhưng chợt anh dịu lại, khi nhận ra vẻ ác cảm của Nam đối với Phi Lư, anh nhỏ giọng như tự nói với chính mình:

- Thằng Phi Lư vừa bị cảnh sát tóm gáy rồi mậy!

Nam đưa tay áo chùi miêng, giọng nhất gừng:

- Tao biết rồi. Đáng kiếp thằng chó đê. Mấy cái siêu thị ở Stachus sáng nay loạn cả lên, không thể tưởng tượng được Tốt sùng sốt:

- Mày cũng có ở đó sao?

Nam không trả lời, hỏi vặn lại:

- Biết thì sao mà không biết thì sao?

- Thằng chó mày, sao mày lại gây sự dấm dớ với tao?

Tốt đồ quạu trước thái độ lửng lơ con cá vàng của Nam.

Hắn nhếch mép cười, nheo mắt nhìn Tốt:

- Thế tao hỏi mày, làm gì mà bộ dạng mày hớt hơ hớt hải thế? Bộ thằng nhỏ đó là em hay con mày hả? Từ bao giờ mày lo bao đồng thế hả? Mày có biết nó là ai không mà mày quay như con mòng mòng vậy hả?

Tốt giương mắt nhìn Nam, không hiểu tại sao hôm nay Nam có thái độ kỳ lạ đối với một người cùng xứ, khác hẳn với thằng Nam ngày thường hay sớt sắng giúp đỡ người khác, anh nói đầu đuôi:

- Thì nó cũng như em vậy, nó bị bắt cũng tội nghiệp! Sao mày lại dấm dớ với tao?

Nam nhìn lại anh, mặt đã bớt lạnh lùng, hắn chậm rãi nói:

- Mày coi chừng đừng dính líu chi nhiều với thằng đó, kệ mẹ nó có được không? Tối hôm qua tao thấy có một đôi nam nữ ăn diện sang, đến gặp nó đấy. Thế là sáng nay thằng nhỏ đi xoáy hàng. Mày mà thò mũi vào tụi đó thì có mà đi đời.

Hắn vớ lấy chai bia nơi tủ lạnh, nốc một hơi:

- Sáng nay tao tình cờ lên Kaufhof mua vài thứ, gặp lúc thằng chó chết đang bị tụi thám tử đuổi gắt, thằng nhỏ có cánh bay cũng không lọt.

Tốt ngạc nhiên khi nghe có người lạ tìm Phi Lư ở trại.

- Có chuyện đó sao? Có mấy tên đến tìm nó hả? Ai vậy?

Nam bĩu môi:

- Mày hỏi ngu quá, tao làm sao biết được ai? Nhưng tao nghĩ có chuyện không tốt, mày coi chừng đi là vừa.

Tốt không để ý đến lời khuyên của Nam, anh nín tay áo Nam bảo đứng dậy:

- Bây giờ mày đi với tao đến gặp cô Maria được không? Chắc giờ này cô đã nghỉ trưa. Đi! Mày đi với tao.

Thằng Nam lườm Tốt, nhưng anh không từ chối, vì anh cũng đang muốn gặp cô Maria về việc ghi tên đi học thêm tiếng Đức.

...

Trong lúc ấy, tại sở cảnh sát, Phi Lư đang ngồi giữa ba người cảnh sát cùng với cô Chi, thông dịch viên. Hôm nay hắn ăn mặc thật lạ lùng: đôi giày Adidas kiểu mới nhất, quần jeans loại xịn, áo khoác bằng da cũng mới toanh, trừ đi cái đầu trọc và gương mặt thiếu ngủ, trông hắn như con nộm được khoác áo quảng cáo. Cả ba thứ cộng lại cũng lên tới hơn 500 đồng đều là những chiến lợi phẩm không tiền khoáng hậu mà Phi Lư vừa chớp trong các nhà hàng. Sáng hôm nay, thoát đầu là một sáng oanh liệt của Phi Lư. Khoảng 11 giờ, khu phố đi bộ giữa Marienplatz và Stachus đang nhộn nhịp, Phi Lư, hai tay thọc túi quần kiểu dân ăn chơi, lượn vào siêu thị thời trang lớn nhất München. Hắn vừa bước chân lên thang máy sau khi đảo một vòng ở tầng trệt, đã nghe như có rúng động từ phía những anh chàng thám tử tư đang lảng vảng ở các quầy hàng. Linh cảm thấy có gì không ổn, cả bọn đang điện thoại báo tin cho các tầng lầu nhà hàng với nhau. Nhưng Phi Lư cứ tỉnh bơ. Hắn đến quầy hàng quần jeans trước, chọn một cái quần Lewis tốt nhất, đem vào phòng thử áo. Tên thám tử tư đã đứng lăm le ở cabine thử áo đầu góc phòng, mắt lăm lăm không rời. Bỗng có một cô gái đi qua, cô đèn chen trước mặt tên thám tử hỏi nơi trưng bày hàng hiệu Hugo. Hắn quay mặt chỉ cho cô đường lên tầng hai. Chỉ trong chớp mắt, khi hắn quay mặt lại, thì Phi Lư đã nhanh nhẹn rời khỏi phòng, xuống cầu thang, mất hút.

Ra khỏi cửa tiệm thời trang, hắn đã mặc cái quần jeans mới từ hồi nào, hắn đắc chí, phấn khởi đi hai chân chữ bát, khệnh khạng lạng vào trong cửa tiệm bán giày thể thao, cửa tiệm hôm ấy đông nghịt người. Phi Lư thần nhiên đến chọn đôi giày Adidas kiểu mới nhất, hắn cởi giày, mang vào đôi giày mới, thử đi lui đi tới vài bước quanh quầy, thừa dịp các cô bán giày đang tít tít phục vụ khách, hắn mang đôi giày mới đi trót ra ngoài. Vừa hay tên thám tử tư của nhà hàng chạy xuống từ thang máy, nhưng đã quá trễ, Phi Lư đã lẫn trong đám đông người, đôi giày lấp lánh làm cho bước đi của hắn xa hoa và diêm dúa hơn, lại khiến Phi Lư như say men chiến thắng. Hắn khoa chân đi thẳng về phía Stachus, thấy máu chạy rần trong người như bị kích thích, hắn chui

xuống hầm định đi về, nhưng ma đưa lối, hắt lại quày lui đi vào tiệm Kaufhof.

Phi Lư có cảm giác rờn người khi hắt thấy những cái áo khoác da chung bày ở khu vực thời trang đàn ông. Hắt quanh quần tăn ngần rờ lui rờ tới chiếc áo da màu cứt ngựa, thấy mềm mại và ấm áp. Hắt ướm vào người, thấy vừa in, thế là Phi Lư mê tơi. Hắt thò hai tay vào hai cánh tay áo, xốc lên hắt vào người, nhìn lui nhìn tới, hắt định bước đi, nhưng chưa được vài bước thì hai tên thám tử trờ tới, hai tên này trông quen, đã lờn mặt Phi Lư nhiều lần. Chúng không nói lời nào, xốc tới định kèm tay Phi Lư hai bên. Phi Lư cũng nhanh nhẹn không kém, hắt vùng tay chạy thoát ra ngoài, nhưng vừa ra khỏi cửa tiệm, hắt đụng độ với hai người cảnh sát vừa đến kịp thời. Hóa ra khi Phi Lư vừa đặt chân vào tiệm, nhóm thám tử tư, đã được các đồng nghiệp của những cửa hàng khác loan tin, đã rần rần báo tin cho nhau khắp nơi. Lần này thì Phi Lư lọt lưới... với tang chứng rành rành đang mặc trên người... mới ác!

Trước mặt hắt, một chồng hồ sơ ngất ngưỡng. Bên cạnh hắt hai ông cảnh sát mặt mày già dặn chứ không non choẹt như lần trước đang chuẩn bị hồ sơ thẩm vấn. Ở bàn bên là bốn tên thám tử tư ngồi chờ khai tên làm nhân chứng. Phi Lư bỗng thấy lạnh trong người, hắt muốn trốn nhưng chim lồng không thể cất cao được nữa. Hắt đổi thế ngồi co ro như muốn núp, mắt nhắm nghiền không muốn nhìn ai.

Hắt giật mình khi nghe một tập hồ sơ nặng được đặt cái phịch trên bàn. Mở mắt hắt thấy bộ dạng to lớn của ông cảnh sát trưởng vừa bước vào mang theo bộ hồ sơ thứ ba. Ông nheo mắt nhìn hắt rồi quay qua chị Chi vừa được triệu đến thông dịch, báo hiệu bắt đầu. Phi Lư lúc ấy òa khóc, mếu máo:

- Chị ơi, chị giúp em với!

Cô Chi hừ một tiếng:

- Đừng nói với tôi mà nói với ông cảnh sát kia!

Cô quay mặt không nhìn Phi Lư trong lúc hắt khóc nức nở. Trong phòng lặng như tờ, mọi người như nghẹt thở vì tiếng khóc của Phi Lư. Tuồng như hắt không thể ngưng khóc, mà

càng lúc hắt càng khóc to như thể hắt đang ảm ức điều chi.  
Mọi người kiên nhẫn chờ. Phi Lư càng nức nở.

Hồi lâu bỗng hắt quay sang cô thông dịch:  
„Còn cái ví da cho mẹ em chưa lấy được! Mẹ dặn!“

Mắt cô Chi tròn trũng, miệng há hốc.

**Lan Chi**

# **GIỮA TOÀ SOẠN VÀ THÂN HỮU**

## **Cáo lỗi**

Theo dự định, chủ đề số báo kỳ này là Văn Nạn miền Bắc năm 1963 và giới thiệu bán nguyệt san MAI, tuy nhiên vì số trang dành để giới thiệu báo MAI quá nhiều, cũng như cần đất cho sáng tác mới, vì vậy chúng tôi đành tạm gác một số bài liên quan của các thân hữu cho số tới. Mong quý bạn thông cảm.

## **Cùng các tác giả có sách muốn giới thiệu:**

Nếu quý bạn có tác phẩm muốn giới thiệu xin vui lòng gửi thẳng về địa chỉ của người phụ trách là nhà văn Phạm văn Nhân. Địa chỉ đã đăng trong những số trước. Nhà văn Trần Hoài Thư không phụ trách mục này. Trân trọng.

**Anh Trần văn Nam:** xin được chia sẻ niềm vui. Sách của anh được giới thiệu ở bìa sau.  
Trân trọng.

## **THT nhắn tin :**

Trong dịp Tết vừa qua, chúng tôi đã nhận được một số thiệp Xuân chúc Tết, hỏi thăm và ưu tư về tình trạng sức khỏe của người thân chúng tôi đang nằm trong Nursing home. Ngoài ra có một số bạn còn gửi tặng những băng nhạc, những món thực phẩm khô hàu giúp chúng tôi giải quyết được một số khó khăn trong thời gian chăm sóc người khổ nạn.  
Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tấm lòng của quý bạn.  
(THT)

